

PHỔ THÔNG

TẠP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307



BỘ MỜI SỐ 16 ★ 30.7.1959

	trang số
1.— Phát triển văn hóa VN	Nguyễn-Vỹ 7—9
2.— Chuyện cũ người xưa: Vợ Trang-Tử . . .	Tân-Phong 10—15
3.— Đọc thơ Schiller	Phạm công Thiện 16—19
4.— Một đời người	Thiếu-Son 20—23
5.— Văn chương Thái-Lan	Bà J. Kasem 24—28
6.— Nhạc nặng (thơ)	Vân Khanh 29
7.— Ngày lịch-sử	Nguyễn Triệu 30—32
8.— Con chim nhỏ (chuyện ngắn quốc-tế) . . .	Vân-Son 33—36
9.— An-Giang xưa và nay	Thái văn Kiêm 37—44
10.— Thơ từ giả vợ	Minh-Kha 45—46
11.— Ba người bạn của cha tôi (bút ký) . . .	Nguyễn Thu Minh 47—52
12.— Một người Pháp làm Vua tại miền núi V. N.	Nguyễn-Vỹ 53—57

13.— Làm dáng (thơ)	Quỳnh Hoa	58
14.— Tội làm phim	Thái-thúc-Điện	59 — 63
15.— Gặp làm gì ? (truyện ngắn)	Tuyết-Hương	64 — 70
16.— Gia Chánh	Bà Thường-Lạc	71 — 72
17.— Xã giao : Trong rạp Ciné	Cô Bình-Minh	73 — 75
18.— Văn sĩ Thi sĩ tiền chiến : Nguyễn-Tuân	Nguyễn-Vỹ	76 — 79
19.— Thuyết « Thiên mệnh »	Thăm thệ Hà	80 — 83
20.— Cô gái điên (truyện dài)	Vi-huyền-Đắc	84 — 88
21.— Triệu phủ (truyện ngắn)	Vương hồng Sèn	89 — 95
22.— Đêm sâu về (thơ)	Nguyễn Vỹ	96
23.— Những người dôi mươì	Nguyễn-Thu-Minh	97 — 100
24.— Minh ơi ! Em ra ừng cử Dân-Biểu	Cô Diệu-Huyền	101 — 106
25.— Bóng thời gian (thơ)	Ngô-hữu-Bằng	107
26.— Bí thư của Tôn-Văn : Nguyễn-thái-Bạt	Thiện Sinh	108 — 109
27.— Nhân vật xuất sắc : Đào duy Từ	Phong-Cầm	110 — 113
28.— Kiên trinh (truyện dài)	Cô Vân Nga	114 — 119
29.— 4000 năm ca dao	Ba Tèo	120 — 122
30.— Đáp bạn bốn phương	Cô Bạch-Yến	123 — 129
		130

-
- ★ Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu **Cô Diệu-Huyền**
 - ★ Bản kẽm **Nguyễn-Điêu**
 - ★ Bìa Offset **Vạn-Quốc**

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-liệu trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí **PHỒ-THÔNG** » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt Nam.

PHÁT-TRIỂN VĂN-HÓA VIỆT-NAM

  HỒNG phải chuồng ngựa của Augias, và cũng không cần đến một Hercule để quét dọn với cả một giòng sông lớn.

Tòa nhà văn-học của chúng ta chưa đến nỗi quá bừa - bải như thế. Có chăng chỉ là một thiếu sót vô trách-nhiệm và vô lương-tâm đã nhóm mắt phá hoại cuộc tiến-triển của trào-lưu CHÂN VĂN-HÓA. Nhưng thiếu-sót ấy đã gieo sự hỗn-độn, vô trật-tự và vô kỷ-luật trong nền văn-ngệ nước ta, nhất là từ Hậu-chiến. Văn-học Sử của Việt-nam đã vô-phúc gặp nhiều trở-lực từ bao nhiêu thế-kỷ; lịch-sử của Tư-fưởng Việt-nam đã bị đình trệ vì bao nhiêu biến-chuyển trải qua các thời-đại, ngày nay chúng ta nhận lãnh gia-tài của một quá-khứ bi-thương, mà bù-ngùi đau-đớn. Mà tức-giận, vì kẻ có thiện-chí xây-dựng cho vững bền thêm, tô-diêm cho tốt đẹp thêm, thì bị một vài yếu-tố ngoại-cuộc làm cho cảm-hứng mai-một khá nhiều và tài năng không có điều kiện này nở đầy đủ hơn. Tức giận, vì thiếu-sót giả-danh văn-ngệ-sĩ vẫn tạo được đôi phần tình thế hỗn-độn để nháy múa cho thỏa mãn tham-vọng rẻ tiền.

Họ lợi-dụng tình-trạng thiếu trật-tự trên địa-hạt Văn-hóa, họ lợi-dụng cả danh-từ Văn-ngệ, để phô-trương một cách trơ-trẽn một mớ văn-chương không có một chút tính-chất nghệ-thuật nào, và giá-trị không có gì đảm-bảo cả. Họ vút ra giữa công-chúng một « món ăn tinh-thần » đầy chất độc, dưới một nhãn-hiệu gọt-gành để đánh lừa một số thanh-thiếu niên non-dại, cũng như các món « thuốc bò » mang nhãn-hiệu « Sinh-tổ » mà kỳ thực chỉ là những môn thuốc bị-bạc cho những tinh-thần thiếu máu.

Cho nên kẻ bàng-quang đứng ngó, cứ nhún vai mà kêu « văn-nghệ xuống dốc », nhưng họ đâu có chịu khó phân-tách các nguyên-nhân.

Khi họ thấy một số ít người nào đó, học-thức không có gì, tư-tưởng rỗng-không, cóp-nhặt một mớ sáo-ngữ điền-hình, chấp-nối một vài danh-từ « tân-kỳ » vô ý-nghĩa, rồi làm văn, thơ, in văn, thơ, rồi ra bán khắp chợ làng văn mà không ai muốn mua, không ai muốn đọc, — khi họ thấy một vài anh chàng nào đó lượm-lặt trong vài ba bộ sách cũ một mớ tài-liệu lịch-sử và văn-học, rồi cũng viết bừa-bãi thành những « bộ sách » không hồn, tự xưng là « học-giáo », — khi họ thấy một số tiểu-thuyết ra đời mà văn chẳng ra văn, một lô bài hát « tân-nhạc » và bản tường cải-lương, mà lời ru-ngũ véo-von không sao che đậy được giá-trị hạ-cấp về văn-nghệ, — Khi họ thấy trên các lề đường trong thành-phố phổ bày các loại sách rẻ tiền, thì bảo sao họ không thở ra lời nhận-xét bi-quan cho được !

Chúng ta vẫn nhận thấy thế, nhưng chính chúng ta cũng đang còn thắc - mắc trong vòng lẩn-quẩn mà hình như chưa tìm ra lối thoát.

Địa hạt Văn-học Việt-nam bề-bộn như thế, không làm sao dọn-đẹp được nếu không có những hy-sinh lớn-lao và một thiện-chí góp sức xây-dựng theo một chương-trình có quy-củ, và những nỗ-lực thường-xuyên.



AY tôi xin trình bày
cùng các thân-hữu



của Tao-đàn Việt-Nam một thí-nghiệm. Một công-tác mà chúng tôi tin tưởng sẽ có kết-quả tốt đẹp. Đây là một cố-gắng tự động phát-huy nghệ-thuật và tư-tưởng Việt-nam, theo một chủ-đích mới mà động-cơ xúc-tiến chỉ là một chút thiện-chí mà thôi. Tôi muốn nói, một tác-phong cứu-vãn đường nẻo bế tắc, mở một phương-hướng hoạt-động rộng-rãi và bền bỉ cho văn-học Việt-nam có đà xúc tiến.

Văn-học, chứ không riêng biệt văn-nghệ, vì văn-học bao quát cả các ngành Tư-tưởng phát-sinh Văn-Hóa.

Tôi xin đề-nghị xây-dựng một nòng-cốt cấu-tạo gồm những phần-tử văn-học thuần-túy, sẵn-sàng khởi-động. Không phải một cải-cách, mà là một hành-vi khiêm-tốn hơn, nhưng đầy hứa hẹn một thành công cụ-thể.

Mục-phiêu hoạt-động hoàn-toàn trên lãnh-vực văn-hóa :

✧ dọn-đẹp lại Tao-đàn Việt-Nam cho có kỹ-luật, có quy-củ, có thể-thống ;

★ Khởi-thảo gấp rút một bộ Tự-diễn Việt-nam của thế-kỷ XX ;
★ Chinh đốn lại các bộ môn Văn-học, gồm cả Văn-ngệ và học-thuật ;

★ Nâng đỡ và phát-triển mạnh-mẽ khả-năng sản-xuất của Thế-hệ Văn-học hiện-đại có chân tài và học-thức ;

★ Liên-lạc chặt chẽ với các tổ-chức Văn-hóa quốc-tế.

Năm điểm.

Năm điểm không phải là một ảo-tưởng, cũng không là một tham vọng phi-lý. Nhưng là một thực-tế hiển-nhiên, không màu-mè, không phức-tạp.

Tôi xin trình-bày rõ hơn về mục-phiếu 5 điểm của chúng tôi :

■ **DỌN-ĐẸP LẠI ĐỊA-HẠT VĂN-NGHỆ** cho có trật-tự, đề duy-trì và cứu-vãn thế-thống của Văn-học và Tư-tưởng Việt-nam, đề ngăn-cản sự bành-trướng bừa-bãi của các loại văn-chương đầu-độc và vô-kỹ-luật.

■ **KHỞI-THẢO GẤP RÚT BỘ TỰ-DIỄN VIỆT-NAM CỦA THẾ-KỶ XX** đề thống-nhứt ngôn-ngữ, hợp-thức hóa các danh-từ, giàng-giải rõ-rệt ý-nghĩa xác-đáng của Ngữ-vựng Việt-nam mới và cũ. Gom-góp đầy-đủ tất cả các tiếng nói Việt-nam của toàn-quốc về tất cả các ngành văn-học và chuyên môn.

■ **NÂNG-ĐỠ CÁC KHẢ-NĂNG SẢN-XUẤT CỦA THANH-NIÊN VĂN-NGHỆ**, đề khuyến-khích và lựa chọn các tài-năng chân-chính, đề quy-tụ một thế hệ văn-học có tài-năng thật sự, đề nâng-đỡ các cố-gắng của Trí-thức Thanh-niên sản-xuất các tác-phẩm thật có giá-trị, về tất cả các bộ-môn : Triết-học, phê-bình văn-học, kịch, nhạc, văn, thơ, lịch-sử, khoa-học, v.v..., tiêu-biểu được phong-trào phát-huy mãnh-liệt của văn-hóa và Học-thuật Việt-nam thời Hậu-chiến.

■ **LIÊN-LẠC VỚI CÁC TỔ-CHỨC VĂN HÓA QUỐC-TẾ**, đề học hỏi thêm và theo kịp trào-lưu văn-hóa tiến-bộ của Thế giới.



Chúng tôi hiện nay là một nhóm người tình-nguyên hy sinh. Chúng tôi say-sưa với một hy-vọng giống như một men rượu tuyệt-hảo lọc trong nhụy của trăm hoa.

Chúng tôi sẽ mời các bạn thử nếm một chút hương khai vị trong một ngày gần.



VỢ TRANG-TỬ?

★ TÂN PHONG



HỒI chiến-quốc
bên Tàu, ở nước
Tống có người
tên là TRANG-
CHÂU. Là một
trong những học

trò giỏi nhất của Khổng-Tử sau
trở thành một nhà Triết-học cao-
siêu lừng danh trong sử-sách, gọi
là Trang-Tử.

Một hôm Trang - Tử đi dạo
chơi, bỗng thấy bên lề đường một
người đàn-bà còn trẻ, mặc đồ
tang mà tay cầm cái quạt lớn cứ
ngồi quạt mãi một năm mồ mới
chôn. Trang-Tử đến gần hỏi :

— Nàng quạt mồ làm gì thế ?

Thiếu-phụ đáp :

— Thưa ngài, trước khi chết,
chồng em có dặn em đợi chừng
nào khô mồ, em mới được tái-giá.

Vì vậy ngày ngày em đến đây
quạt mà chồng em cho nó chóng
khô.

Trang-tử liền bảo :

— Để tôi quạt giúp với nàng cho mắt chóng khô nhé.

Người quả-phụ đưa quạt cho Trang-Tử. Ông quạt mấy cái thì mắt khô ngay.

Nàng vui mừng không xiết, liền tặng quạt cho người khách lạ để tỏ lòng biết ơn. Rồi nàng chạy mất.

Trang-Tử cầm quạt về nhà, kể chuyện cho vợ nghe, và kết luận :

— Thế mới biết đàn bà thật là bạc-bèo. Chồng chết chưa khô mắt đã lo quạt mà mau khô để đi lấy chồng.

Ông lại làm bài thơ, ngâm cho vợ nghe :

*Sinh liền cá cá thuyết ân-át,
Tử hậu nhón-nhón dục phỉến
phần.*

*Họa hổ, họa bì, nan họa cốt,
Tri nhân, tri diện, bất tri tâm!*
Xin tạm dịch ý :

*Còn sống còn nói yêu đương,
Chết rồi quạt má, hết thương
hết buồn !.*

*Về đá, khó vẽ xương hùm,
Biết người, biết mặt, biết
lòng khó thay !.*

Vợ Trang-Tử là Điền - thị, nghe thơ, liền vàng văng phản đối :

— Ông tưởng người đàn bà

nào cũng lòng lang dạ thú như con mẹ quạt mò đó sao ?

— Em chớ vội giận ! Giá sử anh chết, em có thể ở vậy mãi mãi mà được ư ?

Trang-Tử cầm quạt, quạt phất-phơ chồm râu, cười hà-hà như đã nói trúng tim đen của phụ-nữ. Điền-thị tức mình dứt cái quạt xé nát tan, và quả - quyết với chồng :

— Em xin thề rằng nếu không may chàng chết trước em, em sẽ giữ mãi tiết-ngĩa để trọn kiếp thờ chàng. Đời em chỉ yêu một lần thôi, chàng ạ.

Trang-Tử vẫn cười, làm thinh. Vài ngày sau Trang-Tử đau nặng, sắp chết. Giờ phút hấp-hối, ông dặn vợ :

— Nay chắc là ta vĩnh-biệt em ! Ta chết, chỉ ân-hận một điều là không còn chiếc quạt hôm nọ để đến khi em dùng không có. Nhưng ta dặn em khi ta chết rồi thì quàng xác ta trong quan tài được 3 tháng 10 ngày chớ đừng chôn gấp nhé.

Điền-thị khóc sụt-sùi như mưa và hứa với chồng :

— Em xin nguyện trung thành mãi-mãi với vong-linh của chàng, đừng nghĩ oan cho em !

Trang-Tử mỉm cười rồi nhắm mắt. Diên-Thị khóc la thê thảm, nằm gục trước bàn thờ chồng mà kêu gào ai-oán, nước mắt như mưa. Mặt mày tiều-tụy, nàng bỏ ngủ, bỏ ăn, thân bằng cố - hữu đến viếng thăm, thấy thế, ai cũng động lòng thương xót.

Đêm ấy, có người lạ ở đâu đến, tự xưng là học trò của Trang-Tử, đem lễ vật phúng diếu Thầy. Chàng đẹp trai, dáng người hào hoa phong nhã, lại có kẻ tiểu đồng ôm tráp theo hầu.

Vì ở xa đến, công-tử xin cho ở trọ trong nhà, chờ ngày đưa đám Tôn-sur. Ngày một ngày hai, lần la trò chuyện, Diên-Thị dần ra yêu chàng, nhưng lúc đầu còn yêu trộm nhớ thầm, chưa dám hở mòi tâm sự. Chàng chỉ đẹp trai thôi, chứ văn chương chữ nghĩa đâu được bằng thầy, Diên - Thị cũng mới biết chàng trong ít lâu, đâu đã hiểu rõ được tính tình tiều nhơn hay quân tử. Nhưng một hôm, không nén được lòng, nàng tỏ hết nỗi niềm tâm sự cho tiểu đồng nghe để nó nói lại với chàng công-tử. Hôm sau tiểu đồng thưa lại với nàng :

— Cậu em cũng cảm thương cô lắm, muốn cưới cô làm vợ.

ngắt nỗi cậu sợ có ba điều bất tiện.

Nàng vồn-vã hỏi :

— Ba điều chi bất tiện đó em ?

— Dạ thưa cô, điều thứ nhất là bàn thờ Thầy còn đặt giữa nhà, làm sao làm hôn-lễ được ? Điều thứ hai cậu em là học trò của Tôn-Sur, tài-dức kém xa Thầy, sợ e cô không yêu cậu em được bằng như Thầy chăng ? Điều thứ ba là cậu em không có sẵn tiền bạc ở đây, lấy gì mà mua sắm các lễ-vật để làm hôn-thú ?

Diên-thị vui mừng đáp :

— Không sao đâu, em ạ. Em nói lại với chàng, ta đã có cách giải-quyết được ba điều không có gì khó-khăn cả. Điều thứ nhất, ta sẽ dời bàn thờ của chồng ta ra phía phòng sau, để phòng trước ta làm lễ thành-hôn với chàng. Điều thứ hai, tuy Trang tử học rộng tài cao thật đấy, nhưng chàng xấu-xí, đâu có đẹp trai bằng cậu Công-tử của em. Ta sẽ yêu chàng nồng-nàn tha-thiết và sẽ trọn đời trọn kiếp chỉ yêu một mình chàng thôi.

Điều thứ ba, thì càng dễ hơn nữa. Ta có sẵn tiền đây để sắm đồ hôn-lễ, chàng khỏi phải lo.

Nói xong, vợ Thầy Trang-Tử

chạy vô buồng lấy mấy nén bạc đưa cho Tiểu-dồng, dặn nó trao cho chàng công-tử.

Hôn-lễ cử - hành trong vòng thân mật gia-dình, không dám cho người ngoài biết vì dù sao cũng sợ tiếng người bàng - quan chế cười. Vợ Thầy Trang-Tử thay đồ tang-chế, mặc áo cưới lờ-lợc rắc màu, vui cười hớn-hở đứng cạnh chàng trai trẻ, trước bàn thờ ông bà để làm lễ thành-hôn.

Nhưng đến giờ động phòng hoa-chúc, chàng và nàng vừa nằm xuống giường thì bỗng-dưng chàng ôm bụng kêu la quằn-quại. Nàng hoảng-hốt hỏi :

— Sao vậy anh ? Sao vậy anh ?

Chàng rên-rỉ trả lời :

— Ta có bệnh đau bụng di-truyền, mỗi lần đau có thể chết ngay được.

— Có thuốc gì trị bệnh ấy không ?

— Khó kiếm thuốc ấy lắm.

— Thuốc gì, anh nói mau. Dù khó đến đâu em cũng kiếm được.

— Thuốc ấy là cái sọ của người sống, lấy mài với rượu, uống vào khỏi ngay,

— Cái sọ của người sống thì khó kiếm thật ! Nhưng sọ người chết được không, hả anh ?

— Mới chết chưa quá ba tháng thì cũng được vậy.

Điền-Thị liền kê miệng nói nhô vào tai người thư sinh :

— Chồng em mới chết chưa đầy ba tháng. Quan tài còn quàng đề ở phía sau nhà. Em muốn bữa nấp hòm ra, lấy sọ ông vô mài với rượu để anh uống đêm nay cho hết bệnh.

Nói xong, Điền-Thị liền lấy búa đi thủng ra nhà sau, bữa hòm thầy Trang-Tử.

Không dè, nấp hòm vừa văng lên, thì Trang-Tử ở trong hòm góc đầu đứng dậy. Thầy tùm tùm cười, hỏi vợ :

— Sao nàng cạy nấp hòm ta ra ?

Điền-Thị làm bộ vui mừng, xoắn-xuýt trả lời :

— Mình chết, em khóc ngày đêm như mưa, thương mình nhớ mình, bỏ ăn bỏ ngủ. Có lẽ lòng-tiết-nghĩa trung-kiên của em động đến lòng Trời, nên Trời xui khiến đêm nay em đang nằm còn mơ tưởng đến mình thì bỗng-dưng em nghe tiếng động-dậy trong quan-tài. Em mừng quá, nghi là Trời cho mình sống lại... Vì vậy em mới mở nấp hòm ra. Dè dặt, điều em nghi là đúng thật... Mình ơi ! Em vui quá, em mừng quá...

Trang-Tử mỉm cười bảo :

— Nàng thật có chung-tình với ta, ta hết lòng cảm ơn nàng... Nhưng tại sao nàng dễ tang cho ta mà không mặc đồ tang chế, lại mặc áo cưới xinh-đẹp thế kia ?

Diễn-thị giả-bộ cò-là duyên-dáng, trả-lời :

— Mình à, cái mừng này còn mừng nào hơn nữa. Em biết mình sống lại, nên em mặc đồ đẹp để đón mình yêu-quý của em đó chứ !

Trang-Tử vẫn điềm-nhiên, hỏi tiếp :

— Sao bàn-thờ của ta lại đem nhét vào phía sau nhà ? Còn nhà trước sao trang-hoàng bài-trí như đám cưới, là nghĩa lý gì vậy ?

Diễn-thị làm thinh, cúi mặt xuống.

Trang-Tử lặng-lẽ bày tiệc rượu ra uống với bà con xóm làng. Thấy bạn bài thơ ngấm-rang :

Phu-thê bách nhưt hữu
hà ân.

Kiến liễu tân-nhân. song
cửu nhân !

Phủ đắc cái quan tào phủ
thế,

Như tha đồng đắc
phiến can phần !

Xin tạm dịch :

(Chồng vợ trăm năm yểu
mốc xơ !

Gặp người tình mới,

quên tình xưa !

Nấp hòm mới đây, bữa
phăng nấp.

Như kẻ quạt mồ đã
ráo chưa ?)

Ngâm xong bài thơ, Trang-Tử chỉ chàng công-tử lạ, và hỏi vợ :

— Người nào kia, hỏi nàng ?

Diễn-thị quay lại ngó, thì chàng thư-sinh và kẻ tiêu-dồng bỗng dưng biến mất ! Nàng hoảng-hồn, bây giờ mới biết rằng chính Trang-Tử có thuật biến hóa, đã giả vờ chết để thử lòng nàng. Chính thầy đã hóa phép ra làm chàng Thư Sinh, với dứa tiêu-dồng, để dò xét rõ tâm địa của người vợ. Diễn-Thị vì hồ thẹn với lương tâm, liền thốt cò tự-tử.

Trang-Tử chôn vợ xong, làm bài ca bất hủ sau đây :

Kham ta phủ thế sự

Hữu như hoa khạt tạ

Thê tử, ngũ tất mai,

Ngũ tử, thê tất giá.

Ngã nhược tiên tử thi,

Nhút trường đại tiểu hoa.

Diễn bị tha hơn canh.

Mã bị tha hơn khóa

Thê bị tha hơn luyến

Tử bị tha hơn ma

Suy thử đồng thường tình

Tương hận luy bất hạ.

Thế hơn tiểu ngã bất bi
thương.
Ngã tiểu thế hơn không
đoạn trường
Thế sự nhược hoàn khốc
đắc chuyền
Ngã diệc thiên thu lụy vạn
hàng !

Xin dịch ý như sau :

«Việc đời đáng chán lạ !
Hoa nở rồi tàn-tạ !
Vợ chết, ta lo chôn,
Ta chết, nàng tái giá !
Nếu ta chết trước nàng,
Thiên-hạ cười ha-hà !

Ruộng ta, người khác cấy,
Ngựa ta, người cỡi đã !
Vợ ta, người thương yêu !
Con ta, người xi-vò !
Ngắm lại chạnh tấm lòng,
Hơi dẫu khốc là-chà !
Ai cười ta chẳng thương ?
Ta cười ai dại quá !
Nếu khốc xoay lại đờ,
Nghìn năm ta khốc rả !

Trang-Từ vừa hát vừa gõ nhịp
trên châu sành, hát xong đập bô
chậu, rồi đốt nhà bỏ đi biệt-tích...

TÂN-PHONG

★ Ở ĐÂY NẤU ĂN DỖ LẠM, MÀ ĐẤT TIỀN !

Một tiệm cơm ở tỉnh nhỏ treo tấm biển quảng-cáo ở trước cửa :

« Ở đây nấu ăn dỗ lạm nhưng đất tiền ! » Mọi khách du-lịch đi qua, trông thấy, nghĩ rằng : « chắc là họ nấu ăn ngon lắm cho nên mới lịnh đất tiền. Họ rao « nấu ăn dỗ », chắc là một lối quảng cáo khéo đến thôi ».

Khách vào ăn. Quả nhiên đồ ăn thật dở. Khách nuốt không vào nhưng cũng đành phải trả đất tiền vậy !

TIỆM CÀ PHÊ

Cu-Treo (4 tuổi) nói với Cu-Bào (cũng 4 tuổi) :

— Tao chôn cái hạt này, ít bữa nó sẽ mọc lên cái cây cho cậu coi.

Cu-Bào trả lời :

— Nó hông mọc đâu, mà ư. Cái này chắc hùa trước người ta chôn ông Nội tháng Tý, mà ông có thấy nó lên đâu nè ?

BA-TÊO



Đ O C T H O S C H I L L E R

★ PHẠM - CÔNG - THIỆN

nhân, ông thường mô tả những đại ý.

Dưới đây tôi xin trình-bay cũng độc-giả một trong những bài thơ đẹp nhất và nổi tiếng nhất của SCHILLER để bạn đọc có một quan-niệm đại khái về trữ-tình của ông :

Dịch ra Việt-văn, cái hay của nguyên tác mất đi hết phần nữa. Nhưng tôi xin cố gắng tạm dịch nghĩa như dưới đây :

BAO TAY

Vua Frang ngồi trước quyết-
đầu-trưởng, nơi mà những con Sư-
tê sắp được đem ra để cứa-xé
nhau. Chung-quanh vua là những
đại nhân vật của đế quốc và ở
trên những câu-lơn cao, những

NÓI đến nền văn-học rực-
rỡ của Đức, người ta nhớ
ngay đến GOETHE và SCHIL-
LER cũng như khi nhắc đến
nền văn-học chói-lọi của Tây
ban-nha người ta nhớ đến
CERVANTES và LOPE DE VEGA.
Vây, GOETHE và SCHILLER đều
là thi-sĩ, văn-sĩ và nhà soạn
kịch vĩ-dại nhất của nước Đức.

Riêng về loại thơ trữ-tình,
nguồn thi-hứng của Schiller rất
tạo nhã và thường nhuộm màu
triết-lý. Khác hẳn GOETHE, Ông
ít phát biểu những tình-cảm cá-

phù-nhân làm thành một tràng hoa lá xinh đẹp:

Vua lấy tay ra hiệu, nơi nhốt thù dữ mở rộng ra và từ trong ấy một con Sư-tử bước ra chậm-chạp, nhìn chung-quanh một cách yên-lặng, mở miệng ngáp dài, lúc lúc cái bờm, rồi đuôi ra nằm dài xuống đất.

Vua ra hiệu lần thứ hai: một cửa khác mở, một con cọp hoang nhảy vọt ra thật mạnh. Thấy con sư-lữ, cọp gầm lên, lung-lay cái đuôi, thè lưỡi ra, đi vòng quanh sư-lữ, gầm-gầm, rồi nằm cạnh bên.

Vua ra hiệu lần nữa: hang đã thủ thả ra một lượt hai con báo. Chúng nó nhảy vọt tới con cọp một cách mãnh-liệt, cọp chụp lấy chúng nó với những móng vuốt mạnh-mẽ: sư-lữ đứng dậy gầm-gừ rồi im thin-thít và hai con báo nằm dài dưới mảnh đất khát-khao máu.

Trong lúc ấy, từ trên cửa-lơn cao ngất, một bàn tay xinh đẹp quang một cái bao tay xuống giữa cọp và sư-lữ.

Kiều-nữ vợng-tộc Kunigund quay lại hiệp-sĩ Delorges và nói bằng giọng khinh dờ: « Hiệp sĩ chàng ơi! Nếu chàng yên ta nồng-nân như chàng luôn luôn thề thốt cùng ta thì chàng hãy đi xuống lấy cái bao tay cho ta! »

Chàng hiệp-sĩ liền vội bước xuống, đi đến quyết-đấn-trường hiềm nguy một cách vừng-vàng và hùng-dũng nhặt cái bao tay lên giữa những ác thù.

Những hiệp-sĩ, những kiêu-nường đều nhìn chàng một cách ngạc-nhiên và kinh-khủng; khi chàng bình tĩnh đem cái bao tay trở về, mọi người đều ồ lên khen ngợi chàng. Kunigund rước chàng với một cái nhìn âu-yếm chứa-chan hạnh-phúc tương-lai. Nhưng chàng hiệp-sĩ ném cái bao tay vào mặt nàng và nói: « Ta chẳng cần sự đáp tạ của nàng » và chàng liền bỏ đi tức khắc. (Xem bản chính ở trang 18).

Tương cũng nên kể thêm sơ qua về tiểu-sử của SCHILLER: ông là người đồng-thời với GOETHE và cũng là bạn chí thân của bậc đệ-nhất văn-hào Đức-quốc này. SCHILLER sinh tại Marbach (Wurtemberg) vào năm 1759 và mất tại Weimar vào năm 1805. Cha ông là một thủ-thuật-gia quân-đội. Lớn lên, ông nối nghề cha, nhưng sau ông bỏ nghề ấy mà bước vào nghề viết văn.

Năm 1781, ông cho xuất-bản và trình-diễn vở-kịch cách-mạng « Die Rauber » (Những kẻ cướp). Bị trừng-phạt gắt-gao, nên

Der Handschuh.

Vor seinem Löwengarten¹
Das Kampfspiel zu erwarten,
Sah König Franz²,
Und um ihn die Großen der Krone,
Und rings auf hohem Balkone
Die Damen in schönem Kranz.
Und wie er winkt mit dem Finger,
Ausht sich der weite Zwinger,
Und hinein mit bedächtigem Schritt
Ein Löwe tritt
Und sieht sich stumm
Rings um,
Mit langem Gähnen,
Und schüttelt die Mähnen
Und streckt die Glieder,
Und legt sich nieder.

Und der König winkt wieder,
da öffnet sich behend
ein zweites Thor,
daraus rennt
mit wilhem Sprunge
ein Tiger hervor.

Wie der den Löwen erschaut
brüllt er laut,
schlägt mit dem Schweif
einen furchtbaren Reiß
und redet die Zunge,
und im Kreise schau
umgeht er den Leu⁽¹⁾,
grimmig schnurrend:
drauf streckt er sich murrend
zur Seite nieder.

Und der König winkt wieder,
Da speit das doppelt geöffnete Haus
Zwei Leoparden auf einmal aus,
Die stürzen mit mütiger Kampfbegier
Auf das Tigertier;
Das packt sie mit seinen grimminigen Kaken,
Und der Leu mit Gebrüll
Nichtet sich auf, da wird's still;
Und herum im Kreis,
Von Mordsucht heiß,
Lagern sich die grauichen Kaken.

Da fällt von des Altars Rand¹
Ein Handschuh von schöner Hand
Zwischen den Tiger und den Leu.
Mitten hinein.

Und zu Ritter Desloges, spottender Weiß
Wendet sich Fräulein Kunigund:
„Herr Ritter, ist eure Lieb' so heiß,
Wie ihr mir's schwört zu jeder Stund,
Si, so hebt mir den Handschuh auf!“
Und der Ritter, in schnellem Lauf,

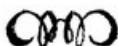
Steigt hinab in den furchtbarn Zwinger
Mit festem Schritte,
Und aus der Ungeheuer Mitte
Nimmt er den Handschuh mit festem Finger.

Und mit Erstaunen und mit Grauen
Sehen's die Ritter und Edel Frauen,
Und gelassen bringt er den Handschuh zurück.
Da schallt ihm sein Lob aus jedem Munde,
Aber mit zärtlichem Liebesblick —
Er verheißt ihm sein nahes Glück —
Umfaßt ihn Fräulein Kunigunde,
Und er wirft ihr den Handschuh in's Gesicht:
„Den Dank, Dame, begeh' ich nicht!“
Und verläßt sie zur selbigen Stunde.

ông bỏ trốn Wurtemberg và sống một cuộc đời phiêu-dạt, bần-bách cho đến ngày được công tước Charles-Albert de Weimar rước về bảo trợ. Rồi ông gặp GOETHE và dạy sử-học ở đại-học đường Iéna. Những tác-phẩm làm ông bất-tử là những vở-kịch : Die Rauber (Những tướng cướp 1781); Die Verschwörung des Fiesco zu Genua (cuộc âm mưu của Eiesque 1784). Wallenstein (1796-1799) ; Maria Stuart (1800) ; Die Braut von Messina (Vi-kôn-thê của Messine

1801-1803) : Willelm Tell (Guillaume Tell, 1804), vân-vân.

Khi ông mất, nhân-dân Đức đều mến-tiếc vô-cùng ; vì, ngoài văn-tài trác-tuyệt ra, ông là một người rất đặc nhân-tâm, tinh-tinh đều được mọi người cảm mến một cách đặc-biệt. Nữ-sĩ Pháp DE STAEL rất kính-phục đức-hạnh của Schiller, bà nói : « ông là người bạn lương hảo nhất, người cha lành nhất, người chồng tốt nhất » (Schiller était le meilleur ami, le meilleur père, le meilleur époux).



★ HÁT HAY.

Trong một tiệc trà tại nhà một Nữ sĩ 40 tuổi, góa chồng, được mời ra trình bày một bản nhạc đề giúp vui. Khi bản nhạc chấm dứt, một thanh niên nói :

— Nếu Ba tôi nghe bà hát hay như thế này thì có lẽ ông sẽ đứng trọn sự nghiệp cho bà.

— Tôi có thể gặp Ba em chứ ?

— Tôi rất tiếc là không, vì Ba tôi điếc thì làm sao mà nghe tiếng hát du-dương của bà được !

H. P.

★ DANH NGÔN

★ Kỳ thân chính, bất luận nhi hành

Kỳ thân bất chánh, tuy lệnh bất tòng.

(Người trên mà ngay chính thì không ra lệnh, lệnh cũng được thi hành. Người trên mà không ngay chính, tuy ra lệnh cũng không ai theo.)

KHÔNG-TỬ

★ Giá trị cao-cả của anh là tự nhận mình có trách-nhiệm.

SAINT-EXUPÉRY

HỘI KÝ

MỘT ĐỜI NGƯỜI

★ THIẾU SƠN

CHƯƠNG VIII

TÌM BẠN Ở THẦN KINH

(Tiếp theo P. T. số 15)

TÔI rời Hà - nội trước một tuần lễ để có ngày giờ ghé Huế thăm vài người bạn. Ông Đào-Dũng-Vỹ, Hội trưởng Hội Quảng-Trị cũng biên thư mời tôi diễn thuyết nhưng tôi đã phải từ chối vì không có ngày giờ chuẩn bị. Tôi muốn gặp ông Phan Khôi hồi đó vì hết tiền đã cho đình bản báo Sông Hương và thất nghiệp ở Huế. Tôi còn muốn gặp ông Đào-duy-Anh, nhà làm từ điển và là một học giả ở Thần kinh. Nhưng người mà tôi cần hơn hết là người bạn chí thân mà tôi chưa bao giờ gặp mặt : anh Ưng-Quả, giáo sư trường Quốc Học.

★

Tôi lấy nhà ông Phan Khôi làm trú-sở vì nhà chỉ có một mình

ông ở. Lâu lâu có người con trai lớn ông về là anh Phan-Thao. Tôi thấy cha con ít nói chuyện với nhau và ngay từ hồi đó hình như đã có xung-dột về tư-tưởng và lập-trường. Ông Phan ít đi đâu, ngày tối chỉ nằm trước bàn đèn để coi sách và suy-tưởng.

Tôi đi hoài, tối tối mới về, nằm nói chuyện với ông được ít lâu rồi ngủ mất.

Tôi lại Quan-Hải-Tùng-Thơ kiếm ông Đào-duy-Anh. Người quản-lý cho tiệm sách của ông là bà Trần-thị-Như-Mai một bạn văn-chương, một đồng-chi và cũng là người bạn đời của ông.

Ông Đào người nhỏ thó, mặt hiền-hòa, học nhiều, biết rộng và khiêm-tốn vô cùng. Ông có tư-tưởng khuynh-hướng của ông.

Hễ là người cầm bút, có chân tài, thực-học thứ nhất là có thành tâm thì đều được ông yêu mến. Trong những dịp gặp gỡ xã giao hay thân mật, ông không hay gây nên những xung đột vì tư tưởng dễ làm mất cái hòa khí của anh em. Ông làm việc siêng năng và có sức làm việc mạnh mẽ. Ông đã xuất bản được bộ Hán Việt Từ Điển và đương soạn bộ Pháp Việt Từ-Diển. Công việc bề bộn như vậy mà ông cũng bỏ ra một ngày đưa tôi đi thăm các lăng tẩm và cắt nghĩa cho tôi rất nhiều về những chuyện xưa, tích cũ ở Thần Kinh.

Ông Đào còn là người vui vẻ, dễ tính ngay thẳng và tận tâm với bạn hữu xa, gần. Ông ra được hai bộ từ điển này thật là chặt vật, từ công phu. Ông phải gởi phiếu quyền tiền trước để trang trải lần hồi tiền giấy và tiền in. Hình như số người quyền tiền trước cho ông ở Miền Nam cũng khá nhiều và ở Miền Nam ông cũng có rất nhiều tri ân và tri kỷ. Từ đây, mỗi lần ông có việc vô Nam là ông đều ghé thăm tôi và các bạn chung của chúng tôi như Thọ-Xuân, Khuông Việt, Miếu-Trai, Ngọc-Xuyến v.v.

Ngoài ông Đào-duy-Anh, tôi còn gặp nhà văn Trần-Thanh-Mại, tác-giả «Trông giòng sông Vĩ», một bạn thanh-niên văn-sĩ đương độ hăng say và có rất nhiều triển-vọng.



Liên trong mấy năm, cứ tới dịp Tết là tôi nhận được một tấn: danh-thiệp của ông Ưng-quả, giáo-sư trường Quốc-học.

Tôi gởi danh-thiệp trả lời ông rồi thư qua, từ lại chúng tôi đã thành nên đôi bạn tri-âm mà chưa người nào biết một người nào. Ông viết một bài trong phụ-trương chữ Pháp của tạp-chi Nam-Phong. Bài đó nói về một cuộc Văn-ngệ phục-hưng ở Việt-Nam, trong đó ông có nhắc tới tôi bằng những lời trọng-hậu.

Kỳ ghé Huế này tôi có biên thư cho ông hay trước nên chúng tôi đều có chuẩn-bị để gặp nhau.

Ông ở xóm Vỹ-Dạ, một xóm thanh-tĩnh. Nhà ông cũng thanh-tĩnh, và người ông cũng thanh-tĩnh. Ông, người hoàng-phái, có vẻ mặt hiền-từ, khôi-ngô, xa-xăm và trâm-mặc. Ông có những cử-chỉ khoan-thai, lời nói chậm rãi làm cho người ta có cảm-tưởng rằng ông đã suy-nghĩ chín-chắn rồi mới mở-miệng nói ra. Nghe các bạn nói ông học giỏi lắm, từ tiểu học tới Đại-Học luôn luôn ông đứng đầu lớp. Ông ít viết nhưng là một người tài-hoa, rất sành về âm-nhạc và văn-chương. Ông ít bạn nhưng người nào được làm bạn của ông thì ông đối-xử tận-tình và châu-đáo. Tôi tới thăm ông vào dịp có lễ Nam-giao. Tôi quên không xin giấy phép vào coi thì ông đã nhớ xin giấy phép cho tôi kịp trước giờ hành-lễ. Ông đưa tôi đến thăm nhà văn Từ-

Ngọc tức giáo-sư Nguyễn-Lân, bạn đồng-nghiệp của ông. Chúng tôi coi nhau như những bạn cố giao và đã sống bên nhau những giờ phút say sưa tình bạn và duyên văn.

Từ ngày gặp mặt ở Thần kinh, chúng tôi hiểu biết nhau hơn, thương yêu nhau hơn và lo lắng cho nhau một cách thực tế hơn. Tôi thấy anh người xanh xao, ốm yếu, biết anh chưa vơi lòng sầu cảm đối với người bạn trăm năm đã sớm cùng anh vĩnh biệt nên thành thật khuyên anh nên chăm sóc đến sức khoẻ và tích cực đề tâm vào sự nghiệp văn chương để khuấy khỏa nỗi lòng thiên cô hận. Anh có hứa với tôi và sau có biên thơ cho tôi những lời tâm sự như sau :

« Tôi gầy yếu nhưng xem
« chừng không có định gì tìm
« tang và trầm trọng đáng ai
« ngại về sau. Nếu tôi biết sửa
« sang cuộc đời của tôi lại một
« tí, bớt hút thuốc lá, bớt mê
« ca đờn thì có thể trở nên
« mạnh khoẻ được. Chắc không
« phải vì một đau thương ỉn
« dập trong tâm hồn mà thân
« thể hóa ra tiêu tụy. Tôi vẫn
« có những nỗi nhớ thương
« trong lòng như bạn trăm năm
« của tôi đã mất sớm, người
« mà tôi yêu quý nhất trên đời,
« nhưng thời gian cũng đã phủ
« ầy cho tôi được nhiều và tôi
« đã trở lại bình tĩnh, sống
« với con, với tất cả người yêu
« trong hạnh phúc. Và đối với

• tôi, cuộc đời sáng lạn, bao la
« và huyền bí, khi nào tôi cũng
« đầy đầy hy vọng, giữ hoàn
« toàn một quan niệm lạc
« quan... »

Cũng trong thơ đó, thơ đề ngày 6-5-1939, anh còn có những lời này về tình bạn của chúng tôi :

« Chúng ta chỉ mới bắt đầu
« quen nhau, nhưng tình yêu
« đương của anh, lòng kính mến
« của tôi, như đã gắn bó chúng
« ta từ đây không thể rời nhau
« được nữa. Hôm qua, ngẫu
« nhiên ở trường tôi nói về
« Nguyễn Khuyến và Dương
« Khuê, nhắc lại câu :

« Tao-phùng như tức-duyên •
của cụ Yên-Đồ mà cảm thấy
cái nghĩa chân-thật hiền-nhiên
của nó... »

Ở anh Ung-Qua không có cái gì là hời-hợt, là mới miêng. Mỗi lời nói của anh là ở tự lòng nói ra. Song những lời như thế lần lần thưa bớt rồi bớt luôn, tôi không còn được nghe nữa từ ngày có những biến-cố dồn-dập xảy tới cho đất nước và tâm-hồn. Sau nghe nói anh được bổ-nhậm làm Giám-Đốc Học-Chánh miền-Trung rồi sau lại nghe nói anh từ-trần vào khoảng năm 1951, 52 gì đó. Lúc ấy, tôi đương kháng-chiến ở miền Tây Nam-Bộ. Có một chiến-hữu trong giới tri-thức hỏi tôi : « Bỏ của anh đã từ-trần, anh có cảm-trưởng ra sao ? » Tôi xin thú-thật rằng hồi đó lòng tôi không mấy xúc-

động và tình tôi đối với anh Ung-Quả cũng phai lạt bộn-bàng. Có lẽ tôi cho rằng bởi anh không đi kháng chiến, bởi anh còn ở lại làm việc trong vùng kiểm soát của Tây mà tôi đã bắt công với bạn. Bây giờ tôi hỏi tưởng lại tôi thấy tôi đã phụ lòng bạn tôi rất nhiều. Nào chúng tôi có được ở gần nhau đâu mà biết được những biến cố xảy ra trong đời bạn ? Tôi biết đâu được những khô tâm, những thắc mắc của một nhà tri thức thiếu sức khoẻ để làm những việc theo ý mình, nhưng không thiếu lương tâm khi thấy đời mình không thẳng được định mạng. Nay bình tĩnh lại tôi đem ảnh của anh ra coi, lục thư của anh để đọc lại, đọc lại những lời khuyến khích chơn thành, những lời thiết tha gần bó, tôi mới nhớ rằng tôi đã mất một người bạn hiếm có, một người tài đức hơn tôi, tuy không để lại sự nghiệp văn chương đáng kể nhưng đã ủng hộ tôi bằng cả một tâm hồn để tôi tin được ở tôi mà giữ vững cây viết của nhà văn.



Ngày sắp rời Huế về Nam, tôi muốn ghé thăm cụ Huỳnh-thúc-Kháng mà đoán đo không biết cụ có tiếp mình không.

Các bạn xúi : « Cứ đến ». Tôi đến, đưa danh thiếp vào trước thì được cụ mời lên văn phòng của cụ ở trên lầu tòa báo Tiếng Dân. Hồi đó cụ đã trên 60. người ốm yếu, nhỏ con nhưng rần rỏi và quắc thước. Tiếng cụ sang sảng, biểu lộ một ý chí kiên ngang, một tâm hồn rộng mở để tiếp đón một thanh niên đã nói được phần nào nỗi lòng của chí sĩ.

Cụ vốn nóng tánh dễ giận thì la rầy, dễ ghét thì không thêm thấy mặt, dễ khinh thì không thêm nghe nhắc tới tên. Bởi thế nên nhiều người ghé Huế, xin vô yết kiến cụ đã bị cụ từ chối không thêm tiếp.

Tôi may mắn được cụ cho gặp mặt, được cụ ân cần ban cho những lời khuyến nhủ và khuyến khích theo đuổi nghiệp văn chương. Cụ nói : « Mình là dân mất nước. Người cầm bút sống trong hoàn-cảnh khó khăn. Nhưng nếu quên nhục mất nước thì tốt hơn là đừng viết thì hơn... »

Một cuốn sách của tôi được cụ cho đăng bài phê-bình liên-tiếp trong 3, 4 số báo « Tiếng Dân ». Ấu cũng là một ân-huệ biểu-lộ một tình thương mà tôi không thể nào quên được.

(Còn nữa)

VĂN-CHƯƠNG THÁI-LAN

★ Bà J. KASEM SIBUNRUANG

(Tiếp theo P. T. số 15)

PHRA LO, tác phẩm bằng văn xuôi có văn của một tác giả vô danh, kể chuyện một hoàng tử đẹp trai (Phra Lo) được hai công chúa nước láng giềng thương yêu. Nhưng cha của Hoàng-tử PHRA LO đã giết chết ông nội của hai công-chúa. Một hôm đi săn bắn ông Thần-Rừng « Pou Chao » xúi Hoàng-tử đuổi theo một con gà Tiên, không ngờ đuổi mãi đến vườn của hai Công-Chúa. Cả hai nàng cùng thương chàng và ba người cùng lên lút sống chung với nhau trong khu vườn ấy. Bà nội của hai công chúa biết được che người tới giết Hoàng - tử. Hai Công-Chúa nhiệt-liệt che-chở người yêu, nhưng rồi cả ba đều chết. Dưới đây xin trích mấy câu thơ của tác phẩm *Phra Lo* :

Gió ơi ! gió cuốn khắp không gian, gió hãy tìm hộ ông Hoàng - Tử của chúng tôi ! Tìm đến chàng, thổi chàng đến với chúng tôi, hỡi gió !

Sao ơi ! sao đầy-rẫy trên vòm trời, sao hãy bảo chàng về với chúng tôi !

Rọi đường cho chàng về với chúng tôi, hỡi sao, ơi sao !

V.V...



SI PRAD, con trai của ông Thầy dạy vua, và là một Thi-sỹ táo bạo, trẻ và đẹp. Một hôm một nàng cung-phủ của vua, trông thấy chàng, tỏ vẻ làm dáng với chàng. Chàng cầm mền nàng, và bảo :

Sao hai
cánh tay
nàng lại giấu
điểm hai đóa
hoa đẹp kia?

Sao hai bàn
tay nàng lại
che đậy hai
đóa hoa đẹp
trên ngực
nàng?

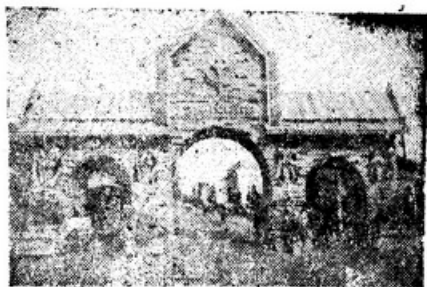
Càng dễ
người ta trông thấy ư?

Hay nàng muốn mời
ta đi theo nàng?

Cung nữ đáp :

— Ô kia, con thỏ muốn
tình tự với Mặt Trăng !
Thỏ ơi ? mi táo bạo quá !
Mi bắt chước như con
Công
Muốn bay lên mây xanh ?
Thỏ ơi, mi táo bạo quá !

(Theo điển - tích của Xiêm :
một con thỏ yêu mặt Trăng. Nó
ăn ở một nhà tu sĩ làm phép
cho nó được lên Trăng. Nhưng
trong lúc nóng nảy vội vàng, nó bị
cháy đùi vào ngọn lửa thần nó bị
cháy thối và được lên khói cuốn
xác nó đưa lên tới cung Trăng,
và nó được ở luôn trên trăng. Cho
nên bây giờ trong mặt trăng,



Một cổng chào được dựng lên để đón mừng
Vua và Hoàng-hậu

người Xiêm thấy có hình con
thỏ). Câu tục ngữ Xiêm : *con thỏ
mà yêu mặt Trăng*, có nghĩa là :
người bình dân mà yêu nàng công
chúa).

Thi-sĩ đáp lại cung-nữ :

— Vâng, ta là con thỏ
yêu mặt Trăng. Trăng xa
mù trên vòm Trời cao-tít
mắt ta chỉ trông thấy tí
mù xa. Nhưng trời muốn
mỗi loài đều có một mùa
tình ái, Nàng và ta cùng
sống trên trần-gian. Tại
sao không cùng nhau dạm
dầu. Tại sao không yêu
nhau, nàng với ta ?

Nhà vua đọc được bài thơ
này, liền bắt Thi-sĩ SI PRAD dầy
đi thật xa, vào miền phương Nam.
Tại đây, Thi-sĩ lại trao đổi ái-ân



với mấy người vợ của quan chủ-tỉnh, ông này liền đem chàng ra bãi biển để cắm đầu. Thi-sĩ liền viết trên cát một bài thơ để vĩnh-biệt nhà Vua, khởi đầu bằng hai câu :

**Ôi, Darani, Thần Đất ôi!
Người làm chứng cho ta!**

Bài thơ rất cảm-dộng. Vua Xiêm nghe truyền lại bài thơ ấy, bỗng thương nhớ Thi-sĩ, liền bắt chém viên chủ-tỉnh.

Thi-sĩ SI PRAD còn để lại nhiều bài thơ tình, trong đó có bài sau đây cảm-dộng hơn cả và được nổi tiếng nhất :

TỪ BIỆT VỢ ĐỀ ĐI CHINH-CHIẾN

Em yêu ơi, anh muốn
gởi em trên Trời,

Nhưng anh sợ Thần
Indra quyền dõ em !

Anh muốn giấu em dưới
Đất.

Nhưng anh sợ vua đào
đất, ôm em !

Anh muốn gởi em dưới
nước,

Nhưng nếu thần Naga
sờ đến em thì anh ghen
rồi anh chết mất !

Vậy anh gởi em cho ai,
cho chắc chắn hơn ?

Anh chỉ gởi em cho em
thôi, ôi em yêu ơi !

Các thể thơ khác của Văn-học
Xiêm :

— KỊCH : Inao (kịch ái tình).

— KLOM CHANG (bài hát
ca-ngợi Voi trắng)

— HÁT ĐỐI ĐÁP giữa tra-
và gái trong các lễ Nước lên.

— BÀI HÁT TÌNH YÊU
(gởi người yêu ở xa)

— HÁT RU EM.

Xin trích sau đây một bài hát
ru em làm thí-dụ (theo điển tích.
Xiêm : con tukkè, lúc nó già,
nó kêu bầy tiếng, nó há miệng ra,
con rắn nước chui vào ruột nó,
ăn gan nó, rồi con tukkè đổi
màu da, trẻ lại) :

Tukkè, mình lăm chằm,
Rắn nước da xanh-
xanh,

Nó nghiêng đầu xuống...

Con tôi không ngủ đây nè,

Tukkè, tukkè,

Tới đây,

Tới đây ăn gan nó, nghe t

3. THỜI KỲ DHONBURI

Thời kỳ này, xuất hiện một
bản hùng tráng ca, xuất xứ từ
Ấn-Độ. Bản của Ấn, tên là
RAMAYANA, Bản dịch của
Xiêm, tên là RAMAKIRTI.

Bản này cũng được truyền tụng ở Lào, gần đúng y như bản chính.

Xin trích một đoạn đầu. (Bài này vừa hát, vừa múa theo Vũ điệu Xiêm, hay Lào) :

Hồi xưa, trên núi Krai-lat, có một người đầy tớ ở hầu các vị thần. Tên chàng là Nonthouk (tiếng Ấn gọi là Nandaka). Chàng phải rửa chén các vị Thần đến cúng Thần Iswan (Ishvara). Các vị Thần cứ đánh trên đầu chàng, lâu ngày đầu chàng bị sứt. (Theo tục lệ bên Xiêm, sứt đầu là một cái nhục, bị người ta chê cười). Chàng Nonthouk tức mình đến xin Thần Iswan bày cho chàng một phép lạ để trả thù các vị Thần thường đánh trên đầu chàng. Thần Iswan cho chàng phép lạ. Mỗi khi Thần nào đánh trên đầu chàng, chàng chỉ ngón tay vào mặt Thần, thì Thần té xuống chết liền. Có một vị Thần, Narayana, biến thành một Thần - nữ, quyến rũ được Nonthouk. Chàng yêu mê thần nữ,

bắt chước điệu vũ của nàng. Nhưng khi đưa hai bàn tay ra múa như nàng, vô tình một ngón tay chỉ trúng vào mặt nàng, nàng té chết, hóa lại nguyên hình thần Narayana. Nonthouk mắng Thần sao lại dùng mưu kế không quân-tử, Narayana ân hận xin giữ vẹn hình người hai tay, còn Nonthouk được biến thành hình hộ pháp có 20 cánh tay, 10 đầu, 10 miệng...

Bản hùng-tráng ca này được dân - chúng Xiêm truyền - tụng khắp dân-gian, và được cho học trong chương-trình giáo-dục.

Cả ở Xiêm, Cao-Miến và Lào bản RAMAKIRTI được khắc trên đá trong các đền vua, được trích trong các câu hát, được dùng làm sách bói, (cũng y như truyện Kiều của Việt-Nam vậy).

4. — THỜI KỲ BANGKOK

Tác phẩm bằng Văn Xuôi :

1) SAMKOK (Tam Quốc).
Viết theo truyện Tam-quốc của Tàu.

2) RAJATHIRAJ : Truyền tích Môn-Miến điện.

3) KHUN CHANG KHUN PHEN (truyện cổ tích bình dân, một người tàn bạo, một chàng



Dân chúng xin đem hoa quả đến dâng vua

hiệp sĩ và một mỹ nữ), như sau đây :

Khun Phèn, chàng hiệp sĩ, sắp cưới nàng Phim. Nhưng nàng lại bị lọt vào mắt xanh của một kẻ tàn bạo giàu có và nhiều thế lực : Khun Chang. Chàng hiệp sĩ phải đi đánh giặc. Trong lúc vắng chàng, Khun Chang nài ép mẹ nàng Phim phải để cho y lấy nàng. Xong chiến tranh, Khun Phèn trở về thấy vậy tức giận, bỏ đi lấy vợ khác, người xứ Lào. Nhưng chàng không sao quên được người yêu cũ, tìm cách bắt cóc nàng Phim và đem nàng trốn vào rừng. Vua cho lính đi tìm bắt. Đội uyên ương ra chịu tội, vì Phim cũng đang có thai với chàng. Chàng bị bỏ tù.

Nàng Phim bị tên tàn bạo Khun Chang bắt về trước khi nàng sanh nở...

Kể tiếp bao nhiêu cuộc phiêu lưu hoạn nạn, v.v... Đứa con trai của Phim lớn lên, lại bị cha nó là chàng hiệp sĩ Khun-Phèn

bắt về. Nàng Phim cũng theo về với người yêu xưa. Khun Chang kiện lên vua. Vua xử nàng Phim tội chết chém, vì thay lòng đổi dạ.



Đại khái văn chương Thái - Lan là như thế. Về thơ thì có văn có điệu theo lối thơ Xiêm, Về nội dung thì giản-dị và cảm động, gần gũi với thiên nhiên. Tóm tắt, như trong bốn câu thơ này :

**Phuan Chung wua pai
KHA, chung MA, pai khai.
Nai nam mi PLA, nai
NA, mi khao...**

(Người dắt bò đi buôn,

Người dắt ngựa đi bán.

Trong nước có cá.

Trong ruộng có lúa.

Hoặc là :

(Ai muốn bán ngựa, bán,

Ai muốn bán voi, bán !)

**Khrai Khrai kha ma kha,
Khrai Khrai kha chang
kha !**

(Diệu-Huyền dịch)

NHẠC NẮNG

Chiều đi từng bước chân xa vắng
Gió tiều, mây đưa, lệ trắng rơi.
Nắng sâu nhạt nhạt màu tê-tái.
Hoang lạnh và trên khắp nẻo đời.
Chiều băng-khuàng....
Có ai trên đường thiên-lý.
Màu chiều ngợp óo phong-sương ?
Cho tôi nhớ chiều dĩ-vãng.
Vô-tư nhạt nắng vệ đường.
Chiều nay vỡ mộng ai cười khóc.
Tôi đã bán-khau giữa nghĩa đời.
Thường hỏi đời vui hay đáng chán.
Đời xinh hồng hay chứa vạn đau-thương ?
Và khi chiều lên,
Những buổi chiều nhạt nắng.
Những buổi chiều gợn-gợn nhớ thương,
Tôi không là cô gái ngày xưa,
Tùng ngây-ngất say sưa màu nắng lạ
Và thơ-dại đề gió căng tà áo....
Tôi đã thấy sâu dằng trong giếng mắt
Đã biết buồn nhìn bóng dáng hoàng hôn
Đã nghe đi từng bước chậm trong hồn.
Những ý sống, những mộng vàng xinh-xắn.
Tôi ước-mơ và đã mơ nhiều lắm,
Giữa buổi chiều vàng nhạt nắng lé-thé.
Tìm nao-nao đón vạn thắm tươi về.
Lòng thiếu-nữ mong ngày mai rực-rỡ.

VÂN-KHANG

(Nữ Trung học Mỹ-tho)

Ngày lịch sử

NGUYỄN TRIỆU Sưu-tầm

Tài-liệu đặc-biệt « Những ngày Lịch-sử » đăng trong « Tạp-chí Phò-Thông » đều hoàn toàn chưa in trong sách báo nào cả, từ xưa đến nay, vậy cấm các nhà viết sách, báo, hoặc là lịch, trích đăng-tải những tài-liệu này mà không có giấy phép riêng của Giám-đốc Tạp-chí Phò-Thông. Bản quyền của Tạp-chí Phò-Thông.

16

Tháng sáu, KỶ-HỢI

21 Juillet 1959

16 THÁNG SÁU, QUÝ-TY

(18 Juillet 1413)

Quân Minh sang đánh đuổi quân nhà Hồ, họ thành Hóa-châu (Huế bây giờ).

16 THÁNG SÁU, QUÝ-MÙI

(19 Juillet 1883)

Vua Tự-Đức-thăng-hà, thọ 53 tuổi.

17

Tháng sáu, KỶ-HỢI

22 Juillet 1959

17 THÁNG SÁU, QUÝ-TY

(20 Juillet 1883)

Quân Pháp thắng trận ở cửa Bắc thành Sơn-Tây, quân ta và quân Cờ đen tử trận rất nhiều.

18

Tháng sáu, KỶ-HỢI

23 Juillet 1959

18 THÁNG SÁU, NHÂM-TUẤT

(17 Juillet 1802)

Tả-quân Lê-văn- Duyệt đem quân đánh chiếm thành Thăng-Long ngoài Bắc-Hà.

19

Tháng sáu, KỶ-HỢI

24 Juillet 1959

19 THÁNG SÁU, KỶ-ĐẬU
(10 Juillet 1069)

Ngự-thuyền Vua Lý-thánh-Tôn tới cửa bể Bồ chính (tức cửa Sông gianh) có Rồng Vàng hiện lên.

20

Tháng sáu, KỶ-HỢI

25 Juillet 1959

20 THÁNG SÁU, BÌNH-NGỌ
(30 Juillet 1306)

Vua Trần Anh-Tông gả Huyền-trần công-chúa cho Chế-Bân, Vua nước Chiêm-Thành.

21

Tháng sáu, KỶ-HỢI

26 Juillet 1959

21 THÁNG SÁU NHÂM-TUẤT
(20 Juillet 1802)

Vua Gia-long ngự-giá tuần du ra Bắc-hà.

22

Tháng sáu, KỶ-HỢI

27 Juillet 1959

22 THÁNG SÁU, ẤT-MÃO
(8 Aout 1075)

Vua Nhân-tôn nhà Tống sai sứ qua các nước Chiêm-thành và Chân-lạp bảo chúng đánh Giao-chỉ.

22 THÁNG SÁU, NHÂM-TUẤT
(21 Juillet 1802)

Vua Gia-long tuần-du Bắc-Hà, ra tới thành Thăng-long,

23

Tháng sáu, KỶ-HỢI

28 Juillet 1959

23 THÁNG SÁU, NHÂM-TUẤT
(22 Juillet 1802)

Vua Gia-long xuống chiếu phủ-dụ các hào-kiệt ở Bắc-Hà.

24

Tháng sáu, KỶ-HỢI

29 Juillet 1959

24 THÁNG SÁU, CANH-TÝ

(11 Juillet 1300)

Hưng-Đạo đại-vương bị bệnh, Vua
Trần-Anh-Tôn ngự-giá tới nhà thăm.

25

Tháng sáu, KỶ-HỢI

30 Juillet 1959

25 THÁNG SÁU, BÌNH-NGỌ

(20 Juillet 1786)

Chúa Trịnh-Khải là Đuan-nam-
Vương bị quân Tây-Son đánh thua
tại bến sông Thúy-Ái.

26

Tháng sáu, KỶ-HỢI

31 Juillet 1959

26 THÁNG SÁU, BÌNH-NGỌ

(21 Juillet 1786)

Quân Tây-Son chiếm-lĩnh Phủ
Chúa Trịnh trong thành Thăng-long
và ra lệnh chiêu-an dân-chúng.

27

Tháng sáu, KỶ-HỢI

1 Aout 1959

27 THÁNG SÁU, BÌNH-NGỌ

(22 Juillet 1786)

Chúa Trịnh Khải (Đuan-Nam-
Vương) bị quân Tây-Son bắt được,
tự sát chết.

28

Tháng sáu, KỶ-HỢI

2 Aout 1959

28 THÁNG SÁU, KỶ-HỢI

(7 Aout 1839)

Thành-lũy tỉnh Kinh-Bắc, (Bắc-Ninh,
Bắc phần) tự nhiên sụp-đổ.

29

Tháng sáu, KỶ-HỢI

3 Aout 1959

29 THÁNG SÁU, ẤT-DẬU

(28 Juillet 1845)

Nhà Nguyễn cho sứ sang nước ta
tìm kiếm và hạch hỏi Vua tôi nhà Trần
về đồng-trụ Mã-Viện đời nhà Hán
nay ở đâu?

CHUYỆN NGẮN

QUỐC

TẾ

CON

chim nhỏ



VĂN-SƠN

N

ẤM ấy tôi mười bảy tuổi. Trong dịp nghỉ hè, ba tôi gửi tôi ra Vũng - Tàu vừa đề nghị mát vừa đề có dịp học hỏi thêm tiếng Anh của một ông bạn ba tôi, vì tiếng Anh của tôi còn kém lắm. Tôi cùng trọ chung với một số thanh niên bằng trạc tuổi tôi. Chúng tôi cùng giải trí bằng cách đánh quần vợt và mỗi sáng chủ nhật, sau khi đi lễ nhà thờ về thì đưa nhau đi ra bãi đề hóng gió và tắm nắng.

Tình cờ, trong những cuộc rượt quần vợt, tôi làm quen

được với Hiền. Hiền là một thiếu nữ đẹp, hiền dịu nhưng như tên nàng. Nàng ít nói nhưng hay cười, những nụ cười e ấp thật là đáng mến. Chỉ nói chuyện với nàng vài lượt, nhất định ai cũng phải mến nàng ngay, riêng tôi, chỉ mới tiếp chuyện với nàng lần đầu tôi đã thấy quý nàng lắm rồi. Dần dà, Hiền đưa tôi về nhà nàng chơi. Nhà Hiền ở cuối một chân đồi thoải thoải, mặt nhà quay thẳng ra biển, xung quanh có một rặng dương liễu thướt tha.

Lần đầu tiên đến nhà Hiền, tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy trong phòng khách treo la liệt những lồng chim đẹp đẽ và tiếng chim đua nhau hót líu lo thật vui tai. Mới nhìn tôi biết ngay là những con chim đó được chăm chút nhiều lắm vì con nào con ấy đều óng ánh, đủ màu sắc, lông mượt bóng. Đặc biệt, Hiền đặt cho mỗi con chim một cái tên riêng, nàng cho biết tính tình của mỗi con đều khác nhau. Nhìn Hiền đứng bên cạnh những lồng chim đó, tôi thầm vì nàng cũng là một con chim, một con chim biết nói, đẹp hơn tất cả mọi loài chim nào ở trên đời này. Và hơi liềm một chút, tôi đã vì ba mẹ nàng cũng là một đôi chim, phỏng là hai con chim đen, buồn thảm với những bộ lông xơ xác : Ba Hiền lạnh lùng khước chiếc áo màu đen thẫm, đôi mắt kính

nghiêm khắc gọng vàng, mẹ nàng thì lúc nào bộ mặt cũng có vẻ dăm dăm, ít khi tôi bắt gặp nửa nụ cười trên môi bà.

Hiền yêu thích những con chim xinh xắn như trẻ yêu búp bê. Nàng nghiêng nghiêng đầu nói chuyện với chúng, và bây giờ cũng nghiêng nghiêng những chiếc đầu bé nhỏ để hót trả lời nàng, những tiếng hót có vẻ nũng nịu đáng yêu lạ.

Mỗi tối, trước khi đi ngủ, bao giờ Hiền cũng mang tất cả những chiếc lồng vào phòng nàng để cho chim đỡ thấy cô độc ban đêm, những giờ phút mà tất cả động vật cũng như người ở trên trái đất này đều cần những không khí ấm áp và triu mến.

Một hôm đột nhiên Hiền buồn buồn bảo tôi :

— Anh trông kia chúng nó có vẻ buồn bã phải không anh ? Vì ngày mai là ngày chủ nhật. Chúng nó ghét ngày chủ nhật, cả em nữa em cũng ghét. Chắc anh lạ lắm nhỉ. Vâng thật đấy anh ạ, vì chủ nhật trong nhà mọi vật đều phải hoàn toàn yên tĩnh. Kể cả những con chim thân yêu kia nữa. Ngày ấy, cha em bắt em phải phủ lên những lồng chim một tấm màn dày để chim không còn trông thấy ánh sáng và khi không thấy ánh sáng thì tất nhiên chúng không hót nữa. Em thương chúng nhưng ba em nghiêm khắc lắm. Chẳng còn biết làm thế nào...

Tôi nghĩ ngợi một lúc và mắt bừng sáng vì vừa nghĩ đến một cách kỳ diệu có thể làm cho Hiền vui, cả những con chim kia nữa cũng sẽ được vui.

Rất bình tĩnh, tôi khe khẽ bảo Hiền :

— Hiền ạ, chuyện đó có thể dàn xếp được, chỉ cần một phép lạ mà những phép lạ chỉ có những ông Thánh mới có mà thôi. Có một ông Thánh rất thích loài chim, đó là ông Thánh Saint Francois d'Assise. Anh tưởng tượng rằng mỗi sáng chủ nhật ông Thánh đó, sẽ tới đây trong lúc ba, má và em còn đang đi dạo ở bờ biển sau khi dự lễ ở nhà Thờ về. Ông Thánh ấy sẽ nhẹ nhàng bỏ những tấm màn phủ trên những lồng chim ra để cho chúng ca hát suốt chừng một tiếng đồng hồ. Chừng nào ba má em sắp về ông Thánh sẽ lại phủ, những tấm màn nọ lại như cũ...

Và tôi mỉm cười ranh mãnh nói thêm, trong lúc Hiền đôi mắt tròn xoe nhìn tôi có vẻ thần phục và mừng rỡ :

— Tuy những ông Thánh ấy là những người Trời, họ cũng không thể đi xuyên qua những bức tường kiên cố này được. Vì vậy ông Thánh cũng cần có một cánh cửa sổ hé mở...

Và sáng chủ nhật đó, tôi đã vào phòng Hiền nhờ một cánh cửa sổ mà Hiền đã hé mở trước khi đi lễ nhà Thờ với ba mẹ

nàng. Như ông Thánh, tôi đã bỏ những tấm màn che trên những lồng chim ra và những con chim xinh xắn đã đồng thanh hát như cảm ơn tôi. Tôi ngồi đúng một tiếng đồng hồ trong chiếc ghế bành, không nhúc nhích. Dù biết rằng làm như thế là một hành động táo bạo, khá dai dẳng nhưng tôi vẫn tự thấy hài lòng và đắc tri.

Ba chủ nhật liền, tôi đóng vai Thánh d'Assise. Hiền biết tôi đều đến nhà nàng vào những buổi sáng ấy nhưng nàng không nói gì cả. Nàng chỉ nhìn tôi triu mến, đôi mắt lộ vẻ cảm ơn pha lẫn một chút ngượng ngùng. Có lẽ Hiền hiểu rằng nàng đã đưa tôi đến một hành động không mấy đẹp đẽ mà nàng không có can đảm tự làm lấy. Vì vậy, có một lần nàng đã nói nhỏ với tôi :

— Nếu ba biết...

Và quả như vậy, sau rồi ba nàng biết thật. Ngày chủ nhật thứ tư, tình cờ khi đi dạo mát ở bờ biển về sớm hơn mọi khi chừng nửa tiếng, ba nàng đã bắt gặp tôi trong phòng Hiền. Ông không đề ý đến những con chim đang đua nhau hát liu lo, ông chỉ trông thấy tôi đang lúng túng trong phòng con gái ông, cạnh đó trên chiếc giường mà vì buổi sáng đó đầy muện mặc quần áo đi lễ vội vàng, Hiền đã để quần áo ngũ ngón ngang trên mặt giường. Ông nổi trận lôi đình, hét om sòm. Tôi cố thanh minh rằng không hề có một hành động

hoặc một ý tưởng gì xấu xa nhưng nào ông có chịu nghe, ông hét lên hơn :

— Xéo ra, tôi cảm anh không được thò mặt đến cái nhà này nữa.

Ngay hôm sau, ông ta viết thư cho vị Giám Đốc trường tôi học, vị Giám Đốc viết thư cho cha tôi và chỉ ba hôm sau, tôi bị cha tôi triệu về. Thật oan uổng cho tôi biết là bao nhiêu.

Bảy năm sau. Tình cờ trong một buổi Dạ Hội, tôi lại được gặp Hiền. Nàng cho biết nàng đã có chồng và cha mẹ nàng đã khuất núi. Khăn khoản Hiền mời tôi về nhà dùng trà. Chồng nàng đi làm vắng. Thoạt đầu bước vào nhà nàng tôi đã cảm thấy có một cái gì là lạ. Và chỉ vài phút sau thôi, tôi đã hiểu ngay lý do đã làm tôi cảm thấy như thế. Tôi nhìn xung quanh nhà hồi nàng :

— Cô không còn nuôi những con chim xinh xắn nữa sao ?

Buồn buồn, Hiền trả lời :

— Vì chồng em không thích nuôi chim. À nhưng mà sao dạo ấy anh lại ra đi một cách thình lình mà không hề viết thư cho em biết thế ?

Tôi liền kể lại chuyện tôi là, ông Thánh và ông Thánh ấy đã bị bắt gặp như thế nào. Vừa nghe tôi kể, Hiền vừa khóc, những giọt nước mắt lộ vẻ cảm động đua nhau chảy qua hai gò má phơn phớt hồng của nàng

Tôi đoán là trước kia Hiền đã yêu tôi nhưng tôi đã lãnh đạm đối với nàng chỉ coi nàng như người em gái nhỏ. Vì vậy, nàng đã thất vọng và dần lòng đi lấy kẻ khác mà nàng không hề yêu.

Ngày nay, Hiền đã chính thức trở thành con chim nhỏ mà trên lồng đã khoác lên tấm màn phủ, nó không hót nữa. Nàng nhìn tôi run rẩy như con

chim nhỏ đứng trước giông bão. Có lẽ nàng chờ tôi xin nàng để hé một cánh cửa sổ và tôi sẽ vào bỏ tấm màn che đi, để chim lại hót như xưa.

Nhưng, nhưng... tiếc rằng tôi không thể là một ông Thánh nữa...

(Phỏng tác theo truyện

« Les oiseaux et le Dimanche-Anglais » của André Birabeau)



★ BÁC - SĨ CẦN DẶN

Một bà gọi điện thoại hỏi Bác-sĩ :

— Thưa Bác-sĩ, thằng con trai của tôi, nó hót cát và ciment, nó nuốt vô bụng. Phải làm sao bây giờ ?

Bác-sĩ trả lời :

— Không hề gì. Bà nhớ đừng cho nó uống nước là được.

★ NÓI THÁCH

Con gái một bà bán hàng nói thách, một hôm đi học. Cô giáo hỏi :

— Trò Hoa, 8 cộng với 2 là mấy ?

— Dạ, 30 ạ.

— Sao lại 30 ? 8 cộng với 2 là 10 chứ !

— Dạ thưa cô, phải nói thách để họ mặc cả thì vừa ạ.

BA - TÈO

★ DANH NGÔN

Đưa người vào chỗ thất vọng là điều nguy hại, con chuột bị nhốt vào rọ có thể trở nên nguy hiểm.

WINSTON CHURCHILL

AN - GIANG

(Long Xuyên)

XƯA và NAY



★ THÁI-VĂN-KIỆM

(Tiếp theo P. T. số 15)

DẤ nói đến Kênh-Vĩnh-Tế, tất phải nói đến KÊNH-VĨNH-AN, nối liền Tiền-giang với Hậu-giang, từ Châu-đốc đến Tân châu. Kênh này dài 17 cây số, rộng từ 15 đến 17 thước, đào trong năm 1846 - 1847; theo chương trình của Tuần-phủ Vĩnh Long là Nguyễn-tri-Phương và Đốc-Bộ Châu-Đốc là Nguyễn-công-Nhàn. Kênh Vĩnh-An, Tiền-giang và Hậu-giang hợp thành Tam-Giang trong câu ca dao :

————— ★ —————

Tiền Tam-Giang, Hậu Thất-lãnh (Thất-Sơn), ý nói là nơi linh địa của xứ Châu-Đốc vậy.

III. — DANH NHÂN LIỆT NỮ AN-GIANG

Hôm nay, khi nhắc đến công ơn các bậc tiền nhân đã khai phá xứ này, chúng tôi không quên kể lại sự nghiệp danh nhân liệt nữ An-Giang, và đồng thời đề cao những đức tính cõ-truyền của đồng bào An-Giang, thật xứng với lời phê bình chính xác của Đại-Nam Nhất-Thống-Chí : «Sĩ đôn thi thơ, dân cần canh chức. Nữ công duy Vĩnh-An ư sảo ưu, sĩ hạnh tất An-Xuyên ư sảo thắng, nhân đa hào phóng.» Nghĩa là : Kẻ sĩ chuộng thi thơ, dân siêng cấy ruộng, dệt vải. Về nữ công thì huyện Vĩnh-An tinh xảo. Về sĩ hạnh thì huyện An-Xuyên danh

GIANG SƠN VIỆT NAM

tiếng. Lại thêm nhiều người hào phóng.

Chúng ta nhận thấy những đức tính cõ-truyền của đồng bào An-Giang đã được chứng tỏ nhiều phen trong lịch sử. Trong số những danh nhân của xứ này, đáng kể nhất là ông NGUYỄN-V-N-NHÂN, người huyện Vĩnh-An, đã từng phụ tá tướng Nguyễn-văn-Trương, lập nhiều chiến công oanh liệt ở cửa biển An-Dũ và Đại-Cồ lủy (Quảng-Ngãi), sau làm Lưu thủ Gia-Định, mộ binh dề chờ tấn phát, tạo thuyền dề vận-tải quân lương, mở ruộng khuyến nông tang, được thăng *Chưởng chấn vũ quân tước quận công*. Sau được kế thay cho Nguyễn-văn-Trương giữ chức Tổng-trấn Gia-Định, điều lãnh 2 trấn Bình-Thuận, Hà-Tiên.

Người Xiêm xâm lấn Cao-Man, ông Nhân đem binh đến biên cảnh, quân Xiêm run sợ không dám động. Năm 1820, được triệu về kinh sung chức Tổng-Tài Sử-quán, rồi mất vào năm ấy, thọ 70 tuổi, tặng chức Thái-Bào, được tòng tự nơi Thái-miếu, lại được liệt tự vào miếu Trung-Hưng công thần và cấp tự điền. Năm 1831, được truy tặng Kinh môn quận công.

Ngoài ra, chúng ta cũng nên ghi nhớ những danh nhân khác như Tống - Phước - Thiêm gốc huyện Tống - Sơn (Thanh - hóa), lưu ngụ An - Giang, NGUYỄN - VĂN - BẾ, người huyện Vĩnh-An, HOÀNG PHƯỚC - BÙU, người huyện Tân-Thành, NGUYỄN - VĂN - TRỌNG, người huyện An-Xuyên, ĐOÀN - VĂN - TRƯỜNG người huyện Đông-Xuyên, NGUYỄN-VĂN-ĐÌNH và NGUYỄN-VĂN-YẾN cùng huyện An-Xuyên, hầu hết đều có lập nhiều công trạng trong khi theo vua Gia-Long khai phá Nam-Bộ và thống-nhất sơn-hà.

Sau hết là danh nhân NGUYỄN - VĂN - TUYẾN, người huyện Vĩnh-An, khi đầu trung hưng, ông theo Tả quân Lê-văn-Duyệt bình định miền sơn cước Quảng-Ngãi, d c xuất binh dân phụ-lực Thoại-ngọc-Hầu đào sông Vĩnh-Tế. Sau được cử làm Trấn-Thủ Định-Tường và Vĩnh-Thanh, lại được án cứ Châu-Độc deo quốc ấn bảo hộ Cao-Man.

Phàm địa-linh thì nhân kiệt mà liệt nữ cũng nhiều. Trong số các bậc quân thoa còn lưu danh hậu thế, đáng kể nhất là hai bà :

— DƯƠNG-THỊ-Ư, người huyện Đông - Xuyên, vợ của

Nguyễn - văn - hị, nhà nghèo, chồng bị bệnh mà chết. Có tên chủ nợ là Trương-Thời thấy thị có nhan sắc muốn cưỡng hiếp, nhưng bà nhất định cự tuyệt, sau bị tên thời ám hại. Năm Minh-Mạng thứ 10 (1829), được vua sinh thưởng.

— NGUYỄN-THỊ-DUNG, người huyện An-Xuyên nhà giàu, năm Thiệu-Trị nguyên niên (1841) nhơn có quân vụ ở biên giới, bà tự ý xuất lúa quyên trợ cho quân lính ăn uống sung túc, chung lo việc nước với nam nhi, sau được sắc tặng 4 chữ *« Lạc quyền nghĩa phụ »*.

Liệt nữ An-Giang ngày xưa thật đáng làm gương cho phụ nữ soi chung. Còn phụ-nữ An-Giang ngày nay cũng không kém phần ưu tú, nhất là về hai phương-diện mỹ thuật và thể thao.

Thật vậy, trên toàn cõi thế giới và tự cò chí kim, tôi tưởng rằng chỉ tại An-Giang mới có một ban nhạc phụ nữ chuyên dờn accordéon nghe rất mùi tai ! Và cũng chỉ tại An-Giang mới thấy xuất hiện một đội túc cầu phụ-nữ đã nhiều phen làm dân mộ điệu Saigon khao khát đợi chờ trông ngóng các bạn quần thoa biểu diễn một *« match »* coi chơi !

IV. — AN - GIANG TRÊN ĐƯỜNG CHIẾN ĐẤU CHỐNG XÂM LĂNG

Những trận túc cầu hằng mơ ước trên kia làm cho tôi liên tưởng đến một trận đấu lịch sử vô cùng oanh liệt đã xảy ra năm 1837, gọi là trận CÙ-HU. Hồi ấy, liên quân Xiêm - Mên xâm chiếm An-giang, đóng binh tại Ông-Chường và Tân - Thành, chiếm cả hữu ngạn Hậu-giang. Quân đội ta do ông CHUÔNG-BINH-LỄ và ông ĐỐC-BÌNH-VÀNG chỉ huy đã giáp chiến dữ dội với quân Xiêm-Mên tại Cù-Hu. Trong trận này, hai vị chỉ huy đã bỏ mình tại trận, nhưng quân xâm lăng đã phải rút lui có trật tự.

Đề tỏ lòng biết ơn, dân chúng An-Giang đã đặt tên hai ông cho hai cái rạch đã làm chiến trường là RẠCH ÔNG-CHUÔNG và RẠCH ĐỐC-VÀNG. (nay thuộc về Phong-thạnh, Kiến phong). Hiện nay còn có đền thờ ông Chuông binh Lễ tại Kiến An và đền thờ ông Đốc Binh Vàng tại Tân Thành.

Tinh thần bất khuất của hai vị anh hùng nói trên đã gây nhiều ảnh hưởng tốt trong đám sĩ phu và quần chúng miền Hậu Gian

Cho nên, ba mươi năm về sau, dưới thời đô hộ Pháp, họ đã hết lòng ủng hộ nhà chiến sĩ cách mạng NGUYỄN - TRUNG - TRỰC, dấy binh chống Pháp tại Tân An, đốt cháy chiếc tàu Espérance tại Nhứt Tào, đem quân về Tân Hội, Rạch Giá, đến Núi Sập, Ba Bân (Vĩnh Trạch, Long Xuyên). Khi quân Pháp đem tàu thủy đến vây bắt quân ta thì Nguyễn-trung-Trực sai đồn cây dóng cọc giữa lòng sông ở Tà Kên và Lạc Đức (thuộc làng Định Mỹ), chặn đứng các tàu Pháp, đề có đủ thì giờ rút về Rạch Giá, đánh úp một đồn Pháp trong đêm 16-6-1868. Về sau Nguyễn-trung-Trực bị cô thế phải rút về Hòn Chông. Nơi đây ông được mật chiếu của vua Tự Đức sắc phong cho ông chức Thành Thủ ủy Hà Tiên. Ông dự tính chiếm lại Hà Tiên nhưng vì thế yếu, phải chèo thuyền sang ăn năn ở Cửa Cạn (đảo Phú Quốc). Trong khi đó, bà Nguyễn trung-Trực sanh hạ trong rừng sâu một hài nhi, vì thiếu sữa bà âm con vào làng xin bú nhờ, nhưng bị Lãnh binh Huỳnh công Tấn truy tìm ráo riết, bà phải tự tử sau khi con bà chết vì thiếu sữa.

Thế cùng tân lực, Nguyễn-Trung-Trực phải quy hàng, đề

cứu lấy tàn binh bị vây khốn trong rừng sâu, không có lối thoát. Ông bị án tử hình và bị xử tại Rạch Giá ngày 27 tháng 10 năm 1868, Được tin đau đớn, vua Tự Đức liền sắc phong ông Thượng đẳng Thần, được phụng tự tại làng Vĩnh Thạnh - Vân, tức là làng sở tại Rạch Giá.

Trong số các dũng sĩ đã nương lả cờ kháng chiến của Nguyễn - Trung - Trực, có quân cơ TRẦN - VĂN - THÀNH, tức TRƯƠNG - THÀNH, tức Thanh văn Bương, rút về Bảy Thưa, tức Cây Bảy Thưa, (nay thuộc làng Tú Tề, quận Tri tôn Châu Đốc) là một vùng bùn lầy lau sậy mọc um tùm, làm phù phép và giảng đạo mới gọi là «Đạo Lành» hấp dẫn một số đông thiện nam tín nữ tấp nập kéo nhau đến xin phù phép thuốc men. Nhưng đó chỉ là một lối che mắt nhà đương cuộc. Sự thật Trương Thành lo chiêu mộ nghĩa binh, đúc súng, mài gươm quyết một phen trả thù cho Nguyễn Trung Trực. Nhưng chẳng may là ngày 19-3-1873, quân đội Pháp do sự hướng dẫn của Đốc Phủ Trần Bá Lộc; thỉnh lĩnh đến bao vây và bắn xả vào Bảy Thưa, giết chết Trương Thành và Cai Tuân Vàng ngay tại chỗ.

AN GIANG TRÊN
DƯƠNG PHỤC HUNG
KINH TẾ

Đúng với chánh sách « động vi binh, tĩnh vi nông », đồng bào An Giang trong thời loạn thì mài gươm dũa giáo, trong thời bình thì cuốc bằm cày sâu. Nhờ tinh thần và ý chí đó mà An Giang đã trở nên một miền phong phú nhất nhì ở Nam Bộ.

Có thể nói rằng An Giang là miền sản xuất nhiều thứ nếp lúa hơn nơi nào cả trên toàn cõi Việt-Nam. Riêng về nếp, có đến 6 thứ : Nếp dùm, Nếp pontia, Nếp Kramuôn, nếp móng chim, nếp ván, nếp than. Riêng về lúa gạo, lại có đến 21 thứ : Lúa giăng, lúa nàng Mệt, lúa nàng Quốc, lúa nàng Sô, lúa Parith, lúa nàng Phok, lúa ràng Dài, lúa Thơm, lúa vài vai, lúa nha prom, lúa nàng Phước, lúa cánh tể, lúa nàng Kong phluc, lúa phear Krasang, lúa contrey, lúa cà dung, lúa bắt Roté, lúa móng chim, lúa nàng sấp, lúa sậy, lúa tham đưng.

~ Phân biệt được các thứ nếp, các thứ lúa ấy là cả một bài toán tĩnh vi mà chỉ riêng có phụ nữ An Giang mới giải quyết nổi, lẽ

vì có câu ca-dao rằng :

Tôm rần bóc vỏ bỏ đuôi;

*Gạo thơm nàng Quốc em nuột
mẹ già !*

Thật là chí hiếu, chí tình không thua gì cô gái sông Hương Núi Ngự :

*Thương chồng nấu cháo le le,
Nấu canh bóng lí, nấu chè hột
sen.*

Hai cách đối xử của người dân bà miền Nam và người dân bà miền Trung, đều đáng làm cho chúng ta khâm phục cả.

Một đằng thì nhờ có đồng ruộng phì nhiêu, sông ngòi rành rít mà tôp có thừa. Một đằng thì sơn xuyên cằn tú, khí hậu tứ thời, cho nên hoa quả có dư.

Miền Hậu-giang, nam thanh nữ tú (Trai Nhân Ái, gái Long-Xuyên), thường rắp ranh bắn sê gieo cầu khi nhìn về Vàm-Nao, Châu-Đốc :

Ngó lên Châu-Đốc.

Ngó xuống Vàm-Nao,

Anh thương em ruột thất

*gan bào,
Biết em có thương lại chút
nào hay không ?*

Thiếu nữ này chưa chịu dứt khoát tư tưởng, còn đợi chờ tri-kỷ từ Gia-Định về đây, nhưng than ôi chàng công-tử Sài-

Thành không bền gan trì chí, e ngại đường xa, núi sông cách trở, nên vừa đến Vàm - Cống thì đã giống trống trâu bình:

Ngó lên Sờ-Thượng (Tĩnh Biên) mà buồn,

Muốn chắm cội rẽ ngại đường xa xuôi!

Người thiếu-nữ Hậu - giang mới hẳn lại rằng:

Bao phen qua nhẵn vớt điều:

Cù lao Ông-Chường có nhiều cá tôm.

Kể ra thì có đến 93 thứ cá, tôm, cua, còng, đang chen chúc bơi lội dưới sông sâu hồ rộng, xin kể một loạt mà xem có thiếu con nào chẳng: cá bống, cá rô, cá lóc, cá trê, cá dày tho, cá sặc diệp, cá sặc bươm, cá bả trêu, cá vược, cá chẻm, cá sù, cá duồng, (tức cá bay), cá cóc, cá cày, cá tra sọc, cá chày, cá hô, cá ngựa, cá phèn, cá lòng tong đá, cá lòng tong bay, cá he, cá mè, cá dảnh, cá ét, cá mai, cá lành tanh, cá linh, cá traو, cá rằm, cá thiêu, cá hồng vện, cá lìm kìm, cá mang giổ, cá nhái, cá chạch lấu, cá chạnh lá trẹ, cá nóc, cá nanh heo, cá ong, cá com, mồm, cá rô biển, cá tra lóp, cá tra bầu,

cá tra đầu, cá vồ dẻm, cá vồ chố, cá vồ cờ, cá tra hú, cá sọt, cá dứa, cá lăng, cá ngát, cá chốc chuột, cá chốt giầy, cá chốt bông, cá chốc sọc, cá sơn, cá út, cá đuối, cá nhám, cá lười trâu, cá bông tượng, cá bống các, cá bống mọi, cá thu ca leo, cá kết, cá trên bầu, cá ộp, cá mòi, cá rựa, cá hẹ, cá mồng gà, cá giải áo, cá còm, cá nằng hai, cá thất lát. Tôm, tép cũng không thiếu chi: tôm càng, tôm lóng, tôm lúra, tôm đất, tôm châu, tép muối, tép rong.

Ngoài ra, còn vài thứ cá nữa mà tôi không dám kể ra đây vì e ngại đôi chút như là: cá mập, cá đao, cá vược và nhất là cá sấu!

Trong các thứ cá ăn được kể ở trên kia, chúng tôi xin đặt biệt lưu ý các bạn về con cá thất lát. Con cá này ngày xưa chỉ sinh sống ở xứ Đồng - Nai, về sau vua Gia-Long thấy giống cá ăn ngon mà ngoài Trung không có nên mới ra lệnh đem một mớ cá giống từ Gia - Định về Phú - Xuân để rải rắc một nơi, về sau mang tên là CỐNG-PHÁC - LÁC. Giống cá này sinh sản mau lẹ đến nỗi ngày nay tất cả sông ngòi xứ Huế và các miền lân cận đều có cá

thất lát mà ngoài Trung gọi là cá phác lác. Con cá thất lát đã trở nên một con cá lịch sử bởi sự mạng nổi liền giải đất Nam Trung.



Trước hết, cảm tưởng của chúng tôi khi đến Long-Xuyên là được chiêm ngưỡng một thành phố xinh đẹp, được trùng tu kiến-thiết hẳn hoi, đường sá được mở rộng, công viên chạy suốt bờ sông, phô bày nhiều hoa thơm cỏ lạ, làm thành một "phương-thảo-địa", thật xứng đáng là quê hương của Phó Tổng - Thống Nguyễn-Đại-Nhân. Và sở dĩ khách du lịch bốn-phương tấp-nập về đây cũng là vì :

An-Giang cảnh trí mỹ miều,

Ta thương ta nhớ ta liêu ta di !

Thật là, cảnh đã đẹp mà người cũng xinh!

Và, có một điểm đáng chú ý hơn hết là về phương diện *khoa-học*, tỉnh An - Giang là nơi mà các nhà cổ-học đã tìm thấy một thành phố chôn vùi dưới đất từ mười mấy thế-kỷ. Đó là *thành phố Óc - Eo* ở Vọng-Thê, gần núi Ba-Thê, (cao 210m), giáp giới với tỉnh Kiên-Giang. Vọng-Thê có nghĩa là cái thang dựng lên để nhìn xa mà đào sông đắp lộ. Nơi này,

năm 1912 có đào thấy một tượng thần Visnu cao 3th35, được đem vào thờ trong đền làng Vọng-Thê. Qua năm 1943, nhà cổ học Malleret đã tìm thấy cách Vọng Thê 2 cây số, trên gò Óc Eo vết tích một thành xưa vuông vức, mỗi bề dài 1.500 thước, lại thêm nhà cửa xây dựng trên 225 mẫu. Người ta đã đào 22 chỗ và tìm thấy 12 nền móng kiến trúc xưa, rất nhiều đồ kim khí, tiền vàng, tiền đồng và huy chương, trong số đó có một huy chương mang niên hiệu 152 và tên vua La Mã Antonin Le Pieux. Ngoài ra có một số tượng Ấn Độ và bia đá khắc chữ phạn. Các nhà cổ học đoán rằng thành phố Óc Eo ngày xưa là mộ. thị trấn quốc tế của nước Phù Nam, một quốc gia rất thịnh vượng ở miền Nam bán đảo Đông Dương từ đầu kỷ nguyên đến thế kỷ thứ V. Thị trấn này ngày xưa ở cách biên 11 cây số (cũng có người cho rằng nó ở ngay bờ biển) nhưng ngày nay thì nó cách biên đến 22 cây số, vì đất Phù Sa đã bồi lấp dần dần, đến nỗi chôn vùi thành phố ấy trong trí nhớ của loài người.

Những đồ cổ đã tìm thấy tại Óc Eo gồm có 1.300 cổ vật cân nặng 1.120kg, một phần có chung bày

tại Bảo Tàng Viện Quốc Gia Saigon, và một phần lớn trưng bày tại Bảo Tàng Viện Guimet tại Ba Lê ; nhưng vừa rồi đã được chở về Saigon trả lại cho Chính Phủ ta, cả thảy 622 cổ vật. Thật là một kho tàng quý báu mà chúng ta phải bảo vệ cẩn thận vì nó là di tích của một nền văn minh tối cổ, làm cho chúng ta liên tưởng đến ba thành phố xưa cùng chung một số phận là thành Troie ở

Tiền Á Tế Á, thành Pompei và thành Herculaneum ở Ý Đại Lợi.

Thị trấn Ốc Eo cũng là một bài học cho chúng ta suy ngẫm ; nó nhắc nhở chúng ta luôn luôn xây dựng và phảỉ đấu đê khỏi bị vùi lấp hoặc xóa nhòa trên bản đồ Thế giới. Nó khuyến khích và thúc dục chúng ta trong thời bình phảỉ nỗ lực, thì mới mong non nước ấy nghìn thu.

Đã mười giờ rồi khuya mà bé Hồng vẫn chưa ngủ. Nó kêu má và nói :

— Má ơi rót cho con một tách nước.

Ở phòng bên cạnh má nó quở :

— Hồng, con hãy ngủ đi kẻo má vào đánh đòn bảy giờ.

Bé Hồng nín thinh, nhưng độ 15 phút sau nó lại nói :

— Má ơi ! chừng nào má vào đánh con, má nhớ đem vô cho con một tách nước, nghe má !

— ???

Một tác giả vô danh trẻ tuổi cho xuất bản một cuốn tiểu thuyết tâm-lý ái-tình tựa «Người đẹp bên bờ suối». Vì thiếu kinh nghiệm, vì lối hành văn không được suông sẻ và bóng bẩy nên trong số 10.000 quyền xuất bản, chỉ bán vồn vẹn được có ba cuốn.

Đề khỏi lổ lỗ, tác giả nẩy ra một ý nghĩ khá hay. Người muốn đăng trên một tờ báo Việt-ngữ : «Một nhà triệu phú muốn cưới một người vợ y như «người đẹp bên bờ suối». Kết quả mỹ mãn, sách bán chạy như tôm tươi, chỉ trong một tuần mà số sách xuất bản đã bán sạch.

Tất nhiên những thơ câu hồn gởi lại đều được bỏ vào giỏ rác !

H. P.

THƠ TỪ - GIÃ VỢ của PHAN-THANH-GIẢN

★ MINH-KHA

Ự PHAN-THANH-GIẢN là một bậc danh nho, thờ vua trải ba triều Minh Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức. Quê cụ ở Định - Tường, nay là tỉnh Bến - tre (Kiến - Hòa). Khi thi đồ Tấn sĩ, sắp về kinh tỵ chức, cụ có làm bài thơ từ giã vợ, đến nay còn nhiều người truyền tụng :

- « Từ thuở vương-mang mỗi chi
hồng,
- « Lòng này ghi tạc có non sông.
- « Đường mây, cười tở ham đong
ruồi,
- « Trưởng liễu, thương ai chịu
lạnh lòng.
- « On nước, nợ trai, đành phải
trả,
- « Cha già, nhà khó, cậy nhau
cùng.
- « Mấy lời dặn bảo cơn ly biệt,
- « Rằng nhớ, rằng quên, lòng hồi
lòng.

Ông PHAN - VĂN - HÙM, một chánh trị gia kiêm học giả lừng danh, thời tiền chiến, quê ở tỉnh Bình dương (trước đây gọi là Thủ dầu một) ông xuất thân theo Tây học, nhưng cũng có tài làm thơ nôm. Khi sắp sang Pháp du học, ông có gởi vợ, bài thơ sau đây, mà hiện nay, nhiều thôn hữu của ông còn chép giữ để làm kỷ niệm :

- « Ra đi chưa hẹn được ngày về,
- « Kinh hoặc quyền, em liệu lấy bề,
- « Trốn tuyết dầu đông, đành phận
nhận,
- « Chờ sương giữa hạ, tội thân ve,
- « Cửa nhà cũng muốn chịu đầm
ấm,
- « Non nước buồn trông cảnh nảo
nê.
- « Đại nghĩa vẫn là trên tiêu liết,
- « Chứng minh đôi trẻ, một lời
thề.

Tuy hai ông Phan cùng lấy chung một đầu đề (từ giã vợ)

và cùng chung một cảm tưởng (tình thương xót vợ khi ra đi) đã biểu lộ trong hai cặp trọng :
« *Trường liêu thương ai chịu
lạnh lòng...* (Ph. thanh Giản)

Và :

« *Chờ sương giữa hạ, tội
thân ve...* (Ph. v. Hùm)

Nhưng đọc kỹ, ta nhận thấy trong hai bài thơ có hàm súc nhiều ý nghĩ khác nhau về tư tưởng cũng như về quan niệm của tác giả đối với cuộc đời.

Cụ Phan thanh Giản sanh ở thế hệ trước, sống dưới chế độ quân chủ độc tôn, giữa lúc nước nhô còn an lạc, nên tư tưởng có phần bảo thủ, ôn hòa, đứng theo nề nếp nhô phong. Cụ đã muốn « *đền ơn nước* », « *trả nợ trai* » cho xứng đáng là một đấng nam nhi ; cụ lại cũng muốn đặt vợ trong khuôn khổ cũ, sẵn có từ ngàn xưa của nền luân lý Á-đông tức là « *thờ cha già* »

« *lo nhà khó* » bần phận của một phụ nữ khuôn mẫu. Ông Phan văn Hùm sanh ở thế hệ sau, hấp thụ nền Tây học, thấm nhuần óc dân chủ, nên tư tưởng có phần cấp tiến hơn. Chẳng may lại gặp lúc nước nhà đang quần quại dưới ách thực dân thống trị, ông đã cương quyết « *ra đi không hẹn ngày về* » và đã không ngần ngại cho vợ được « *liệu bề kinh hay quyền* » tùy ý.

Thơ ông đề « *nói lên* » tâm lòng ưu quốc, không thể ngồi nhìn « *non nước trong cảnh náo nê* » nên phải bỏ « *tiêu tiết* », để tìm « *đại nghĩa* ».

Ông không quan niệm cuộc đời như người xưa, không chịu gò mình trong một khuôn khổ chật hẹp, không vì tiết nhô mà bỏ nghĩa lớn, tức là ông đã có đầu óc cách mạng, ngay từ khi còn trẻ tuổi ; như vậy, người ta không lấy làm lạ về sự nghiệp chánh trị của ông, sau này.

Đã mấy năm thi, ịch cái rồi,
Phen này e cũng trượt đi thôi !
Luận đề ba đoạn làm không chạy
Toán học hai bài giải chẳng trôi.
Lý-Hóa lằng nhằng thêm khó nghĩ,
Văn chương rắc rối giảng không xuôi.
A ! ha ! thi cử làm chi vậy
Thi cử mà chơi đề chửi đời !
VÔ - XUÂN - BÌNH

Ba Người Bạn CỦA CHA TÔI

★ *Bút ký*

NGUYỄN THU MINH

A N bè của cha tôi rất nhiều. Trong số ấy có một người thường đến nói chuyện chính trị, một bác bán báo, một ông thầy tướng. Đó là những kẻ mà tôi nhớ mãi mỗi lần tôi nhìn lui lại quãng đời niệp thiếu của mình.

Người thường đến nói chuyện chính trị với cha tôi là ông Thái. Ông ta trạc độ 30 tuổi, về mặt lúc nào cũng không được vui. Về rượu rìa thì ông ta không đề nhưng xem tuồng như có đề bởi vì ông nhát cạo mặt. Còn về gia đình ông thì nghe đâu ông có

một người vợ đi dạy học và một đứa con mới đẻ.

Ấy là vài điều đại cương tôi được biết sơ qua về ông ta.

Răng đó anh ?

Khi nào cũng vậy, ông bước vào nhà tôi là hỏi cha tôi câu đó.

Cha tôi không trả lời mà chỉ la lên, mừng rỡ :

— A ! Anh Thái ! Mấy lúc ni thấy vắng anh. Có chi vui không ?

Ông ta trả lời :

— Chi mà vui !

Thế rồi cả hai ngồi xuống ghế. Cha tôi bảo người nhà nấu

nước và lấy trầu cau. Còn tôi, vì tò mò muốn nghe những chuyện của người lớn nên giả vờ đem vờ ra ngồi học ở gần một bên. Nhưng ác thật, vừa mới ngồi xuống cha tôi đã bảo :

— Đi lấy que lửa.

Tôi chạy vội xuống bếp, lôi chỉ từ một lè cùi thật dài, và chạy vụt lên.

Cha tôi trợn mắt mắng tôi :

— Răng lại ngu như ri !
Răng không lấy một cái que nhỏ !

Ông Thái nói :

— Thôi, con nít, anh đừng mắng hần luôn, tội.

Thế là cha tôi không trừng mắt với tôi nữa và bảo tôi đem cùi xuống bếp sau khi hai người đã thắp thuốc xong. Nếu như gặp một ông khách khác thì thế nào cha tôi cũng còn tiếp tục rầy rà tôi.

Vì vậy tôi nghiệm rằng cha tôi với ông Thái rất thân nhau.

Khi tôi đem lè cùi vất vào bếp rồi, tôi lại lên ngồi chỗ cũ giả vờ xem sách.

Tôi nghe ông Thái nói :

— Thiên hạ kêu rêu nhiều vì thuế má nặng quá. Đã thế mà bọn quan lại mục nát còn đục

khoét của cải dân nữa thì thật là... chớ má.

Rồi cha tôi nói :

— Mùa này bị mất bác ời !

Ông Thái nói :

— Thằng cha tri huyện... dâng con vợ cho lão Khâm-sứ đề, mong lên tri-phủ. Ồ ! thằng cha, ăn hối-lộ số một. Dân huyện... rên trời về hần !

Thế rồi ông Thái thở dài, cha tôi cũng thở dài.

Giữa lúc này, bác bán báo bước vô đặt trên bàn một tờ báo.

Cha tôi mời bác ngồi chơi một chút. Bác bận lắm, nhưng cũng ngồi xuống ghế. Bác bán báo độ 40 tuổi mà tóc đã bạc đến hai phần ba. Bác ta nghèo, nghèo lắm. Lần đầu mới quen biết, cha tôi có hỏi về đời sống của bác, bác trả lời :

— Chán lắm ! Gia-đình tám miệng ăn nên thiếu trước hụt sau hoài. Tôi có một bà mẹ già hiện đang đau ốm, phải thuốc thang nữa. Vợ tôi buôn bán để kiếm thêm tiền mà tiêu dụng nhưng cũng chẳng ăn thua gì hết. Ba thằng con đầu học được mấy chữ rồi cũng phải thôi nghề học.

Mấy đứa nhỏ sau thì đang còn dại... Cái tình cảnh đó, bây

giờ bác ta cũng đem kể lại cho ông Thái nghe. Ông Thái nghe xong, vẻ mặt ông ta càng thêm buồn, rồi ông lại thở dài.

Câu chuyện của bác bán báo, tôi được nghe nhiều lần lắm rồi, do chính bác ta kể.

Mỗi lần nghe bác kể là tôi bực bội vô cùng. Và tôi muốn khi lớn lên, tôi sẽ có được tài phép gì để làm cho trên đời đừng còn những buồn khổ, đau thương nữa. Tôi đã biết rằng chính vì những buồn khổ đau thương kia mà cha tôi đã thờ dai, mà ông Thái đã thờ dài vậy.

Trên đây, tôi đã nói về hai người quen của cha tôi. Giờ còn một người nữa. Ấy là ông thầy tướng. Tuổi ông ta bằng tuổi bác bán báo. Nhưng tóc ông không bạc đến hai phần ba. Trái với hai ông kia, ông thầy tướng vẻ mặt rất lạc quan. Ông ta cười luôn như một kẻ sung-sướng. Nhất là khi ông uống vào vài chén rượu thuốc thì ông thật là vui tính. Ông ngâm thơ đường, ông hát bội, ông ca trù, chơi thì đủ thứ.

Cứ mỗi lần ông bước vào nhà tôi, việc đầu tiên là hỏi cha tôi về sự làm ăn. Cha tôi sẽ trả

lời : « cũng đỡ » hay là « cũng đủ sống ! »

Ông thầy tướng sẽ cười ha ha, và nói :

— Tôi mừng lắm !

Đại để, ông thầy tướng là như vậy. Đến nhà tôi chơi là đem theo cả một sự vui nhộn đến. Nhiều khi, sự tiếp ông làm cha tôi bỏ mất công việc ăn làm ; mẹ tôi tỏ vẻ khó chịu và có hơi phân nản. Nhưng hễ ông thầy tướng vắng độ hai tháng không ghé chơi thì chính mẹ tôi lại nhắc với cha tôi :

— Bác Niên lâu chẳng thấy. Không biết bây giờ đang ngồi ngâm thơ và cười ở nhà nào ? Có bác cũng vui.

Đại để, người ta có cảm tình với bác Niên như vậy.

Một hôm, không rõ vì sự hứng thú nào đó, bác Niên nhìn vào mặt tôi bằng đôi mắt vừa quan trọng vừa khôi hài, bác ta nói :

— Thăng này tướng tốt lắm ! Sau nhất định giàu sang vô-cùng, làm quan to, lấy ba vợ và có cả thầy mười lăm đứa con.

Cha tôi nghe thế, không tỏ vẻ gì cả, riêng mẹ tôi thì hơi vui vui một chút. Bà cười, mắt hơi sáng lên ánh hy-vọng.

Bác Niên nói về tương-lai của tôi xong thì cười hà-hà. Ông ta thường thế, cười hà-hà luôn bất cứ lúc nào. Cười hà hà xong, ông lại nâng chén rượu thuốc lên môi mà uống, rồi khà ra một cái rõ thật khoái trá.

Trong lúc này, giữa sự bất ngờ của tất cả, tôi nói :

— Những điều bác nói đó là sai hết. Tôi sẽ không như vậy đâu !...

— Đừng hồn ! Cha tôi là tôi.

« Ha ha ! », ông thầy tướng cười với cái điệu cười muôn thuở của ông, rồi nói :

— Răng mi biết được là sai ?
Ha ha !.

Tôi hơi tức mà trả lời :

— Cháu biết !

Trong trí tôi bấy giờ còn nhớ câu chuyện của ông Thái, « câu chuyện thăng cha tri-huyện, hay thăng cha nào đó nữa ! ». Bọn đó là bọn làm quan đã bóc lột dân, ăn hối lộ dân, chửi dân, chuyên môn đánh bạc. Và điều ghê gớm nhất là « dâng vợ mình cho Khâm Sứ đề cầu thăng chức tước ». Ngày sau, tôi sẽ làm quan, theo như lời bác Niên nói : Tôi sẽ như thế ư ? Không, không thể làm như « chúng nó » được.

Cương quyết như vậy cho mà xem !.

Trong tâm hồn niên-thiếu của tôi, tôi ao ước rằng trên cuộc đời đừng có cái bọn bán tiện và dốn mặt sống trên sự giàu sang bằng cách dẫm lên trên những con người khác.

Tôi đã nghĩ đến bác bán báo với câu chuyện của bác, buồn như bóng tối, buồn như một vùng nước đọng ở nơi những con đường hẻm. Bảo rằng tôi sau này sẽ giàu sang ư ? Giàu sang bằng cách gì đã chứ ! (ngay cả bây giờ đã làm người lớn). Tôi thấy rằng khó mà làm giàu nếu như không chà đạp những kẻ chung quanh mình, mặc kệ những tiếng than khóc, những sự nghèo đói của thiên-hạ.

Trong tâm hồn niên thiếu của tôi, tôi cũng sợ sệt rằng ngày mai tôi sẽ phải nghèo túng. Rồi tôi sẽ kể chuyện đời tôi, khác nào bác bán báo đã kể về đời bác, âm-u như một chiều mưa gió thê-lương và thảm-dạ.

Tôi sẽ như thế nào đây đề ngày mai, khi lớn lên, tôi chẳng bị nghèo đói ? Tôi sẽ như thế nào đây đề cho trên đời không còn những bác bán báo chân chương, dăng cay vì cuộc sống tối tăm ?

Trí não con nít của tôi nghĩ rằng : cái cực khổ của bác bán báo hình như sẽ dĩ có là vì những tên chuyên môn ăn hại bóc lột dân. Đời bác bán báo có lẽ tươi đẹp khi không còn những tên bóc lột ấy nữa vậy. Cho nên tôi rất ghét những kẻ bóc lột dân. Nhưng, những kẻ bóc lột dân là ai ? Tôi chưa biết lắm. Nghe bác Thái nói về một vài «thằng cha» nào đó, thì tôi chỉ biết chừng ấy là đủ. Tôi cho rằng rồi đây, càng lớn, tôi càng biết thêm nhiều đứa nữa. Chỉ nghe nói về chúng, chưa được thấy mà đôi lần tôi tự nghiệm rằng có lẽ cái mặt chúng e khác với cái mặt của những người mà tôi yêu thương kính-mến. Cái mặt chúng nhứt định là không được hiền lành và nhất định nụ cười của chúng không tầm sao mà đẹp cho được.

Có một lần tôi nhớ rất rõ với bộ mặt ngạc nhiên mà ngấm-nghĩ (và biết đâu lại không sung-sướng) khi tôi đã trả lời, là tôi không cần chi, không ao ước chi những điều bác nói về tương lai của tôi. Bác nhìn kỹ lại khuôn mặt của tôi, lần này chẳng phải với đôi mắt một ông thầy tướng, mà là với đôi mắt của MỘT

NGƯỜI.

Bác nói với cha mẹ tôi :

— Thằng này cũng lạ !

Tôi không đồng ý về cái câu phê-bình của bác Niên về tôi. Tôi cho rằng tôi đâu có «lạ» gì, nhưng lần này tôi sợ cha tôi mắng nên tôi chỉ cãi lại bác Niên.

Bác Niên lại nói :

— Thằng này sau sợ e không được sướng.

Câu này, tôi thấy có lẽ hơi đúng. Nhưng, chỉ đúng một phần nào thôi. Bởi vì nói như bác Niên nghĩa là không tin tưởng gì cả. Không tin tưởng một ngày nào đó dân-tộc sẽ được sung sướng, không còn những kẻ tham quan bóc lột dân, làm tay sai cho bọn vua quan phong kiến và bọn đi chiếm nước ấy nữa. Và cho rằng trên đời này luôn luôn thằng cha nào đó cứ đập đầu thằng cha nào đó, thằng cha nào đó cứ chịu đê cho thằng cha nào đó đập lên đầu mình mãi mãi.

Vâng, tôi sẽ cực khổ, nhưng mà tôi cũng sẽ sung sướng. Sung-sướng khi nào dân-tộc — mọi người quanh mình — được sung sướng. (Điều này lúc nhỏ tôi tưởng là có thể thấy được khi thức dậy vào buổi sáng,

Nhưng, sau này mới biết là chẳng phải như thế — nó không là một điều mà người ta nhắc nhúm chờ đợi trong khi chẳng làm gì cả). Ba người bạn của chúng tôi đã in vào tâm trí tôi ngay từ hồi còn nhỏ, đã thôi cho tôi mau lớn, đã làm cho tôi mau già. Ba người đó đã không được sung sướng qua những cuộc đời của họ. Bác Thái, bác bán báo, người nào cũng có nỗi khổ tâm trong lòng ít có nụ cười trên môi.

Về sau này, khi tôi 13 tuổi, cha tôi mất đi thì bác Thái và bác bán báo cùng bác Niên có đến lấy mấy lạng trước quan tài. Và về sau này nữa, tôi không được gặp lại hai người trên, riêng về bác Niên thì độ mẹ tôi mất, bác có tới cầm tay tôi mà khóc rưng rức :

— Thế là con khổ lắm rồi đó ! Tuổi đang còn nhỏ mà sắp phải ra đời ! Thời thì cũng gượng đi, Rồi bác tiếp :

— Tao ở Quảng-trị, nghe mấy người quen họ nói từ ngày Tây vào chia súng trước ngực chị, đòi soát nhà thì từ ngày đó chị bị đau tim.

— Dạ.

Bên cái quan tài của mẹ tôi,

tôi nhớ mãi những lời mẹ tôi kể lại :

• Cả thầy năm thầy, đập cửa bước vào, mẹ ngàng đầu lên thì thấy năm khẩu súng chia tiếm đến trước ngực mẹ ...

Tôi thuật chuyện đó cho bác Niên nghe, bác bảo tôi là bác đã biết rồi. Bác lặng yên, lấy hương thắp trên bàn thờ mẹ tôi rồi nhìn vào chiếc ảnh người đã chết mà nói :

— Suốt đời, chị hiền lành lắm..., không làm mếch lòng ai cả. Ai cũng thương, cũng mến.

Rồi lại tiếp, lần này nói với mẹ tôi, tưởng như bà đang ngồi uống nước ở nơi bàn gần đây, đang còn sống, và đang còn cười :

— Tôi đến thăm chị đây !

Đó là lần cuối cùng tôi gặp lại bác Niên.

Vài năm trước đây, trong một buổi mai mùa Xuân, tôi nghe nhiều người quen bác Niên nói :

— Ông thầy Niên chết rồi !

Tôi không buồn làm về chuyện bác Niên chết, vì có ai mà khỏi chết, nhưng tôi buồn mà nghĩ rằng bác Niên, con người thương cười hà hà, thật ra không có gì sung sướng cả.

(Coi lại P.T. từ số 13)

Bên lề lịch-sử



một người Pháp làm Vua tại miền núi **VIỆT-NAM** (1888-1890)

★ Nguyễn.Vỹ

Ô T thanh niên,
triều phú ở
Bruxelles (kinh
Đô nước Bỉ)
tên là SOMSY
vì ham danh-
vọng nên tình

nguyện giúp Marie 1er về xứ
Mọi Sédang để mở mang bờ cõi.
Y trả hết nợ cho Vua, mượn
nguyên cả một chiếc tàu để đưa
Vua về Sài Gòn và mua sắm cả
súng ống đạn dược nữa. Marie
1er liền ký sắc lệnh phong cho
nhà triệu phú làm chức Quận
Công SÉDANG. Quận Công còn
mộ thêm năm viên sĩ quan toàn
là người Bỉ, tên là Neef, Orban,
Groetaers, Roeges và Hubin.
« Vua », Marie 1er ký sắc lệnh
phong chức một người làm
Đại tướng và mấy người kia
làm Thiếu tướng và Đại tá. Còn
những « nhân viên » cũ của
chính phủ nhà Vua như
Jupilles, đồng lý văn phòng,
quan thị vệ Mazergue, hoàng thân
Kon jéri và Hoàng hậu Marie-
Rose thì không nghe nói đến
nữa. Nhà vua và « chính phủ
cải tổ » của y xuống tàu ngày 13
tháng giêng 1890. Đó là một
chiếc tàu Đức tên là Sachsen.
Ngày 21 tháng giêng đến Port-
Saïd. Nhà vua cho lệnh tàu cập
bến, và cử ông LUDOVIC-
WERTH làm lãnh-sự vương-quốc
Sédang tại Ai-cập và thết một
bữa yến vương giả mời 23 người
dự toàn là nhân viên Chánh-phủ
Ai-Cập. Tại Port-Saïd vua còn
mộ hai người lính hầu da đen.
Ngày 31-1 nhà vua lại đãi tiệc
ưng ngày Sinh-Nhật của «Ngài».

30-3 lại đăng tin Marie Ier có ba Trung tướng và hai Đại tá sẵn sàng đồ bộ Qui-Nhon.

Viên toàn quyền Pháp ở Saigon nghe tin ấy lập tức phái một chiếc tàu chiến ra đậu tại bến Qui Nhon để sẵn sàng đối phó với tên bịp bợm ấy. Lại có nhiều xalúp và các tàu nhỏ có khi giới canh phòng dọc theo bờ bề từ Cáp đến Qui Nhon. Nhưng Marie de Mayréna bình tĩnh sống cuộc đời đế vương ở Singapore. Y cưới một người vợ Chà-Và tên là AISA, mà y ký sắc lệnh tôn làm Hoàng-hậu, y gởi thư cho vua Xiêm đề nghị cho y mượn đường sang Kountum và y chịu làm nước chư hầu cho vua Xiêm đề chống lại Pháp ở Đông Dương. Nhưng vua Xiêm không trả lời. Ở Singapore được 3 tháng không có kết quả gì lại tiền gần hết, hoàng hậu AISA bỏ trốn đi, người lính hầu da đen cũng bỏ về Ai - Cáp. Các Đại tướng, Đại - tá, Đồng lý vẫn phòng v.v... cũng đều chuẩn đi mỗi người mỗi ngã, kẻ thì buôn đồ lậu, người thì thất nghiệp đi lang thang rồi lần hồi đi làm công trong một vài nhà buôn ở Singapore và ở Xiêm. Nhưng còn một chàng lính thủy hơi điên tên là HAROLD-SCOTT như định ở lại theo hầu vua. Marie Ier phong y làm Tổng-trưởng bộ Hải quân. Y cùng với nhà vua đập tàu ra ở cù lao TIOMAN. Đây là hòn cù lao tí-xiu chỉ có vài trăm cây dừa và vài chòi lá của các thuyền

Ấn của Marie de Mayréna

trên tàu. Ngày 9 tháng 2, đến Colombo, ngày 12 tháng 2 cập bến lên Singapore. Tại đây Marie Ier đòi viên Toàn quyền Anh phải bắn 21 tiếng súng đại bác đề chào y, theo nghi lễ một quốc vương. Nhưng viên toàn quyền Anh không trả lời. Không những thế khi y thui thui một mình xuống bến, dắt theo một con chó, và đoàn tùy tùng theo sau, thì viên giám đốc hải cảng bắt y phải trả tiền thuế con chó. « Vua » và « triều đình » xuống ở khách sạn *Adelphi*. Lãnh sự Pháp lập tức đánh điện cho Toàn quyền Pháp ở Saigon biết. Ngày 19-2, biện lý Saigon ký trac bắt « tên Marie de Mayréna » về tội lừa đảo. Vì một tờ báo Hồng Kông đăng tin rằng Marie Ier có đem qua một đạo quân hùng mạnh do một viên Đại tướng chỉ huy để chiếm lại xứ mơi Sédaug. Báo *Courrier d'Haiphong* ngày



Marie De Mayréna mặc lễ phục Quốc Vương-Sédang

chải Mả Lai. Lại có một người Pháp tên là VILLEROI với một người vợ Nhứt Bồn cả hai đều ghiền thuốc phiện và trú trong một chiếc chòi lá ở cù lao này làm nơi căn cứ cho bọn buôn đồ lậu quốc tế trên đường biển Hồng-kông—Sàigòn—Singapore. MARIE DE MAYRÉNA ở đây đến ngày 11-11-1890 thì hồi 3 giờ chiều y đi vào rừng bần chim, bị một con rắn độc cắn. Y ráng bò về đến chòi thì chết. Tổng trưởng bộ Hải Quân của y là AROL-SCOTT gửi thư về Singapore báo tin ấy, mãi đến ngày 28 tháng 11 báo *Daily Press* ở Singapore mới đăng mảy dòng như sau đây : « A French gentleman named Marie de Mayréna who had taken up his residence on Pulau Tioman, died from the effects of a snake bite in November last » « Một người Pháp có nhà ở cù lao Tioman, tên là MARIE DE MAYRÉNA bị rắn cắn chết trong tháng 11. »



Chuyện này viết theo các tài liệu sau đây :

—Grand Dictionnaire Universel Larousse T. XVII, 2e Supplément (1890) :

— Maurice Soulié : Marie 1er. Roi des Sédangs (Paris 1927).

— Baille : Souvenirs d'Annam 1886-1890.

— J.B Guerlach : Mayréna, roi des Sédangs.

Ấn của « Vua Marie 1er »

— Baron Mars de Villiers du Terrage 1906 — Chap. XX : Rois sans couronne.

— La cochinchine humoristique par Marx. Paris

— Heroes in Exile : The king of the Sédangs (a true story of days that are dead in Southeasten by Clifford Ed. John murray London.

— Au pays Moi : Marquis de Barthélémy. Plon-Paris 1904.

— Un aventurier du XIX^e siècle : Marie 1er. Roi des sédangs : J. Marquet, 1927.

— Essai sur la psychologie de l'aventure de Marie 1er Roi des Sédangs. Marcel Ner Revue Indochine 3-28.



LÀM DÁNG

Sáng nay em đứng trước đài gương,
Son phấn em tô đôi má hường,
Đôi mắt trong-veo, ồ sáng nhũ,
Rồi đây em sẽ làm người thương!

Bên đường tươi thắm, ngắm người đi,
Mím miệng cười duyên, lắm kẻ si!
Tha-thướt lưng ong, đường uyển-chuyền,
Dịu-dàng em bước, giống Tây-Thì!

Em vừa làm dáng mấy hôm thôi,
Mà lắm chàng theo bên gót rồi!
Rộn-rịp bên tai câu tán-lĩnh :
« Người dân đẹp thế, hỡi người ơi! »

Em mặc những lời nói thiết-tha,
Lanh chun em bước, bước đồn xa,
Nực cười chàng ấy theo, theo mãi,
Theo đến khi em khuất tận nhà.

Em càng tran chuốt để thêm xinh,
Cho lắm chàng si phải thất tình!
Bỏ ghét những phường trông thấy gái,
Vội-vàng tán-lĩnh chuyện Ba-sinh!

QUỲNH-HOA



THÁI-THÚC-ĐIỀN

MÁY IN — CON SỐ GAMMA — LỰC ĐỘ VẬN HÀNH CỦA PHIM NGƯỢC VÀ TIẾNG CHUYÊN ÂM

(Tiếp theo P. T. số 15)

PHIM ngược rửa xong, bác thợ đưa qua phòng đo phim. Bên ta thường chỉ một người trông coi hai ba việc.

Phim thường không đều, vì đèn được mở sai, hoặc vì nhiều chỗ « trong » và « ngoài » ánh-sáng khác nhau, khi quên đo ánh-sáng. Nhiều lúc có chỗ phải cho ảo-giác đêm, sáng trắng, sương mù v.v.. Và lại cần phải cắt bỏ những đoạn xấu, chọn lọc những đoạn tốt.

Phim chạy qua một máy rọi nhỏ nối tiếp với công - tơ đo chiều dài. Căn-cứ vào công-tơ, người thợ cắt bỏ theo lời chỉ-dẫn của biên-bản do « thư-ký » ghi chép trong khi quay.

Phim lọc còn độ 1/5 hay 1/10

Nhưng cũng còn chỗ sáng chỗ tối không đều nhau. Tất cả cuộn phim phải có một mức độ ánh-sáng trung-bình : một con số. Con số ấy do một chiếc máy đo xác-định.

Nhiều khi người ta chỉ lấy mắt độ chừng theo kinh - nghiệm. Nhưng kết-quả như chúng ta đã trông thấy trên hầu hết các phim làm tại đây. Cho nên căn-cứ vào máy móc chắc ý hơn.

Đây là một chiếc đèn rọi ra một luồng ánh-sáng, ánh sáng này cảm-hứng một tế-bào điện-ảnh chỉ-huy một cây kim xoay trên một mặt tròn có ghi số từ 0 đến 3.

Nếu chúng ta lấy một khúc phim ngược, đặt một hình lên cái lỗ ti-ti của chiếc máy, chúng

ta lấy tay ấn cái cần chứa tế bào xuống sát mặt phim, thì một cây đèn sát lên, xuyên qua lỗ li-ti rơi qua phim đập ngay vào tế-bào. Ánh-sáng xuyên qua phim bị màu sắc của phim cản-trở nên sức cảm-hưởng tỷ-lệ với chất đen tối của mặt phim. Ví dụ phim đen kịt thì con số sẽ là 0, nếu phim trắng ẹt, trong veo, con số sẽ là 3. Các con số khác đi từ 0 đến 3: 0.1 0.2... 0.9...1.2.3.

Phòng thí-nghiệm luôn sẵn có những đoạn phim làm tiêu-chuẩn để so-sánh. Những đoạn phim ấy đã được đo, in từ trước, ví-dụ: với độ số gamma 1, thì phải để đèn in bao nhiêu mới đạt được số 1,7 chẳng hạn... Căn-cứ vào đoạn phim tiêu-chuẩn ấy gồm có nhiều đợt ánh-sáng khác nhau người ta định con số mở cho mỗi đoạn phim sắp đem ra in.

Ví dụ chúng ta quyết-định con số gamma của toàn-thể cuốn phim này là 1,7. Chúng ta bắt đầu đo phim ngược, ghi kỹ các con số gamma đã tìm thấy: 1,—1,5—0,9—1,2—1,8—2,—0,7—1,7 v...v... Bây giờ ta xem trong bảng số của các đoạn phim tiêu-chuẩn muốn 1 trở nên 1,7 thì phải để đèn số 3 hay 4, đoạn phim đo được 1,5 phải để 6 v.v... chúng ta ghi số đèn in phải để cho mỗi đoạn, để khi phim sống khi in xong, rửa, đem đo sẽ đều 1 con số 1,7.

Con số để đèn sẽ đem xử-dụng vào chiếc máy in.

Máy in gồm có nhiều thứ, nhưng nguyên-tắc giống nhau:

in liên-tiếp hay in từng hình một. Thứ in liên-tiếp vừa để xài in hình và tiếng, thứ in từng hình một chỉ để in hình hoặc làm xảo-thuật mà thôi.

Đại khái máy in gồm có một bộ phận chính là ổ đèn rọi mục-dịch rọi ánh sáng xuyên qua phim để cảm-hưởng phim sống (positif). Tùy theo đèn mở sáng hay tối, màu-thuần sẽ ít hay nhiều và con số gamma cuối cùng (sau khi rửa phim sống) sẽ đồng đều cho tất cả cuốn phim.

Sự thay đổi ánh-sang do những chiếc pô-tăng (potentiometre) điều chỉnh. Các chiếc pô-tăng do một bộ phận điều khiển. Bộ phận này đặt ở đầu máy cho phim băng ngang trước khi qua ổ đèn, gồm có một hòn bi được giữ nguyên chỗ bằng một chiếc lò-xo. Phim ngược sau khi đo gamma, được bấm từng khắc bên rìa phim. Mục-dịch các chiếc khắc là như thế này: Nếu rìa phim chạy trơn thì hòn bi vẫn nằm trong ổ, đến chỗ bấm, khắc hòn bi chạy ra vừa làm bật một cái công tắc, cái công tắc đó thay ánh sáng cây đèn rọi. Hòn bi chỉ nhô ra rồi lại bị rìa phim ấn vào như trước cho đến khi có một khắc khác.

Người thợ theo thứ tự của các con số đã ghi kỹ lưỡng, cứ việc vặn các pô-tăng chỉ đúng vào số đã cho, đèn sẽ mở theo con số đó.

Các con số được ghi trên một tờ giấy riêng, luôn luôn phải

định theo mỗi cuộn phim và cắt kỹ, để dùng về sau. Bao nhiêu số thì bao nhiêu khác, theo từ tự.

Vì dụ : các con số : 5..4..8..9..7..2..1..3.. thì rìa phim cũng có bấy nhiêu khác. Người thợ theo băng ghi, xoay mỗi pô-tăng theo các con số kê trên, nghĩa là cây kim của mỗi pô-tăng được xoay chỉ đúng vào số ấy. (Mỗi pô-tăng nằm trên một tấm băng riêng có ghi số từ 0 đến 10 và pô-tăng được đánh số thứ tự từ 1 đến 10. Như vậy người thợ mở pô-tăng 1 đến con số 5, pô-tăng nhì đến con số 4 pô-tăng 3 đến con số 8 v.v.v.. Xong, lắp phim. Phim lắp thuộc ăn với thuốc đi qua các suốt có gai để kéo phim. Xong, bật đèn rọi (cố nhiên các công việc đều làm trong ánh đèn lục vì phim sống không bắt màu lục). Máy chạy kéo phim kêu tót-tót đến chỗ khác vang lên tiếng « cụp » rồi chạy đều qua một cái khác khác... Nên chú ý các khác phải bấm trước chỗ thay đổi ánh sáng chừng 10 hình. Lẽ cố nhiên các con số đèn nếu quá chênh lệch thì phim sẽ bị hoặc quá lợt hoặc quá đậm trong một khoảng ngắn trước khi đèn chạy đúng ánh sáng. Sự kiện này xảy ra trong các máy in chạy liên tiếp. Còn nếu dùng máy in từng hình thì người thợ có thể cho ngưng máy trong 1 vài giây cho đèn lên đúng ánh sáng mới cho chạy lại. Tuy

nhiên trong khi máy đứng th cánh cửa sổ để lọt ánh đèn rọi ra, được đóng kín, nên cái « hình » ấy không bị ăn đen thui như trong máy in liên tiếp (mỗi khi máy bị kẹt hay ngừng bất từ.) Đó là cái lợi của máy in từng hình một).

Cánh cửa sổ cũng do một cái nút chỉ huy đi từ số 0 đến 10 nghĩa là từ nhỏ đến lớn. Càng số nhỏ thì lỗ càng lớn, số càng lớn, thì lỗ càng nhỏ.

In tiếng cũng phải đo gamma như in hình. Tuy nhiên tiếng vô tại phòng thí nghiệm chỉ cần đo 1 chỗ là đủ, mà đo đây cốt là tìm một con « số đèn » in tương đối trung bình cho cả tiếng lẫn hình và tỷ lệ với nhau cho kết quả được hoàn hảo.

In hình trước, tiếng sau. Tiếng luôn đi trước 20 hình.

Nghề in phải học chừng 3 đến 5 năm mới thành. Có những động tác không thể nói rõ ra, có trông thấy mới biết. Hiện nay, chúng ta cũng có chừng 5, 6 người thợ rửa và in khá giỏi đang phục vụ trong các hãng phim nước nhà. « Nghề dạy nghề » là phương châm của các tay thợ ấy !

Phim rửa và in xong, lại đưa qua phòng ráp nối để dọn vén cho cuộn phim thành hình. Và đây là công việc của một « Đạo diễn » âm thầm say mê xây dựng bằng những đoạn phim đã chụp xong, nối ráp làm sao cho khán giả say mê, hồi hộp, cảm

thông hay chán nản... khó chịu... và bỏ ra về vì cuộn phim không mạch lạc...

Tiếng khi quay được ghi vào băng điện từ, hay vào ngay phim sống (tốn kém hơn). Phim điện từ được cắt xén theo phim ngược (lấy những đoạn tốt, tiếng rõ v.v...)

Băng điện-từ được nối lại so với phim bản sao, trên máy Synchroniseur, xong đem vô tiếng qua phim sống bằng máy ghi tiếng lên phim. Băng tiếng ngược này được đem đi rửa và đo gamma.

Một mặt phim hình ngược sau khi cắt xén xong, so với phim tiếng ngược. Người ta có thể dùng hai bản chính này để in thành phim đem ra chiếu, xong làm như vậy rất nguy hiểm vì một lần in đến hai ba trăm cuộn gởi đi khắp nơi, thì các phim ngược chính bị chọt, vệt, đứt v.v... không ít.

Nên thường ta dùng giải pháp sau : Các phim chính (bản ngược) được đem sao lại thành pho bản (contretypes). Các pho bản là một thứ phim riêng khi phim ngược in qua vẫn giữ nguyên trạng « NGƯỢC », nghĩa là cũng một thứ phim ngược như chính bản.

Người ta đem cắt kỹ các bản chính, chỉ dùng các pho bản để in thành phim khai thác thương-mại nghĩa là đem ra chiếu. Làm như vậy nếu lỡ các pho bản có hư hao đi thì lại lấy

bản chính ra sao lại pho bản ngược khác để in...

Và lại khi đem ra sao, thường các chỗ đậm nhạt đều đo kỹ càng và sửa chữa thành ra một số đều (MỘT CON SỐ GAMMA CHUNG cho cả cuộn). Khi đem pho bản ngược ra in thành phim đem chiếu khỏi cần có vắn pò-tăng nữa, chỉ cho nó chạy có một số mà thôi, đã mau mà tiện lợi...

Đề các bạn có một ý-niệm tổng-quát về buồng tối, tôi xin phác ra dưới đây bằng lược đồ đường đi nước bước của « phim » từ khi chụp xong cho đến khi đem ra chiếu lên màn bạc :

MÁY QUAY PHIM, PHIM-NGƯỢC, RỬA, CHỌN LỰA (RUSH).

MÁY VÔ TIẾNG, PHIM ĐIỆN TỪ (magnetic), CHỌN LỰA-ĐO GAMMA, IN QUA PHIM SỐNG, RÁP NỐI : SỐ, VÔ PHIM RÁP NỐI

SỐNG, ĐO GAMMA, IN CONTRE TYPES (PHÓ - BẢN NGƯỢC).

IN CONTRE TYPES (PHÓ-BẢN NGƯỢC) - - - IN CHUNG RA PHIM ĐEM CHIẾU.

Đặc biệt là khi ráp nối, phim tiếng có thể làm thành nhiều thứ tiếng bằng cách chuyển âm. Muốn chuyển âm người ta làm thế này. Lấy từng đoạn phim ngắn (30m) mắc vào máy chiếu đi chiếu lại nhiều lần lên,

màn ảnh. Các chuyên viên sau khi đã học thuộc lòng từng câu văn đập vào ngòai trong một căn phòng kín tiếng nhìn lên màn bạc và lặp theo miệng của tài tử. Lễ cổ nhiên là máy chiếu được đặt ở ngoài cho tiếng khỏi vang vào phòng. Trong phòng chỉ đặt một chiếc máy vi-âm, các chuyên-viên phải im-lặng, nói cho đúng giọng không những phải ăn khớp với miệng của tài tử mà còn phải ăn khớp với tình cảm của tài tử vào lúc đó. Tiếng được ghi vào băng điện tử. Cứ thâu xong lại phát ra đồng thời với phim, cho đến khi thấy ăn rập với nhau là được.

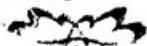
Dùng chuyên-âm không những đề phiên ra tiếng nước khác, lại còn đề vô tiếng cho những đoạn phim không thể lấy tiếng trực tiếp được (như quay ở chợ, chỗ đông ồn ào v.v...). Phương-pháp này lại còn dùng đề khuếch-trương thị-trường. Ví dụ phim Việt-Nam làm thêm một bản tiếng

Lào hay Cao-Miền (versions) đề cuốn phim có thể đem lên Lào hay Cao-Miền chiếu.

Lễ dĩ-nhiên là khi dịch người dịch-viên phải đề ý đến động-tác của môi miệng của tài-tử, ví dụ : Ngộ tả nị có thể « dịch » là Ông đã mầy... Maman : Má ơi Má !... Je t'aime. Này, em. Đây là những ví dụ tạm đề các bạn có một ý-niệm thể-thời thực ra động tác phát-âm rất rắc-rối mỗi nước phát-âm mỗi khác tuy nhiên có những chữ mà đồng-tác môi miệng gần như nhau. Dịch đề chuyên-âm không phải dịch không mà còn phải dịch thế nào đề cho khi nói ăn-khớp với miệng tài-tử.

Ngoài vấn-đề ăn khớp miệng, lại còn vấn-đề tiếng nói, lựa chọn sao cho đúng, hợp vai tuồng, con nít, ông già, bà cụ, cô nương... Trong các chuyên-viên chuyên-âm nước nhà tôi công nhận có cô L.C. rất đáng tán - thưởng, và chỉ có phim N.V.D.S.D. khả-dĩ xem được !

(Còn-nữa)



* CỤ NGUYÊN-DU NÓI TIẾNG PHÁP *

— Anh ạ, tác-giả truyện Kiều tinh-thông Hán-học đã đành, nhưng điều lạ, là cụ lại nói được cả tiếng Pháp nữa.

— Anh nói thế có gì àm bằng chứng không ?

— Sao lạ không ? Tôi luôn luôn « nói có sách, mách có chứng » này, anh nghe đây :

« Sông Tương một gái nông-sờ... »

và « Tuyết in sắc ngựa cu-dòn... »

« Nông sờ » (Non, m on sieur) và « cu dòn » (Cochon) không phải là tiếng Pháp hay sao ?

TRUYỆN - NGẮN



★ TUYẾT HƯƠNG

CÓ? không! Có? Không!...
Mỗi tiếng bước chân lại vang trong trí óc tôi một dấu hỏi. Tôi có cảm tưởng mình là người lính lên đường ra mặt trận. Mỗi bước tiến gần chiến trường lại tự hỏi mình sẽ sống hay chết?

Mình có đến chỗ hẹn chăng? Tôi bằng lòng đổi mớ tóc óng à của tôi để được biết điều đó. Một Phút thấp thỏm giữa chữ có và

không sao ghê gớm thế! Tôi bị dẫn ra pháp trường còn dễ chịu hơn. Bởi vì tôi được biết mình sẽ chết.

Chưa bao giờ Minh sai hẹn. Bao giờ chàng cũng đến sớm hơn. Có khi sớm hơn cả một giờ đề mà... trách tôi sai hẹn, đề mà bảo tôi là đàn-bà. Minh tin rằng đàn bà nào cũng chậm chạp rề-rề. Nhưng lần này thì khác. Minh đã bảo sẽ không gặp tôi nữa. Liệu chàng có giữ lời chăng? Có thể lắm. Minh có nhiều tính tốt cũng như tính xấu. Chàng nhiều tự ái cũng như lòng vị tha.

Ai biết được chàng sẽ đề lý trí hay cảm tình chăng?

Mình hay giận dỗi cái kinh. Tôi bảo chàng xấu tính, chàng lại bảo tại tôi lùng khùng, không chịu trả lời dứt khoát, cứ đề chàng khổ sở giữa hy vọng và thất vọng.

Giữa hy vọng và thất vọng thì làm sao mà khổ sở? Lúc này tôi mới cảm thấy nỗi khổ tâm của Minh có lẽ giống như tôi thấp thỏm giữa chữ có và không. Vậy mà chàng phải chịu sống trong tình trạng ấy gần ba năm trời! Tôi chỉ làm

khô chàng vì hoàn cảnh, liệu chàng còn cố chấp chăng ?

Trả lời dứt khoát làm sao ? Tôi chỉ có thể hứa lấy Minh nếu gia đình thỏa thuận. Điều đó cần phải thông thả, từ từ. Khi mọi người đã có quan niệm gia đình chồng của tôi phải tương đương với gia đình tôi. Nhưng Minh không có gia đình, vì chàng mồ côi. Và lẽ tự nhiên chàng nghèo. Bởi vì bây giờ mới là lúc chàng bắt đầu làm việc.

Minh nghĩ khác. Chàng bảo không cần sự thỏa thuận của ai hết. Chúng tôi cùng quá tuổi trưởng thành rồi. Cốt tôi và chàng yêu nhau là đủ. Cứ lấy nhau, nếu sợ làm phiền lòng người khác và sợ bị công kích thì đi chỗ khác sống. Minh quả quyết khi có con cái mọi người sẽ vui lòng tha thứ. (Chàng bảo bà mẹ nào chả thích có cháu đẻ bé ẵm và chiều chuộng,

Lẽ dĩ nhiên tôi phản đối lý luận ấy. Tôi là con gái. Tôi yêu Minh, song tôi cũng yêu cả mẹ nữa. Tôi chỉ xây hạnh phúc hoàn toàn. Sung sướng trên sự đau khổ của người thân thì không đời nào lương tâm được yên ổn.

Ài cũng giữ lập trường của mình. Lẽ dĩ nhiên là chúng tôi

cãi nhau luôn. Minh bảo tôi chưa hết lòng yêu chàng. Tôi trách Minh ích kỷ và tàn nhẫn. Chúng tôi đều có lý. Nhưng vì cùng yêu nhau, nên lần nào cũng vui lòng giảng hòa. Không chàng thì lại tôi chịu khó làm lành trước.

Lần nào cãi nhau cũng chỉ vì tôi không chịu trả lời chàng dứt khoát. Chàng bảo :

— Em là chúa lừng khờng. Chỉ tìm cách hoãn binh là giỏi.

— Đợi em ít lâu nữa thôi.

— Ừ thì đợi. Nhưng em có nhất định không ?

— Có, nếu mẹ bằng lòng.

Chao ôi, cứ loanh quanh với câu truyện ấy mãi thật là đau khổ ! Nhưng nếu đã tin ở tình của tôi, Minh phải kiên nhẫn một chút chứ. Chúng tôi chỉ đề thì giờ cãi nhau, hờn giận và làm lành.

Thế rồi Minh bỏ đi, và nói sẽ không gặp tôi nữa.

Tôi tin chàng nói câu ấy trong lúc nóng giận. Bởi vì lúc nào tôi cũng linh cảm rồi tôi sẽ thay đổi được ý của mẹ, tôi tin rằng tình yêu của chúng tôi sẽ thắng.

Tôi đã thắng thật. Buổi chiều hôm ấy mẹ tôi đã làm tôi thành một thiếu nữ sung sướng nhất thế giới. Bỗng nhiên tôi cảm thấy mình

Giữa có vô cùng. Ánh sáng mặt trời thành những đốm trang sức đẹp và quý vô giá. Tất cả màu sắc trong đất trời làm áo của tôi.

Đời thật đáng yêu ! Mẹ tôi thật đáng quý ! Đã cho phép tôi lấy Minh. Người đã bằng lòng nhận người yêu của tôi làm con rể. Tôi có chàng là có tất cả.

Điên rồ vì sung sướng, tôi viết vội mấy chữ gửi cho Minh. Chỉ mấy giòng thôi. Xong chắc Minh sẽ hiểu theo lối nói truyện của tôi. Mỗi thói quen, mỗi cử chỉ, từ lời nói, cái nhìn, sự thay đổi trên nét mặt của Minh tôi đều nhớ như in mà.

Tôi đã viết giấy gọi Minh. Viết bằng một giọng nồng nàn tha thiết nhất. Mấy giòng nguỵch ngoạc vào mảnh giấy tôi vẫn thuộc lòng. Bởi vì nó thoát tự đáy lòng, nó là sự sống của tôi.

Tôi chỉ viết : « Đúng chín rưỡi sáng thứ hai em đợi anh ở bãi hàng Dừa. Em sẽ ngồi chiếc ghế sơn xanh, trên hè. Đừng để em chờ nhé. »

Có thể thôi. Xong tôi biết Minh sẽ tưởng tượng thấy tôi nhay nhót chạy lại, dơ hay tay đón chàng. Minh vẫn bảo tôi chạy như con sáo mỏ vàng. Tôi hỏi con sáo mỏ

vàng chạy thế nào ? Chàng nói nó chạy như tôi vậy. Lối nói truyện của chúng tôi hình như không bao giờ hết. Minh sẽ vừa cười vừa nghe tôi nói tíu tít :

— « Anh nhớ nhé ? Đúng chín rưỡi đấy nghe không ? Em sẽ ngồi trên chiếc ghế dài. À, mà ghế sơn xanh đấy. Em chỉ ưa màu xanh thôi mà. Anh sẽ tìm em ở bãi Hàng Dừa, giấy ghế trên hè ấy mà. Nhớ chưa ? Chín rưỡi đúng đấy. Đừng quên nhé ! . . . »

Tôi có thói quen kể Minh đến là chạy lại, hai tay ôm lấy cánh tay chàng, cười cả bằng mồm, cười cả bằng mắt, và nói huyền thuyên không đề chàng có thì giờ trả lời nữa. Minh bảo cứ trông thấy đôi mắt tôi là chàng không thể giận ghét tôi, là chàng sẵn sàng tha thứ tất cả.

Lần này tôi chỉ còn hy vọng nếu Minh nhớ đến đôi mắt của tôi. Hôm qua chàng vừa viết thư, nói rằng không chắc có đúng hẹn, còn đề xem có xoay được tiền không đã. Chàng còn viết :

— « Gặp làm gì nữa ? Vô ích ! Tôi biết tính cô lắm. Tôi không thể chờ suốt đời được. »

Thật quả chàng nhẫn tâm. Thế mà bảo rằng yêu tôi !

Lời thư như thế thì hy vọng gì? Tuy vậy tôi cứ đi. Nếu Minh không tới thì sao? Đối với trước là truyện khác. Bây giờ lời lẽ trong thư tỏ ra chàng vô tình, tàn nhẫn, không cần tôi nữa. Tôi sẽ xử trí ra sao? Có lẽ tôi không đuổi theo chàng. Tình yêu không phải là thứ xin xỏ.

Sáng nay tôi đã trốn nhà, lên đi gặp Minh. Tôi không muốn ai biết mình đang bị rầy vò bởi hy vọng, tuyệt vọng, sung sướng và tất có thể sẽ đau khổ.

Đứng nép bên hè, tôi đợi cho những con chim sẽ quay đầu ngó sang vườn nhà hàng xóm, và chờ lúc cô trong vườn nói chuyện với gió thật say sưa mê mải, mới nhẹ nhàng nhón gót ra cổng. Tôi không muốn cảnh vật lấy tôi làm đầu đề cho các câu truyện của chúng. Nếu tôi sung sướng, chúng sẽ ghen tị. Và chẳng may truyện gì xảy ra, chắc sao chúng cũng bàn tán nhiều về hành động của tôi. Thế nào chúng chẳng bảo tại tôi thế nọ, tại tôi thế kia. Người ngoại cuộc hay bình phẩm lắm. Tôi không sợ bị chỉ trích, nhưng tôi không muốn ai thì thầm sau lưng. Lũ lá cây vẫn có tiếng hay bép xép.

Lát nữa gặp Minh, tôi sẽ ôm lấy cánh tay chàng, kéo ngồi

xuống ghế cạnh tôi và nói thật khẽ:

— «Mẹ bằng lòng rồi!»

Chắc Minh sẽ nhẩy lên vì ngạc nhiên. Tôi sẽ nhắc lại lần nữa cho chàng tin là tai mình nghe đúng. Có lẽ Minh sẽ ôm tôi vào lòng, (nhưng không được, vì ở ngoài đường). Tôi sẽ hỏi:

— «Anh định bao giờ cưới em?»

Minh sẽ nắm lấy tay tôi, nói nhỏ tí như nói thăm. Chúng tôi nói chuyện với nhau toàn nói thật khẽ. Lúc nào cũng chỉ sợ người nào hay cảnh vật chuag quanh nghe lỏm.

— «Ngay bây giờ!»

Thật là điên nhĩ. Tôi sẽ cười ghê lắm. Còn phải về nhà, ra mắt mẹ xem người bảo sao đã chứ. Lúc Minh về, chắc mẹ sẽ nói:

— «Cậu ấy trông hiền lành nhĩ. Vừa đi làm vừa đi học, người thật có chí.»

Tôi sẽ lấy tay che miệng mà cười. Lúc trước mẹ cứ chê người ta nghèo, không có cha mẹ.

Tôi cảm thấy rất bông một bên má và một bên cánh tay. Bây giờ tôi mới chợt nhớ ra mình quên không đem nón. Nắng miền biển như những cái kim hơi nóng, châm vào má, vào tay tôi. Lát

nữa, lúc về tôi sẽ đi nép vào Minh để nhờ cái bóng chàng che đỡ nắng. Có một người yêu dong dỏng cao cũng lợi lắm chứ.

Chưa chi tôi đã tưởng tượng đến lúc mình mặc chiếc áo màu hồng, ôm bó hoa trắng tươi thắm như nụ cười của cô dâu, đứng bên cạnh Minh để chụp ảnh. Rồi cái ảnh ấy sẽ phóng to lồng khung treo giữa nhà, và một cái xinh xinh để trên bàn viết của Minh.

Sống bên nhau. Chỉ có hai đứa với nhau chắc là vui thích lắm. Tôi sẽ cười suốt ngày. Cười cả bằng miệng, cười cả bằng mắt để không bao giờ Minh hờn giận được. À, có lẽ tôi sẽ trêu cho chàng dỗi để cười. Bộ mặt ấy mà đang cau có lại cười ngay chắc có hiệu quả hay lắm. Tôi sẽ đem cái gương ra cho Minh soi. Nhưng lúc cả hai đứa cùng dỗi thì làm thế nào nhỉ? Bấy giờ tôi nhất định sẽ không làm lành trước. Vậy thì dỗi đến bao giờ? Minh rất nhiều tự ái!

A, hay lắm! Tôi vừa nhớ một câu truyện nghe lỏm của mấy bà có chồng đã lâu ngày. Một bà nói:

— ‘Không bao giờ nhà tôi dám giận tôi.’

Các bà kia cùng nhao nhao lên.
— ‘Sao mà giỏi thế? Chắc chỉ khéo chịu ông ấy lắm.’

— ‘Tôi có bí quyết. Hễ làm gì trái ý, tôi chẳng cần nói đi nói lại, chỉ việc khóa trái cửa buồng ngủ một đêm là đầu vào đấy.’

Tôi sẽ thực hành bí quyết ấy với ông chồng của mình. Nhưng phải cần thận, kéo lại đề ông ấy vào buồng rồi mới khóa thì hồng kiều. Tôi tự hỏi không biết cái bà phát minh ra bí quyết bắt nạt chồng này có bao giờ vô ý đề ông ấy vào rồi mới khóa cửa buồng? Hay khóa cửa buồng rồi lại ném chìa khóa ra cửa sỏ?

Có tiếng con chim gí kêu ghê quá! Tôi ngừng đầu nhìn lên, thấy con quạ đen đang lượn ngay trước mặt. Tự nhiên tôi lạnh cả người. Lạnh vì sợ hãi một đêm chẳng lành, chứ không phải vì rét dẫu. Bấy giờ tôi mới tự hỏi:

— ‘Minh có đến không?’

Cứ thế mà tôi hỏi thăm mãi. Bao nhiêu mộng đẹp của tôi tan biến đi dẫu mắt cả trong một giây.

Mỗi bước chân lại vang lên một dấu hỏi. Tôi có cảm tưởng mình là người lính lên đường ra mặt trận. Mỗi bước tiến gần chiến

trường lại tự hỏi mình sẽ sống hay chết ? Thật là rùng rợn ghê gớm. Bởi vì không thể biết trước mình sẽ sống hay chết.

Tôi phải bước độ khoảng một trăm hai mươi bước mới tới một gốc cây. Một trăm hai mươi dấu hỏi liên tiếp trong tâm trí Từ đây đến bãi hàng Dừa còn bao nhiêu gốc cây nữa.

Tiếng sóng vỗ dưới bờ biển rào rạt như những tiếng thở dài của người chinh phụ. Mặt trời chiếu xuống mặt nước, ánh sáng làm lóa cả mắt tôi. Chiếc ghế đầu tiên đã hiện ra dưới gốc cây bàng. Không, tôi tìm cái ghế màu xanh cơ.

— « Minh đã đến chưa ? »

Xưa nay bao giờ chàng cũng tới trước, chẳng bao giờ để tôi phải chờ đợi.

Tôi vẫn nhớ kiểu chờ đợi của Minh. Nếu đứng, chàng sẽ bỏ tay vào túi quần, đi bước một theo một cái hình học tưởng tượng. Nếu ngồi, chàng chỉ nhìn thẳng trước mặt, bắt chéo chân, hai tay ôm đầu gối. Kiểu ấy có thể ngồi hàng giờ. Chắc Minh đã nghiên cứu kỹ lưỡng để mà có sức đợi tôi.

Ghế sơn xanh đây rồi. Chưa

thấy Minh đâu. Đứng đây tôi còn nhìn thấy suốt giây ghế ở trên hè, có tất cả ba chiếc ghế sơn xanh. Sáng thứ hai bãi biển thật là vắng vẻ. Có lẽ chàng đến muộn. Tôi ngồi xuống ghế, đầu luôn quay nhìn hai bên đường như thăm sẽ ngoạn ngoạn đợi như Minh vẫn đợi.

Nhưng chàng ngoạn ngoạn đợi vì biết chắc sao tôi cũng đến. Còn tôi. Liệu chàng có đến ? ý nghĩ đó làm tôi điên cuồng cả người lên. Những quán bán giải khát ở dưới bãi tôi chỉ thấy như những con quay màu rực rỡ. Có những hàng quà gánh lại gần mời, tôi chỉ lắc đầu. Đối với tôi lúc này, lắc đầu cũng là một cái tội. Rồi dần cứ thoáng thấy bóng ai tới gần là tôi lắc đầu. Hình như mấy bà già ngồi ở góc cây kia nhìn tôi và nói gì. Cần chi ! Dù người ta có bảo tôi cầm cũng chẳng cần. Điều tôi muốn biết bây giờ là Minh có đến hay không mà thôi.

Chưa bao giờ tôi tin rằng thời gian chờ đợi đi nhanh thế này. Tôi muốn cứ quanh quẩn quăng chín, mười giờ mãi để được đợi với sự thấp thòm, phập phồng, để được tin chàng tới muộn và hy vọng.

Nhưng kim đồng hồ quay nhanh quá. Chưa chi đã gần mười một giờ, rồi mười một giờ rưỡi. Có những tiếng sấm vang rền đầu đây. Gió thổi mạnh. Những tàu lá dừa và cành bàng cúi nghiêng hẳn đầu xuống như để đón gió tới. Những giọt mưa đầu tiên bắt

vào mặt tôi, lạnh buốt và tê dại. Mọi người chạy biến đầu hết cả. Còn có mình tôi đứng trước biển động, xào-xạt, bao-la...

Nhưng tôi mỉm cười, đón lấy ngừng giòng nước mưa không ngừng... À, Ái-tình ! Ái-tình là như thế đấy !



* BỊ XE LỬA CÁN MÀ MIỆNG VẪN CƯỜI !

Hôm nay là chiều thứ bảy, anh Tâm Mèo mời vài người bạn lại nhà nhậu nhẹt chơi. Để chấm dứt cuộc vui, anh Tâm thuật cho các bạn nghe một câu chuyện khá sôi nổi. Anh mở lời : « Hôm chúa nhật tuần rồi, tôi đạp xe lửa về Phan Thiết thăm cha vợ tôi. Ra khỏi Dĩ An độ hai cây số, xe lửa cán phải một bà lão. Xe lửa ngừng lại. Tôi bước xuống xe thì thấy một bà lão bị xe lửa cắt tiện hẳn một chân mà miệng vẫn cười. » Anh Tâm chưa dứt lời thì những bạn hô to :

— Dốc, dốc quá tõ sư ơi !

Thấy vậy anh Tâm liền đứng lên giải thích :

— Mà bà lão cười thật các anh à, vì cái chân của bà bị xe lửa cán là cái cẳng cây của bà !

* CẢM

Một thanh niên vào một hiệu thuốc tây. Người bán hàng là một thiếu nữ trẻ xinh đến án cần tiếp :

— Thưa ông mua thuốc gì ạ ?

— Cô cho tôi một gói thuốc cảm.

Thiếu nữ thơ ngây hỏi :

— Dạ ông cảm bao lâu ?

Thanh-niên lém lỉnh :

— Thưa cô, tôi bắt đầu cảm khi một bước chân vào đây.

Thiếu nữ : ! ! !

THIỆP-SINH



Bà THƯỜNG-LẠC

★ BÁNH MIẾNG NGÔI VẬT LIỆU :

- 5 Hột gà lấy trứng trắng không.
- 3 Lượng đậu phộng, rang cho vàng.
- 5 Muỗng ăn canh đường cát trắng nhuyễn.
- 2 Muỗng beurre mận.
- 4 Lượng bột mì rây sạch.
- Nửa muỗng café muối.

CÁCH LÀM :

Đậu phộng rang vàng rồi để nguội, lấy từng hột xắt, dao phải bén mới không bẽ vụn, 5 trứng trắng hột gà, (để trứng đỏ riêng ra) đổ 5 muỗng đường vô khuấy nhẹ, chớ đừng đánh mạnh, khuấy nhẹ chừng nào tan đường là được.

(Sau khi ấy, lo đề lửa vô

thùng nướng cho đều, đừng để quá nhiều nóng lắm sẽ hư bánh, còn ít lắm thì bánh không nổi, phải cho nhẹ khi vừa thấy vàng lấy ra lập tức mới được.

Đường và hột gà quậy tan, đổ bột vào rồi trộn từ từ mà thôi đừng đánh mạnh, đổ đậu phộng xắt vào và muối trộn cho thật đều.

Đề vi vào thùng cho nóng. lấy vĩ ra lấy beurre thoa vi vừa thấm ước, chừng ấy lấy muỗng múc độ nửa muỗng bột thôi, đổ xuống vĩ, lấy muỗng banh ra cho đều; mong-mông đề nhẹ vào thùng nướng; xin nhớ rằng bánh này chín nhẹ lắm, làm lâu thì sẽ cháy.

Lấy dao xủi ra, lấy muỗng đề giữa bánh nhẹ tay uốn cong lại như miếng ngôi.

Đề ngoài vừa đi hơi sẽ đề vô thùng hoặc hộp, chớ còn nóng đề vô dầy kín nó sẽ dai.

Bánh này không dùng trứng đỏ.

★ BÁNH CON NHỘNG VẬT-LIỆU :

- 5 trứng đỏ hột gà :
- 10 lượng đường cát trắng.
- 1 trái dừa khô.
- 10 lượng bột năng.

CÁCH LÀM :

(Trứng đỏ hột gà làm bánh miếng ngôi nói trên còn dư lại, vì bánh miếng ngôi làm trứng trắng không). Đánh trứng đỏ cho thiệt nổi; dừa nạo kỹ, đừng nạo đến lớp đen (vắt nước cốt).

đừng chế nước lã vào nó loãng đi ; đồ độ chừng 3 muỗng ăn canh nước cốt vào hột gà đánh cho nổi đoạn rây bột đồ từ từ vào nhồi cho đều nếu vừa thì thôi còn như khô thì thêm nước dừa vào ; khô hơn bột bánh ít là được. Bỏ lửa vào lò nướng trên dưới cho đều ; đây nắp lò cho ẩm, lửa vừa thôi, đừng nóng lắm bánh sẽ vàng quá không được, bánh phải

nướng trắng như bánh men.

Lấy lược chải đầu, rửa bằng bàn chải với xà-bông cho thật sạch, ngắt cục bột bằng trang ngón tay trở ấn mạnh vào lược lạng ra giống như con nhộng sắp vào vỉ mà nướng, bột nổi lên hơi vàng dưới; trên mặt còn trắng là được, vì đừng thoa mỡ, bánh cũng trắng như thường.



★ CÔ CÓ EM KHÔNG ?

Một buổi sáng nọ, một cô nữ y tá ở một bệnh viện lớn tại Saigon đang khi lau mặt cho một nữ bệnh nhân thì người này hỏi :

— Cô có một người em phải không ?

— Dạ có, làm sao cô biết được ?

— Tôi nghĩ như vậy, vì cô lau mặt cho tôi y như là cô lau mặt cho em cô vậy.

★ NỮ SINH GIỎI HƠN NAM SINH.

Ba ngày sau khi công bố kết quả thi về kỳ thi Trung học đệ nhất cấp vừa qua tại Saigon. Hùng và Tuấn, hai bạn học gặp nhau tại một tiệm giải khát. Tuấn hỏi bạn :

— Sao Hùng, năm nay lớp mấy đậu được bao nhiêu phần trăm ?

Hùng đáp :

— Lớp tao, nam sinh đậu 25%/o còn nữ sinh thì đậu 100%/o.

Tuấn ngạc nhiên hỏi bạn :

— Mấy giờ chơi hoài Hùng, ở đời sao có chuyện lạ vậy. Mấy nữ sinh thì đậu 100%/o còn nam sinh chúng mình chỉ đậu có 25%/o thôi à ? Tao nhứt định không tin.

Đề bạn khỏi thắc mắc, Tuấn giải thích :

— Lớp tao có 40 nam sinh và một nữ sinh. Trong đám nam sinh có 10 đứa thi đậu, vậy tỷ lệ đậu là 25%/o. Chị nữ sinh thi đậu, vậy tỷ lệ số đậu về phần nữ sinh (ở lớp tao) là 100%/o có phải không ?

HẢI-PHƯƠNG



XÃ GIAO

★ CÔ BÌNH MINH

TRONG RẠP CINÉ

★ NÓI CHUYỆN

THƯA các bạn, chắc các bạn cũng nhận thấy rằng trong các rạp hát cũng như trong các rạp chiếu bóng của ta, có một số đồng bào không chú trọng đến các phép lịch sự, và họ thường có những hành động và cử chỉ mà ai cũng cho là khiếm nhã. Có lẽ các đồng bào ấy vô tình chăng?

Thí dụ như có một số khán giả hay ưa nói chuyện trong lúc đang chớp bóng. Không có gì bực mình cho những người ngồi chung quanh bằng nghe hai ba người cười nói ở dãy ghế trước hoặc dãy ghế sau, nhứt là ngay bên cạnh mình. Họ cười nói rất tự nhiên như là ngồi ở nhà vậy.

Ai cũng thấy rằng thái độ đó

là kém xã giao. Đành rằng không lẽ ngồi ngậm miệng hoài sao, nhiều khi đôi vợ chồng, hay cặp bạn hữu cũng muốn hỏi han hoặc trao đổi một vài ý nghĩ của mình về những chuyện xảy ra trên màn bạc, hoặc trên sân khấu, nhưng trong trường hợp đó, người lịch sự bao giờ cũng nói khẽ thôi. Càng nói khẽ bao nhiêu, càng lịch sự bấy nhiêu. Nói rất khẽ như thế, để tỏ rằng ta biết tôn trọng sự yên tĩnh cần thiết cho khán giả, vì khán giả đến đây là để coi và nghe, thì ta không có quyền làm ồn ào bằng tiếng nói tiếng cười. Trừ khi nào tuồng hát gây ra trận cười chung cho cả rạp, thì đó là việc khác.

LỄ CON KHÓC, VÀ CHỜ CON BÚ

Có một số ít khán giả đi coi hát lại ẵm các em bé theo, nhứt là các em bé hãy còn bú, hoặc

hai ba tuổi. Thường thường, các em hay khóc, vì thấy đông người, hoặc vì trên màn ảnh có nhiều cảnh làm cho các em sợ. Cha mẹ dù cố gắng dỗ em, em vẫn không nín, và còn khóc to lên nữa. Tôi đã nhiều lần chứng kiến cảnh tượng này. Nhiều bà mẹ không dỗ được con, lại mắng con hoặc đánh con, tưởng làm như thế để cho con sợ mà ngậm miệng, hoặc vì tức giận mà la chửi con, nhưng thường thường hể một khi em khóc trong rạp thì nó cứ khóc hoài, không sao dỗ được. Có bà lại vạch vú ra cho con bú để con im đi, nhưng cử chỉ đó thật là khó coi đối với chị em chúng ta. Cho nên, tốt hơn là đi coi hát đừng ăn con theo.

Nếu ở nhà không có ai coi em, thì thà đừng đi coi hát còn hơn.

ĐẶT MỘT ĐÀN CON, VÀ ĐỀ CÁC EM LÀM ỒN

Lại có một số khán giả mỗi lần đi coi hát, thường dắt theo 4, 5 em bé và đề cho các em làm ồn ào, hoặc chạy qua chạy lại, hoặc đứng trên ghế, hoặc cười la chuyện trò ầm-ĩ, làm cho những người ngồi chung quanh phải bực mình. Tuy không ai nói gì, nhưng người cha mẹ không tập cho con em gìn giữ trật tự chung và lễ phép trong rạp hát, tức là

chính cha mẹ kém lịch sự đối với khán giả.

Nhiều người đi coi hát, đã bị cái trường hợp khó chịu ấy. Một ông đi với một bà, dắt theo ba em bé từ 3 đến 6 tuổi. Hai ông bà mua 2 vé, còn 3 em dĩ nhiên là được coi khỏi tốn tiền. Nhưng các em đâu chịu đứng yên một chỗ, hoặc ngồi chung ghế với Ba Má. Chúng chạy ra, chạy vô, đi qua đi lại trước mặt các khán giả ngồi cùng dãy, và cười nói huyên thuyên.

Cha mẹ vẫn không rầy con, cứ để các con tự do, không chút ngăn ngừa những người ngồi cạnh. Một vị khán giả nào ngồi ghế sau, lấy giọng tử tế bảo các em đừng la ồn, thì bà mẹ quay lại nguyền vạ một nguyền dài, với vẻ mặt khinh khỉnh.

Làm bậc cha mẹ mà còn kém lịch sự như vậy, thì biếu sao các con em không vô phép !

XIN LỜI

Thưa các bạn, tục ngữ ta có câu rất đẹp : « *Lời nói không mất tiền mua* ». Đẹp hơn nữa là lời nói Xã-giao lại còn đem lại cho ta những cảm tình quý báu của mọi người. Thí dụ như chúng ta mua vé vào xem hát, lúc người nhơn viên rạp hát chỉ chỗ

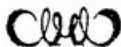
cho ta, mà ta phải đi ngang qua trước mặt những người ngồi cùng dãy ghế, thì chúng ta phải biết rằng đi như thế cũng làm phiền những người ngồi đó. Vậy trong lúc bước qua, chúng ta nên nói một lời rất giản dị : « *Xin lỗi* ». Dạ, tôi biết rằng ta không phạm « lỗi » gì cả, nhưng nói câu « *xin lỗi* », hoặc với người ngoại quốc thì nói « *Pardon* », tức là tỏ rằng khiêm nhường và tôn trọng phép xã-giao. Không cần nói « Xin lỗi ông » hay « bà », hay « cô », chỉ một câu trong-không « *xin lỗi* » là đủ gây được một chút cảm tình của những người lịch thiệp, có nền nếp giáo dục.

Thường thường, người phụ nữ không cần nói câu « *Xin lỗi* ». Nhưng khi người ngồi đó phải rụt chân vô, ngồi né một chút ra sau để chỗ cho mình đi, thì mình

nên nói một tiếng « cảm ơn », hoặc với người ngoại quốc thì « *merci* », hay « *thank you* », để đáp lại sự nhã nhặn của họ. « Lời nói không mất tiền mua » mà, các bạn ! Người ta tử tế với mình là Phụ nữ (tôi không muốn dùng danh từ : phái đẹp, hay phái yếu), thì mình cũng có cách đáp lại cử chỉ tử tế của người ta chớ. Lẽ nào người ta nhường bước cho mình, hoặc chịu khó ngồi né lại một bên để cho mình đi qua, mà mình cứ thản nhiên bước đi hay sao ?

Chị em bạn gái chúng ta cần tập tánh dạn dĩ trong các trường hợp ấy. Dạn dĩ, nghĩa là lanh lợi và trang nhã, mà vẫn rất đứng đắn, rất nghiêm nghị, để không ai có thể hiểu lầm một cử chỉ hay một lời nói xã-giao của chúng ta.

B.M.



★ TÓM TẮT CHUYỆN KIỀU

— Tôi đó anh, làm sao dùng nội hai câu đề tóm tắt hết cả truyện Kiều ?

— Tôi xin chịu, nhưng nếu anh làm được, tôi sẽ thết anh một chén « *La-de* »

— Đề ợt, tôi dùng câu đầu và câu chót là gồm tất cả truyện Kiều ở trong :

« *Trăm năm trong cõi người ta,*

« *Mua vui cũng được một vài trống canh,*

M. K.

7 — NGUYỄN-TUÂN

★ NGUYỄN-VỸ

HỒI tôi chưa gặp Nguyễn Tuân, tôi đã biết vài ba người bạn chơi thân với anh đều có cảm tưởng chung về anh như thế này :

— Nguyễn-Tuân gần lắm !

Cho đến Lưu-trọng-Lưu, là anh chàng mơ-mộng nhất trong làng Thơ làng Văn lúc bấy giờ, — mơ-mộng cũng gần như là gần rồi còn gì ! — mà cũng phê-bình Nguyễn-Tuân :

— Thằng ấy gần thật !

Một buổi tối, Lưu hỏi tôi :

— Toa muốn gặp Nguyễn-Tuân không ? Đi đến nhà nó chơi đi !

Tôi hỏi Lưu :

— Có phải nó gần lắm không ?

Lưu cười ranh-mạnh :

— Nó bảo nó không gần. Nó bảo toa gần.

— Nếu thế thì đến xem đùa nào gần.

Lưu đi với tôi. Hai người đi

tàu-diện từ Chợ - Hôm lên đến giữa phố hàng Bông, xuống ngay đầu phố Nhà-Thờ.

Lưu bảo :

— Nó ở nhà thằng Nguyễn-Đàm là em ruột của nó, ở con đường này đây.

— Đàm là ai ?

— Đã bảo Nguyễn-Đàm là em ruột Nguyễn-Tuân, mà còn hỏi ! Thế là đích thị cậu mày gần rồi !

— Nhưng Nguyễn-Đàm làm nghề gì chứ ?

— Nó là con rể của Vũ-dinh-Long, chủ nhiệm *Tiểu - thuyết Thứ Bảy*. Nếu không phải là con rề thì là em rề. Nếu không phải em rề thì là cháu rề... Nếu không phải cháu rề nữa thì thôi, tao chịu !

— Chính chú mày mới thật là gần đấy ! Làm rề ông Vũ-dinh-Long mà cũng là một cái nghề à ?

Lưu cười sặc-sụa, chỉ ngón tay ốm-teo vào mặt tôi :

— Mi gần mà mi bảo tao gần !
Làm rề ông Vũ-dinh-Long thì mới được làm quản-lý nhà-in và nhà báo của Vũ-dinh-Long chứ !

Hai đứa tôi vừa đi vừa cãi đùa chưa hết câu chuyện thì đã đến trước một căn nhà thấp dẹt « manchon » chiếu một màu sáng xanh-xanh.

Lư vào trước, nắm tay một chàng đang đứng trong nhà, và cười ngó ra tôi. Tôi vừa bước vào. Lư nắm cả tay tôi, bảo chàng kia :

— Nó bảo mày gần, mày bảo nó gần, thế là đứa nào gần ?

Tôi chưa biết chàng ấy là ai, chỉ nhận thấy một điều ngay trước mắt, là chàng có một đầu tóc bồm-xồm kinh-khủng. Giống hệt cái đầu của Jean Cocteau, Thi-sĩ Pháp. Chàng mập-mập, coi bộ to lớn rền-rang hơn tôi nhiều, và chắc hẳn là nhiều tuổi hơn tôi. Chàng có một nét cười chúm-chím rất hóm - hình, và đôi mắt ranh-mành lạ thường, nhưng nụ cười và đôi mắt đều vô-cùng khả-ái. Tôi có cảm tình ngay khi chàng nhìn tôi :

— Cho mình biết tên, thì mình sẽ biết ngay là đứa nào gần !

Tôi cười :

— Tụi mình chơi với nhau mà

không cần biết tên, có được không ?

— Được lắm chứ. Mình cũng thích như thế đấy.

Lư-Trọng-Lư cười hả-hả :

— Đích thị hai đứa bay đều gần bát-sách cả hai !

Thế là Nguyễn-Tuân và tôi quen nhau và mến nhau từ tối hôm ấy trong một trận cười rền-rang, mà chưa đứa nào chính-thức biết tên đứa nào.



Nửa giờ sau, Nguyễn Tuân mặc áo, đeo cà-vạt, đi chơi với chúng tôi, lang thang trên phố Hàng-Gai rồi rẽ ra Hồ Hoàn-Kiểm. Chúng tôi ngồi chung quanh bàn nhỏ ăn kem, bên một mảnh liễu từ trên cung trăng buông xuống. Chàng kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện kỳ thú hồi đời xưa đời xưa... Câu chuyện tình-duyên trắc-trở giữa một nghệ-sĩ mù và một nàng Công-Chúa. Tiếng nói trầm-trầm như mặt nước hồ thu, thỉnh-thoảng nổi dậy một đợt cười xao-xát như làn sóng đập-chòn khế tạt vào bờ.

Khuya rồi, khách thừa-lương đã tàn-mác, ba đứa tôi còn ngồi dưới gốc liễu dưới chân trên cỏ, nhìn xuống mặt hồ. Nguyễn-Tuân bảo :

— Tiếc rằng tớ không biết làm thơ như hai cậu. Nhưng cần gì

biết làm thơ nhỉ? Mình cho rằng trường-thức được trọn vẹn những ý thơ của gió trăng, hòa mình vào với hồn thơ của cây cỏ ấy là biết làm thơ rồi... Người đời xưa, đã mấy ai làm thơ, nhưng họ toàn sống trong cảnh thơ và cảnh mộng. Mình tiếc không làm được người nghệ-sĩ mù. Mình tiếc không gặp được nàng Công - Chúa, nhưng mình biết chuyện họ, mình sống lại với họ, thế là mình tạo ra chàng nghệ-sĩ cho mình và nàng Công-chúa cho mình... Hai anh chắc đã có hai nàng công-chúa, hay là hai chục nàng công-chúa, còn tôi, tôi chỉ sống trong vang bóng một thời... Tôi chỉ yêu những nàng công-chúa ở tận đời xưa đời xưa...

Lưu-trọng-Lưu bỗng phá tan giấc mộng của anh chàng có đầu tóc bờm-xờm :

— Đi lên Khâm-Thiên ăn thịt chó chơi, tụi bay !

Nguyễn-Tuân cười chúm-chím (nụ cười quen của chàng) :

— Ủ, đi.

Tôi bảo :

— Hai anh đi, tôi về.

— Không ăn được chó à ?

— Tôi không có duyên với thịt chó.

Tuân bảo :

— Khỏi lo. Gắp một miếng chả chó bỏ vào miệng, nhai thông-thả dễ thường - thức cho hết mùi thơm của nó, rồi hớp một ngụm rượu, nuốt cái ực vào là có duyên ngay.

— Nhưng tớ cũng không uống được rượu.

Lưu ngó tôi :

— Cứ đi, rồi mình bày cho cách uống rượu.

— Thì... đi !

Đêm ấy, ở quán bán hủ cây nơi góc Ô-chợ-Dừa, Lưu-Trọng-Lưu và Nguyễn-Tuân ra về say khướt. Mặc dầu Nguyễn-Tuân bảo "mùi thịt chó rất nên thơ", tôi cũng không làm sao chịu nổi mùi thơ ấy.



Sau đó, tôi có gặp Nguyễn-Tuân bốn năm lần. Nguyễn-Tuân uống rượu thật nhiều, nhưng tôi chưa thấy Nguyễn-Tuân nói bậy-bà như Lưu-Trọng-Lưu lúc say mèm. Tuân người Thanh-Hoá, tính-nết hay nghiêm nghị, và làm gì cũng đắn-do nhưng rút cuộc không làm được theo ý mình. Chất nghệ-sĩ của Nguyễn Tuân là mơ, nhưng không phải cái mơ huyền-ảo bông lông, mà chỉ là cái mơ-ước thực-tế, giản-dị, gần-gũi nhưng vẫn ít khi thực-hiện được. Mơ một cuộc du-lịch,

mà không có tiền, rồi xách va-li raga xe lửa để tưởng-tượng là đi du-lich, mơ có một nàng công-chúa để yêu, nhưng không có nàng công-chúa, rồi lấy bút vẽ ra một mỹ-nhân để tưởng-tượng đó là nàng công-chúa. Những quyển tùy bút của Nguyễn-Tuân hầu như là những trang giấy ghi chép các giấc mơ không thành của con người văn nghệ ưa phiêu lưu ấy. Trong quyển « Chiếc Lư đồng mắt cua » loại giấy tốt của anh gửi tặng tôi, anh có đề một câu sau đây, mà tôi vẫn chưa quên được :

« Chúng ta là những con người ta của người ta.

Chỉ có giấc mơ của mình là của mình.

Phải không, anh Nguyễn-Vỹ ?

Phải lắm, anh Tuân ạ.

Cho nên ngày nay, tôi biết anh còn sống ở đất Bắc nhưng tôi biết anh đã chết rồi. Vì cái « con người ta » của anh, anh đã biết là không phải của anh, cũng như « giấc mơ của mình » đâu còn « là của mình » nữa ?

Than ôi, Nguyễn-Tuân ! Tôi thương Lư-trọng-Lư ít, mà tôi thương anh nhiều. Vì Lư vẫn không bao giờ tin-tưởng nơi cái gì cả và cả nơi Lư, chứ Nguyễn-Tuân... Xưa kia... Chàng còn tin-tưởng nơi giấc mơ xinh-đẹp của con người Văn-ngệ.

Có gì thâm-thăm bằng sự tan-rã của giấc mơ duyên ? N.V



* CHUYỆN VUI VỀ TRUYỆN KIỀU :

KIM-TRỌNG LÀ NGƯỜI NHỰT-BỒN

— Anh là người đọc rành truyện Kiều, vậy tôi xin đố anh. Kim-Trọng là người nước nào ?

— Còn phải đố, Kim-Trọng là người nước Tàu, chứ người nước nào.

— Thật lắt, Kim-Trọng là người Nhựt-bồn

— Anh nầy láo thật, ai bảo vớ anh như thế ?

— Chính cụ Nguyễn-Du đã nói. Đây, anh nghe nhé :

« Từ ngày muôn dặm phù-lang... »

Nếu không phải là người Nhựt, thì đi về phù-lang tam-đảo để làm gì ?

M. K.

Thuyết

« Thiên-Mệnh »

trong VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM

ƯA nay, nho gia ta có hai quan-niệm về thuyết « Thiên-mệnh tuần-hoàn » : một quan-niệm bắt nguồn từ triết - thuyết uyên - nguyên của nho-giáo, một quan-niệm dựa vào nho-giáo để biến thành một tín - ngưỡng thần-quyền.

Theo quan-niệm trên, điển-hình có các thi-nhân : Nguyễn-công-Trứ, Cao-bá-Quát.

Theo quan-niệm dưới, điển-hình có các thi-đi : Nguyễn-Du, Ôn-như-Hầu.

TƯ-TƯỚNG THIÊN-MỆNH TRONG VĂN - CHƯƠNG CỦA NGUYỄN-CÔNG-TRỨ và CAO-BÁ-QUÁT

1) Văn - chương của Nguyễn-

công-Trứ một phần lớn thẩm-nhuần tư-tưởng « Thiên-mệnh tuần-hoàn » của nho-giáo. Là một nho-sinh thuở thiếu thời sống trong cảnh hàn-vi, Nguyễn-công-Trứ vẫn yêu đời và tin-tưởng ở tương-lai, nhờ ông đã biết đặt lòng tin vào Thiên-mệnh.

Trời dẫu riêng khó cho ta
mãi,
Vinh, nhục dù ai cũng một
lần.

(VỊNH CẢNH NGHÈO)

Hơn nữa, ông đặc-biệt tin ở luật tuần-hoàn của Trời đất, và sống trong cơn bĩ-cực, ông nhìn xa đến lúc thái lai, nỗ-lực phấn-đấu để đạt đến mục-phiêu ấy :

Cơ tạo có đi thời có lại.

Vạch vôi lấy đó mãi ru mà !
(Thế tình đối với cảnh nghèo)

★ THẨM-THỆ-HÀ

Nhiều khi ông còn vin vào Thiên-mệnh tuần-hoàn để mà tự an ủi mình và an ủi người :

*Đi lại chẳng qua thời vận mệnh,
Cũng đừng thất mắc, chớ lo lường.*

(Khuyến người đời)

Trong lúc hàn vi cũng như trong lúc xuất chinh, trong hoàn cảnh nào Nguyễn Công-Trứ cũng dùng thuyết Thiên-mệnh làm lợi-khi phấn đấu và luôn luôn nhìn đời bằng cặp mắt triết-nhân.

2) Cùng chịu một hệ-thống triết lý với Nguyễn Công-Trứ, Cao Bá Quát bền lòng chịu đựng cái mệnh, tu-dưỡng bản thân trong cái mệnh để đạt được cái chí quân-tử trong đạo nho :

*Hăng bền lòng chờ có oán-virtu,
Thời chỉ hĩ, ngư-long biến-hóa.*

(Cuộc phong trần)

Thông hiểu cái lẽ « *cùng, bĩ, biến, thông* » của vạn vật và loài người, Cao Chu-Thần cũng đặc biệt tin-tưởng vào luật tuần-hoàn và tìm ở đó một nguồn an-ủi vô cùng những khi chí lớn không thành, tranh-đấu thất bại:

*« Thôi đã biết cùng thông là mệnh cả,
Cũng đừng đem hình dịch lại cầu chi,*

Hơn nhau cũng một chữ thì... »

(Cuộc phong trần)

Tóm lại, quan-niệm về Thiên-mệnh tuần-hoàn của Nguyễn Công-Trứ và Cao Bá Quát có những điểm đại-đồng tiểu-dị. Đại đồng ở chỗ cả hai cùng vin vào thuyết ấy để tu-thân, hành-đạo. Tiểu-dị ở chỗ Nguyễn Công-Trứ

dùng nó làm nguồn an-ủi để phấn-đấu khi thất bại, trái lại Cao Bá Quát dùng nó làm nguồn an-ủi để trở nên tiêu-cực bi-quan.

TU TƯỞNG THIÊN
MỆNH TUẦN HOÀN
CÁI MỆNH VÀ CÁI CHÍ
DU VÀ ÔN CHU THẦN

1) Trong số các văn-phẩm của Nguyễn Du, quyển Đoạn Trường Tân Thanh là tác-phẩm thể-hiện tư-tưởng Thiên-Mệnh một cách sáng tỏ nhất. Bằng bạc khắp quyển thơ, thi-sĩ Tố-Như khéo sắp xếp cho các nhân-vật biểu lộ tư-tưởng trên qua hành-động và ngôn-ngữ, và lắm khi tác-giả còn tự nhân-danh mình mà tỏ vài điều cảm, nghĩ.

Kim-Trọng khi hội-diễn với Thủy-Kiều đã ngỏ lời an-ủi người yêu :

*« Xưa nay nhân định thắng thiên
cũng nhiều ».*

Sư Tam-Hợp trả lời cho Giác-Duyên cũng bàn về thuyết Thiên-mệnh :

*« Có trời mà cũng tại ta
Tu là cội phúc, tình là giập oan ».*

Và Nguyễn Du đã hiện-diện trong tác-phẩm ở nhiều đoạn đề giải tỏ quan-điểm của mình trước những sự-kiện thương-tâm :

*« Hóa-nhi thật có nữ lòng,
Làm chi dày tía, vô hồng lắm nan... »*

Hoặc :

« Ngâm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có
thần.

Bắt phong-trần, phải phong-
trần

Cho thanh-cao mới được phần
thanh-cao ».

Ở Đoạn-Trường Tàn-Thanh,
thuyết Thiên-Mệnh tuần-hoàn
không còn giữ được bản
chất uyên-nguyên của nó nữa
mà đã biến thành một tin-
ngưỡng thần quyền.

THIÊN ở đây
tức là TRỜI tức
là THƯỢNG-ĐẾ,
một đấng tối đại,
tối thiêng có
quyền tuyệt - đối
ban phúc hoặc
giáng họa cho

loài người. Sự thưởng, phạt của
Trời làm cho nàng Kiều sống
hết cơn « dĩ cực » mới đến hồi
« thái lai ».

Tuy Nguyễn Du là một nhà
nho bác học nhưng ông không
chịu sống cực-đoan trong tinh-
thần nho giáo, do đó ông đã
hòa-đồng với nhân-dân để biến
triết-thuyết Thiên-mệnh tuần-
hoàn của nho giáo thành một
tin-ngưỡng thần-quyền phổ-biến
của bình-dân.

2) Cùng một quan-niệm với
Nguyễn-Du, Ôn-Như Hầu coi
Trời như một vị chúa tể oai
quyền và độc-đoán, chế-ngự cả
vũ-trụ và loài người. Con người
bị ép vào khuôn khổ Thiên-
mệnh, không thể nào cưỡng lại

được số trời. Trong quyền Cung
Oán Ngâm-Khúc, Ôn-Như tiên-
sinh đã bộc-lộ quan-niệm ấy
dưới hình-thức một triết-thuyết
bi-quan :

« Quyền họa phúc trời tranh mất
củ,

Chút tiện-nghi chẳng trả phần
ai.

Cái quay búng sẵn trên trời,
Mờ-mờ nhân ảnh như người đi
đêm. »

Theo Ôn-Như-Hầu, con người

sống ở thế-gian
phải chịu mệnh
trời, quay cuồng
theo luật tuần-
hoàn của trời
định, chẳng khác
gì một « cái quay
búng sẵn », có

muốn ngừng lại cũng không thể
nào ngừng được. Vị chúa tể oai
quyền đó nhiều khi còn trên
người một cách tàn-nhân :

« Trễ tạo - hóa dành-hạnh quá
ngân,

Chết đuổi người trên cạn mà
chơi.

Lò cừ nung nấu sự đời,

Bức tranh ván-cầu vẽ người
tang-thương ».

Trước cái quyền-uy độc-đoán
ấy con người đành bất lực và
phải ngảnh mặt làm thính buồng
liều theo số mệnh :

« Thôi thôi ngảnh mặt làm
thính,

Thử xem con Tạo gieo mình
nơi nao ? ».



Tóm lại, quan-niệm về Thiên-mệnh của Nguyễn-Du và Ôn-như Hầu cũng có những điểm đại-dồng-tiêu-dị. Đại đồng ở chỗ cả hai đều tin ở quyền-lực vô-biên của Trời. Tiêu-dị ở chỗ Nguyễn-Du chủ-trương có thể cải được mệnh-trời bằng cách minh tâm, hướng thiện ; trái lại Ôn như Hầu chủ trương đầu hàng số mệnh, phó mặc thân thể cho luật tuần-hoàn.



Xét tư-tưởng « Thiên - mệnh tuần hoàn » qua những áng văn-chương trên, ta thấy nho - gia ngày xưa chng những bất đồng nhau về quan-niệm mà trong công việc ứng-dụng tư-tưởng về phương-diện nhân-sinh cũng có nhiều điểm khác biệt nhau. Lấy những văn-phẩm và các thi-nhan ấy làm điển-hình, ta có thể biệt

phân làm hai phái :

1) *Phái quan-niệm tư-tưởng Thiên-mệnh theo triết-thuyết nguyên-nguyên*, chủ-trương Thiên-mệnh là một cái Lý đương nhiên (cũng gọi là Thái-cực) theo luật trung-hòa mà sinh-sinh, hóa-hóa, chứng cả vũ-trụ và giúp cho vạn vật nảy-nở, phát-triển.

2) *Phái quan-niệm tư - tưởng Thiên-mệnh theo triết-thuyết bình dân*, chủ trương mọi người đều có số mệnh do một đấng chí-tôn — mà họ gọi là Trời hoặc Thượng-Đế — đã an-bài trước cuộc đời của họ.

Vậy khi nhận-xét tư-tưởng Thiên-mệnh trong một văn phẩm cổ hay kim, ta cần phải tìm hiểu tác-giả thuộc về phái nào, có như thế lời phê-bình của ta mới khỏi lệch-lạc và khỏi vô-tình xuyên-tạc chủ-đích của tác-giả.



Diễn giả : « Thừa các ngài »
Đề kết luận...



Duyên « tiền » định.

CÔ GÁI

DIỄN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

III



NG ta nói thêm :

— Tôi muốn mua
mấy chiếc áo quần,
cho trẻ con.

— Ông mua áo quần trẻ con
làm gì ?

— Tiên-sinh còn trẻ quá, tiên
sinh không thể nào hiểu thấu
được tấm lòng của một người
già cả... Thằng con tôi, hôm qua,
nó mới nuôi được một đứa con
nuôi, tôi đã trở thành một vị

tổ phụ rồi... Ha ! Ha ! Tiên-sinh
coi, tôi chẳng đã là ông nội rồi
mà, bởi vậy, tôi thấy cần phải
mua một ít áo quần cho đứa
cháu của tôi, chứ !

Tôi bảo với ông ta, tôi sẽ đi
mua giùm ông ta, nhưng, tôi
không thấy ông ta đưa tiền cho
tôi; tôi tự nghĩ, có lẽ, nên
đánh điện thoại cho thân nhân
của ông ta. Nhưng viên khán
hộ nói cho tôi rõ, việc đó không
hợp quy tắc. Và lại, một khi

người nhà của bệnh nhân đưa họ tới y viện, là để ở đây, y-sinh dùng đủ thuốc men và thủ thuật để trị liệu cho họ, có thể thôi; chứ nếu mỗi thứ, bệnh nhân đòi hỏi, đều phải làm cho họ vừa ý, thì không thể được. Không bao giờ thân nhân họ ưng thuận trả các dụng phí khác.

Còn như cái ông già bệnh nhân kia, ông ta chỉ có một người con gái. Độc nhất. Người đó đã có chồng, thành thử ra, ông già này phải sống nhờ vào người con rể. Nghe đâu, bố vợ và chàng rể chẳng được tương-đắc với nhau, nên sự bất-hòa đó làm cho ông già nhớ tới người con trai đã quá cố, mà đâm ra loạn óc. Để ông bố bệnh-hoạn ở nhà, có nhiều nỗi bất-tiện, và phiền-khổ, nên con và rể phải đem ông ta gửi vào y-viện, để liệu-dưỡng. Với một cảnh-tình như thế ấy, mà bảo với cho gia-dinh ông ta, mua thêm cái này, cái khác thì thiệt là vô ích.

Về phần tôi, tôi đã hứa, nên tôi cố làm cho ông lão mãn-túc. Tôi quyết-định đi mua cho ông ta mấy thứ ông ta muốn có.

Nhưng có một điều, là cái kỹ-huấn-luyện của tôi tại y-viện này, cũng lại đã mãn, và y-sư Xa-lạp-Mỹ bảo cho tôi rõ nay mai tôi sẽ phải bắt tay vào công việc chính của tôi. Vậy, sáng ngày kia, tôi sẽ phải dời bỏ nơi đây. Tôi liền với hỏi :

— Thưa y-sư, tôi sẽ phải dời đi nơi nào, kia ạ ?

— Ông sẽ đến ở, ở một gia-dinh của một bệnh-nhân...

Tôi hết sức kinh-ngạc. Vì từ hôm, đến làm việc tại đây, tôi tự tìm ra cái lý-tưởng để trị-liệu bệnh-nhân loạn-óc, nên tôi cứ ngang-nhiên coi tôi, như đã trở thành một y-sư và tôi quên khuấy hẳn đi rằng, ở y-viện này, tôi chỉ làm cái công việc hoàn bị sự huấn-luyện, để có đủ năng-lực để làm một viên trợ thủ của y-sư chuyên trị bệnh tinh thần. Tôi khần-khoan nói :

— Thưa y-sư, tôi xin thú thật với y-sư, công việc ở bệnh viện này, đã đem lại cho tôi, cả một sự hứng thú. Tôi tự nhận thấy, nó sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều về phần học hỏi, bởi vậy, tôi yêu cầu y-sư gia-ân, cho tôi được ở lại nơi đây, để làm việc.

— Không thể được đâu, tiên-sinh à !

— Thưa y-sư, tại sao thế ạ ?

Y-sư giơ tay xoa xoa cằm râu quăn ở cằm, đáp :

— Vì một lẽ rất giản dị : người tuyển dụng tiên sinh tuy là tôi, nhưng người cần đến sự trợ thủ của tiên sinh lại không phải là chính tôi...

— Thưa, như thế là thế nào, kia ạ ?

— Nguyên do thế này : tôi đã đoán định rằng, một bệnh nhân của tôi, cần phải có một chuyên

viên ở luôn luôn bên cạnh, không dời nửa bước, nên gia đình người ấy yêu cầu tôi chiêu thỉnh giùm cho họ, có thể thôi.

— Thưa y-sư, giá vì thử, tôi xin ở lại đây, đề giúp y-sư, với điều kiện là, tôi chỉ xin lĩnh một số tiền lương tối thiểu ; y-sư sẽ vì bệnh nhân của y-sư, chiêu-khảo một viên trợ-thủ khác, thay thế cho tôi ; tôi thiên-nghĩ như vậy, là ổn-thỏa cả, thưa y-sư ?

Y-sư Xa-lap-Mỹ vừa tủm-tủm cười, vừa đáp :

— Tầm nhiệt-tình của tiên-sinh đòi với y-viện này thật là đáng quý, nhưng, tiên-sinh nên biết, nếu bây giờ, lại đi chiêu-khảo một người khác, thì chỉ cho khỏi không mất thì-giờ, mất thêm sở-phí ; thế rồi, lại còn phải huấn-luyện người đó trong ít ra, là hai tháng ; ấy thế mà, thân-chủ của tôi lại cần có người giúp đỡ ngay tức-khắc. Với ngần ấy trở ngại, dầu hết sức quý, nể, tiên-sinh, tôi không thể nào chiêu lòng tiên-sinh được.

Tôi chẳng còn dám nói gì hơn nữa, nhưng trên nét mặt tôi, hình như có lộ vẻ không được hoan-hỉ cho lắm. Thấy vậy, y-sư liền vỗ vai tôi, mà an-ủy tôi, bằng một giọng rất ôn-tồn, hòa-cát :

— Tiên-sinh cứ phóng tâm, tôi tin chắc rằng, ở nơi đó, tiên-sinh cũng sẽ tìm thấy một sự hưng-thú khác thường... Thôi nhá, đừng

sầu giờ, tôi sẽ mời tiên-sinh cùng đi dùng bữa văn san với tôi, và nhân đó, tôi còn có nhiều điều cần phải dặn-dò tiên-sinh về cái công-tác mới của tiên-sinh.

Nói rút lời, y-sư quay quắt đi. Tôi theo gót y-sư, nói thêm :

— Vâng, tôi xin y-mệnh của y-sư, nhưng nếu có thể được, tôi xin phép y-sư nán-lại đây hai hôm nữa, vì tôi cần có thì giờ đề cáo từ một bệnh nhân, mà bấy nay, tôi hằng đặc biệt lưu tâm tới...

— Được, hai hôm, thì có thể được lắm.

Y-sư vội vã đi ra, vì, bây giờ, vừa vặn tới giờ chẩn bệnh của y-sư.



IV

Tối hôm ấy, y-sư Xa-lap-Mỹ đưa tôi tới một nhà hàng cực kỳ hoa lệ, đề dùng văn san, đúng với lời ước hẹn, lúc cần chiêu. Đến bây giờ, tôi mới biết rõ cái chức vụ mới của tôi.

Nguyên lai, có một nhà giàu có lớn, chỉ sinh hạ được vốn vẹn có một cô con gái ; ông ta vốn là chủ nhân ông một xưởng chế tạo giày da, rất phát đạt. Nay ông muốn mở một chi xưởng ở Mỹ, mà người hùn vốn với ông, là một thanh niên quý tộc Anh - cát - lợi. Người này nhận lời bỏ ra một số tiền khá lớn, đề thiết lập cái xưởng mới đó.

Nhân sự giao - dịch về việc doanh-công kế-lợi đó, mà người thanh-niên quý-tộc làm quen với cô con gái kia. Quen nhau, rồi biết nhau ; biết nhau, rồi hiểu nhau, và yêu nhau. Ấy thế rồi, khi hoa nở, lúc trăng lên, không ngày nào, họ không cùng nhau, trung-khúc ân-cần. Chỉ một tháng sau, bỗng, người thanh-niên đó ngỏ lời cầu hôn với thân-phụ cô gái. Vừa được một người rề vào hàng thế-gia lệnh-tộc, lại được luôn cả một người hùn-vốn đắc-lực, lẽ cố nhiên là người cha vui vẻ nhận lời ngay tức khắc, trước khi hỏi lại cô con. Ông cứ yên-trí rằng, họ đã thâm yêu, trộm nhớ nhau từ lâu rồi. Ông có ngờ đâu, khi đem việc cầu-hôn đó hỏi lại con, cô con sững-sốt trả lời, cô không thể nào gả nghĩa trăm năm với chàng ta được, vì cô không yêu chàng ta. Thân phụ cô trách cô :

— Quái thật ! Con bảo con không yêu người ta, thế sao, hàng tháng nay, con luôn-luôn tiếp-đãi người ta một cách niềm-nở như vậy ? Cha nói thật cho con rõ, nếu con từ-khước việc hôn-nhân này, con sẽ làm trở-ngại cho công việc kinh-doanh của cha. Vả lại, cha xem người đó chẳng có một điểm gì đáng chê-trách ; cha có gả con cho người ta, cũng là xứng đôi, vừa lứa, môn - đăng, hộ - đối. Cha không hiểu tại sao, con lại từ chối ?

— Thưa cha, cái cơ chính

đáng của con, là con tự nhận thấy, con không yêu người đó, nên con không thể lấy người ta được.

— Thế sao, bao nhiêu ngày nay, con thân cận với người ta như vậy ?

Cô con gái lặng yên không đáp. Mỗi một lúc sau, cô mới miễn cưỡng nói :

— Thưa cha, đó chỉ hoàn toàn vì sự kinh doanh của cha mà con phải niềm nở tiếp đãi người ta.

— Ô, nếu con đã nghĩ tới sự kinh doanh của cha, sao con lại từ hôn ?

— Hôn nhân là việc khác, thưa cha... con không thể làm một việc trái với lòng con, vả, hiện nay, con chẳng nghĩ tới việc chồng con.

Ông chủ xưởng giày này, vốn là một thương gia cận đại, ông làm việc một cách độc đoán. Bất cứ một lời nào ông đã thốt ra, là ông làm cho kỳ được, chứ không bao giờ chịu lùi bước. Ấy thế mà, đối với việc hôn nhân đó, ông đành chịu thúc thủ, và cô con ương ngạnh nhất định trái lời cha. Cố nhiên, việc hôn nhân đó không thành.

Thế rồi, không rõ tại sao, một ít lâu sau, cô ta bỗng nhiên, vượt ra khỏi khuôn phép của gia-đình và bắt đầu sống một cuộc đời vô - cùng phóng-đăng. Ngày ngày, cô ta đi ra ngoài, giao-du với đủ các

hàng người và đàn-đúm với toàn những gã thanh-niên dăng-diếm, ăn chơi. Rồi, một hôm nọ, một gã bạn trai của cô, dựa vào hơi men, đã có một cử-chỉ vô-lễ đối với cô ta, cô ta liền rút súng bắn chết gã đó !

Cha mẹ cô đã phải thuê không biết bao nhiêu luật-sư có danh-tiếng để bào chữa cho cô. Từ đó cô ta mắc phải bệnh tinh-thần, cô hút thuốc, uống rượu, đánh bạc, và luôn luôn đi gây sự đánh nhau, cãi nhau, ở những nơi trà-dinh, tru-diếm. Lúc thì cô ăn bận một cách vô-cùng lộng lẫy; lúc thì áo quần cô lôi-thối, lốc-thốc. Có dạo, cô ta suốt ngày

giám mình trong phòng, khóa trái cửa ; có dạo, ngày đêm cô ở ngoài, không bước chân về nhà ; có hôm, trong đêm khuya cô đánh xe hơi, bỏ nhà, đi lung tung, vô sở định ; thế rồi, cũng có đêm, cô ở sông bạc, thân đêm, suốt sáng, miệt-mải trong cuộc đổ đên.

Cha mẹ cô ta vẫn một niềm thương con, nhưng không còn biết làm thế nào, nên mỗi đêm cô ta đến y-sư Xa-lạp-Mỹ, để nhờ y-sư cứu chữa. Khốn một nỗi, cô ta có một lòng tự-tin rất mạnh, cô ta quả-quyết không chịu thừa nhận rằng mình là một bệnh-nhân.

(Còn nữa)



* TÔI ĐAU TRÁI RA MÀ !

Trò Mèo, 6 tuổi xách cặp tới rạp xi-nê, xin người gác cửa cho vào coi rạp. Người gác cửa hỏi :

— Giờ này trò không đi học, sao trò đi coi chớp bóng ?

Trò Mèo cãi lại :

— Tôi đã xin phép cô giáo cho nghỉ một tuần tại vì tôi đau trái rạp mà !

KHANH
(Trường Âu-Lạc)

* XIN HÌNH

Em Ngọc-Liê, 4 tuổi, quỳ trước bàn thờ Phật và cầu nguyện :

— Lạy Phật, con xin dâng cả trái tim của con cho Phật. Nhưng con xin Phật cho con một tấm hình của Phật để con dán an-bum.

* VỢ TÔI CÙNG VẬY

Một ông nghị-sĩ Quốc-Hội Pháp vừa rồi giới thiệu vợ ông với Đại-tướng De Gaulle (Đờ-Gôn) :

— Thưa Đại-tướng, đây là vợ tôi, một người theo phe Đờ-Gôn,

Đại-tướng Đờ-Gôn đáp :

— Vợ tôi cũng theo phe Đờ-Gôn.

B. T. \

TRIỆU PHÚ!

★ VƯƠNG - HỒNG - SẼN

XE chạy đang ngon trốn, bỗng nghe một tiếng nổ hết hồn. Tiếng nổ Cuối trong rừng vang trả lại nghe càng thêm rùng rợn. Nhờ chạy xe lâu năm nên có chút kinh nghiệm, tôi cố kềm tay lái thật vững vì nó lắc-lư đảo-đảo như lên đồng. Lơ-dễnh lúc này, rủi xe hơi xuống hố thì có nước bỏ mạng giữa rừng già. Xe ngừng, tôi bước xuống coi kỹ thì vô sau phía trái đã lồi phèo. Sướng chưa? Thế là má bù trê nói không sai, lúc khởi hành tôi không chọn ngày. Bây giờ buộc lòng phải tuân theo số mạng và rán chịu lấy vận thời. Ai dè bây giờ mình phải ở lại trên con đường cô-quạnh Đà-lạt, một mình trơ trọi trong khoảng vắng giờ trưa, không một ai bầu bạn, dưới ánh nắng hầm hầm như báo tin sẽ chiều mưa tối lạnh. Đã không phương chạy chữa duy còn nước còi áo, ra tay vá, bơm và tự làm bánh làm vô lấy mình. Tôi vừa kê con

đội, vừa nhắc-nhắc lên được mấy cái, thì nghe một tiếng «rắc», coi lại cò con đội đã gãy lợi không còn dùng được nữa. Còn gì vui hơn?

Trong lòng trước đã không vui, nay mới thiệt là đứt ruột. Nhớ năm nào đây cũng khoảng đường này voi bày ra nhờ cột dây thép, phá phách đường xe lửa, và lựa phải nói chuyện năm xưa, cách đây không lâu mấy, ít có xe nào dám chạy lêu-lêu một mình vì sợ nạn mấy ông kẹ có súng thì hành kẻ kinh-tế mạo hiểm, rách-rạn đường, đã tịch-thu tiền bạc, lột y-phục vòng vàng mà chớ, có khi còn mời luôn bộ hành vào rừng sâu cầm chơn chơi vài bữa chợ quen với cơm nắm, muối mòng, đĩa vắt. Bóng càng xế, gió chiều càng tăng thêm cảnh cô-tịch. Tôi lấy thuốc lá ra đốt phì-phà cho qua thời giờ, mình rợn rợn nổi ốc, vì tiết trời lạnh cũng có mà nhiều hơn là vì sợ chuyện không may xảy đến vô chừng...

Bỗng từ đằng xa thấy như có một chiếc xe lù-lù leo dốc, . . Mừng quá, tôi ra hiệu xin cấp cứu. Xe ngừng, một người ú-na ú-năn cạp giò ốm nhom, loi-choi từ trên xe tuột xuống.

— Ông muốn gì ? người ấy vừa hỏi vừa chào.

Tôi chưa kịp trả lời, thoát y vỗ mạnh vai tôi, la lớn :

— Ủa ! Cốt-Đột đây mà ! Đi đâu vậy ? Mày còn nhớ tao không, Cốt-Đột ?

— Nhớ chứ ! Tôi vội đáp. Sao lại không nhớ. Tôi vừa nói vừa suy-nghĩ.

— May phước cho mày. Nếu tao nhìn được mày mà mày không nhớ tao thì buồn lắm da, phải hay không, Cốt-Đột ?

Kỳ thật, mặt xừ này tôi nhớ lắm. Quên làm sao được cái mặt mâm-thịt là thịt đã từng cùng nhau chạy giặc năm 1945-46 tại Đồng Chắt-Đốt; giáp ranh hai hạt Sốc-trắng — Bạc-liêu ? Mặt mâm đã từng ăn cực uống khổ với tôi ngót hai tháng trời giữa cảnh trời nước mênh-mông trên hai ghe tàn cư bình-bồng không lia nhau nửa tấc. Những chuyện lắt-nhất như vậy tôi đều nhớ rõ không sót một mảy, duy cái mà mình muốn nhớ và cần nhớ hơn hết

lúc này thì không sao đào ra nổi : tôi muốn nói cái tên cúng cơm của thằng đã mắng tôi là Cốt-Đột. Lẽ đáng mình phải biết tên sò lòng của nó để khi tiếp chuyện, xưng hô cho thêm thân mật, cũng y như nó đã ban tặng mình : khi S... này, S... nọ, Cốt-Đột ơi, Cốt-Đột hỡi ; nhưng đang cảnh ngộ éo-le như mình, giữa lúc này mà hỏi danh tánh nó, thì thiếu tâm-lý quá, huống hồ mình định nhờ nhờ nó để vá ruột ráp vỏ xe cho... ♪ hăm tướng thằng mập này tuy dài-bôi ngoài miệng chớ bề trong cũng có bọm ưà hờn mát như mình ! Đang nghĩ-ngợi, nó lại vồn-vã : « Cốt-Đột ơi ! Tụi mình không gặp nhau đã có tới mười lăm-năm rồi phải không ? Mười-lăm chìm nổi như nàng Kiều, ha ha ! Mày có nhớ miếng thịt bò Chắt-Đốt một đồng rưỡi một ký-lô ?

Bao nhiêu câu hỏi dồn-dập tới tấp, tôi chưa trả lời được câu nào, kể nó bắt qua chuyện khác ; ở làm gì đây ? Con đội hư hã ? Dễ ợt ! Hơi đâu mà rầu buồn với những thứ đồ nghề đó.

Miệng nó nói liên liên không lảnh da non, nhưng tay nó cũng gọn đến. Nó vừa đội vừa vá ruột, vô vô cấp kỳ, và chỉ trong giây lát mọi việc đều xong xuôi.

— Bây giờ mầy đi đâu đây ?

— Đi Đà-lat.

— Quên nữa ! Tao cũng lên đố. Lên sao cho kịp buổi cơm chiều này.

— Còn tao, tôi nói sau một tiếng thờ dài, tao phải chờ đến sáng đến chiều mai mới tới trên nấc chiếc xe tê-lê này cho phép !

— Có khó gì ! Mầy khỏi lo cái nạn đó. Bây giờ nếu bỏ xe mầy lại đây thì cũng hơi bất tiện đó chút. Vậy thì mầy hãy rán lái xe cho nó lết tới Blao. Tối đó có hằng sửa xe quen với tao. Mầy bỏ đó cho nó o-bế lại. Mầy thì qua xe tao, tao chở mầy lên trên thì dễ ợt. Chừng mai một xe mầy sửa chữa xong, chừng ấy tao sai trẻ xuống kéo lên cho mầy. Thằng mập nói câu chót rồi cười cái miệng chẳng hoạt xé gần giáp tới lỗ tai. Thằng làm sao, bề ngoài coi ô-dề, thô-lỗ, mà bề trong nhơn nhơn quá chừng. Cái cách nó mời lịch-sự đến thế, làm sao mà từ chối với nó cho được.

Ngó lên xe, tôi cố ý kiểm tẩm bằng địa chỉ chủ xe nhưng không gặp. Tôi giả dò chừng hững : « Ừa lạ ! Sao xe này không có tẩm lặc ? »

— Chưa có ngày giờ gần vô !
Xe này tuy cũ nhưng tao mới
sắm chỉ vài hôm thôi. Xe còn

chạy thử. Lắc với léo làm gì.
Mà ai dám hỏi lắc tao ?

Đó rồi mạnh ai nấy leo lên xe mình và chạy nối đuôi nhau, nó trước tôi sau, hết cây số này đến cây số khác, trong bụng tôi thầm vái sao cho có một tai nạn xảy ra, không gặp ông cò ông cầm ông hiến binh, cũng đừng đâu ông kẹ rừng xanh, không nữa bọn tàn quân Bình-Xuyên, vì tôi chỉ mong có người chặn khám xét giấy tờ để nhờ đó biết tên thằng mập đang lái xe chạy trước mặt. Nhưng dọc đường vẫn bình an vô sự.

Đến Blao, anh chủ hãng xe
niệm nở với mặt và xem bộ ki-
nê nó lăm. Lật đặt đem xe tới
vô hãng... Rồi từ đó tôi leo qua
xe mặt, hai đứa tôi trực chỉ Đà-
Lạt. Dọc đường nó nói đồ bọ
dãi nhưng tôi vẫn chưa nhớ
được cái tên của thằng trời đánh
này là gì. Tôi đề ý lúc đàm đạo
với chủ hãng xe Blao, và cố ý
lóng tai nghe thì bọn nó xưng hô
với nhau, hai đứa gọi nhau cũng
bằng hai tiếng Cốt-Đột mà nó đã
ban cho tôi từ sớm giờ, thành
thử Cốt-Đột này với Cốt-Đột nọ
và Cốt-Đột kia, chỉ vồn-vẹn ba
thằng Cốt-Đột !

Đến Di-linh, mậ cho tôi ăn
một bữa cơm vĩ-vèo. Sản bung

đổi, tôi ních ngon lành, trong khi nó nói miệng không lành. đa nơn : đủ đều, đủ chuyện, nào từ khi tàn cư về, vất vả làm sao, làm nghề chụp ảnh dạo bữa đôi bữa no làm sao, rồi qua nghề bán xe hơi nửa xạc, đến bây giờ nhờ làm quen được một thương gia Huê-kỳ nó giao cho làm đại-lý xe ô-tô hiệu Mỹ-quốc, bán cho đến ngày nay không nhớ là mấy ngàn chiếc, rồi trở nên triệu phú, nay lên Đà-lạt là do lệnh nó dạy lên điều-dinh đề lập một chi nhánh trên đó, việc trước việc sau nó kể lại không sót một mảy may, duy cái tên trời đánh thánh vật của nó, nó vẫn kiêng cử như tên húy ông tam-dại. Còn tôi, thì nghĩ mãi mà vẫn không sao nhớ ra.

— Hăng của mày, tôi hỏi khéo, ở Sài-gòn, lấy hiệu là gì ?

— Hiệu « Sao băng ».

— À ! tên của mày, viết ra làm sao, tao đã quên lửng.

— Khó khiết gì ! Đọc sao viết vậy. Cốt-đột, khéo hỏi chuyện vu-vơ !

Thế là tôi lại cầm miệng hến. Nói chí miêng, lúc ấy tôi vừa giận thầm vừa khó chịu, giận vì trí óc dờ mờ, khó chịu vì người ta biết tên thiệt của mình, người ta thân mật tử-tế, đủ điều, ban cho mình tên « Cốt-Đột » thế mà

đến tên họ người ta, tại sao mình lơ-mơ lẫn-thần đến nước này cho được.

Còn năm cây số ngàn nữa là tới chợ Đà-lạt, hai tôi ghé quán-cà-có uống la-ve. Tình càng ngày càng đậm. Tôi nảy ra một ý-kiến mới.

— Ê Cốt-Đột. Này giờ tao quên nói với mày một chuyện. Tao chuyến này đem tiền theo ít quá. Chớ chi mày có sẵn tập ngân-phiếu, mày ký cho tao một tấm. Bận về, tới Sài-gòn, tao sẽ huồn lại không sai.

— Được ! Được ! Không hề gì chuyện đó. Mà mày cần dùng bao nhiêu ?

— Chừng vài ghim được không ?

— Tưởng là nhiều cà ! Bấy nhiêu đó thì tao có sẵn, không cần đến sét. Cốt-Đột khéo giả ngộ. Lấy tiền mặt mà xài cho dễ, lại đòi sét cho thất công người ta !

Đoạn anh ta móc ví đưa cho tôi ba xấp giấy xăn, thế là cái kế của tôi hỏng nữa. Nhưng tôi còn cầu may chưa chịu thôi.

— Đây này, viết máy của tao đây. Viết giống gì thì viết dạng tao « hạ tờ » trót thề.

Nhưng anh ta xua tay mà rằng : Cốt-Đột khéo giả ngộ hoài,

Tao với mày mà giấy má làm chi cho rộn !

Tôi "khựng" một chỗ như thằng cầm ăn ớt, không còn biết phương-thế gì khựi cho ra tên thằng bạn "mắc dịch" này. Hà huống mình mới thò tay thọ lãnh của người ta ba nghìn bạc cất chỉ, không giấy tờ không biên lai thu nhận. Mình dại quá, tôi nghĩ thầm, lát nữa đến phòng ngủ thì nó phải trình giấy căn-cước là mình biết tên nó ngay. Nhưng chuyện không phải dễ như ý muốn, vì đến khách sạn bạn tôi đậu xe cho tôi xuống mà rằng :

— Tao chưa tiện ở lại đây chơi với mày. Vậy mày cứ nói với công-táp tự giới-thiệu mày là khách quý của tao. Rồi mai này hai đứa mình sẽ gặp nhau nữa. Từ đây đến đó như mày có cần dùng đến tao thì hãy gọi điện-thoại, số : . . . , ấy là nhà của người bạn chỗ tao năng lui tới, cũng một Cốt-Đột như hai đứa mình !

Nó vừa nói vừa hô to số đây nói cho tôi ghi vào sổ tay, đoạn nó rõ xăn chạy tuốt. Đêm ấy tôi không sao ngủ được, trông cho mau sáng đặt gọi số điện thoại của nó. Mãi đến tám giờ sáng, bắt đầu làm việc, mới có trả lời.

— Phải số... đó không ? Anh

là điện thoại viên đó hả ? Ở đây tôi là một khách ngụ tại nhà hàng... Tôi nhờ anh gọi giùm cái ông vừa ghé nhà ông chiều hôm qua.

— Thưa ông, chiều hôm qua, nhà chủ tôi tiếp đến hai ông khách: một ông có vợ và một ông đi mình-ên, chẳng hay ông muốn gọi ông nào ?

— Phải rồi ! Xin gọi giùm cái ông đi mình-ên đó.

— Dạ được ! Nhưng xin ông làm ơn cho tôi biết tên, kéo tôi, gọi làm sẽ bị quở.

— Xin rón chịu khó giùm tôi. Nếu bị quở, tôi sẵn lòng xin lỗi thế. Người tôi muốn tiếp chuyện là ai thằng mập ú hôm qua đó mà !

Tôi vừa chờ cũng vừa sốt dạ. Kể nghe trong máy có tiếng người rõ thêm nữa, quả là lời nói của thằng đồng hành hôm qua.

— S... đó hả ? Mày không bành với tao chút nào. Sức bực con chó nó còn có tên, huống hồ gì tao, tại sao bạn này mày lại sai đi gọi tao mà mày bảo kêu giùm "thằng mập". Thôi được. Nói thì nói vậy, chứ tao không chấp mày đâu. Đứng mười giờ sẽ có tao ghé chơi với mày.

Tôi buông máy nói, ôm đầu

nào óc rần nhớ cái tên cứng còm của thằng suôn - dịch mà không sao nhớ nổi. Bỗng tôi hội ý, làm gì trong khách sạn lại không có một nhân-viên biết mặt biết tên những người quen lui tới chốn này.

Chưa mười giờ, tôi đã cùng người quản-gia ra đón khách trước thềm nhà. Từ đằng xa, X... vừa lộ mặt, tôi day qua quản-gia :

— Đó, người tôi muốn biết tên là đó.

Quản-gia chưa kịp trả lời, X... tiến tới trước mặt tôi, gọi « S... » một cách thân mật và siết tay thật mạnh. Quản-gia nguyền tôi một cái muốn sập trời và bỏ vô trong một nước.

X... nắm chặt tay tôi, tôi chưa kịp nói câu nào, thì X... hỏi hã : Tao không ở lâu với mày được. Còn cần phải giáp mặt kiến-trúc-sư về vụ ga-ra. Tôi mời nó trở lại mười hai giờ dùng bữa, nó không nhận nhưng hứa có thể buổi cơm tối nó sẽ trở lại. Nó đi rồi trọn ngày tôi như người mất hồn, trông cho trời mau tối. Đồng-hồ gõ bảy giờ rưỡi, theo mững cũ, tôi chực với viên quản-lý phiên gác tối, ra đón khách vì ông ta vỗ ngực khoe biết khắp những nhân vật hữu danh trên

này. Chừng X. đến, tôi liếc anh quản-lý, té ra va ầu quá, tôi tỏ vẻ không bằng lòng và day qua X. chào niềm-nở. Ngó lại thấy quản lý đã bỏ đi xa nhưng không quên tặng tôi một cái lườm không thua cái hờn trách của quản-gia buổi sáng. Nếu tôi cứ đà này mà hỏi thăm mãi thì có lẽ châu-thành Đà-lạt sẽ cho tôi là lập-dị nếu không phải thẳng diên. Tôi ngồi ăn cơm với X. nơi bàn danh-dự, khi thì X. ngoắc tay chào bạn tự bàn xa, khi thì X. cúi đầu đáp lễ một mỹ-nhân nơi tiệc giữa. Tôi có cảm-giác thẳng đối diện với mình phải có một địa-vị lớn trong xã-hội. Thế mà tôi vẫn không biết tên y mới khò cho chưa ? Ghephen tôi nảy ý muốn bóp tay làm nhục nó, đề có dịp trao đổi danh thiếp, rồi mặc muốn đánh lộn hay đưa nhau ra tòa đều được. May sao, mãi dự-dự rồi tôi không thực hành cái kế diên rồ này. Cơm rồi bắt qua hút xi-gà, hút đã rồi sang qua uống cà-phê, rượu mạnh. Ở phòng ăn bước ra, tôi mời X. sang phòng giải-trí, trông mong tên gác cửa sẽ chặn lại bắt ký sô khai danh tánh. Nhưng tên gác cửa vái chào kính cần không tra gạn đứa nào. Nhập sông, X. vẫn đeo kính bên

tôi, đánh dấu được đó, nó mừng rỡ lộ ra mặt khen tôi nào có « thiên-linh cái » phù-hộ, nào có bùa li h giúp đỡ, nào có « nhau mèo » yếm thân. Tan rống, X. mời cụng ly sâm-banh. Có chấm-chút lấy có, riêng tôi phần tức giận phần muốn làm cho lại gan nên tôi nốc hết ly này qua ly khác, đến ly thứ tư thứ năm gì đó thì tôi thấm rượu bắt định tâm-thần. Tôi nằm bâu áo nó mà vừa giục-giật vừa la lên mấy tiếng nhớ mai-mại như là : « Tức lắm ! Tức lắm ! Mày có chịu nói thiệt tên mày cho tao biết hay không ?

X. tỉnh khô, cười nhạt, gỡ tay tôi, nhỏ nhẹ : « Cốt-Đột say rồi ! »

Trong nhà xô-xát, đồ ra can thiệp và đưa hai tôi ra ngoài cửa...

Tôi hồ thẹn quá, bỏ X. đứng đó, chạy tuốt một hơi ra bến, vừa gặp xe hàng rồ máy, tôi leo lên, xe chạy một mạch trực chỉ Sài gòn. Đi ngang Blao thì ông chủ ga-ra vắng mặt... Tôi không

buồn lấy xe, trong bụng định ắt bị thư phù. Ếm quái gì hay sao mới xúi quẩy đến thế. Tối Sài-gòn tôi tắm rồi đánh một giấc ngon lành. Sáng ngày tôi làm một bụng no nê rồi lật sồ điện thoại kiểm ga-ra « Sao băng ». Sồ không đề tên chủ hãng. Tôi nhảy lên xe xích lô chạy lại địa-chỉ « Sao-băng ». Còn sớm quá, tôi chỉ gặp anh thợ-ký.

— Ông làm ơn, tôi hỏi, cho tôi gặp mặt ông chủ hãng này,

— Dạ, chủ tôi còn ở trên Đà-lạt. Ông có thể nói chuyện với ông Phó của chúng tôi được chăng ?

— Ông Phó của ông tên chi ?

— Dạ, tên TRIỆU.

Tôi mừng quýnh lên các bạn ơi ! mừng còn hơn trúng số độc đắc một triệu nữa đó ! Vì bây giờ nghe nhắc đến « TRIỆU » bỗng dưng tôi sực nhớ ngay ra thằng Cốt-Đột gặp trên đường Đà-lạt, chủ hãng « Sao băng », và anh em tỵ nạn vợ tôi năm xưa, tên là PHÚ !



★ MÊ VÀ YÊU

Văn-sĩ Marcel Aymé nói :

— Say mê một người đàn-bà thì dễ. Yêu một người đàn-bà thì hơi khó hơn. (On peut toujours adorer une femme. Il est moins facile de l'aimer).

Đêm sâu về ———

Ta muốn điếc những tiếng êm-thắm
Ru hồn ta như đứa trẻ trong nôi,
Một quán-trọ trong lòng ai êm-ấm,
Khi lạc loài trên nẻo vắng xa-xôi!

Quét phiêu-lãng còn vương thê lương đạm,
Tĩnh Núi-Nghê chưa cạn hết ly-bôi.
Sao Bắc-Đẩu tit mù xa thẳm-thẳm,
Kiếp tài-hoa còn hận mãi chưa thôi!

Sao nhiên đêm khuya bên bờ, cô-quạnh,
Ta âm-thầm ồm khóc áng sao rơi.
Nếu ta biết mặt Khu trời Vạn-Hàng,
Trắng khê tàn mà hoa cũng nhẽ trôi!

Ôi Giếng Thâm, biết bao giờ 'S' 'o' tạnh?
Nắng muốn chiều đã chết lịm trên mây,
Gim Đông-Tuyết, rã-rời tan nhúng máng,
Đêm sâu về tê-lạnh-lạnh, Đêm ôi!

thứ sáu. 6.59

Ng. 10



Những người Độc Mực

L. T. G. — Các nhân vật trong truyện này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.

Mong quý độc giả hiểu cho.

★ NGUYỄN - THU - MINH ★

(Tiếp theo P. T. số 15)

Không đợi tôi nói dứt câu, Hoàng, Thành cùng các bạn đã cười lên ha-ha, nghe rất đều già, di điểm, càng làm cho tôi bức tức thêm; chỉ muốn lánh xa các bạn mà ra về. Nhưng không nổi, vì tình-bạn lẫn cuộc vui không cho phép, đành ngồi im lặng như một kẻ chịu trận, trước những lời tấn công trắng-trợn về những « pha » khiêu dâm đáng liệt vào loại bất hủ !

Trống, kèn, giọng ca thánh mót của một nữ ca sĩ vẫn không làm sao lấn áp, đem lại cho tôi một ít vui, quên những lời nói đùa

của chúng bạn.

Bên tai tôi vẫn nghe đều đều lời của Hoàng và Thái :

— Thăng M. nó buồn rồi đấy cậu, không khéo nó cất phen nhảy tối nay thì nguy.

— Ô, đời nào nó làm thế, nó còn hứa sẽ đưa chúng mình đi ăn « chả » nữa đấy chứ !

— Này, M. ! cậu giữ lời, chứ đừng để anh em thất vọng nhé ! ... Thôi mà, uống với anh em cốc martell nữa rồi hãy đi.

— Mày chỉ khéo nịnh, đầu sao nó cũng cho tao hươ-hươ trước rồi mới đến mày mà !

— Nói vậy chờ tao đếch cần, miễn đề tao ngồi xem chúng mày chiếu xi-nê là đủ...

Thôi thì nhiều, nhiều... Càng uống rượu, các cậu càng hứng chí nói bừa, không những đối với tôi mà còn châm chọc lẫn nhau không chừa một ai!

Nghe mãi một hồi, tôi cũng dăm ra chai sạn hết cả dề dặt giữ ý-tử của những kẻ bảo hoa phong nhã trước mắt người đẹp ở nơi này. Nhưng, nói là nói vậy thôi, chứ càng sỗ sàng, dĩ điểm, xài phí bao nhiêu, các con người đẹp ở đây càng chú ý, lẫn xả đến bấy nhiêu, họ càng thích và muốn trao thản gửi phận ngay tối này không điều kiện, miễn là chúng tôi «mời»... và đếm hộ cho em năm bảy voi gọi là đền công trả nợ đầu kê tay áp sau một tối nhà tranh vẫn tưởng nhà ngói!

Mà thật, Nga, Thùy vừa đến đã chạy bỏ đến chúng tôi đề la cà tán gẫu chuyện trên trời dưới nước!... Đến ngay cả Dung cũng vậy. Càng lợi dụng chỗ quen biết với tôi đề tìm « sự nghiệp » khi những bóng đèn màu lịm tắt, vẫn cuộc kẻ vai, đấu vẻ. Nghĩ mà rùng mình cho cuộc đời. Những lúc này tôi muốn cười lên thật lớn, cần vào má bất cứ một cô gái nào cho hả-hê. Chửi đồng vai câu cho đã miệng với chúng bạn. Hoặc gục đầu xuống bàn mà khóc, mà la cho voi lòng sâu khổ vì bạn vì tình!

Đang quay cuồng với bao ý nghĩ ngấm ngấm về cuộc đời, bỗng Thành lay nhẹ vai tôi:

— Chúng mình đi ra ngoài chơi, ăn gì cho vui rồi trở lại nhảy hay sao?

Tôi đáp:

— Tùy các cậu, chứ mình sao cũng được, mà khổ chủ là ai? Cậu hay xù Hoàng?

Thái liền xen vào giải hòa chuyện « khổ chủ »:

— Mình đề nghị thế này: Bảy giờ lục túi tất cả rồi góp lại là hay nhất.

Nghe nói thế, Hoàng vội bác bỏ lời đề nghị và vờ đứng dậy như muốn tách riêng:

— Tớ nhất định không tán thành điều này, mình xin chia tay thôi...

Giữa sự ngạc nhiên của chúng tôi, Dung nhướn miệng cười đùa:

— Anh Hoàng thì luôn luôn đùa đề kiếm cách « ăn lẻ », đừng ai cho anh Hoàng đi riêng cả. Mà thôi, bây giờ anh Hoàng đi chầu này đi, có thiếu đã có Nga đấy.

Hoàng nghiêng đầu nhìn ngay vào Dung trả lời:

— Hết ai, Dung lại đi « hạ » anh thế? Vợ chồng gì mà chẳng thương nhau tí nào cả.

Thành cười đùa:

— Cậu ăn nói gì mà lao vạy, không nể nan gì tớ cả. Vợ cậu đấy à? Nếu muốn bảo là vợ, thì tớ đổ cậu điều này, nếu cậu biết được...

— Đổ quái gì, mày thì biết gì mà đổ.

Chúng tôi đồng cười rộ lên một cách hừng thú về những câu đùa lẫn nhau giữa Hoàng và Thành đến nỗi quên cả nghe nhạc, cùng chiêm ngưỡng dung nhan các nương ca sĩ.

Nga, Thùy nãy giờ vẫn ngồi chịu khó nghe chứ không tỏ bày, góp ý gì trong câu chuyện nên tôi định nhìn hai nàng sở dĩ như vậy, cố ý làm vui lòng chúng tôi mà thôi. Nhưng, vô tình xâu chìa khóa của tôi cầm tay rớt xuống đất, tôi cúi xuống để nhặt khi ấy mới hỡi ôi ! Thì ra hai nàng cũng đang say sưa hơn chúng tôi gấp bội, vì là say sưa của sự khoái cảm mạch máu căng phồng lên tận bắp vế, bàn tay...

Qua phút bắt chợp ấy, tôi càng vờ kéo dài sự tìm kiếm chìa khóa cùng đề đổi mất quan sát kỹ càng hơn tí nữa mà không ai lưu ý.

Tôi say mê một cách lạ kỳ, hơn cả cái thú kẻ chăn xích gối với nàng « thơ » như một chiều nào ít mưa và ít gió ! Và cũng chính nhờ sự bất gặp ấy, tôi mới nhớ rằng, Dung con người có thừa điều kiện ấy, đang ngồi sát bên tôi

chẳng thua gì cảnh Nga, Thùy với Thái và Thành.

Và, lẽ cố nhiên khi nghĩ đến thì sự cuồng nhiệt của khoái cảm trong người tôi phải trôi

dậy đề làm một cái việc rất Người của nó !

Lại rồi thay ! Không hiểu vì quá vội vàng hay vô ý khi tay tôi và Dung giao nhau, thoa nhẹ trên đôi vế nàng, làm cho nàng xoay lăn người qua lại trên mặt ghế đến độ giật nảy cả người lên tôi mới hoảng hồn,

Đến khi trở lại bàn, vừa đứng lúc phần tân nhạc vẫn cuộc, nhường thì giờ cho phần khiêu vũ.

Nhìn một số người ra về với dáng điệu uể-oải, mà lòng cảm thấy nao nao, thương hại cho ngày mai về cuộc đời trang lứa chúng tôi vô cùng... Nhiều lúc chính tôi cũng không hiểu nổi cả tôi đã và đang hoặc sẽ làm gì cho cuộc đời mình vui tươi.

Có tiếng Hoàng hỏi :

— Các cậu tỉnh sao, bây giờ đi ra ngoài ăn, uống, chơi một vòng rồi trở lại hay ở luôn đây ?

— Nên đi một vòng rồi trở lại.

Tôi liền đề nghị thêm :

— Minh nghĩ, chúng mình nên về có lẽ hơn.

Thái nhìn tôi với vẻ mặt ngạc nhiên :

— Cậu nói sao ? Điên mà về cái giờ này à ?

Hoàng tiếp :

— Nó đang sốt ruột vì em tôi;

ăn chè ở nhà-bé mà ! Bọn mình nên chia buồn với nó chứ ! Mà thôi, đi kiếm phở hay gì ăn đã các cậu, tớ hơi đói bụng rồi đấy. Xong, quay sang Dung, Thùy, Nga :

— Cả Dung, Thùy, Nga đi dùng gì với các anh cho vui luôn, chốc nữa trở lại, thì giờ còn sớm mà.

Thấy Dung, Thùy có vẻ ngần ngại, tôi vội đưa mắt mời thăm và nói :

— Dung, Nga,... đi đi. Anh mời mà định từ chối sao ?..

Cuối cùng rồi cũng đi tất cả, không sót một ai. Chúng tôi chia thành hai xe : Thái, Thành, Nga, Thùy một chiếc. Tôi, Dung, Hoàng một chiếc, nối đuôi nhau về hướng Chợ Cũ. Lẽ dĩ nhiên, Dung phải ngồi giữa cho được cân phân. Nhưng, bao nhiêu cảm tình của Dung đều dồn về tôi nhiều hơn.

Xe chạy được một trăm thước, thì một nguồn cảm hứng từ đâu trời dấy, tôi đưa tay ra ôm ngang hông nàng kéo mạnh vào lòng cân nhẹ lên má, tưởng chừng như không có Hoàng ngồi bên cạnh vậy.

Những bàn tay lại giao nhau, siết chặt qua từng hơi thở,

Thỉnh thoảng những chiếc xe ngược chiều, chiếu đèn lóe vào húng tôi, gây nên những luồng lạnh, ghê người, khi tôi nhìn

ngay vào mặt nàng, một màu tái-tái, loang lổ của các đường phấn, môi son. Tuy vậy, vẫn không làm sao chìm lắng nổi ở lòng tôi sự cuồng nhiệt ấy đang.

Bỗng Dung giật nảy cả người ra khỏi lòng tôi kêu lên như thất thanh :

— Ô ... ôi !..

Rồi tiếp theo, khi xoay sang Hoàng :

— Cái anh Hoàng này..., làm em đau cả người.

Thì ra, Hoàng cũng hơi bị kích thích nên đưa tay véo ngay vào hông nàng ở chỗ hờ của kẻ áo bị xóc lên.

Biết vậy, tôi và Hoàng chỉ nhìn nhau cười thầm biếu đồng tình chia nhau bốc hít. Và thú thật rằng lần gặp gỡ này, tôi đã không còn xem Dung như buổi đầu... tình bạn cũ của chồng nàng nữa. Mà là đúng nghĩa một cô gái làng chơi trá hình người vũ nữ, không hơn không kém gì những con người mà tôi đã bắt gặp ở những nơi khác như Chợ Hàng, Hànội, Champagne, Cầu Hàng v. v. ...

Tôi thần nhiên ngồi nhìn đi nơi khác, cốt ý để cho Hoàng được tự nhiên hủ hỉ với Dung cho thỏa tình mây mưa một phần nào trước khi vào cuộc giao đầu tria cà.

(Còn nữa)

Mình ơi!

★ DIỆU HUYỀN

Em muốn ra ứng-cử Dân biểu !

ÔNG Tú nằm vống đưa qua đưa lại, cặp mắt đã lim-dim. Bà Tú đến gần, nắm vống ngưng lại và ngồi ké vào, vừa gọi :

— Mình ơi !

Ông Tú buồn ngủ quá nhưng cũng mỉm cười :

— Coi chừng đứt vống té huịch cả hai đứa đấy !.

— Vống tờ chắc, đứt thế nào được.

Bà Tú gác luôn hai chân lên vống, nằm song-song cạnh chồng :

— Mình ơi !

— Ơi cái gì ?

— Hôm nọ em đi xem nhà in về, rồi mấy đêm nay ngủ mê cứ thấy máy in chạy rầm-rầm cả đêm và mực in dính đầy cả giấc mơ của em, mình à. Đủ thứ màu mực : xanh, đỏ, tím, vàng, như những cánh bướm đẹp thật là đẹp !

Ông Tú đã nhắm mắt mà cũng gắng gượng nói :

— Vậy thì mình đi năm chỗ khác, kéo dính mực in vào giấc ngủ của anh.

— Dính thì em giặt, mình khỏi

chẳng lẽ đồng bào lúc này đang muốn vươn mình lên Tự-do Dân-Chủ, có hàng vạn chuyện muốn thảo-luận với chính-phủ, có hàng muôn ý-nguyện muốn thực-hiện cho hạnh-phúc nhân - dân, mà chúng ta cứ khoanh tay ngồi ngó sao ? Riêng em, em muốn ra ứng cử vào Quốc-Hội, không phải vì danh lợi tiền tài, mà chỉ vì quyền lợi tự-do dân-chủ và hạnh-phúc của toàn Dân.

— Thôi, mình đừng bắt chước dùng những danh từ kêu rống tuếch như cái thùng thiếc, nhứt tại anh lắm rồi, Minh ơi !

— Em không cần danh từ rống tuếch, nếu em trúng cử làm dân-biểu, trước hết là em trích một nửa số lương dân-biểu mỗi tháng hai ba chục ngàn để làm nhà cho dân nghèo ở, mua gạo cho dân nghèo ăn, may áo quần cho dân nghèo mặc. Em mà nói sai lời thì trời sấm sét đánh em chết nhăn răng ra ! Không thì em đi ngoài đường bị xe cán em chết bẽ sở !

— Thôi ! Thôi ! Anh khuyên mình đừng có hy vọng làm dân biểu. Đàn bà lo việc nội trợ cho rồi. Chừng nào vú của mình dài xuống ba thước, lòng thông như vú bà Triệu-Âu, thì tha hồ mình cỡi voi múa kiếm, anh không ngăn

cản mình đâu. Còn như bây giờ,

— Sao mình khinh em thế ? Chớ sao hôm nọ mình dạy em bài thơ của bà Trịnh-dục-Tú, nữ Trạng sư Trung-Hoa, hay là là gì đó, nói :

Chàng như mây mùa thu,

Thiếp như khói trong lò,

Cao thấp tuy có khác,

Một thả cùng tuyết vớt !

Tại sao có những kẻ không tài giỏi gì hơn em cũng ra làm dân biểu quốc hội, mà em thì không làm được ? Em còn ghi nhớ rõ mồn một trong trí óc của em những tài liệu lịch sử của cuộc phụ nữ tranh đấu nữ quyền, mà Minh đã giảng dạy cho em nê hôm đi Long Hải, chứ không ư ? Này nhé, mình bảo : Từ đầu thế kỷ XVIII ở Pháp, do các nhà Triết học như Diderot, Montesquieu, và các nữ sĩ cách mạng Pháp khởi xướng, phong trào Nữ quyền được nhóm dậy đầu tiên trong cuộc cách mạng Pháp năm 1789. Năm 1791, bà Olympe de Gouges soạn ra bản "Tuyên ngôn Nữ quyền và Nữ công dân quyền" *Déclaration des Droits de la Femme et de la Citoyenne*, rất sôi nổi lúc bấy giờ. Năm 1848, một nhóm phụ-nữ cách mạng mưu đồ thực hiện chủ trương ấy. Câu

Đặc-bộ phụ-nữ xuất hiện ở Paris và các tỉnh. Năm 1849, một phụ nữ Pháp, lần đầu tiên trong thế giới, ra ứng cử dân biểu quốc hội. 1862, Phụ nữ nước Thụy-Điền (Suède) được quyền ứng-cử. 1869, Phụ nữ Anh được làm dân biểu, mặc dầu Anh-quốc là một nước Quân-chủ bảo thủ. Ở Mỹ, năm 1920, phụ nữ cũng được bầu vào Quốc hội, bên Úc năm 1908, ở Phần-Lan (Finlande) năm 1907, ở Na-Uy (Norvège) 1908, ở Đức, Tiệp-khắc, Áo (Autriche) 1919, ở Nga 1917 ở Hòa Lan 1919, ở Bỉ 1920, ở Đan-mạch (Danemark) 1915, ở Nhật 1947, v.v..

Như thế là Việt-Nam mình thuộc vào chuyển tàu bát của Nữ quyền mà tại sao mình còn ngăn cản em?

— Anh đâu có ngăn cản mình? Mình cứ việc ra ứng cử Dân-biểu Quốc-hội. Anh hoan nghênh cả hai tay hai chân.

— Thiệt không, hã mình? Mình bằng lòng cho em ra ứng cử nhé?

— Rất bằng lòng. Không phải là anh bằng lòng suông đâu nhé, mà ngày mai anh sẽ năn nỉ với ông Nguyễn-Vỹ cho anh hai trang báo *Phổ-Thông* mỗi kỳ, từ nay cho đến hôm bầu cử, để anh viết

bài cổ - động cho 15.000 độc-giã *Phổ - Thông* ở Saigon — Chợt lớn sẽ bỏ phiếu cho mình. — Thiệt không mình?Ồ! thế thì em sung sướng quá! Em mừng quá. Em yêu mình quá.

Bà Tú xoắn-xuyết đề môi lên môi ông Tú, hôn lấy hôn để, nụ hôn sau cùng nở một tiếng "chút" thật kêu, làm chiếc vông tơ lắc qua lắc lại xuyết một chút nữa thì ông Tú bà Tú té lăn cù xuống đất.

Ông Tú bảo :

— Nhưng...

Bà Tú trở mặt, hỏi :

— Ủa! Còn «nhưng» gì nữa đó, hã mình?

— Nhưng... anh đưa ra mình một điều kiện... Một điều kiện... duy-nhất, độc nhất... một điều-kiện mà tiếng La-tinh gọi là : *Sine qua non*.

— Nghĩa là sao?

— Mà chữ nho có thể dịch là *bất khả vô*.

— Nghĩa là sao chứ?

— Mà chữ Anh gọi là : *to be or not to be...* và chữ Pháp gọi là : *une condition indispensable, impérieuse*, là... là...

— Là điều kiện gì, Mình nói lẹ cho em nghe?

— Là nếu mình muốn ra làm

Dân biểu Quốc-Hội, thì mình phải cưới cho anh một cô vợ nữa để nàng ở nhà nấu cơm cho anh ăn. Chớ mình ra Quốc - Hội lo việc chính trị rồi bỏ anh ở nhà nhịn đói à ?

Bà Tú rồi rít lên :

— Em không chịu đâu ! Em không chịu đâu...!

Rồi bà thò tay vào cù-lét trong nách và trong cò ông Tú. Ông tú cười sặc-sụa, rồi bảo :

— Nếu mình không chịu cái điều kiện bắt đi bắt dịch ấy, thì việc mình đòi ra ứng cử Dân-biểu Quốc-Hội không thành vấn đề.

— Thôi, em không thèm ra ứng cử Dân-biểu nữa đâu. Mình khôn

thấy mồ ! Thà em ở nhà nấu cơm cho mình ăn, em còn thích hơn.

— Tùy ý mình. Chớ nếu mình nhất-dịnh đòi ra Quốc-Hội, thì mình phải cưới thêm người vợ nữa cho anh để lo việc nội trợ.

Bà Tú âu yếm ôm chặt lấy ông Tú, và rừ-rì bên tai :

— Em nói đùa thế chứ, em biết chồng em lắm. Nếu em mà làm dân biểu Quốc-hội thiệt sự, thì thế nào mình ở nhà cũng có mèo.

— Thế bây giờ mình còn nói chuyện nữ-quyền nữa thôi ?

— Thôi. Em hồng đại đâu !



★ L'AUBERGE CON CỐC

Trong kỳ thi Trung-học đệ nhất cấp vừa rồi, có bài luận Pháp-văn, mà đầu đề có chữ «L'auberge». (cái quán). Đại đa số thí-sinh vì kém Pháp-văn nên không biết nghĩa chữ l'auberge là gì. Có người hiểu là «bờ sông» (berge), người cho là «trái cà dái-dẻ» (aubergine), có người cho là «con chó béc-dẻ», có người cho là «vườn bông». Một giám-khảo thấy một Nữ-sinh cũng ngồi bần-khoãn lo nghĩ, liền khẽ nhắc dùm cho có là « cái quán cóc ». Nhưng giám khảo nói khê quá, cô nữ-sinh và hầu hết các thí-sinh ngồi mấy dãy bàn kế cận đều nghe là «con cóc». Thế là bài luận Pháp-văn-biểu tả cái quán cóc trong làng mà tất cả đều tả con cóc.

BA-TÈO

ĐÍNH CHÍNH

Vì có sự sơ sót của ấn công nên bài «Ván chương Thái Lan» ở trang 28, dòng chú thích bức ảnh, xin đọc lại là : « Dân chúng Xiêm đem hoa quả đến dâng Vua ».

Thành thật cáo lỗi cùng quý bạn đọc.

P.T.



BÓNG THỜI-GIAN

Hỡi cô gái mơ màng trong cửa sò
Nhìn trời Xuân nắng đẹp đồ vườn cây.
Cô nghĩ gì khi đôi má đỏ hây hây
Cùng phô sắc với đôi mày lá liễu,
Khi năm tháng chưa bao giờ báo hiệu
Chút suy tàn trên nhan-sắc, say sưa ?

Khi tuổi Xuân nguyên vẹn một làn thơ,
Trời xanh thắm, ông tơ còn bằng-tuyệt,
Bóng xuân đi trên màu da diễm-tuyệt,
Trên má hồng, trên mắt biếc huyền mơ,
Trên màu xanh hàng tóc liễu buông tơ...

Môi em thơm mùa hoa vườn Thượng-uyển,
Miệng em cười rung chuyền cả lòng anh !

Hỡi giai-nhân, hỡi sắc đẹp khuynh thành,
Bao ánh t-nh-hoa, trăng rằm đứng độ,
Mỗi khi thấy bóng chiều qua cửa sò,
Một ngày vui tắt hết về huy-hoàng,
Không hiểu sao ta cảm thấy mang mang !
Hỡi cô gái mơ màng đôi mắt biếc.

NGÔ-HỮU-BẰNG
Huế

Bi thơ của TÔN-VĂN là một người VIỆT-NAM : NG.-THAI-BẠ

★ THIÊN.SIN

Người sinh-viên xuất dương du - học thứ nhất là Lương-ngọc-Quyến (Lập-Nham) đặt chân lên đất Hoành-Tân vào mùa thu năm Ất-Tỵ (1905). Từ đó trở đi, phong trào Đông-du phát khởi ở nước ta mỗi ngày một mạnh-mẽ. Từ nước ngoài, cụ Phan-bội-Châu soạn bài «Khuyến thanh-niên du-học» in ra mấy ngàn tập giao cho cụ Tăng-Bạt-Hồ mang về phổ biến trong các tầng lớp dân chúng. Trong nước các cụ hô-hào thúc đẩy, thanh niên lục - tục xuất ngoại không ít. Em ruột Lương ngọc Quyến là Nghị Khanh đã thi đỗ tú-tài lập tức lên đường. Tiếp theo là số môn-đồ cụ cử Nhị-Kê (Lương-văn-Can) (1) cũng lật-đật ra đi như: Võ-mẫn-Kiến, Nguyễn - xuân - Mai, Bùi-như - Uyên, Nguyễn - Cầm-Giang (tức Nguyễn - hải - Thần) Nguyễn-Điền. Trong số có cả Nguyễn-Thái-Bạt.

Lúc bấy giờ, cụ Phan từ Hoành Tân qua Hương-Cảng để gặp mặt vài chí sĩ từ nước nhà mới qua và cũng đề xếp đặt chỗ ăn

nơi ở cho anh em du học-sinh. Muốn thử chí khí những thanh niên này cụ bèn đặt ra lời nói « Hiện giờ học sinh ra đời học tất phải có học - phí nhưng nhờ đảng chịu chi đủ học phí tất không khó khăn. Vậy trong anh em, những ai can đảm như Ngũ Tử Tư thì sẵn sàng đi học hoặc đội củi nuôi gia đình ? »

Nguyễn Thái - Bạt đứng ứng mộ ngay. Ông đổi tên là Lý phục Hán hầu tránh sự dòm ngó của mật thám Pháp. Những ngày lưu tại Trung Quốc Nguyễn Thái Bạt đã đi làm mướn gánh thuê để độ sinh hoạt.

Sau ông được cụ Phan cử đi trước cho đi đáp tàu qua Nhật nhập học ở Chấn-Võ học binh cùng với Lương Ngọc-Quyến Nguyễn Điền, Nguyễn Thuần Canh...

Thời gian sau, vì đường đi xa ngoài giao Pháp, Nhật, chính quyền bảo hộ yêu cầu Nhật trực xuất tức khắc các môn sinh. Cách mạng Việt-Nam, trong

có cả Kỳ ngoại hầu Cường Để
và giải tán học sinh đoàn.

Cùng với các bạn đồng học
như Trần hữu Lực, Nguyễn
Tiểu Đầu (Bá Trắc) Nguyễn
Thái Bạt chạy qua Tàu và được
cụ Phan vận động cho vào học
tại quân hiệu Quảng Tây lục
quân cán bộ học đường.

Suốt thời gian sống trên đất
Trung Quốc, nhờ có tài văn
chương Nguyễn Thái Bạt được
cất nhắc lần lần làm Thiếu Ủy
rồi làm bí thư cho Tôn Văn,
lấy người con gái nuôi của
Tôn. Sau về nước Ông bị Pháp
bắt. Lúc dau-diu với thiếu-nữ
đó, ông làm hai câu thơ :

Thiên vị anh hùng tiền muộn
khá

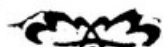
Có giao hồng phần bạn giốn
công

(Trời muốn cho người an
hùng đỡ sầu muộn, nên ch
người mặt phần làm bạn với an
làm muộn) (2).

T. S.

(1) Cụ là thân sinh của Lương
Lập-Nham và Nghị-Khanh, và
một yếu nhân của trường Đông
Kinh Nghĩa-Thục.

(2) Theo tài-liệu của Nguyễn
Hiển-Lê trong cuốn Đông-Kinh
Nghĩa-Thục.



★ QUẢNG CÁO CƯỚI VỢ

Trong tờ báo Pháp « Le Chasseur français » có đăng nơi mục rao v
máy giồng sau đây :

« Người cha 79 tuổi, công chức hưu-trí, và người con 58 tuổi đơ
làm việc công-sở, muốn cưới một lượt hai mẹ con góa chồng. »

★ CON MÈO KHÔNG SAY

Bà Tèo bà Bú Bú nói trong tiệm rượu. Bà Bú bảo :
— Anh Ba Tèo à, anh say quá xá say rồi đó Thôi, đư
uống nữa.

Bà Tèo :

— Tôi chưa say mà, anh ! Kìa, con mèo đang ở ngoài c
đi vô, nê: tôi say thì tôi thấy nó có bốn con mắt. Nhưng tôi ch
say cho nên tôi thấy nó có hai con mắt thôi.

Bà Bú cười hà hà :

— Anh Ba Tèo say rồi ! Con mèo đi ra chợ không ph
đi vô !

Bí thư của TÔN-VĂN là một người VIỆT-NAM : NG.-THAI-BẠT

★ THIÊN-SINH

Người sinh-viên xuất dương du - học thứ nhất là Lương-ngọc-Quyến (Lập-Nham) đặt chân lên đất Hoàn-Tân vào mùa thu năm Ất-Tý (1905). Từ đó trở đi, phong trào Đông-du phát khởi ở nước ta mỗi ngày một mạnh-mẽ. Từ nước ngoài, cụ Phan-bội-Châu soạn bài «Khuyến thanh-niên du-học» in ra mấy ngàn tập giao cho cụ Tăng-Bạt-Hồ mang về phổ biến trong các tầng lớp dân chúng. Trong nước các cụ hô-hào thúc dấy, thanh niên lục - tục xuất ngoại không ít. Em ruột Lương ngọc Quyến là Nghị Khanh đã thi đỗ tú-tài lập tức lên đường. Tiếp theo là số môn-đồ cụ cử Nhị-Khê (Lương-văn-Can) (1) cũng lật-đật ra đi như: Võ-mẫn-Kiến, Nguyễn - xuân - Mai, Bùi-như - Uyên, Nguyễn - Cầm-Giang (tức Nguyễn - hải - Thần) Nguyễn-Điền. Trong số có cả Nguyễn-Thái-Bạt.

Lúc bấy giờ, cụ Phan từ Hoàn-Tân qua Hương-Cảng để gặp mặt vài chỉ sĩ từ nước nhà mới qua và cũng để xếp đặt chỗ ăn

nơi ở cho anh em du học-sinh. Muốn thử chỉ khi những thanh-niên này cụ bèn đặt ra lời nói : « Hiện giờ học sinh ra đông, học tất phải có học - phí, nhưng nhờ đảng chịu cho đủ học phí tất không kham. Vậy trong anh em, những ai có can đảm như Ngủ Tử Tư thối sáo dọc chợ hoặc đội củi như Châu Mãi Thần chẳng ? »

Nguyễn Thái -Bạt đứng ra ứng mộ ngay. Ông đổi tên lại là Lý phục Hán hầu tránh sự dòm ngó của mật thám Pháp. Những ngày lưu tại Trung Quốc, Nguyễn Thái Bạt đã đi làm mướn gánh thuê để độ sinh ăn học.

Sau ông được cụ Phan cấp tiền cho đi đáp tàu qua Nhật nhập học ở Chấn-Võ học hiệu cùng với Lương Ngọc-Quyến, Nguyễn Điền, Nguyễn Thúc Canh...

Thời gian sau, vì đường lối ngoại giao Pháp, Nhật, chính quyền bảo hộ yêu cầu Nhật trục xuất tức khắc các nhà Cách mạng Việt-Nam, trong số

có cả Kỳ ngoại hầu Cường Để và giải tán học sinh đoàn.

Cùng với các bạn đồng học như Trần hữu Lực, Nguyễn Tiểu Đầu (Bá Trắc) Nguyễn Thái Bạt chạy qua Tàu và được cụ Phan vận động cho vào học tại quân hiệu Quảng Tây lục quân cán bộ học đường.

Suốt thời gian sống trên đất Trung Quốc, nhờ có tài văn chương Nguyễn Thái Bạt được cất nhắc lần lần làm Thiếu Ủy rồi làm bí thư cho Tôn Văn, lấy người con gái nuôi của Tôn. Sau về nước Ông bị Pháp bắt. Lúc dan-diu với thiếu-nữ đó, ông làm hai câu thơ :

*Thiên vị anh hùng tiếu muốn
khải,*

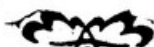
*Có giao hồng phấn bạn giống
công**

(Trời muốn cho người anh hùng đở sấu muốn, nên cho người mặt phấn làm bạn với anh làm mướn) (2).

T. S.

(1) Cụ là thân sinh của Lương-Lập-Nham và Nghị-Khánh, và là một yếu nhân của trường Đông-Kinh Nghĩa-Thục.

(2) Theo tài-liệu của Nguyễn-Hiến-Lê trong cuốn Đông-Kinh Nghĩa-Thục.



★ QUẢNG-CẠO CƯỚI VỢ

Trong tờ báo Pháp « Le Chasseur français » có đăng nơi mục rao vặt máy giồng sau đây :

« Người cha 79 tuổi, công chức hưu-trí, và người con 58 tuổi đang làm việc công-sở, muốn cưới một lượt hai mẹ con góa chồng.»

★ CON MÈO KHÔNG SAY

Bà Tèo và Bà Búa gặp trong tiệm rượu. Bà Búa bảo :

— Anh Ba Tèo à, anh say quá xá say rồi đó Thôi, đừng uống nữa.

Ba Tèo :

— Tôi chưa say mà, anh ! Kìa, con mèo đang ở ngoài cửa đi vô, nếu tôi say thì tôi thấy nó có bốn con mắt. Nhưng tôi chưa say cho nên tôi thấy nó có hai con mắt thôi.

Bà Búa cười hà hà :

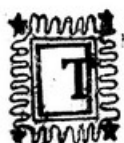
— Anh Ba Tèo say rồi ! Con mèo đi ra chỗ không phải đi vô !

NHÂN VẬT XUẤT SẮC THỜI
NAM — BẮC PHÂN TRANH

ĐÀO - DUY - TỪ

Không - Minh của Việt - Nam

★ PHONG-CẨM



R O N G khi
Trịnh - Nguyễn
tranh hùng,
nước Việt-Nam
bị chia cắt thành
hai khu vực

Nam-Bắc đối chọi nhau, suốt 45 năm hai bên đánh nhau 7 lần. Quân chúa Trịnh luôn-luôn tìm cách xâm nhập miền Nam, nhưng trước sau đều phải dừng lại dưới Lũy Trường-dục rồi rút quân về nhiên hậu không tiến phạm Thuận hóa được.

Lũy Trường-dục trong thời-kỳ đó nghiêm nhiên trở thành tường đồng, vách sắt của miền Nam.

Ai đã xây nên Lũy Trường-dục ? Và Lũy Trường-dục xây vào năm nào ?

Ngày nay có ai qua làng Cự-tài, tổng An-sơn, phủ Hoài-nhơn, tỉnh Bình-bình (Qui nhơn) tất sẽ thấy lăng thờ ông Đào

Duy-Từ, chính ông xây nên Lũy Trường-dục (1) và là một nhân-vật xuất-sắc giữa thời Trịnh Nguyễn phân-tranh.

ĐÀO DUY-TỪ KHÔNG-MINH VIỆT-NAM

Trong những trang sử Việt, khi chép tới « *Tình thế họ Nguyễn ở miền Nam* » các sử gia đều nhắc tới Đào Duy-Từ, một nhân-vật có công lớn trong việc giữ gìn cương giới trên hai mặt quân sự và ngoại giao.

Ông nổi tiếng là một Không-Minh Gia-Cát Việt-Nam nhờ làm bài văn « *Ngọa Long Cương* », tự ví mình với Gia-Các-Lượng, nhưng chính là nhờ tài thao-lược xuất-chúng của ông.

(1) Còn có tên gọi là « *Lũy Thầy* »

Giữa lúc chúa Trịnh có trong tay một quân lực hùng hậu luôn luôn tìm cách chiếm - cứ miền Nam, nếu không có những nhân-vật lỗi lạc như Đào Duy-Từ đoán biết trước các âm mưu của chúa Trịnh để kịp thời đối phó thì cục-diện hồi ấy biến chuyển đến đâu ? Chắc hẳn tình thế miền Nam không được tươi sáng như trong sử ghi chép.

Cho nên vì kính phục cái tài đoán đầu trúng đó và bấy lần đẩy lui quân Trịnh mà người đương thời đều coi Đào Duy-Từ là một Khổng-Minh Gia-Cát Việt Nam.

NGƯỜI CHÂN TRAU ANH HÙNG

Đào Duy-Từ quả có công lớn trong việc gìn-giữ nền độc-lập của miền Nam, nhưng tổ-tiên và nơi chôn nhau cắt rún của ông không phải ở miền Nam. Xuất thân, là một thư sinh nơi đất Bắc, người làng Hoà-trai, phủ Gia-tĩnh, tỉnh Thanh-hóa, sanh năm 1571 trong một gia đình sống về nghề hát Chèo.

Là một thư-sinh nghèo, song Đào Duy-Từ rất thông-minh, học thuộc lòng cả Cửu-lưu, Tam-giáo. Năm 21 tuổi cha mẹ mất cả ông vui đầu vào các pho Kinh-

Sử đề chờ dịp thi. Dịp thi đến, ông bị loại vì là con nhà xướng ca, luật lệ thời bấy giờ khắc nghiệt thế ấy. Ông đành ôm oán-hận trở về.

Nghiem thấy đất Bắc khó tìm được chỗ dung - thân nên ông quyết chí đi vào miền Nam. Vì nghèo khổ lại lạ người, lạ cảnh, đầu có tài cũng chẳng được ai tin dùng, bắt buộc dĩ ông phải đi ăn xin từ làng này qua làng khác, lần hồi đến được Bình-dịnh.

Nghेe đồn có ông Lê-Phú ở làng Tài-lương là tay cự phú, trong nhà nuôi hàng ngàn con trâu đang cần người chăn. Ông liền tới nơi xin làm. Từ đó ngày ngày ông đuổi trâu ra đồng, để trâu tha hồ kiếm ăn, còn ông ngồi một chỗ ôn-nhuần Kinh-Sử. Đêm đêm về nhà rúc vào bồ lúa mà ngủ như đũa mực-phu, tuyệt nhiên không ai biết ông là bực hiền tài.

Ông Lê-Phú tánh tình hào-hiệp chiêu-hiến đãi-sĩ không ai bằng, thỉnh-thoảng ông mời các nho-sĩ trong làng đến hội họp tại nhà bàn luận văn-chương thi-phú, xem xét việc đời xưa, đời nay rất là tâm-đắc.

Hôm ấy, nhà ông Lê-Phú có cuộc hội-họp nho-sĩ, giữa lúc ai nấy nhao-nhao bàn luận thì

ông lừa trâu về tới, mình trần, quần cụt, tay cầm roi, ông đến bên cửa nghiêng mặt nhìn vào. Các nho sĩ có vẻ không bằng lòng xua đuôi đi. Ông Lê-Phú bực mình quát mắng :

— Mi là kẻ chăn trâu thuộc hạng tiểu-nhân biết gì đến đạo Không-Mạnh mà vác mặt vào đây? Các nho-sĩ đang đàm luận trong nhà này toàn là bậc trượng-phu quân - tử tại sao mi chưa biết hổ thẹn mà cút đi !

Ông Đào Duy-Từ cười đáp :

— Chăn trâu không phải là xấu, cũng có kẻ chăn trâu anh hùng mà cũng có dứa nô bộc, nhà nho cũng có nhà nho quân-tử, cũng có nhà nho tiểu-nhơn, cao thấp không đồng, hiền ngu phân-biệt.

Các nho-sĩ ngạc-nhiên hỏi :

— Theo mi thì ai là nho quân-tử, ai là nho tiểu-nhơn ?

Ông đáp ,

— Nhà nho quân-tử, ngó lên trời thì rõ thiên-văn, nhìn xuống đất thì thông địa-lý, trong gia đình thì trọn đạo luân thường, ngoài xã-hội thì đủ tài kinh tế, hiểu rõ việc nước, thông suốt nhân-tâm, lập sự nghiệp trên đời lưu tiếng thơm muôn-thuở. Thí dụ ông Y-Doãn nhà Thương, ông Thái-Công nhà Chu, ông Võ-Hầu nhà Hán.

Còn nho tiểu-nhân là lấy cái lạc làm mỗi câu danh lợi, bán

ré lương tâm, suốt đời chỉ chuyên lòn cúi mưu-cầu phú-quý, vô sự thì khoe-khoan khoác-lác, hữu sự thì co đầu rúc cõ than-khóc ti-tê, lúc nào cũng mưu sự có lợi cho mình như gã Ân-Hạo, Vương-Diển đời Tấn, An-Thạch đời Tống bìa miệng hầy còn, gấm thật đáng chê.

Các nho sĩ hỏi dồn :

— Đó là nho quân-tử, nho tiểu-nhân, còn thế nào là chăn trâu anh hùng chăn trâu nô-bộc ?

Đào Duy-Từ đáp :

— Chăn trâu anh hùng có rất nhiều kẻ như Ninh-Thích gây dựng được nước Lê, Trung Lúa ở đất Điền đang chăn trâu mà khôi - phục được thành Yên, Hứa Do chăn trâu trên núi mà biến-bạch được đời trị, loạn, nước mất hay còn, Bá-Lý Hề chăn trâu nơi Tần già mà biết được lúc thịnh lúc suy ai là hôn quân ai là chơn chúa.

Trái lại kẻ chăn trâu nô bộc thì tâm-trí ngu ngờ, đói ăn, khát uống, đêm ngủ quên dậy, ngày thả rong trên đồng ngêu-ngao năm ba câu hát, việc đời việc nước tịt mù còn nói mà chi.

Các nho sĩ nghe xong thầy đều kinh ngạc, bái phục làm thầy rước ngồi lên ván. Lê-Phú cũng không khỏi ngạc-nhiên

hỏi Đào Duy-Từ về Bá-gia, Chu-Từ, Tam-giáo, Cửu-lưu ông đều trả lời xuôi rọt. Bây giờ Lê-Phú mới rõ ông là kẻ hiền tài, liền cấp cho quần áo làm thầy dạy học.

NGỌ - LONG CƯƠNG VÂN

Quận công Khâm lý — Trần-Đức-Hòa coi việc thu thuế vận lương cho chúa Sãi Nguyễn-Phúc-Nguyên là chỗ suôi gia với Lê-Phú, nhưn dịp về Bình-định nghe đồn nhà Lê-Phú có kẻ chặn trâu kỳ tài liền giả tiếng tới thăm.

Gặp Đào Duy-Từ bàn luận việc nhà việc nước, việc nào ông cũng trình bày thông suốt. Bước sang địa hạt văn-chương, thi-phú ông càng thao-thao bất-tuyệt khiến Quận-công Trần mến phục vô cùng. Quận công mới xin với Lê-Phú đề ông về giúp việc cho mình.

Một hôm Quận công Trần nói với Đào Duy-Từ :

— Ta xem nhà ngươi là tay văn-chương lỗi-lạc, thừa sức làm những bài ca trù, hát nói đề cho kẻ chèo thuyền ban đêm ca hát lên cho lòng phấn khởi, đỡ sự nhọc nhằn, vậy nhà ngươi hãy làm ta sẽ trọng thưởng.

Được dịp trở tài, Đào Duy-Từ vui vẻ nhận lời. Ông mới làm ra bài văn quốc âm lấy tên « *Ngọ-Long Cương* » tự ví mình với ông Gia-Cát Khổng-Minh.

Đêm hôm thanh vắng, lính tải lương và kẻ chèo thuyền mà ngâm bài này lên thì người buồn sẽ thấy vui, kẻ ngủ sẽ thấy thức dậy đề lòng mình hòa nhịp với tiếng ngâm vừa ưu-ái vừa lưu-lệ.

Một đêm vào hạ tuần tháng giêng năm Ất sửu (1624) thuyền tải lương của Quận công Trần về đến sông Bao-vinh gần Huế, đậu lại sửa soạn sổ sách đề nạp cho vương phủ. Tình cờ đêm đó chúa Sãi ngự trên long thuyền nhàn du. Đến bến đò Bao-vinh chúa Sãi chợt nghe kẻ chèo thuyền ngâm bài « *Ngọ-Long Cương* » thì lấy làm thích lắm. Lúc về vương phủ chúa Sãi cho vời Quận-công Trần tới hỏi ai là tác giả bài « *Ngọ-Long Cương* ». Quận-công Trần đáp là Đào Duy-Từ. Chúa truyền dẫn Đào Duy-Từ đến.

Chúa Sãi rất phục tài nên phong ông làm chức Gián-nghị Vinh-lộc Đại-phu.

Kỳ sau : nguyên văn bài « *Ngọ-Long Cương* »

KIÊN TRINH

Truyện dài của cô VÂN-NGA

Kính thưa bạn,

Bạn đừng vội thắc mắc chuyện này có thật hay không. Vì nó do sự tưởng tượng của tác giả. Những nhân vật trong chuyện nếu bởi, một tình cờ nào đó có trùng tên với ai, đấy chỉ là một sự ngẫu nhiên ngoài ý muốn của người viết. Nhưng hoặc giả bạn nhận thấy có gì phảng phất sự thật, thì thưa bạn, tiểu thuyết là phản ánh cuộc đời và quặng chuyện nhỏ bé này nồng đượm ít nhiều hơi hướm của một tuổi trẻ vừa qua, của mọi người, của quý bạn...

(Tiếp theo P.T. số 15)

— Con Tư được vào làm dâu gia đình đó thật là có phước.

— Tôi cũng nghĩ vậy. Tôi nghiệp! Ông không được thấy ngày tốt đẹp của con gái cưng của ông!...

Mà tôi nhắc đến ba tôi, mũi lòng rơi nước mắt. Di Tư nói đã rồi:

— Thôi, năm nay chị lo cho xong hai đám, cũng đỡ lắm rồi. Tôi thấy sắp nhỏ còn thơ dại quá, tôi lo dùm cho chị không biết mới được thành thoi.

Trong khi mà tôi và di tôi nói chuyện, tôi đứng trong bếp nghe rõ ràng. Tôi hiểu ngay lời anh Ca-vang trả lời với má tôi là không thật. Anh Thanh không có nhờ anh Ca-vang ướm lời hỏi má tôi bao giờ cả, vì căn cứ

vào câu chuyện sắp đặt của cả anh, mà chị Thành và tôi đã nghe lóm được đạo nọ, thì chính anh Thanh vẫn hoàn toàn chưa hay biết về việc này.

Đầu tiên bởi anh Ca-vang hay về chuyện, muốn thực hiện chủ trương tốt đẹp của anh, cố thành toàn cho Thanh và tôi đề khích lệ những đôi lứa khác trong vòng bạn bè nương đỡ lẫn nhau. Việc anh trù tính là vậy, nhưng kết quả sẽ là sao? Anh Thanh có đồng ý chẳng? Gia đình anh có cùng quan niệm ấy không?

Đêm hôm ấy, lần đầu tiên trong đời, tôi suy nghĩ đến hình bóng một người trai... Người thanh niên hiền ngang nọ sắp bước vào cuộc đời tôi... và tôi sẽ cùng chung lưng đấu cật, che vai sát cánh với chàng.

trong suốt kiếp người đề chia
sốt nhau những sung sướng hay
là khổ cực và sáng tạo cho
đời những hạt giống tốt lành...

Thế mà hiện nay tôi chưa biết
một mây may về chàng cả...
Và đến chàng, chàng cũng chưa
hề đề ý đến tôi... Hai con người
hãy còn xa lạ với nhau quá, có
thể thích mãi mãi với nhau trên
con đường đời đầy những bất
trắc khó dò hay không?... Ồ,
mà tôi cũng lạ, việc chưa chắc
chấn tới gì phải băn khoăn
ngâm nghĩ? Tôi muốn quên đi
đề chợp mắt, nhưng đã lỡ
dại nghe lóm được câu
chuyện can hệ cả cuộc đời mình,
thì dầu người trinh nữ nào bình
thản cách mấy cũng thấy lòng
rung cảm xôn-xao khi nghĩ đến
ngày mai, thuyền tình sẽ tách bến
sang ngang...

Khi tôi chợp mắt, tôi mơ thấy
một giấc mơ êm đềm...

Hai hôm sau, vào độ tám giờ
tối, trong khi cả xóm đều im
lìm trong đêm tối tịch mịch của
những bóng cây vườn, và bên hè
nhà tôi ngâm nga rền rĩ điệu
nhạc côn trùng buồn tênh như
đay dứt tâm sự của người khó
ngủ, tôi chợt nghe dưới bến
nước có tiếng chèo khua động
cùng với nhiều giọng cười nói
lao xao.

Khách nào lại đến nhà khuya
như thế này? Tôi đang tự hỏi
như vậy, bỗng nghe có tiếng anh
Ba tôi kêu cửa. Tôi mừng rỡ chạy
ra trước hơn ai cả. Anh tôi cùng
về với các anh Nguyên, Thức,

Hôn và Ca - vang. Chà, anh ấy
khéo viện trợ các tay ăn nói dữ!

Tôi bảo với anh Ba:

— Anh có đọc thơ của tôi?
Phải nói thật khéo, má mới chịu
đưa.

— Tao về không chỉ vì chuyện
ấy... mà còn một chuyện khác
nữa... À, đây tôi xin giới thiệu.
Và, em gái tôi, còn đây là
anh Thanh...

Tôi giật mình quay lại, một
bóng người vừa rời chỗ tôi
bước ra...

Đấy là Thanh. Tôi không ngờ
sự có mặt của anh, liền luống
cuống lủi ngay vào trong nhà.
Tôi không nhận thức kịp tâm
lý tôi lúc ấy ra sao, nhưng cảm
thấy trong lòng mừng vui vô
hạn như cái buổi anh Ba tôi
mời về...

Các anh vào nhà, ngồi trên
ghế trường kỷ. Má tôi bước ra,
anh Ba giới thiệu anh Thanh
cho má tôi biết. Má tôi niềm
nở hỏi:

— Các cậu đi từ Rạch giá vào
đây bằng gì, mãi bây giờ mới
tới?

— Thưa bằng xe máy đến Giồng
Riêng rồi thuê dò vào đây.

— Chắc các cậu chưa cơm nước
gì hết?

— Thưa đã dùng ở Giồng
Riêng hồi xế chiều.

— Vậy bây giờ cũng đói rồi,
đề em nó nấu cháo gà cho ăn.

Má tôi liền gọi vào trong:

— Năm à, mày kêu chị Tư

mày bắt gà nấu cháo cho mấy anh ăn.

Di Tư đứng gần bên tôi liền nói :

— Thôi, Vân đi lo thức ăn cho họ đi, để di nghe rồi di thuật lại cho biết.

Tôi vội xuống bếp lo phận sự. Nửa giờ sau, nồi cháo đã chín và thịt gà chọn gói hấp chuối hột cũng vừa ăn thì câu chuyện trên nhà đến đoạn kết thúc. Các anh kéo nhau đi xuống nhà dưới, coi bộ người nào cũng hân hoan vui vẻ. Tôi biết các anh đã thuyết phục được má tôi rồi. Gia đình rồi sẽ được thêm một người nữa cùng tôi chia sẻ trách nhiệm mà bao nhiêu năm rồi tôi đã cố gắng mãi chưa xong...

Tôi bất giác nghĩ đến sự có mặt của chị Ba sẽ đỡ bao nhiêu thắc mắc nơi lòng tôi khi tôi phải xa cảnh gia đình, tách thuyền sang bến mới. Nhưng ngày ấy còn đến bao giờ nữa !...

Tôi bung chén nước mắm chấm ra bàn. Các anh chăm chú hưởng mặt về tôi khiến tôi cứ nhìn vào chén nước mắm chỉ sợ đánh đổ đi. Tôi không ngờ tôi lại tiến về phía Thanh đang ngồi.

Thanh đỡ lấy chén nước mắm và bảo cùng tôi :

— Em mời má xuống dùng cháo. Đồi má tôi nóng gắt như áp vào lửa. Tim tôi nhảy rộn ràng và hơi thở tôi như ngưng đọng lại. Đành rằng Thanh coi tôi như một

người em gái, nhưng tôi vẫn thấy ở chàng có một cái gì cách biệt hơn các bạn của anh tôi. Các anh khác vẫn gọi tôi bằng em, thế mà cái tiếng « em » không làm cho lòng tôi xao động thồn thức như lời nói vừa rồi hàm ẩn bao nhiêu ngọt ngào và âu yếm !...

Tôi cúi gằm mặt, quay gót trở vào, chân cóng lại chỉ sợ vấp bước. Tôi ngạc nhiên và cho mình vô lý hết sức. Tại sao từ khi có mặt anh Thanh, tôi bỗng dưng ra mất cả tự nhiên ? Tôi có cái cảm giác tự thấy mình yếu đuối lắm, bé nhỏ lắm và đang cần phải dựa vào một sức mạnh của người khác phải đề bảo bọc, bao gồm cho... Mà người khác phải ấy sẽ là chàng thanh niên vừa thốt những lời ngọt dịu làm mãnh tim của tôi phải rung động chưa từng có...

Tôi nhớ lại từng tiếng nói chậm rãi của chàng, tưởng rằng chàng chưa hề bao giờ nói với một người con gái nào hết những lời âu yếm ấy, và mãi mãi đời chàng, chàng cũng chỉ có nói với tôi mà thôi.

Kỳ lạ quá ! Con người ấy tôi gặp có ba lần, nhưng tôi vụt khám phá ra là chàng hình như đã chiếm trọn tâm tinh tôi. Tuy hiểu chàng rất ít, mà ảnh hưởng của chàng đã ăn sâu vào tâm hồn tôi, làm cho tôi sẵn sàng khuất phục và hòa hợp với chàng... Chưa có người đàn ông nào gieo vào trong tôi những

cảm nghĩ như vậy, ngoài trừ chàng nói rất ít mà những lời nói vẫn vắng vắng mãi bên tai tôi...

Tôi chợt giật mình nhớ lại chàng bảo tôi lên mời má tôi ăn cháo, và chàng cũng dùng tiếng má trống không đề lờ các bạn! Tôi vội bước theo cửa ngạch lên nhà trên, mà tôi vừa cho em Năm tôi xuống bảo các anh cứ ăn cháo đi, má tôi hãy còn no nên xin khurót từ.

Tôi tìm ngay đi Tư và hỏi:

— Má chịu cưới chị đó cho anh Ba không đi?

Đi Tư nhìn vào tôi, chum chim cười:

— Má chịu hết!

— Chịu làm sao mà là chịu hết?

— Nghĩa là... nghĩa là... về việc đám cưới thằng Khanh thì xong rồi... má sẽ qua bên Hà-tiên coi mặt cô dâu và bàn đến việc cưới hỏi một lần cho gọn... còn việc nữa..., cũng vậy...

— Việc nữa là việc gì chứ?

Đi Tư vỗ vai tôi:

— Việc... gã cháu chứ việc gì!

— Hả ???

Tôi như ngạt thở và mặt nóng bừng lên. Thật không đi! Té ra sự có mặt của Thanh là đề giải quyết dứt khoát hai vấn đề một lược. Tôi lại tưởng khác. Nhưng ở vào thời loạn lạc, mọi việc thấy đều bất ngờ...

Đi tư liền kê cho tôi nghe:

— Sau khi Thanh đứng lên nói dùm cho việc hôn nhân của thằng Khanh được má ưng thuận rồi, Ca-vang liền đứng lên nói đến việc của Thanh xin cưới cháu. Nó cũng trình bày với má cháu là vì gia-đình Thanh phải quân thù xa xôi lắm, nên chúng nó mới đánh bạo ngỏ lời thăm dò ý kiến của má cháu trước xem má cháu có ưng, thì Thanh sẽ về thưa lại ông bà bác sĩ cho người thay mặt gia đình đến sắp đặt hôn sự. Má cháu cũng trả lời rằng việc tác thành cho cháu và Thanh thì má cháu không thấy có gì trở ngại, nếu có người thay mặt gia đình của Thanh đến.

Tôi ngồi nghe đi Tư nói, lòng sung - sướng bồi hồi. Do hoàn cảnh gia đình, chưa bao giờ tôi tưởng tượng đến cái ngày tôi phải xa nơi chốn nhao cất rún, lia bỏ mái nhà thân yêu đã chứng kiến bao nhiêu ngọt bùi cay đắng của thuở thiếu thời bịn rịn xa lìa hẳn mẹ và các em bao năm đùm bọc lẫn nhau tinh thần thiết không gì bằng đề ra đi về phương trời lạ với chàng trai trẻ mới ngày nào hãy còn là xa lạ có biết nhau gì đâu!...

Mấy anh ăn cháo xong, cùng đi lên nhà trên. Tôi vội lỏn xuống bếp lo thu dọn chén đĩa. Tôi nom thấy anh Ba tôi, miệng cười chum chim, đứng ngoài cửa đưa tay ngoắc tôi và nói:

— Bày ra tao biếu coi.

Cái tiếng «bây» là tiếng anh tôi khi có người lạ đề thay vào

tiếng mầy nghe không được thanh tao. Trong một gia đình con cháu khách, sự xưng hô bằng mầy tao vẫn lưu truyền từ xưa đến giờ, nhiều khi cũng cảm thấy khó nghe, nhưng không ai nghĩ đến thay đổi những danh từ khác cho êm tai hơn,

Tôi nghe anh tôi gọi, vội bước ra hỏi:

— Gì vậy anh? Đã được vợ rồi, còn tính gì nữa đây...

Bỗng tôi giật mình ngưng tiếng lại khi vừa chợt thấy Thanh đứng gần một bên anh tôi. Tôi mới đi đến gần anh tôi, thì có tiếng của Thúc và Cà-vang kêu to lên từ bên hè nhà lớn:

— Khánh à, lại đây có cái này ngộ lắm nhè.

Anh Ba tôi vội bảo tôi:

— Bây đứng đây, chút xíu tao trở lại...

Nói xong, anh đi tuốt về phía các bạn. Đứng trơ trọi một mình bên cạnh người con trai đi nói mình, tôi thấy ngượng ngịu cùng cả người. Bỗng tôi cây vườn bao bọc chúng tôi, càng làm cho tôi phập phồng lo sợ y như sắp phạm vào một việc gì tội lỗi. Sao mà giống trai gái hẹn hò quá, mặc dù người đang đứng trước mặt tôi sẽ là chồng tôi mai sau...

Tôi bất giác ngược mặt lên nhìn Thanh. Đôi mắt sáng của chàng cũng hướng về tôi, dịu dàng. Chàng không còn nghiêm nghị và oai vệ như tôi đã thấy

và trong ánh mắt của chàng có nhiều tình tứ của một con người đa cảm và thơ mộng.

Thẹn đỏ mặt tôi cúi gằm đầu xuống, và bước chân đi về nhà trên theo nét con gái thút thắt. Tôi nữa như lo sợ, nửa như mong muốn một tiếng kêu lại của Thanh. Nhưng Thanh không gọi tôi, chàng chỉ đứng nhìn theo bóng tôi khuất dần trong tối...

Một cái gì trống rỗng khơi nhẹ trong lòng tôi... Tôi cũng biết các anh đã sắp đặt cho anh Thanh nói chuyện với tôi, nhưng sự sắp đặt lại quá vụng về...

Đêm hôm ấy, tôi trắng trọc mãi. Kể từ nay, đời tôi sắp bước sang một giai đoạn mới lạ. Tương lai nào đang chờ tôi? Ly loạn rồi có chấm dứt cho hai tuổi trẻ cùng hòa hợp với nhau, chngg xây đắp một hạnh phúc bền?

Tôi biết sơ qua tánh tình Thanh đậm thắm, thành thật và hay nghĩ đến người nhiều hơn mình. Như thế cũng hợp ý với tôi rồi. Chàng không như nhiều cậu thanh niên khác tinh nghịch và lì lợm đến nỗi bày trò ghẹo phá nhà gái ngay trong buổi đi coi mắt cô dâu.

Trong vùng tôi ở có một vụ phỉnh cô dâu khá tức cười mà các bà lắm mồm vẫn thường hay lấy làm đề tài trong những khi xum họp đông người:

Có một thầy thông ngôn tòa án nọ vừa được đổi xuống tỉnh, vốn là dân Saigon, hãy còn trẻ

tuổi và chưa có vợ nên các ông nhà giàu ở nhà quê ham gã con gái cho thầy làm, sẵn đón làm quen và cho mỗi lái gà găm hỏi ý... Sau cùng, thầy nọ chịu đi cưới một cô con gái của một Cả nọ ở làng kia, giàu có tiếng trong vùng, và thầy mời cha mẹ thầy xuống tỉnh lo vợ cho thầy. Bữa coi mắt, cô gái nhà nọ bưng nước ra mời, bỗng cô ngơ ngẩn đi vào trong và cắn nhẫn với mẹ: «Con hồng chịu đâu. Má gã tôi cho thầy, tôi nhảy dưới sông chết thì má chịu đó». Bà mẹ gan hồi mãi, cô mới nói: «Thầy mất mày sáng sủa mà hiem vì... cắt mất một ngón tay! Bận bẻ tôi chúng cười tôi chết.» Bà mẹ nghe nói kỳ, ra ngồi bên ván bên, chú ý nhìn kỹ vào hai bàn tay của thầy thông, sao mà như mị như con gái» ngồi khép nép nghe người lớn nói chuyện, và bà thấy rõ ràng hai bàn tay thầy còn đủ ràng ràng mười ngón. Bà trở vô nói với con việc ấy. Cô gái quả quyết là khi liếc mắt nhìn xuống tay cậu, cô thấy rõ cậu có tật, quyết không làm. Bà mẹ lại bày cho cô trở ra bưng quả trầu ra đề trên bàn, và căn

dẫn: «Con nhớ dùm kỹ nha, không có cắt ngón gì đâu.» Nhưng cô gái trở ra một lúc trở vào, mặt buồn so: «Cắt thiệt mà. Tôi dùm kỹ lắm rồi. Tôi hồng thêm chịu đâu. Mẹ ra coi thì lại thấy khác.»

Té ra thầy ấy rần mắt, mỗi khi cô gái ra thì khép dấu ngón tay cái mắt đi... Sau cùng, ông Cả phải to nhỏ với ông thân của thầy, bắt thầy phải giơ hai bàn tay lên tuyên bố là chủ rề không có tật gì hết! Báo hại cô gái nọ mắc ở bằng chết!

Cũng may mà anh Thanh không vào hạng người rần mắt như vậy.

Sáng hôm sau, má tôi cùng các anh đi qua bên bác Ba tôi để trình cho bà nội tôi biết. Anh Thuận, con của bác Ba, vốn là bạn học cũ của Thanh, tay bắt mặt mừng và nhanh nhẹn mở rộng cửa giữa ra mời các bạn. Bác Ba tôi ra nói chuyện với các anh, cảm ơn các anh đã bảo đảm cho bác nên anh em thanh niên trong xã không còn làm khó dễ đến bác nữa.

(Còn nữa)

★ CỰU HOÀNG HẬU NARRIMAN

Cựu Hoàng-hậu Narriman, nguyên là vợ của Vua Farouk phế-đế, sau khi mở phòng uốn tóc không có khách hàng, vừa rời tuyên bố với các báo là bà bỏ nghề uốn tóc để sang Huê-kỳ cấp sách đi học lại.

VIỆT-NAM



4.000 năm

CA-DAO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

★ NGUYỄN-ĐỨC-MẾN VỸ DẠ-HUỆ

Công anh đắp đất ngăn
rào vườn hoa
Ai làm gió táp mưa sa
Cho cây anh đổ, cho
hoa anh tàn.

2708.— Nào nghề bánh trái
những là
Đến khi kỹ chạp trong
nhà càng hay.
Bán buôn canh củi kia
thay
Sáng mai phải giữ trong
tay một nghề
Bảy giờ chẳng liệu thì
quê,
Mai sau cùng-lũng, không
nghề làm ăn

2709.— Nón cụ quai tơ, có tổ
giấy đỏ,

Anh ở khác tông xa làng
sao rõ bên em ?

2710.— Nói nên dạ ở không nên
Giống rơm gánh đá biết
có bền dặng không

2711.— Nực cười thầy bói soi
gương.
Thầy tu chài chỉ, cá
mươn hóa rồng.

2712.— Nực cười cơm nguội
lên hơi,
Cánh bướm kẻ hở áo tơ,
viền lải

2713.— Nước trong mà giếng hôi
phèn.

Tuy nhà người lịch mà
hèn mẹ cha.

2714.— Nước non là nước non
trời

Ai xui dặng nước ai dời
dặng non.

- 2715.— Nước giữa giòng cũng có
 khi trong khi đục.
Cây bông hoa hương cũng
 có khi đục khi vinh.
Anh thấy em ít nói cứ
 làm thinh,
Anh mừng thầm trông đợi
 muốn chung tình với em,
- 2716.— Nước trong khe chảy về
 hội vịnh,
Óng trời trên đã định,
 nước chảy vòng cung
Nào ai thương khó với
 cùng,
Giã như gái thuyền-quyển
 lỡ lừa, trai anh hùng
 lỡ dối,
- 2717.— Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
 Làm thân con nhện mầy
 lần vương tơ
Biết dáu trong đục mà
 chờ
Hương thơm hết tuyệt
 nuơng nhờ vào ai ?
- 2718.— Ngọt canh là bi đao giòng,
 Đánh chơi một trận coi
 chồng về ai ?
- 2719.— Ngồi buồn vọc nước dũn
 trắng,
Nước xao trắng lặng buồn
 chẳng hời buồn.
- 2720.— Ngồi buồn đọc sách xem
 thơ,
Trưởng là chữ rõ ai ngờ
 chữ lu.
- 2721.— Người ta chơn dép ; chơn
 giày,
Em đây làm lụng cả ngày
 lấm chân.
- 2722.— Người ta đi cấy lấy công,
 Em đây đi cấy còn trông
 nhiều bề,
Trông trời trông nước
 trông mây
Trông mưa trông gió,
 trông ngày trông đêm
Trông cho châu cứng đá
 mềm,
Trời yên bề làng, mới
 yên tâm lòng:
- 2723.— Nhà vườn mà lợp tranh
 mấy,
Thân anh hai vợ như giầy
 buộc mình.
- 2724.— Nhon sanh nhon hà nhon
 vô lộc,
Địa sanh thảo hà thảo
 vô căn
Một mình em ngồi giữa
 lòng thuyền dưới nước
 trên trăng
Biết ai trao duyên gởi nợ
 cho bằng sá-gian
- 2725.— Nhớ ai em những khóc
 thầm
Hai hàng nước mắt đầm
 đầm như mưa
Nhớ ai ra ngăn vào ngõ
 Nhớ ai, ai nhớ, bấy giờ
 nhớ ai ?
Nhớ ai bồi hồi bồi hồi,
 Như đứng đồng lửa như
 ngồi đồng than
- 2726.— Những người con mắt lá
 răm,

- Lông mày lá liễu đáng
trăm quan tiền.
- 2727.— Những người thất đày
lưng ong
Vừa khéo chịu chồng vừa
khéo nuôi con.
- 2728.— Những người phình-phình
mặt mề,
Chán đi chữ bát thì cho
không thêm.
- 2729.— Ôn trời mưa nắng phảⁱ
thị.
Nơi thì bừa cạn, nơi thì
cày sâu
Công lên chẳng quản lâu
lâu
Ngày nay nước bạc ngày
sau cơm vàng^y
Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang^y
Bao nhiêu tấc đất, tấc
vàng bấy nhiêu.
- 2730.— Ôn tình dạ những ái hoài
Nhận nam ong bắc lạc
loài hai phương.
- 2731.— Phú quý là nhơn hồ-dục
Em thấy anh cơ nghèo
khổ cực,
Nên chi em lánh đục tìm
trong.
- 2732.— Qua truông em đạp lấy gai
Em ngồi em lẽ trách ai
không chờ.
- 2733.— Qua cầu lật ván tháo đình,
Đó đà ở bạc với mình thì
thôi.
- 2734.— Qua đình ngựa nón trông
đình,
Đình bao nhiêu ngói dạ
em thương mình bấy
nhiều.
- 2735.— Qua truông cát nóng,
thiếp phải công chàng,
Dầu cho đói khổ cơ hàn
thiếp vẫn cứ theo.
- 2736.— Qua kêu nam đáo nữ phòng.
Nam tắc tử nữ đáo, nam
phòng, là nữ tắc dâm
Con le le mấy thuở chết
chìm,
Người ăn nhơn ở bạc
kiếm tìm làm chi.
- 2737.— Ra đi mấy nước muôn
trùng.
Ngó sông, sông rộng, ngó
rừng, rừng cao,
- 2738.— Ra về không lẽ về luôn,
Đề khăn xéo lại, lệ tuông
hai hàng.
(còn nữa)

Chia buồn

Chúng tôi rất đau-đớn được tin Cụ LÊ-VĂN-PHÚC, thân-sinh của ông Lê-văn-Bình, Giám-đốc Hàng-Không Việt-nam Đà-lạt, đã tạ-thế tại Đà-lạt ngày 13-7-59. Chúng tôi xin gửi lời chia buồn cùng bạn Lê-văn-Bình và quý Phu-nhân, và thành kính cầu-nguyện Phật cho Vong-Linh của Cụ được tiêu-diêu nơi cõi Thọ.

NGUYỄN-VỸ

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG



★ **Một bạn đọc ở Huế**

Trong mục xã-giao chúng tôi chỉ có ý đề cập đến các trường hợp giao thiệp hằng ngày, mà có một số người không đề ý đến. Chúng tôi không hề có ý khinh miệt một ai cả. Mong bạn thông cảm cho.

B. M.

★ **Bạn Vĩnh-Thắng — đường Ôn như Hầu — Nha-trang**

Rất cảm ơn những ý kiến xây-dựng của bạn.

★ **Em Tôn-thất-Nghệ — học sinh — N.T.P.**

Chúng tôi không biết « nữ thần đồng » Phương-Lan là ai, nên rất tiếc không giúp em được.

★ **Bạn Hoàng Vũ — Nha-trang**

Lá cờ trong bài « Một người Pháp làm vua tại miền núi Việt-Nam » cho lộn màu vì có sự sơ xuất trong khi ấn loát.

★ **Bạn Vy-vân-Lệ — Phan-thiết**

Chuyện « Vết son trên má tiêu thư » là một chuyện có thật, xảy ra dưới thời phong kiến xưa, ở Quảng-Ngãi.

★ **Bạn Hoàng-Mạnh — Ty thủy Nông — Cái sắn**

Thạc-sĩ (Agrégé) ; Tiến-sĩ (docteur). Cấp bằng Thạc-sĩ lớn hơn Tiến-sĩ. Nước ta đã có nhiều người học đến đó. Riêng về Bác-học thì có giáo sư Bửu-Hội, ông Nguyễn-đạt-Xương v...

★ **Bạn Thế-Minh**

Ông N. V. rất cảm ơn bài thơ của bạn tặng.

★ **Bạn Nguyễn-vân-Thắng — Nông trường Jadrang I — Pleiku**

Rất tiếc, chúng tôi không thể bán báo dài hạn cho các bạn ở xa, vì bị thất lạc luôn. Xin bạn vui lòng mua báo nơi địa phương bạn đang ở. Thân mến.

★ Ông Nguyễn-cao-Kiểu — đường Hồng-thập-Tự — Sài-gòn.

Ông Nguyễn-đức-Nhuận, Giám-đốc báo « Phụ Nữ Tân Văn » hồi trước, không phải là chồng của bà Bút-Trà, báo Sài-gòn-Mới.

★ Em Văn-Cù — học sinh — Huế.

1) Ông N.V. không biết Ô. Lê-cương-Phụng, biệt hiệu Tùng-Lâm, mà em đã hỏi.

2) Em có thể gửi thư xin báo T.G.T.D. theo địa chỉ số 39 đường Hàm Nghi — Sài-gòn.

3) Rất tiếc P.T. chỉ hoạt động trong phạm vi văn hóa, nên không thể bàn rộng về thuyết « Tàn dân chủ » thuộc về chính-trị.

★ Cô Trần-huyền-Chi — Vĩnh-Điện.

1) Chúng tôi đã cho đăng những bài nói về các họa sĩ và thi sĩ ngoại quốc, đó tức là danh nhân thế giới, trong phạm-vi Văn-học.

2) Những chuyện cô hỏi về cá nhân của tôi và Ông N.V., chúng tôi xin miễn trả lời.

★ Bạn Trần-tôn-Đồng — Điện bần.

Bạn thường hay gắt gỏng với em có lẽ vì bạn là người nóng tính ? hay vì sức khỏe không được dồi dào hoặc lý do tình cảm, sinh ra bức dọc. Dù sao bạn nên tập tính hòa-nhã, dịu-dàng là hơn. Nhưng sau khi đánh em bạn biết hối-hận, thế là tốt lắm rồi.

★ Bạn Tiến-Linh — Hội An.

Bạn cố gắng sẽ thành công. Mong đời sẽ mang lại cho bạn nhiều lạc quan hơn.

★ Cô Dương-thị-Hường — Phan-thiết.

1) Chúng tôi cũng đồng một quan-niệm như cô, sống các báo ấy phần nhiều in hình phụ nữ có lẽ vì tôn-chỉ của họ như thế.

2) Bài thơ của ông N.V. có chỗ bị xóa bỏ rồi sửa lại, vì ông muốn đề tự nhiên.

3) Rất tiếc chúng tôi không có hình của các thi sĩ ấy.

★ Bạn Hoàng-hữu-Hân — trường Pellerin — Huế.

1) Những tài liệu trong loạt bài « Minh ơi ! » là do tác giả sưu tập trong các sách báo ngoại quốc.

2) Cuốn « Grandeurs et Servitudes » của ông Nguyễn Vỹ đã hết từ lâu.

★ **Bạn Đức Huy — đường Nguyễn-thiện-Thuật — Sài Gòn.**

Ông N.V. không ra ứng cử quốc-hội. Thành thực cảm ơn thư bạn.

★ **Cô Hồ-thị-Yên-Chi — đường Bạch-Đặng — Huế.**

Cô cứ gửi các câu ca dao ấy cho chúng tôi xem miễn là đừng có những câu đã đăng rồi.

★ **Em Trần-mậu-Tý Chi-Lăng — Huế.**

1) Em cứ gửi bài đến tòa soạn để chúng tôi xem, nếu được sẽ cho đăng. Về tiền sở phí trong các kỳ thi, em nên hỏi ở Nha Học-Chanh địa phương.

2) Ngoài những quyển tiểu-thuyết đã xuất-bản mà em đã có, ông N.V. còn viết nhiều tiểu-thuyết khác, sẽ lần lượt xuất bản trong một ngày gần đây. Thản mền.

★ **Cô Dương-thị.Nhứt — Quận Tam-Kỳ — Quảng Nam.**

Chúng tôi đã chuyển thư cô đến bác-sĩ Hoàng-mộng-Lương. Chờ bác sĩ trả lời. Chúng tôi sẽ tin cô biết.

★ **Bạn Phạm-huy-Vũ — K.B.C. 4324.**

Ông Trương - Tửu và ông Nguyễn-bách-Khoa là một hay hai người, chúng tôi cũng không hiểu rõ.

★ **Bạn Trần-Ngọc-Cầm Phổ — Hội An.**

1) Tim bị yếu có thể tập thể dục được, nhưng không nên tập những cử động mạnh như tập bằng tạ, chạy xa v...v.

2) Dân chúng mỗi tỉnh nói khác giọng vì nguyên do thủy thổ mỗi nơi mỗi khác, không riêng gì ở Huế và Quảng-Nam.

3) Nhu thắng can, nhược thắng cường, nghĩa là mềm yếu thắng được cứng mạnh. Tùy theo trường hợp người yếu nhưng có trí khôn có thể thắng được người có sức mạnh mà kém thông minh.

★ **Bạn Văn-Thúy-Minh — học sinh — Hội An.**

1) Những nước sau này trên thế giới hiện còn có vua, Á Đông : Nhật, Thái Lan, Cao Miên, Lào, Ba Tư, Arabie Séoudite. Âu Châu : Hy-lạp, Hòa Lan, Bỉ, Đan-Mạch, Thụy-Điễn, Na-Uy, Anh. Phi Châu : Ma-Rốc, Ethiopie v.v...

2) Trên thế giới nước Mỹ hưởng chế độ dân chủ đầu tiên, từ thời Tổng Thống Lincoln.

★ **Bạn Lệ-Mai — Huế**

Chúng tôi đồng ý về nhiều điểm trong thư bạn. Nhứt là về chánh tả, chúng tôi vẫn cố gắng luôn luôn sửa các lỗi chánh tả.

cho đúng, nhưng bạn cũng hiểu giúp cho rằng vấn đề dấu hỏi dấu ngã rất phức tạp trong các nhà in mà phần đông anh em ấn công đều là người Nam. Một đôi nhận xét khác của bạn cũng rất đúng, chúng tôi sẽ chú ý về những điểm đó. Riêng về quan niệm Thơ và niêm, điệu, của thơ Đường, chúng tôi không đồng ý với bạn. Thành thực cảm ơn những lời « mô xê » xây dựng. Bạn cứ gửi bài đến. Thân mến.

★ Ông Huyền-Giang — Hà-tiên

Xin ông cho biết rõ tên và địa chỉ, (số nhà, đường v.v...) Thành thật cảm ơn ông.

BACH-YẾN



TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

★ Ông Lê-minh-Điều — k.b.c. 3.310

Ngày mùng 7 tháng 10 âm lịch năm Ất Hợi tức là ngày Thứ bảy 2-11-1935 dương lịch.

★ Ông Thái-công-Nhiều — hiệu trưởng trường Lạc nghiệp — Ninh-Thuận.

Ngày 15 tháng 5 năm Nhâm Thân tức là ngày Thứ bảy 18 tháng 6 năm 1933.

★ Ông Nguyễn-văn-Quý — đường Nguyễn-Thông — Saigon.

1) Ngày 11-10 là ngày Ất Hợi, tháng Tân Hợi, năm Nhâm Ngọ (D. L. 1932)

2) Ngày 27-2 là ngày Mậu Thân, tháng Kỷ Mão. năm Ất Dậu (năm 1945 D. L.).

3) Ngày 22-9-1921 D. L. nhằm ngày Mậu Tý tháng Đinh Dậu.

4) Quyển lịch của chúng tôi sẽ cho in vào năm 1960.

★ Ông Vũ-công-Tiến — Phụng Hiệp (Phong-Dinh)

Ngày 8-8-1922 D.L. tức là ngày Mậu Thân, tháng Đinh Vị năm. Nhâm Tuất, ngày 16 tháng 6 âm lịch. Năm Bình Thân (1956) ông 34 tuổi là đúng.

★ Em Vô-tâm-Lạc — học sinh Huế.

1) Ngày 3 tháng 6 năm Tân Tị tức là ngày Thứ sáu 26-7-41 D.L.

2) Ngày 9 tháng 5 năm Bình Tý nhằm ngày Thứ tư 27-6-1936 D.L.

3) Ngày 1-2-1940 D. L. nhằm ngày Giáp Tuất, tháng Đinh Sửu, năm Kỷ Mão, ngày 21 tháng chạp năm ấy.

★ Ông Phan-văn-Thơ — Binh-Phú

Ngày 15 tháng 10 năm Mậu Ngọ tức ngày Thứ hai 18-10-1918 D.L.

Ngày 16 tháng 2 năm Tân Tị = Thứ năm 13 Mars 1941.

Ngày 25 tháng 9 năm Nhâm Ngọ = Thứ ba 3 Novembre 1942.

Ngày 23 tháng 7 năm Canh Dần = Thứ ba 5 Septembre 1950

★ Ông Nguyễn-văn-Minh — Việt kiều — Ai Lao

Dương lịch ngày 11-12-1929 = 11-11 năm Kỷ Ty, ngày Canh Dần, tháng Bình Tý âm lịch

« « « 1-5-1948 = 23-3 âm lịch năm Mậu Tý, tháng Bình Thìn, ngày Bình Tuất.

« « « 20-6-1951 = 16-5 năm Tân Mão, tháng Giáp Ngọ, ngày Tân Mão.

« « « 27-12-1953 = 22-11 năm Quý Ty, tháng Giáp Tý, ngày Nhâm Tý.

« « « 12-4-1957 = 13-3 năm Đinh Dậu, tháng Giáp Thìn, ngày Giáp Dần.

★ Ông Nguyễn-văn-Thọ — Phan-thiết

Ngày 17 tháng 6 năm Kỷ Mùi tức là ngày Thứ hai 14-7-1919 D. L.

★ Ông Đăng-Sơn — 19, Võ-trường-Toản — Cholon

Ngày 16-6-1936 D. L. là ngày 27-7 năm Bình Tý, tháng Quý Ty, ngày Kỷ Ty.

Ngày 9-9-1938 D.L. là ngày 16-7 nhuận năm Mậu Dần tháng Canh Thân, ngày Giáp Thìn.

NGUYỄN-TRIỆU

NHỮNG DANH-TỪ « TÂN-KỲ ».

★ Của ông K.C.N.P. — Xóm Mã-khai — Huế.

... 1) Tại sao trong báo PHỒ-THÔNG ông nêu mục « Văn nghệ sĩ tiền chiến », ông nêu tất cả các Văn nhân thi sĩ từ 1930-1940 sao lại không có Nguyễn-Vỹ tức là tên ông ? Theo ý tôi và phần nhiều độc giả khác thì chúng tôi muốn hiểu chính ông trước rồi mới đến các bạn làng văn cùng thế hệ với ông. Vậy yêu cầu ông trong số tới hãy nói đến Nguyễn-Vỹ.

2) Hiện tại trên phương diện văn học có nhiều người dung chữ mới ở trong các bài « thơ » của họ. Vậy ông có thể cho biết tại sao không ? Và xin ông giải nghĩa giúp tôi những danh từ mà tôi đã lượm lặt sau đây để một là bắt chước, hai là xóa bỏ, chữ hiện giờ tôi là người Việt mà không hiểu tiếng Việt thì buồn lắm !

Đây là những tiếng mà, tôi (và phần nhiều người Việt Nam, kể cả hạng tri thức) đều không hiểu :

Biểu-quán, ly-văn, írang-huyền, nguyên-diễm, triều-dương, huyền trang, trang-diễm, trang dài, diễm lữ, kiều mạng v.v... (Còn nhiều, nhưng thôi !...)

Tôi thành thực mong ông trả lời trên mặt báo. Nếu có thể xin ông cho đăng hết cả bức thư của tôi.

TÒA SOẠN ĐÁP : 1) ông N.V. không biết gì nhiều về ông, nên ông không nói đến ông được.

2) Những chữ bạn kê ở trên, Việt không phải Việt, Tàu không phải Tàu, Tây không phải Tây, và người tri thức Việt đọc cũng không biết là cái gì, thì bạn cứ hỏi người nào viết đó. Trong Tạp-chí Phê-Thông không bao giờ dùng đến các danh-từ vô nghĩa ấy.

XIN DẶNG HÌNH

★ **Bạn Ngô-dinh-Cường — 18 Nguyễn-tường-Tộ — Phan thiết.**

«... Tôi thấy có nhiều bạn hỏi xin hình ông, đó có lẽ là ý muốn chung của đọc giả Phê Thông thì phải. Vì tôi cũng có ý đó nhưng tôi không xin, vì tôi biết ông làm sao thỏa-mãn được hết. Nhưng có một điều tôi thấy có thể làm được sao không thấy ông làm là có lần ông giới thiệu vài « Văn nghệ sĩ thanh niên » ông có in hình vào bài đó. Thế sao ông không cho làm lấy một bản kẽm nhỏ cỡ 4x6 hình ông in vào chỗ bài ông viết. Chỉ in một số thôi cũng được. Như thế có phải tất cả đọc giả thỏa mãn mà ông lại không tốn kém nhiều .. »

TÒA SOẠN ĐÁP : Ông N.V. thành thực cảm ơn thư ông, nhưng ông N. V. không thích đăng hình của mình.

ANH RUỘT CỦA THỊSĨ LƯU-TRỌNG-LƯ

★ **Của ông Lưu-kỳ-Linh, 212/92, xóm chùa Tân-định.**

..Tôi, người viết mấy hàng này đối với ông vốn là người xa lạ. Nhưng thưa ông, « tình không ai lạ với ai quen ». Quả thực, tình, tôi với ông, ông với tôi không còn lạ nữa : tôi là Lưu-kỳ-Linh, anh ruột của Lưu-trọng-Lư, bạn « bố-y » của ông.

Nhân đọc bài ông nói về Lư đăng trong quý báo, số II, tôi thấy lòng tôi vô hạn xốn xang nhớ tới đứa em « ngày đại » hồi mười mấy năm về trước, mà bây giờ chẳng biết làm cái chi ở bên kia phương trời. Bài đó, tuy có đôi chi tiết về đời tư sai lầm, nhưng đại thể thì bộc lộ được những gì chơn phác nhất, kỳ bí nhất ở tận trong xương, trong máu, trong hồn của Lư thi sĩ.

Tôi thành thật mến thương ông như mến thương Lư, trong lúc tâm tư tôi liệu vào những câu văn của ông, vừa ấm áp, vừa thơm thanh,

Đề tỏ chút tình, tôi xin gửi tặng ông mấy vần thơ của tôi, mà năm kia tôi đã luống công tìm cách cho thấu tới em tôi. Mong ông hoan hỉ thu nhận...



★ **NỮ-SĨ FRANÇOISE SAGAN** vừa nói một câu rất lý thú về đàn ông :

— Đàn ông có nhiều vấn-đề đề giải quyết hơn là đàn bà, mà trước nhất là những vấn đề giải quyết với đàn bà !

(*Les hommes ont plus de problèmes à résoudre que les femmes, d'abord ils ont à se débrouiller avec elles.*) L. M.

★ **KHÔNG HAM TIỀN**

Cu Tèo 5 tuổi đi học về, vui vẻ khoe với mẹ :

— Má ơi Má, con đi ngang cửa nhà-thờ, có một ông già rách rưới mà đuôi mắt, ngài chia cái nón rách ra, trong nón có năm sáu đồng bạc. Nhưng con không lấy, con bảo : « Cảm ơn ông, Má cháu dặn ai cho tiền thì đừng lấy ». Rồi con chào ông con đi. Chớ con không lấy tiền của ông,

X. T. K.

(Đệ II Nguyễn-văn-Khuê)

★ **MƯƠN BÁO**

Ông Chủ nhiệm một tờ báo hàng ngày ở Saigon thấy báo mình cứ bị độc giả mượn coi ở sập báo chớ không chịu mua đọc, bèn viết một loạt bài công kích những người mượn báo. Một hôm, ông nhận được bức thư sau đây của một bạn đọc :

« Thừa ông, nếu ông còn viết bài công kích hoát những người mượn báo, thì từ nay tôi không mượn báo của ông nữa. »

LÂN-TINH (Xóm Chiếu)

PHỔ THÔNG

TẠP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307



BỘ MỜI SỐ 16 ★ 30.7.1959

	trang số
1.— Phát triển văn hóa VN Nguyễn-Vỹ	7—9
2.— Chuyện cũ người xưa: Vợ Trang-Tử . . Tân-Phong	10—15
3.— Đọc thơ Schiller Phạm công Thiện	16—19
4.— Một đời người Thiệu-Sơn	20—23
5.— Văn chương Thái-Lan Bà J. Kasem	24—28
6.— Nhạc nặng (thơ) Văn Khanh	29
7.— Ngày lịch-sử Nguyễn Triệu	30—32
8.— Con chim nhỏ (chuyện ngắn quốc-tế) . . . Văn-Sơn	33—36
9.— An-Giang xưa và nay Thái văn Kiêm	37—44
10.— Thơ từ giả vợ Minh-Kha	45—46
11.— Ba người bạn của cha tôi (bút ký) . . . Nguyễn Thu Minh	47—52
12.— Một người Pháp làm Vua tại miền núi V. N. Nguyễn-Vỹ	53—57

13.— Làm dáng (thơ)	Quỳnh Hoa	58
14.— Tội làm phim	Thái-thức-Điện	59 — 63
15.— Gặp làm gì ? (truyện ngắn)	Tuyết-Hương	64 — 70
16.— Gia Chánh	Bà Thường-Lạc	71 — 72
17.— Xã giao : Trong rạp Ciné	Cô Bình-Minh	73 — 75
18.— Văn sĩ Thi sĩ tiền chiến : Nguyễn-Tuân	Nguyễn-Vỹ	76 — 79
19.— Thuyết « Thiên mệnh »	Thăm thệ Hà	80 — 83
20.— Cô gái điên (truyện dài)	Vi-huyền-Đắc	84 — 88
21.— Triệu phủ (truyện ngắn)	Vương hồng Sèn	89 — 95
22.— Đêm sâu về (thơ)	Nguyễn Vỹ	96
23.— Những người dôi mươì	Nguyễn-Thu-Minh	97 — 100
24.— Minh ơi ! Em ra ừng cử Dân-Biểu	Cô Diệu-Huyền	101 — 106
25.— Bóng thời gian (thơ)	Ngô-hữu-Bằng	107
26.— Bí thư của Tôn-Văn : Nguyễn-thái-Bạt	Thiện Sinh	108 — 109
27.— Nhân vật xuất sắc : Đào duy Từ	Phong-Cầm	110 — 113
28.— Kiên trinh (truyện dài)	Cô Vân Nga	114 — 119
29.— 4000 năm ca dao	Ba Tèo	120 — 122
30.— Đáp bạn bốn phương	Cô Bạch-Yến	123 — 129
		130

-
- ★ Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu **Cô Diệu-Huyền**
 - ★ Bản kẽm **Nguyễn-Điều**
 - ★ Bìa Offset **Vạn-Quốc**

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-liệu trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí **PHỒ-THÔNG** » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt Nam.

PHÁT-TRIỂN VĂN-HÓA VIỆT-NAM

  HỒNG phải chuồng ngựa của Augias, và cũng không cần đến một Hercule để quét dọn với cả một giòng sông lớn.

Tòa nhà văn-học của chúng ta chưa đến nỗi quá bừa - bải như thế. Có chăng chỉ là một thiếu sót vô trách-nhiệm và vô lương-tâm đã nhóm mắt phá hoại cuộc tiến-triển của trào-lưu CHÂN VĂN-HÓA. Nhưng thiếu-sót ấy đã gieo sự hỗn-độn, vô trật-tự và vô kỷ-luật trong nền văn-ngệ nước ta, nhất là từ Hậu-chiến. Văn-học Sử của Việt-nam đã vô-phúc gặp nhiều trở-lực từ bao nhiêu thế-kỷ; lịch-sử của Tư-fưởng Việt-nam đã bị đình trệ vì bao nhiêu biến-chuyển trải qua các thời-đại, ngày nay chúng ta nhận lãnh gia-tài của một quá-khứ bi-thương, mà bù-ngùi đau-đớn. Mà tức-giận, vì kẻ có thiện-chí xây-dựng cho vững bền thêm, tô-diêm cho tốt đẹp thêm, thì bị một vài yếu-tố ngoại-cuộc làm cho cảm-hứng mai-một khá nhiều và tài năng không có điều kiện này nở đầy đủ hơn. Tức giận, vì thiếu-sót giả-danh văn-ngệ-sĩ vẫn tạo được đôi phần tình thế hỗn-độn để nháy múa cho thỏa mãn tham-vọng rẻ tiền.

Họ lợi-dụng tình-trạng thiếu trật-tự trên địa-hạt Văn-hóa, họ lợi-dụng cả danh-từ Văn-ngệ, để phô-trương một cách trơ-trẽn một mớ văn-chương không có một chút tính-chất nghệ-thuật nào, và giá-trị không có gì đảm-bảo cả. Họ vút ra giữa công-chúng một « món ăn tinh-thần » đầy chất độc, dưới một nhãn-hiệu gạt-gắt để đánh lừa một số thanh-thiếu niên non-dại, cũng như các món « thuốc bò » mang nhãn-hiệu « Sinh-tổ » mà kỳ thực chỉ là những môn thuốc bị-bạc cho những tinh-thần thiếu máu.

Cho nên kẻ bàng-quang đứng ngó, cứ nhún vai mà kêu « văn-nghệ xuống dốc », nhưng họ đâu có chịu khó phân-tách các nguyên-nhân.

Khi họ thấy một số ít người nào đó, học-thức không có gì, tư-tưởng rỗng-không, cóp-nhặt một mớ sáo-ngữ điền-hình, chấp-nối một vài danh-từ « tân-kỳ » vô ý-nghĩa, rồi làm văn, thơ, in văn, thơ, rồi ra bán khắp chợ làng văn mà không ai muốn mua, không ai muốn đọc, — khi họ thấy một vài anh chàng nào đó lượm-lặt trong vài ba bộ sách cũ một mớ tài-liệu lịch-sử và văn-học, rồi cũng viết bừa-bãi thành những « bộ sách » không hồn, tự xưng là « học-giáo », — khi họ thấy một số tiểu-thuyết ra đời mà văn chẳng ra văn, một lô bài hát « tân-nhạc » và bản tường cải-lương, mà lời ru-ngũ véo-von không sao che đậy được giá-trị hạ-cấp về văn-nghệ, — Khi họ thấy trên các lề đường trong thành-phố phô bày các loại sách rẻ tiền, thì bảo sao họ không thò ra lời nhận-xét bi-quan cho được !

Chúng ta vẫn nhận thấy thế, nhưng chính chúng ta cũng đang còn thắc - mắc trong vòng lẩn-quẩn mà hình như chưa tìm ra lối thoát.

Địa hạt Văn-học Việt-nam bề-bộn như thế, không làm sao dọn-đẹp được nếu không có những hy-sinh lớn-lao và một thiện-chí góp sức xây-dựng theo một chương-trình có quy-củ, và những nỗ-lực thường-xuyên.



AY tôi xin trình bày
cùng các thân-hữu



của Tao-đàn Việt-Nam một thí-nghiệm. Một công-tác mà chúng tôi tin tưởng sẽ có kết-quả tốt đẹp. Đây là một cố-gắng tự động phát-huy nghệ-thuật và tư-tưởng Việt-nam, theo một chủ-đích mới mà động-cơ xúc-tiến chỉ là một chút thiện-chí mà thôi. Tôi muốn nói, một tác-phong cứu-vãn đường nẻo bế tắc, mở một phương-hướng hoạt-động rộng-rãi và bền bỉ cho văn-học Việt-nam có đà xúc tiến.

Văn-học, chứ không riêng biệt văn-nghệ, vì văn-học bao quát cả các ngành Tư-tưởng phát-sinh Văn-Hóa.

Tôi xin đề-nghị xây-dựng một nòng-cốt cấu-tạo gồm những phần-tử văn-học thuần-túy, sẵn-sàng khởi-động. Không phải một cải-cách, mà là một hành-vi khiêm-tốn hơn, nhưng đầy hứa hẹn một thành công cụ-thể.

Mục-phiêu hoạt-động hoàn-toàn trên lãnh-vực văn-hóa :

✧ dọn-đẹp lại Tao-đàn Việt-Nam cho có kỹ-luật, có quy-củ, có thể-thống ;

★ Khởi-thảo gấp rút một bộ Tự-diễn Việt-nam của thế-kỷ XX ;
★ Chinh đốn lại các bộ môn Văn-học, gồm cả Văn-ngệ và học-thuật ;

★ Nâng đỡ và phát-triển mạnh-mẽ khả-năng sản-xuất của Thế-hệ Văn-học hiện-đại có chân tài và học-thức ;

★ Liên-lạc chặt chẽ với các tổ-chức Văn-hóa quốc-tế.

Năm điểm.

Năm điểm không phải là một ảo-tưởng, cũng không là một tham vọng phi-lý. Nhưng là một thực-tế hiển-nhiên, không màu-mè, không phức-tạp.

Tôi xin trình-bày rõ hơn về mục-phiếu 5 điểm của chúng tôi :

■ **DỌN-ĐẸP LẠI ĐỊA-HẠT VĂN-NGHỆ** cho có trật-tự, đề duy-trì và cứu-vãn thế-thống của Văn-học và Tư-tưởng Việt-nam, đề ngăn-cản sự bành-trướng bừa-bãi của các loại văn-chương đầu-độc và vô-kỹ-luật.

■ **KHỞI-THẢO GẤP RÚT BỘ TỰ-DIỄN VIỆT-NAM CỦA THẾ-KỶ XX** đề thống-nhứt ngôn-ngữ, hợp-thức hóa các danh-từ, giàng-giải rõ-rệt ý-nghĩa xác-đáng của Ngữ-vựng Việt-nam mới và cũ. Gom-góp đầy-đủ tất cả các tiếng nói Việt-nam của toàn-quốc về tất cả các ngành văn-học và chuyên môn.

■ **NÂNG-ĐỠ CÁC KHẢ-NĂNG SẢN-XUẤT CỦA THANH-NIÊN VĂN-NGHỆ**, đề khuyến-khích và lựa chọn các tài-năng chân-chính, đề quy-tụ một thế hệ văn-học có tài-năng thật sự, đề nâng-đỡ các cố-gắng của Trí-thức Thanh-niên sản-xuất các tác-phẩm thật có giá-trị, về tất cả các bộ-môn : Triết-học, phê-bình văn-học, kịch, nhạc, văn, thơ, lịch-sử, khoa-học, v.v..., tiêu-biểu được phong-trào phát-huy mãnh-liệt của văn-hóa và Học-thuật Việt-nam thời Hậu-chiến.

■ **LIÊN-LẠC VỚI CÁC TỔ-CHỨC VĂN HÓA QUỐC-TẾ**, đề học hỏi thêm và theo kịp trào-lưu văn-hóa tiến-bộ của Thế giới.



Chúng tôi hiện nay là một nhóm người tình-nguyên hy sinh. Chúng tôi say-sưa với một hy-vọng giống như một men rượu tuyệt-hảo lọc trong nhụy của trăm hoa.

Chúng tôi sẽ mời các bạn thử nếm một chút hương khai vị trong một ngày gần.



VỢ TRANG-TỬ?

★ TÂN PHONG



HỒI chiến-quốc
bên Tàu, ở nước
Tống có người
tên là TRANG-
CHÂU. Là một
trong những học

trò giỏi nhất của Khổng-Tử sau
trở thành một nhà Triết-học cao-
siêu lừng danh trong sử-sách, gọi
là Trang-Tử.

Một hôm Trang - Tử đi dạo
chơi, bỗng thấy bên lề đường một
người đàn-bà còn trẻ, mặc đồ
tang mà tay cầm cái quạt lớn cứ
ngồi quạt mãi một năm mồ mới
chôn. Trang-Tử đến gần hỏi :

— Nàng quạt mồ làm gì thế ?

Thiếu-phụ đáp :

— Thưa ngài, trước khi chết,
chồng em có dặn em đợi chừng
nào khô mồ, em mới được tái-giá.

Vì vậy ngày ngày em đến đây
quạt mà chồng em cho nó chóng
khô.

Trang-tử liền bảo :

— Để tôi quạt giúp với nàng cho mắt chóng khô nhé.

Người quả-phụ đưa quạt cho Trang-Tử. Ông quạt mấy cái thì mắt khô ngay.

Nàng vui mừng không xiết, liền tặng quạt cho người khách lạ để tỏ lòng biết ơn. Rồi nàng chạy mất.

Trang-Tử cầm quạt về nhà, kể chuyện cho vợ nghe, và kết luận :

— Thế mới biết đàn bà thật là bạc-bèo. Chồng chết chưa khô mắt đã lo quạt mà mau khô để đi lấy chồng.

Ông lại làm bài thơ, ngâm cho vợ nghe :

*Sinh liền cá cá thuyết ân-át,
Tử hậu nhón-nhón dục phỉến
phần.*

*Họa hổ, họa bì, nan họa cốt,
Tri nhân, tri diện, bất tri tâm!
Xin tạm dịch ý :*

*Còn sống còn nói yêu đương,
Chết rồi quạt má, hết thương
hết buồn !.*

*Về đá, khó vẽ xương hùm,
Biết người, biết mặt, biết
lòng khó thay !.*

Vợ Trang-Tử là Điền - thị, nghe thơ, liền vàng văng phản đối :

— Ông tưởng người đàn bà

nào cũng lòng lang dạ thú như con mẹ quạt mò đó sao ?

— Em chớ vội giận ! Giá sử anh chết, em có thể ở vậy mãi mãi mà được ư ?

Trang-Tử cầm quạt, quạt phất-phơ chồm râu, cười hà-hà như đã nói trúng tim đen của phụ-nữ. Điền-thị tức mình dứt cái quạt xé nát tan, và quả - quyết với chồng :

— Em xin thề rằng nếu không may chàng chết trước em, em sẽ giữ mãi tiết-ngĩa để trọn kiếp thờ chàng. Đời em chỉ yêu một lần thôi, chàng ạ.

Trang-Tử vẫn cười, làm thinh. Vài ngày sau Trang-Tử đau nặng, sắp chết. Giờ phút hấp-hối, ông dặn vợ :

— Nay chắc là ta vĩnh-biệt em ! Ta chết, chỉ ân-hận một điều là không còn chiếc quạt hôm nọ để đến khi em dùng không có. Nhưng ta dặn em khi ta chết rồi thì quàng xác ta trong quan tài được 3 tháng 10 ngày chớ đừng chôn gấp nhé.

Điền-thị khóc sụt-sùi như mưa và hứa với chồng :

— Em xin nguyện trung thành mãi-mãi với vong-linh của chàng, đừng nghĩ oan cho em !

Trang-Tử mỉm cười rồi nhắm mắt. Diên-Thị khóc la thê thảm, nằm gục trước bàn thờ chồng mà kêu gào ai-oán, nước mắt như mưa. Mặt mày tiều-tụy, nàng bỏ ngủ, bỏ ăn, thân bằng cố - hữu đến viếng thăm, thấy thế, ai cũng động lòng thương xót.

Đêm ấy, có người lạ ở đâu đến, tự xưng là học trò của Trang-Tử, đem lễ vật phúng diếu Thầy. Chàng đẹp trai, dáng người hào hoa phong nhã, lại có kẻ tiểu đồng ôm tráp theo hầu.

Vì ở xa đến, công-tử xin cho ở trọ trong nhà, chờ ngày đưa đám Tôn-sur. Ngày một ngày hai, lần la trò chuyện, Diên-Thị dần ra yêu chàng, nhưng lúc đầu còn yêu trộm nhớ thầm, chưa dám hở môi tâm sự. Chàng chỉ đẹp trai thôi, chứ văn chương chữ nghĩa đâu được bằng thầy, Diên - Thị cũng mới biết chàng trong ít lâu, đâu đã hiểu rõ được tính tình tiều nhơn hay quân tử. Nhưng một hôm, không nén được lòng, nàng tỏ hết nỗi niềm tâm sự cho tiểu đồng nghe để nó nói lại với chàng công-tử. Hôm sau tiểu đồng thưa lại với nàng :

— Cậu em cũng cảm thương cô lắm, muốn cưới cô làm vợ.

ngắt nỗi cậu sợ có ba điều bất tiện.

Nàng vồn-vã hỏi :

— Ba điều chi bất tiện đó em ?

— Dạ thưa cô, điều thứ nhất là bàn thờ Thầy còn đặt giữa nhà, làm sao làm hôn-lễ được ? Điều thứ hai cậu em là học trò của Tôn-Sur, tài-dức kém xa Thầy, sợ e cô không yêu cậu em được bằng như Thầy chăng ? Điều thứ ba là cậu em không có sẵn tiền bạc ở đây, lấy gì mà mua sắm các lễ-vật để làm hôn-thú ?

Diên-thị vui mừng đáp :

— Không sao đâu, em ạ. Em nói lại với chàng, ta đã có cách giải-quyết được ba điều không có gì khó-khăn cả. Điều thứ nhất, ta sẽ dời bàn thờ của chồng ta ra phía phòng sau, để phòng trước ta làm lễ thành-hôn với chàng. Điều thứ hai, tuy Trang tử học rộng tài cao thật đấy, nhưng chàng xấu-xí, đâu có đẹp trai bằng cậu Công-tử của em. Ta sẽ yêu chàng nồng-nàn tha-thiết và sẽ trọn đời trọn kiếp chỉ yêu một mình chàng thôi.

Điều thứ ba, thì càng dễ hơn nữa. Ta có sẵn tiền đây để sắm đồ hôn-lễ, chàng khỏi phải lo.

Nói xong, vợ Thầy Trang-Tử

chạy vô buồng lấy mấy nén bạc đưa cho Tiểu-dồng, dặn nó trao cho chàng công-tử.

Hôn-lễ cử - hành trong vòng thân mật gia-dình, không dám cho người ngoài biết vì dù sao cũng sợ tiếng người bàng - quan chế cười. Vợ Thầy Trang-Tử thay đồ tang-chế, mặc áo cưới lờ-lợ rắc màu, vui cười hớn-hở đứng cạnh chàng trai trẻ, trước bàn thờ ông bà để làm lễ thành-hôn.

Nhưng đến giờ động phòng hoa-chúc, chàng và nàng vừa nằm xuống giường thì bỗng-dưng chàng ôm bụng kêu la quằn-quại. Nàng hoảng-hốt hỏi :

— Sao vậy anh ? Sao vậy anh ?

Chàng rên-rỉ trả lời :

— Ta có bệnh đau bụng di-truyền, mỗi lần đau có thể chết ngay được.

— Có thuốc gì trị bệnh ấy không ?

— Khó kiếm thuốc ấy lắm.

— Thuốc gì, anh nói mau. Dù khó đến đâu em cũng kiếm được.

— Thuốc ấy là cái sọ của người sống, lấy mài với rượu, uống vào khỏi ngay,

— Cái sọ của người sống thì khó kiếm thật ! Nhưng sọ người chết được không, hả anh ?

— Mới chết chưa quá ba tháng thì cũng được vậy.

Điền-Thị liền kê miệng nói nhô vào tai người thư sinh :

— Chồng em mới chết chưa đầy ba tháng. Quan tài còn quàng đề ở phía sau nhà. Em muốn bữa nấp hòm ra, lấy sọ ông vô mài với rượu để anh uống đêm nay cho hết bệnh.

Nói xong, Điền-Thị liền lấy búa đi thủng ra nhà sau, bữa hòm thầy Trang-Tử.

Không dè, nấp hòm vừa văng lên, thì Trang-Tử ở trong hòm góc đầu đứng dậy. Thầy tùm tùm cười, hỏi vợ :

— Sao nàng cạy nấp hòm ta ra ?

Điền-Thị làm bộ vui mừng, xoắn-xuýt trả lời :

— Mình chết, em khóc ngày đêm như mưa, thương mình nhớ mình, bỏ ăn bỏ ngủ. Có lẽ lòng-tiết-nghĩa trung-kiên của em động đến lòng Trời, nên Trời xui khiến đêm nay em đang nằm còn mở-trương đến mình thì bỗng-dưng em nghe tiếng động-dậy trong quan-tài. Em mừng quá, nghi là Trời cho mình sống lại... Vì vậy em mới mở nấp hòm ra. Dè dẫu, điều em nghi là đúng thật... Mình ơi ! Em vui quá, em mừng quá...

Trang-Tử mỉm cười bảo :

— Nàng thật có chung-tình với ta, ta hết lòng cảm ơn nàng... Nhưng tại sao nàng dễ tang cho ta mà không mặc đồ tang chế, lại mặc áo cưới xinh-đẹp thế kia ?

Diễn-thị giả-bộ cò-là duyên-dáng, trả-lời :

— Mình à, cái mừng này còn mừng nào hơn nữa. Em biết mình sống lại, nên em mặc đồ đẹp để đón mình yêu-quý của em đó chứ !

Trang-Tử vẫn điềm-nhiên, hỏi tiếp :

— Sao bàn-thờ của ta lại đem nhét vào phía sau nhà ? Còn nhà trước sao trang-hoàng bài-trí như đám cưới, là nghĩa lý gì vậy ?

Diễn-thị làm thinh, cúi mặt xuống.

Trang-Tử lặng-lẽ bày tiệc rượu ra uống với bà con xóm làng. Thấy bạn bài thơ ngậm-ngang :

Phu-thê bách nhưt hữu
hà ân.

Kiến liễu tân-nhân. song
cửu nhân !

Phủ đắc cái quan tào phủ
thế,

Như tha đồng đắc
phiến can phần !

Xin tạm dịch :

(Chồng vợ trăm năm yểu
mốc xơ !

Gặp người tình mới,

quên tình xưa !

Nấp hòm mới đây, bữa
phăng nấp.

Như kẻ quạt mồ đã
ráo chưa ?)

Ngâm xong bài thơ, Trang-Tử chỉ chàng công-tử lạ, và hỏi vợ :

— Người nào kia, hỏi nàng ?

Diễn-thị quay lại ngó, thì chàng thư-sinh và kẻ tiêu-dồng bỗng đứng biến mất ! Nàng hoảng-hồn, bây giờ mới biết rằng chính Trang-Tử có thuật biến hóa, đã giả vờ chết để thử lòng nàng. Chính thầy đã hóa phép ra làm chàng Thư Sinh, với đứa tiêu-dồng, để dò xét rõ tâm địa của người vợ. Diễn-Thị vì hồ thẹn với lương tâm, liền thề cò tự-tử.

Trang-Tử chôn vợ xong, làm bài ca bất hủ sau đây :

Kham ta phủ thế sự

Hữu như hoa khạt tạ

Thê tử, ngũ tất mai,

Ngũ tử, thê tất giá.

Ngã nhược tiên tử thê,

Nhút trường đại tiểu hoa.

Diễn bị tha hơn canh.

Mã bị tha hơn khóa

Thê bị tha hơn luyến

Tử bị tha hơn ma

Suy thử đồng thường tình

Tương hận luy bất hạ.

Thế hơn tiểu ngã bất bi
thương.
Ngã tiểu thế hơn không
đoạn trường
Thế sự nhược hoàn khốc
đắc chuyền
Ngã diệc thiên thu lụy vạn
hàng !

Xin dịch ý như sau :

«Việc đời đáng chán lạ !
Hoa nở rồi tàn-tạ !
Vợ chết, ta lo chôn,
Ta chết, nàng tái giá !
Nếu ta chết trước nàng,
Thiên-hạ cười ha-hà !

Ruộng ta, người khác cấy,
Ngựa ta, người cỡi đã !
Vợ ta, người thương yêu !
Con ta, người xi-vò !
Ngắm lại chạnh tấm lòng,
Hơi dẫu khốc là-chà !
Ai cười ta chẳng thương ?
Ta cười ai dại quá !
Nếu khốc xoay lại đờ,
Nghìn năm ta khốc rả !

Trang-Từ vừa hát vừa gõ nhịp
trên châu sành, hát xong đập bô
chậu, rồi đốt nhà bỏ đi biệt-tích...

TÂN-PHONG



★ Ở ĐÂY NẤU ĂN DỖ LẠM, MÀ ĐẤT TIỀN !

Một tiệm cơm ở tỉnh nhỏ treo tấm biển quảng-cáo ở trước cửa :

« Ở đây nấu ăn dở lắm nhưng đất tiền ! » Mọi khách du-lịch đi qua, trông thấy, nghĩ rằng : « chắc là họ nấu ăn ngon lắm cho nên mới lịnh đất tiền. Họ rao « nấu ăn dở », chắc là một lối quảng cáo khéo đôn thôi ».

Khách vào ăn. Quả nhiên đồ ăn thật dở. Khách nuốt không vào nhưng cũng đành phải trả đất tiền vậy !

TIỆM CÀ PHÊ

Cu-Treo (4 tuổi) nói với Cu-Bào (cũng 4 tuổi) :

— Tao chôn cái hạt này. Ờ bớ nó sẽ mọc lên cái cây cho mày coi.

Cu-Bào trả lời :

— Nó hông mọc đâu. mà ờ. Cái này chắc hươ trước người ta chôn ông Nội tháng Tý, mà ông có mảy lên. Còn nè ?

BA-TÊO



Đ O C T H O S C H I L L E R

★ PHẠM - CÔNG - THIỆN

nhân, ông thường mô tả những đại ý.

Dưới đây tôi xin trình-bay cũng độc-giả một trong những bài thơ đẹp nhất và nổi tiếng nhất của SCHILLER để bạn đọc có một quan-niệm đại khái về trữ-tình của ông :

Dịch ra Việt-văn, cái hay của nguyên tác mất đi hết phần nữa. Nhưng tôi xin cố gắng tạm dịch nghĩa như dưới đây :

BAO TAY

Vua Frang ngồi trước quyết-
đầu-trưởng, nơi mà những con Sư-
tê sắp được đem ra để cứa-xé
nhau. Chung-quanh vua là những
đại nhân vật của đế quốc và ở
trên những câu-lơn cao, những

NÓI đến nền văn-học rực-
rỡ của Đức, người ta nhớ
ngay đến GOETHE và SCHIL-
LER cũng như khi nhắc đến
nền văn-học chói-lọi của Tây
ban-nha người ta nhớ đến
CERVANTES và LOPE DE VEGA.
Vây, GOETHE và SCHILLER đều
là thi-sĩ, văn-sĩ và nhà soạn
kịch vĩ-dại nhất của nước Đức.

Riêng về loại thơ trữ-tình,
nguồn thi-hứng của Schiller rất
tạo nhã và thường nhuộm màu
triết-lý. Khác hẳn GOETHE, Ông
ít phát biểu những tình-cảm cá-

phụ-nhân làm thành một tràng hoa lá xinh đẹp:

Vua lấy tay ra hiệu, nơi nhốt thù dữ mở rộng ra và từ trong ấy một con Sư-tử bước ra chậm-chạp, nhìn chung-quanh một cách yên-lặng, mở miệng ngáp dài, lúc lúc cái bờm, rồi đuôi ra nằm dài xuống đất.

Vua ra hiệu lần thứ hai: một cửa khác mở, một con cọp hoang nhảy vọt ra thật mạnh. Thấy con sư-lữ, cọp gầm lên, lung-lay cái đuôi, thè lưỡi ra, đi vòng quanh sư-lữ, gầm-gầm, rồi nằm cạnh bên.

Vua ra hiệu lần nữa: hang đã thủ thả ra một lượt hai con báo. Chúng nó nhảy vọt tới con cọp một cách mãnh-liệt, cọp chụp lấy chúng nó với những móng vuốt mạnh-mẽo: sư-lữ đứng dậy gầm-gừ rồi im thin-thít và hai con báo nằm dài dưới mảnh đất khát-khao máu.

Trong lúc ấy, từ trên cửa-lơn cao ngất, một bàn tay xinh đẹp quang một cái bao tay xuống giữa cọp và sư-lữ.

Kiều-nữ vợng-tộc Kunigund quay lại hiệp-sĩ Delorges và nói bằng giọng khinh dờ: « Hiệp-sĩ chàng ơi! Nếu chàng yên ta nồng-nân như chàng luôn luôn thề thốt cùng ta thì chàng hãy đi xuống lấy cái bao tay cho ta! »

Chàng hiệp-sĩ liền vội bước xuống, đi đến quyết-đấn-trường hiềm nguy một cách vừng-vàng và hùng-dũng nhặt cái bao tay lên giữa những ác thù.

Những hiệp-sĩ, những kiêu-nường đều nhìn chàng một cách ngạc-nhiên và kinh-khủng; khi chàng bình tĩnh đem cái bao tay trở về, mọi người đều ồ lên khen ngợi chàng. Kunigund rước chàng với một cái nhìn âu-yếm chứa-chan hạnh-phúc tương-lai. Nhưng chàng hiệp-sĩ ném cái bao tay vào mặt nàng và nói: « Ta chỉ cần sự đáp tạ của nàng » và chàng liền bỏ đi tức khắc. (Xem bản chính ở trang 18).

Tương cũng nên kể thêm sơ qua về tiểu-sử của SCHILLER: ông là người đồng-thời với GOETHE và cũng là bạn chí thân của bậc đệ-nhất văn-hào Đức-quốc này. SCHILLER sinh tại Marbach (Wurtemberg) vào năm 1759 và mất tại Weimar vào năm 1805. Cha ông là một thủ-thuật-gia quân-đội. Lớn lên, ông nối nghề cha, nhưng sau ông bỏ nghề ấy mà bước vào nghề viết văn.

Năm 1781, ông cho xuất-bản và trình-diễn vở-kịch cách-mạng « Die Rauber » (Những kẻ cướp). Bị trừng-phạt gắt-gao, nên

Der Handschuh.

Vor seinem Löwengarten¹
Das Kampfspiel zu erwarten,
Sah König Franz²,
Und um ihn die Großen der Krone,
Und rings auf hohem Balkone
Die Damen in schönem Kranz.
Und wie er winkt mit dem Finger,
Ausht sich der weite Zwinger,
Und hinein mit bedächtigem Schritt
Ein Löwe tritt
Und sieht sich stumm
Rings um,
Mit langem Gähnen,
Und schüttelt die Mähnen
Und streckt die Glieder,
Und legt sich nieder.

Und der König winkt wieder,
da öffnet sich behend
ein zweites Thor,
daraus rennt
mit wilhem Sprunge
ein Tiger hervor.

Wie der den Löwen erschaut
brüllt er laut,
schlägt mit dem Schweif
einen furchtbaren Reiß
und redet die Zunge,
und im Kreise scheu
umgeht er den Leu⁽¹⁾,
grimmig schnurrend:
drauf streckt er sich murrend
zur Seite nieder.

Und der König winkt wieder,
Da speit das doppelt geöffnete Haus
Zwei Leoparden auf einmal aus,
Die stürzen mit muthiger Kampfbegier
Auf das Tigertier;
Das packt sie mit seinen grimminigen Kaken,
Und der Leu mit Gebrüll
Nichtet sich auf, da wird's still;
Und herum im Kreis,
Von Mordsucht heiß,
Lagern sich die grausichen Kaken.

Da fällt von des Altars Rand¹
Ein Handschuh von schöner Hand
Zwischen den Tiger und den Leu.
Mitten hinein.

Und zu Ritter Desloges, spottender Weiß
Wendet sich Fräulein Kunigund:
„Herr Ritter, ist eure Lieb' so heiß,
Wie ihr mir's schwört zu jeder Stund,
Gi, so hebt mir den Handschuh auf!“
Und der Ritter, in schnellem Lauf,

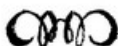
Steigt hinab in den furchtbarn Zwinger
Mit festem Schritte,
Und aus der Ungeheuer Mitte
Nimmt er den Handschuh mit festem Finger.

Und mit Erstaunen und mit Grauen
Sehen's die Ritter und Edel Frauen,
Und gelassen bringt er den Handschuh zurück.
Da schallt ihm sein Lob aus jedem Munde,
Aber mit zärtlichem Liebesblick —
Er verheißt ihm sein nahes Glück —
Umfaßt ihn Fräulein Kunigunde,
Und er wirft ihr den Handschuh in's Gesicht:
„Den Dank, Dame, begeh' ich nicht!“
Und verläßt sie zur selbigen Stunde.

ông bỏ trốn Wurtemberg và sống một cuộc đời phiêu-dạt, bần-bách cho đến ngày được công tước Charles-Albert de Weimar rước về bảo trợ. Rồi ông gặp GOETHE và dạy sử-học ở đại-học đường Iéna. Những tác-phẩm làm ông bất-tử là những vở-kịch : Die Rauber (Những tướng cướp 1781); Die Verschwörung des Fiesco zu Genua (cuộc âm mưu của Eiesque 1784). Wallenstein (1796-1799) ; Maria Stuart (1800) ; Die Braut von Messina (Vi-kôn-thê của Messine

1801-1803) : Willelm Tell (Guillaume Tell, 1804), vân-vân.

Khi ông mất, nhân-dân Đức đều mến-tiết vô-cùng ; vì, ngoài văn-tài trác-tuyệt ra, ông là một người rất đặc nhân-tâm, tinh-tinh đều được mọi người cảm mến một cách đặc-biệt. Nữ-sĩ Pháp DE STAEL rất kính-phục đức-hạnh của Schiller, bà nói : « ông là người bạn lương hảo nhất, người cha lành nhất, người chồng tốt nhất » (Schiller était le meilleur ami, le meilleur père, le meilleur époux).



★ HÁT HAY.

Trong một tiệc trà tại nhà một Nữ sĩ 40 tuổi, góa chồng, được mời ra trình bày một bản nhạc đề giúp vui. Khi bản nhạc chấm dứt, một thanh niên nói :

— Nếu Ba tôi nghe bà hát hay như thế này thì có lẽ ông sẽ đứng trọn sự nghiệp cho bà.

— Tôi có thể gặp Ba em chứ ?

— Tôi rất tiếc là không, vì Ba tôi điếc thì làm sao mà nghe tiếng hát du-dương của bà động !

H. P.

★ DANH NGÔN

★ Kỳ thân chính, bất luận nhi hành

Kỳ thân bất chánh, tuy lệnh bất tòng.

(Người trên mà ngay chính thì không ra lệnh, lệnh cũng được thi hành. Người trên mà không ngay chính, tuy ra lệnh cũng không ai theo.)

KHÔNG-TỬ

★ Giá trị cao-cả của anh là tự nhận mình có trách-nhiệm.

SAINT-EXUPÉRY

HỘI KÝ

MỘT ĐỜI NGƯỜI

★ THIẾU SƠN

CHƯƠNG VIII

TÌM BẠN Ở THẦN KINH

(Tiếp theo P. T. số 15)

TÔI rời Hà - nội trước một tuần lễ để có ngày giờ ghé Huế thăm vài người bạn. Ông Đào-Dũng-Vỹ, Hội trưởng Hội Quảng-Trị cũng biên thư mời tôi diễn thuyết nhưng tôi đã phải từ chối vì không có ngày giờ chuẩn bị. Tôi muốn gặp ông Phan Khôi hồi đó vì hết tiền đã cho đình bản báo Sông Hương và thất nghiệp ở Huế. Tôi còn muốn gặp ông Đào-duy-Anh, nhà làm từ điển và là một học giả ở Thần kinh. Nhưng người mà tôi cần hơn hết là người bạn chí thân mà tôi chưa bao giờ gặp mặt : anh Ưng-Quả, giáo sư trường Quốc Học.

★

Tôi lấy nhà ông Phan Khôi làm trú-sở vì nhà chỉ có một mình

ông ở. Lâu lâu có người con trai lớn ông về là anh Phan-Thao. Tôi thấy cha con it nói chuyện với nhau và ngay từ hồi đó hình như đã có xung-dột về tư-tưởng và lập-trường. Ông Phan ít đi đâu, ngày tối chỉ nằm trước bàn đèn để coi sách và suy-tưởng.

Tôi đi hoài, tối tối mới về, nằm nói chuyện với ông được ít lâu rồi ngủ mất.

Tôi lại Quan-Hải-Tùng-Thơ kiếm ông Đào-duy-Anh. Người quản-lý cho tiệm sách của ông là bà Trần-thị-Như-Mai một bạn văn-chương, một đồng-chi và cũng là người bạn đời của ông.

Ông Đào người nhỏ thó, mặt hiền-hòa, học nhiều, biết rộng và khiêm-tốn vô cùng. Ông có tư-tưởng khuynh-hướng của ông.

Hễ là người cầm bút, có chân tài, thực-học thứ nhất là có thành tâm thì đều được ông yêu mến. Trong những dịp gặp gỡ xã giao hay thân mật, ông không hay gây nên những xung đột vì tư tưởng dễ làm mất cái hòa khí của anh em. Ông làm việc siêng năng và có sức làm việc mạnh mẽ. Ông đã xuất bản được bộ Hán Việt Từ Điển và đương soạn bộ Pháp Việt Từ-Diển. Công việc bề bộn như vậy mà ông cũng bỏ ra một ngày đưa tôi đi thăm các lăng tẩm và cắt nghĩa cho tôi rất nhiều về những chuyện xưa, tích cũ ở Thần Kinh.

Ông Đào còn là người vui vẻ, dễ tính ngay thẳng và tận tâm với bạn hữu xa, gần. Ông ra được hai bộ từ điển này thật là chặt vật, từ công phu. Ông phải gởi phiếu quyền tiền trước để trang trải lần hồi tiền giấy và tiền in. Hình như số người quyền tiền trước cho ông ở Miền Nam cũng khá nhiều và ở Miền Nam ông cũng có rất nhiều tri ân và tri kỷ. Từ đây, mỗi lần ông có việc vô Nam là ông đều ghé thăm tôi và các bạn chung của chúng tôi như Thọ-Xuân, Khuông Việt, Miếu-Trai, Ngọc-Xuyến v.v.

Ngoài ông Đào-duy-Anh, tôi còn gặp nhà văn Trần-Thanh-Mại, tác-giả «Trông giòng sông Vĩ», một bạn thanh-niên văn-sĩ đương độ hăng say và có rất nhiều triển-vọng.



Liên trong mấy năm, cứ tới dịp Tết là tôi nhận được một tấn: danh-thiệp của ông Ưng-quả, giáo-sư trường Quốc-học.

Tôi gởi danh-thiệp trả lời ông rồi thư qua, từ lại chúng tôi đã thành nên đôi bạn tri-âm mà chưa người nào biết một người nào. Ông viết một bài trong phụ-trương chữ Pháp của tạp-chí Nam-Phong. Bài đó nói về một cuộc Văn-ngệ phục-hưng ở Việt-Nam, trong đó ông có nhắc tới tôi bằng những lời trọng-hậu.

Kỳ ghé Huế này tôi có biên thư cho ông hay trước nên chúng tôi đều có chuẩn-bị để gặp nhau.

Ông ở xóm Vỹ-Dạ, một xóm thanh-tĩnh. Nhà ông cũng thanh-tĩnh, và người ông cũng thanh-tĩnh. Ông, người hoàng-phái, có vẻ mặt hiền-từ, khôi-ngô, xa-xăm và trâm-mặc. Ông có những cử-chỉ khoan-thai, lời nói chậm rãi làm cho người ta có cảm-tưởng rằng ông đã suy-nghĩ chín-chắn rồi mới mở-miệng nói ra. Nghe các bạn nói ông học giỏi lắm, từ tiểu học tới Đại-Học luôn luôn ông đứng đầu lớp. Ông ít viết nhưng là một người tài-hoa, rất sành về âm-nhạc và văn-chương. Ông ít bạn nhưng người nào được làm bạn của ông thì ông đối-xử tận-tình và châu-đáo. Tôi tới thăm ông vào dịp có lễ Nam-giao. Tôi quên không xin giấy phép vào coi thì ông đã nhớ xin giấy phép cho tôi kịp trước giờ hành-lễ. Ông đưa tôi đến thăm nhà văn Từ-

Ngọc tức giáo-sư Nguyễn-Lân, bạn đồng-nghiệp của ông. Chúng tôi coi nhau như những bạn cố giao và đã sống bên nhau những giờ phút say sưa tình bạn và duyên văn.

Từ ngày gặp mặt ở Thần kinh, chúng tôi hiểu biết nhau hơn, thương yêu nhau hơn và lo lắng cho nhau một cách thực tế hơn. Tôi thấy anh người xanh xao, ốm yếu, biết anh chưa vơi lòng sầu cảm đối với người bạn trăm năm đã sớm cùng anh vĩnh biệt nên thành thật khuyên anh nên chăm sóc đến sức khoẻ và tích cực đề tâm vào sự nghiệp văn chương để khuây khỏa nỗi lòng thiên cô hận. Anh có hứa với tôi và sau có biên thơ cho tôi những lời tâm sự như sau :

« Tôi gầy yếu nhưng xem
« chừng không có định gì tìm
« tang và trầm trọng đáng ai
« ngại về sau. Nếu tôi biết sửa
« sang cuộc đời của tôi lại một
« tí, bớt hút thuốc lá, bớt mê
« ca đờn thì có thể trở nên
« mạnh khoẻ được. Chắc không
« phải vì một đau thương ẩn
« lấp trong tâm hồn mà thân
« thể hóa ra tiêu tụy. Tôi vẫn
« có những nỗi nhớ thương
« trong lòng như bạn trăm năm
« của tôi đã mất sớm, người
« mà tôi yêu quý nhất trên đời,
« nhưng thời gian cũng đã phủ
« úy cho tôi được nhiều và tôi
« đã trở lại bình tĩnh, sống
« với con, với tất cả người yêu
« trong hạnh phúc. Và đối với

• tôi, cuộc đời sáng lạn, bao la
« và huyền bí, khi nào tôi cũng
« đầy đầy hy vọng, giữ hoàn
« toàn một quan niệm lạc
« quan... »

Cũng trong thơ đó, thơ đề ngày 6-5-1939, anh còn có những lời này về tình bạn của chúng tôi :

« Chúng ta chỉ mới bắt đầu
« quen nhau, nhưng tình yêu
« đương của anh, lòng kính mến
« của tôi, như đã gắn bó chúng
« ta từ đây không thể rời nhau
« được nữa. Hôm qua, ngẫu
« nhiên ở trường tôi nói về
« Nguyễn Khuyến và Dương
« Khuê, nhắc lại câu :

« Tao-phùng như tức-duyên •
của cụ Yên-Đồ mà cảm thấy
cái nghĩa chân-thật hiền-nhiên
của nó... »

Ở anh Ung-Qua không có cái gì là hời-hợt, là mới miêng. Mỗi lời nói của anh là ở tự lòng nói ra. Song những lời như thế lần lần thưa bớt rồi bớt luôn, tôi không còn được nghe nữa từ ngày có những biến-cố dồn-dập xảy tới cho đất nước và tâm-hồn. Sau nghe nói anh được bổ-nhậm làm Giám-Đốc Học-Chánh miền-Trung rồi sau lại nghe nói anh từ-trần vào khoảng năm 1951, 52 gì đó. Lúc ấy, tôi đương kháng-chiến ở miền Tây Nam-Bộ. Có một chiến-hữu trong giới tri-thức hỏi tôi : « Bỏ của anh đã từ-trần, anh có cảm-trưởng ra sao ? » Tôi xin thú-thật rằng hồi đó lòng tôi không mấy xúc-

động và tình tôi đối với anh Ung-Quả cũng phai nhạt bộn-bàng. Có lẽ tôi cho rằng bởi anh không đi kháng chiến, bởi anh còn ở lại làm việc trong vùng kiểm soát của Tây mà tôi đã bắt công với bạn. Bây giờ tôi hỏi tưởng lại tôi thấy tôi đã phụ lòng bạn tôi rất nhiều. Nào chúng tôi có được ở gần nhau đâu mà biết được những biến cố xảy ra trong đời bạn ? Tôi biết đâu được những khô tâm, những thắc mắc của một nhà tri thức thiếu sức khoẻ để làm những việc theo ý mình, nhưng không thiếu lương tâm khi thấy đời mình không thẳng được định mạng. Nay bình tĩnh lại tôi đem ảnh của anh ra coi, lục thư của anh để đọc lại, đọc lại những lời khuyến khích chơn thành, những lời thiết tha gần bó, tôi mới nhớ rằng tôi đã mất một người bạn hiếm có, một người tài đức hơn tôi, tuy không để lại sự nghiệp văn chương đáng kể nhưng đã ủng hộ tôi bằng cả một tâm hồn để tôi tin được ở tôi mà giữ vững cây viết của nhà văn.



Ngày sắp rời Huế về Nam, tôi muốn ghé thăm cụ Huỳnh-Thúc-Kháng mà đoán đo không biết cụ có tiếp mình không.

Các bạn xúi : « Cứ đến ». Tôi đến, đưa danh thiếp vào trước thì được cụ mời lên văn phòng của cụ ở trên lầu tòa báo Tiếng Dân. Hồi đó cụ đã trên 60. người ốm yếu, nhỏ con nhưng rần rỏi và quá thướt. Tiếng cụ sang sảng, biểu lộ một ý chí kiên ngang, một tâm hồn rộng mở để tiếp đón một thanh niên đã nói được phần nào nỗi lòng của chí sĩ.

Cụ vốn nóng tánh dễ giận thì la rầy, dễ ghét thì không thêm thấy mặt, dễ khinh thì không thêm nghe nhắc tới tên. Bởi thế nên nhiều người ghé Huế, xin vô yết kiến cụ đã bị cụ từ chối không thêm tiếp.

Tôi may mắn được cụ cho gặp mặt, được cụ ân cần ban cho những lời khuyến nhủ và khuyến khích theo đuổi nghiệp văn chương. Cụ nói : « Mình là dân mất nước. Người cầm bút sống trong hoàn-cảnh khó khăn. Nhưng nếu quên nhục mất nước thì tốt hơn là đừng viết thì hơn... »

Một cuốn sách của tôi được cụ cho đăng bài phê-bình liên-tiếp trong 3, 4 số báo « Tiếng Dân ». Ấu cũng là một ân-huệ biểu-lộ một tình thương mà tôi không thể nào quên được.

(Còn nữa)

VĂN-CHƯƠNG THÁI-LAN

★ Bà J. KASEM SIBUNRUANG

(Tiếp theo P. T. số 15)

PHRA LO, tác phẩm bằng văn xuôi có văn của một tác giả vô danh, kể chuyện một hoàng tử đẹp trai (Phra Lo) được hai công chúa nước láng giềng thương yêu. Nhưng cha của Hoàng-tử PHRA LO đã giết chết ông nội của hai công-chúa. Một hôm đi săn bắn ông Thần-Rừng « Pou Chao » xúi Hoàng-tử đuổi theo một con gà Tiên, không ngờ đuổi mãi đến vườn của hai Công-Chúa. Cả hai nàng cùng thương chàng và ba người cùng lên lút sống chung với nhau trong khu vườn ấy. Bà nội của hai công chúa biết được che người tới giết Hoàng - tử. Hai Công-Chúa nhiệt-liệt che-chở người yêu, nhưng rồi cả ba đều chết. Dưới đây xin trích mấy câu thơ của tác phẩm *Phra Lo* :

Gió ơi ! gió cuốn khắp không gian, gió hãy tìm hộ ông Hoàng - Tử của chúng tôi! Tìm đến chàng, thổi chàng đến với chúng tôi, hỡi gió !

Sao ơi ! sao đầy-rẫy trên vòm trời, sao hãy bảo chàng về với chúng tôi !

Rọi đường cho chàng về với chúng tôi, hỡi sao, ơi sao !

V.V...



SI PRAD, con trai của ông Thầy dạy vua, và là một Thi-sỹ táo bạo, trẻ và đẹp. Một hôm một nàng cung-phủ của vua, trông thấy chàng, tỏ vẻ làm dáng với chàng. Chàng cầm mền nàng, và bảo :

Sao hai
cánh tay
nàng lại giấu
điểm hai đóa
hoa đẹp kia?

Sao hai bàn
tay nàng lại
che đậy hai
đóa hoa đẹp
trên ngực
nàng?

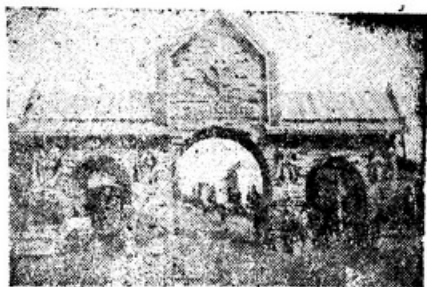
Càng dễ
người ta trông thấy ư?

Hay nàng muốn mời
ta đi theo nàng?

Cung nữ đáp :

— Ô kia, con thỏ muốn
tình tự với Mặt Trăng !
Thỏ ơi ? mi táo bạo quá !
Mi bắt chước như con
Công
Muốn bay lên mây xanh ?
Thỏ ơi, mi táo bạo quá !

(Theo điển - tích của Xiêm :
một con thỏ yêu mặt Trăng. Nó
ăn ở một nhà tu sĩ làm phép
cho nó được lên Trăng. Nhưng
trong lúc nóng nảy vội vàng, nó bị
cháy đùi vào ngọn lửa thần nó bị
cháy thối và được lên khói cuốn
xác nó đưa lên tới cung Trăng,
và nó được ở luôn trên trăng. Cho
nên bây giờ trong mặt trăng,



Một cổng chào được dựng lên để đón mừng
Vua và Hoàng-hậu

người Xiêm thấy có hình con
thỏ). Câu tục ngữ Xiêm : *con thỏ
mà yêu mặt Trăng*, có nghĩa là :
người bình dân mà yêu nàng công
chúa).

Thi-sĩ đáp lại cung-nữ :

— Vâng, ta là con thỏ
yêu mặt Trăng. Trăng xa
mù trên vòm Trời cao-tít
mắt ta chỉ trông thấy tí
mù xa. Nhưng trời muốn
mỗi loài đều có một mùa
tình ái, Nàng và ta cùng
sống trên trần-gian. Tại
sao không cùng nhau dạm
dầu. Tại sao không yêu
nhau, nàng với ta ?

Nhà vua đọc được bài thơ
này, liền bắt Thi-sĩ SI PRAD dầy
đi thật xa, vào miền phương Nam.
Tại đây, Thi-sĩ lại trao đổi ái-ân



với mấy người vợ của quan chủ-tỉnh, ông này liền đem chàng ra bãi biển để cắm đầu. Thi-sĩ liền viết trên cát một bài thơ để vĩnh-biệt nhà Vua, khởi đầu bằng hai câu :

**Ôi, Darani, Thần Đất ôi!
Người làm chứng cho ta!**

Bài thơ rất cảm-dộng. Vua Xiêm nghe truyền lại bài thơ ấy, bỗng thương nhớ Thi-sĩ, liền bắt chém viên chủ-tỉnh.

Thi-sĩ SI PRAD còn để lại nhiều bài thơ tình, trong đó có bài sau đây cảm-dộng hơn cả và được nổi tiếng nhất :

TỪ BIỆT VỢ ĐỀ ĐI CHINH-CHIẾN

Em yêu ơi, anh muốn
gởi em trên Trời,

Nhưng anh sợ Thần
Indra quyền dõ em !

Anh muốn gởi em dưới
Đất.

Nhưng anh sợ vua đào
đất, ôm em !

Anh muốn gởi em dưới
nước,

Nhưng nếu thần Naga
sờ đến em thì anh ghen
rồi anh chết mất !

Vậy anh gởi em cho ai,
cho chắc chắn hơn ?

Anh chỉ gởi em cho em
thôi, ôi em yêu ơi !

Các thể thơ khác của Văn-học
Xiêm :

— KỊCH : Inao (kịch ái tình)

— KLOM CHANG (bài hát
ca-ngợi Voi trắng)

— HÁT ĐỐI ĐÁP giữa tra!
và gái trong các lễ Nước lên.

— BÀI HÁT TÌNH YÊU
(gởi người yêu ở xa)

— HÁT RU EM.

Xin trích sau đây một bài hát
ru em làm thí-dụ (theo điển tích.
Xiêm : con tukkè, lúc nó già,
nó kêu bầy tiếng, nó há miệng ra,
con rắn nước chui vào ruột nó,
ăn gan nó, rồi con tukkè đổi
màu da, trẻ lại) :

Tukkè, mình lăm chằm,
Rắn nước da xanh-
xanh,

Nó nghiêng đầu xuống...

Con tôi không ngủ đây nè,

Tukkè, tukkè,

Tới đây,

Tới đây ăn gan nó, nghe t

3. THỜI KỲ DHONBURI

Thời kỳ này, xuất hiện một
bản hùng tráng ca, xuất xứ từ
Ấn-Độ. Bản của Ấn, tên là
RAMAYANA, Bản dịch của
Xiêm, tên là RAMAKIRTI.

Bản này cũng được truyền tụng ở Lào, gần đúng y như bản chính.

Xin trích một đoạn đầu. (Bài này vừa hát, vừa múa theo Vũ điệu Xiêm, hay Lào) :

Hồi xưa, trên núi Krai-lat, có một người đầy tớ ở hầu các vị thần. Tên chàng là Nonthouk (tiếng Ấn gọi là Nandaka). Chàng phải rửa chũn các vị Thần đến cúng Thần Iswan (Ishvara). Các vị Thần cứ đánh trên đầu chàng, lâu ngày đầu chàng bị sởi. (Theo tục lệ bên Xiêm, sởi đầu là một cái nhục, bị người ta chê cười). Chàng Nonthouk tức mình đến xin Thần Iswan bày cho chàng một phép lạ để trả thù các vị Thần thường đánh trên đầu chàng. Thần Iswan cho chàng phép lạ. Mỗi khi Thần nào đánh trên đầu chàng, chàng chỉ ngón tay vào mặt Thần, thì Thần té xuống chết liền. Có một vị Thần, Narayana, biến thành một Thần - nữ, quyến rũ được Nonthouk. Chàng yêu mê thần nữ,

bắt chước điệu vũ của nàng. Nhưng khi đưa hai bàn tay ra múa như nàng, vô tình một ngón tay chỉ trúng vào mặt nàng, nàng té chết, hóa lại nguyên hình thần Narayana. Nonthouk mắng Thần sao lại dùng mưu kế không quân-tử, Narayana ân hận xin giữ vẹn hình người hai tay, còn Nonthouk được biến thành hình hộ pháp có 20 cánh tay, 10 đầu, 10 miệng...

Bản hùng-tráng ca này được dân - chúng Xiêm truyền - tụng khắp dân-gian, và được cho học trong chương-trình giáo-dục.

Cả ở Xiêm, Cao-Miến và Lào bản RAMAKIRTI được khắc trên đá trong các đền vua, được trích trong các câu hát, được dùng làm sách bói, (cũng y như truyện Kiều của Việt-Nam vậy).

4. — THỜI KỲ BANGKOK

Tác phẩm bằng Văn Xuôi :

1) SAMKOK (Tam Quốc).
Viết theo truyện Tam-quốc của Tàu.

2) RAJATHIRAJ : Truyền tích Môn-Miến điện.

3) KHUN CHANG KHUN PHEN (truyện cổ tích bình dân, một người tàn bạo, một chàng



Dân chúng xin đem hoa quả đến dâng vua

hiệp sĩ và một mỹ nữ), như sau đây :

Khun Phèn, chàng hiệp sĩ, sắp cưới nàng Phim. Nhưng nàng lại bị lọt vào mắt xanh của một kẻ tàn bạo giàu có và nhiều thế lực : Khun Chang. Chàng hiệp sĩ phải đi đánh giặc. Trong lúc vắng chàng, Khun Chang nài ép mẹ nàng Phim phải để cho y lấy nàng. Xong chiến tranh, Khun Phèn trở về thấy vậy tức giận, bỏ đi lấy vợ khác, người xứ Lào. Nhưng chàng không sao quên được người yêu cũ, tìm cách bắt cóc nàng Phim và đem nàng trốn vào rừng. Vua cho lính đi tìm bắt. Đội uyên ương ra chịu tội, vì Phim cũng đang có thai với chàng. Chàng bị bỏ tù.

Nàng Phim bị tên tàn bạo Khun Chang bắt về trước khi nàng sanh nở...

Kể tiếp bao nhiêu cuộc phiêu lưu hoạn nạn, v.v... Đứa con trai của Phim lớn lên, lại bị cha nó là chàng hiệp sĩ Khun-Phèn

bắt về. Nàng Phim cũng theo về với người yêu xưa. Khun Chang kiện lên vua. Vua xử nàng Phim tội chết chém, vì thay lòng đổi dạ.



Đại khái văn chương Thái - Lan là như thế. Về thơ thì có văn có điệu theo lối thơ Xiêm, Về nội dung thì giản-dị và cảm động, gần gũi với thiên nhiên. Tóm tắt, như trong bốn câu thơ này :

Phuan Chung wua pai
KHA, chung MA, pai khai.
Nai nam mi PLA, nai
NA, mi khao...

(Người dắt bò đi buôn,

Người dắt ngựa đi bán.

Trong nước có cá.

Trong ruộng có lúa.

Hoặc là :

(Ai muốn bán ngựa, bán,

Ai muốn bán voi, bán !)

Khrai Khrai kha ma kha,
Khrai Khrai kha chang
kha !

(Diệu-Huyền dịch)

NHẠC NẮNG

Chiều đi từng bước chân xa vắng
Gió tiều, mây đưa, lệ trắng rơi.
Nắng sâu nhạt nhạt màu tê-tái.
Hoang lạnh và trên khắp nẻo đời.
Chiều bàng-khuâng....
Có ai trên đường thiên-lý.
Màu chiều ngợp óo phong-sương ?
Cho tôi nhớ chiều dĩ-vãng.
Vô-tư nhạt nắng vệ đường.
Chiều nay vỡ mộng ai cười khóc.
Tôi đã bán-khau giữa nghĩa đời.
Thường hỏi đời vui hay đáng chán.
Đời xinh hồng hay chứa vạn đau-thương ?
Và khi chiều lên,
Những buổi chiều nhạt nắng.
Những buổi chiều gờn-gợn nhớ thương,
Tôi không là cô gái ngày xưa,
Tùng ngây-ngất say sưa màu nắng lạ
Và thơ-dại đề gió căng tà áo....
Tôi đã thấy sâu dằng trong giếng mắt
Đã biết buồn nhìn bóng dáng hoàng hôn
Đã nghe đi từng bước chậm trong hồn.
Những ý sống, những mộng vàng xinh-xắn.
Tôi ước-mơ và đã mơ nhiều lắm,
Giữa buổi chiều vàng nhạt nắng lé-thế.
Tìm nao-nao đón vạn thắm tươi về.
Lòng thiếu-nữ mong ngày mai rực-rỡ.

VÂN-KHANG

(Nữ Trung học Mỹ-tho)

Ngày lịch sử

NGUYỄN TRIỆU Sưu-tầm

Tài-liệu đặc-biệt « Những ngày Lịch-sử » đăng trong « Tạp-chí Phò-Thông » đều hoàn toàn chưa in trong sách báo nào cả, từ xưa đến nay, vậy cấm các nhà viết sách, báo, hoặc là lịch, trích đăng-tải những tài-liệu này mà không có giấy phép riêng của Giám-đốc Tạp-chí Phò-Thông. Bản quyền của Tạp-chí Phò-Thông.

16

Tháng sáu, KỶ-HỢI

21 Juillet 1959

16 THÁNG SÁU, QUÝ-TY

(18 Juillet 1413)

Quân Minh sang đánh đuổi quân nhà Hồ, họ thành Hóa-châu (Huế bây giờ).

16 THÁNG SÁU, QUÝ-MÙI

(19 Juillet 1883)

Vua Tự-Đức-thăng-hà, thọ 53 tuổi.

17

Tháng sáu, KỶ-HỢI

22 Juillet 1959

17 THÁNG SÁU, QUÝ-TY

(20 Juillet 1883)

Quân Pháp thắng trận ở cửa Bắc thành Sơn-Tây, quân ta và quân Cờ đen tử trận rất nhiều.

18

Tháng sáu, KỶ-HỢI

23 Juillet 1959

18 THÁNG SÁU, NHÂM-TUẤT

(17 Juillet 1802)

Tả-quân Lê-văn- Duyệt đem quân đánh chiếm thành Thăng-Long ngoài Bắc-Hà.

19

Tháng sáu, KỶ-HỢI

24 Juillet 1959

19 THÁNG SÁU, KỶ-ĐẬU
(10 Juillet 1069)

Ngự-thuyền Vua Lý-thánh-Tôn tới cửa bể Bồ chính (tức cửa Sông gianh) có Rồng Vàng hiện lên.

20

Tháng sáu, KỶ-HỢI

25 Juillet 1959

20 THÁNG SÁU, BÌNH-NGỌ
(30 Juillet 1306)

Vua Trần Anh-Tông gả Huyền-trần công-chúa cho Chế-Bân, Vua nước Chiêm-Thành.

21

Tháng sáu, KỶ-HỢI

26 Juillet 1959

21 THÁNG SÁU NHÂM-TUẤT
(20 Juillet 1802)

Vua Gia-long ngự-giá tuần du ra Bắc-hà.

22

Tháng sáu, KỶ-HỢI

27 Juillet 1959

22 THÁNG SÁU, ẤT-MÃO
(8 Aout 1075)

Vua Nhân-tôn nhà Tống sai sứ qua các nước Chiêm-thành và Chân-lạp bảo chúng đánh Giao-chỉ.

22 THÁNG SÁU, NHÂM-TUẤT
(21 Juillet 1802)

Vua Gia-long tuần-du Bắc-Hà, ra tới thành Thăng-long,

23

Tháng sáu, KỶ-HỢI

28 Juillet 1959

23 THÁNG SÁU, NHÂM-TUẤT
(22 Juillet 1802)

Vua Gia-long xuống chiếu phủ-dụ các hào-kiệt ở Bắc-Hà.

24

Tháng sáu, KỶ-HỢI

29 Juillet 1959

24 THÁNG SÁU, CANH-TÝ

(11 Juillet 1300)

Hưng-Đạo đại-vương bị bệnh, Vua
Trần-Anh-Tôn ngự-giá tới nhà thăm.

25

Tháng sáu, KỶ-HỢI

30 Juillet 1959

25 THÁNG SÁU, BÌNH-NGỌ

(20 Juillet 1786)

Chúa Trịnh-Khải là Đuan-nam-
Vương bị quân Tây-Son đánh thua
tại bến sông Thúy-Ái.

26

Tháng sáu, KỶ-HỢI

31 Juillet 1959

26 THÁNG SÁU, BÌNH-NGỌ

(21 Juillet 1786)

Quân Tây-Son chiếm-lĩnh Phủ
Chúa Trịnh trong thành Thăng-long
và ra lệnh chiêu-an dân-chúng.

27

Tháng sáu, KỶ-HỢI

1 Aout 1959

27 THÁNG SÁU, BÌNH-NGỌ

(22 Juillet 1786)

Chúa Trịnh Khải (Đuan-Nam-
Vương) bị quân Tây-Son bắt được,
tự sát chết.

28

Tháng sáu, KỶ-HỢI

2 Aout 1959

28 THÁNG SÁU, KỶ-HỢI

(7 Aout 1839)

Thành-lũy tỉnh Kinh-Bắc, (Bắc-Ninh,
Bắc phần) tự nhiên sụp-đổ.

29

Tháng sáu, KỶ-HỢI

3 Aout 1959

29 THÁNG SÁU, ẤT-DẬU

(28 Juillet 1845)

Nhà Nguyễn cho sứ sang nước ta
tìm kiếm và hạch hỏi Vua tôi nhà Trần
về đồng-trụ Mã-Viện đời nhà Hán
nay ở đâu?

CHUYỆN NGẮN

QUỐC

TẾ

CON

chim nhỏ



VĂN-SƠN

N

ẤM ấy tôi mười bảy tuổi. Trong dịp nghỉ hè, ba tôi gửi tôi ra Vũng - Tàu vừa đề nghị mát vừa đề có dịp học hỏi thêm tiếng Anh của một ông bạn ba tôi, vì tiếng Anh của tôi còn kém lắm. Tôi cùng trọ chung với một số thanh niên bằng trạc tuổi tôi. Chúng tôi cùng giải trí bằng cách đánh quần vợt và mỗi sáng chủ nhật, sau khi đi lễ nhà thờ về thì đưa nhau đi ra bãi đề hóng gió và tắm nắng.

Tình cờ, trong những cuộc rượt quần vợt, tôi làm quen

được với Hiền. Hiền là một thiếu nữ đẹp, hiền dịu nhưng như tên nàng. Nàng ít nói nhưng hay cười, những nụ cười e ấp thật là đáng mến. Chỉ nói chuyện với nàng vài lượt, nhất định ai cũng phải mến nàng ngay, riêng tôi, chỉ mới tiếp chuyện với nàng lần đầu tôi đã thấy quý nàng lắm rồi. Dần dà, Hiền đưa tôi về nhà nàng chơi. Nhà Hiền ở cuối một chân đồi thoải thoải, mặt nhà quay thẳng ra biển, xung quanh có một rặng dương liễu thướt tha.

Lần đầu tiên đến nhà Hiền, tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy trong phòng khách treo la liệt những lồng chim đẹp đẽ và tiếng chim đua nhau hót liu lo thật vui tai. Mới nhìn tôi biết ngay là những con chim đó được chăm chút nhiều lắm vì con nào con ấy đều óng ánh, đủ màu sắc, lông mượt bóng. Đặc biệt, Hiền đặt cho mỗi con chim một cái tên riêng, nàng cho biết tính tình của mỗi con đều khác nhau. Nhìn Hiền đứng bên cạnh những lồng chim đó, tôi thầm vì nàng cũng là một con chim, một con chim biết nói, đẹp hơn tất cả mọi loài chim nào ở trên đời này. Và hơi liều một chút, tôi đã vì ba mẹ nàng cũng là một đôi chim, phỏng là hai con chim đen, buồn thảm với những bộ lông xơ xác : Ba Hiền lạnh lùng khước chiếc áo màu đen thẫm, đôi mắt kính

nghiêm khắc giọng vàng, mẹ nàng thì lúc nào bộ mặt cũng có vẻ dăm dăm, ít khi tôi bắt gặp nửa nụ cười trên môi bà.

Hiền yêu thích những con chim xinh xắn như trẻ yêu búp bê. Nàng nghiêng nghiêng đầu nói chuyện với chúng, và bây giờ cũng nghiêng nghiêng những chiếc đầu bé nhỏ để hót trả lời nàng, những tiếng hót có vẻ nũng nịu đáng yêu lạ.

Mỗi tối, trước khi đi ngủ, bao giờ Hiền cũng mang tất cả những chiếc lồng vào phòng nàng để cho chim đỡ thấy cô độc ban đêm, những giờ phút mà tất cả động vật cũng như người ở trên trái đất này đều cần những không khí ấm áp và triu mến.

Một hôm đột nhiên Hiền buồn buồn bảo tôi :

— Anh trông kia chúng nó có vẻ buồn bã phải không anh ? Vì ngày mai là ngày chủ nhật. Chúng nó ghét ngày chủ nhật, cả em nữa em cũng ghét. Chắc anh lạ lắm nhỉ. Vâng thật đấy anh ạ, vì chủ nhật trong nhà mọi vật đều phải hoàn toàn yên tĩnh. Kể cả những con chim thân yêu kia nữa. Ngày ấy, cha em bắt em phải phủ lên những lồng chim một tấm màn dày để chim không còn trông thấy ánh sáng và khi không thấy ánh sáng thì tất nhiên chúng không hót nữa. Em thương chúng nhưng ba em nghiêm khắc lắm. Chẳng còn biết làm thế nào...

Tôi nghĩ ngợi một lúc và mắt bừng sáng vì vừa nghĩ đến một cách kỳ diệu có thể làm cho Hiền vui, cả những con chim kia nữa cũng sẽ được vui.

Rất bình tĩnh, tôi khe khẽ bảo Hiền :

— Hiền ạ, chuyện đó có thể dàn xếp được, chỉ cần một phép lạ mà những phép lạ chỉ có những ông Thánh mới có mà thôi. Có một ông Thánh rất thích loài chim, đó là ông Thánh Saint Francois d'Assise. Anh tưởng tượng rằng mỗi sáng chủ nhật ông Thánh đó, sẽ tới đây trong lúc ba, má và em còn đang đi dạo ở bờ biển sau khi dự lễ ở nhà Thờ về. Ông Thánh ấy sẽ nhẹ nhàng bỏ những tấm màn phủ trên những lồng chim ra để cho chúng ca hát suốt chừng một tiếng đồng hồ. Chừng nào ba má em sắp về ông Thánh sẽ lại phủ, những tấm màn nọ lại như cũ...

Và tôi mỉm cười ranh mãnh nói thêm, trong lúc Hiền đôi mắt tròn xoe nhìn tôi có vẻ thần phục và mừng rỡ :

— Tuy những ông Thánh ấy là những người Trời, họ cũng không thể đi xuyên qua những bức tường kiên cố này được. Vì vậy ông Thánh cũng cần có một cánh cửa sổ hé mở...

Và sáng chủ nhật đó, tôi đã vào phòng Hiền nhờ một cánh cửa sổ mà Hiền đã hé mở trước khi đi lễ nhà Thờ với ba mẹ

nàng. Như ông Thánh, tôi đã bỏ những tấm màn che trên những lồng chim ra và những con chim xinh xắn đã đồng thanh hát như cảm ơn tôi. Tôi ngồi đúng một tiếng đồng hồ trong chiếc ghế bành, không nhúc nhích. Dù biết rằng làm như thế là một hành động táo bạo, khá dai dẳng nhưng tôi vẫn tự thấy hài lòng và đắc tri.

Ba chủ nhật liền, tôi đóng vai Thánh d'Assise. Hiền biết tôi đều đến nhà nàng vào những buổi sáng ấy nhưng nàng không nói gì cả. Nàng chỉ nhìn tôi triu mến, đôi mắt lộ vẻ cảm ơn pha lẫn một chút ngượng ngùng. Có lẽ Hiền hiểu rằng nàng đã đưa tôi đến một hành động không mấy đẹp đẽ mà nàng không có can đảm tự làm lấy. Vì vậy, có một lần nàng đã nói nhỏ với tôi :

— Nếu ba biết...

Và quả như vậy, sau rồi ba nàng biết thật. Ngày chủ nhật thứ tư, tình cờ khi đi dạo mát ở bờ biển về sớm hơn mọi khi chừng nửa tiếng, ba nàng đã bắt gặp tôi trong phòng Hiền. Ông không đề ý đến những con chim đang đua nhau hát liu lo, ông chỉ trông thấy tôi đang lúng túng trong phòng con gái ông, cạnh đó trên chiếc giường mà vì buổi sáng đó đầy muện mặc quần áo đi lễ vội vàng, Hiền đã để quần áo ngũ ngón ngang trên mặt giường. Ông nôi trợn lồi đình, hét om sòm. Tôi cố thanh minh rằng không hề có một hành động

hoặc một ý tưởng gì xấu xa nhưng nào ông có chịu nghe, ông hét lên hơn :

— Xéo ra, tôi cấm anh không được thò mặt đến cái nhà này nữa.

Ngay hôm sau, ông ta viết thư cho vị Giám Đốc trường tôi học, vị Giám Đốc viết thư cho cha tôi và chỉ ba hôm sau, tôi bị cha tôi triệu về. Thật oan uổng cho tôi biết là bao nhiêu.

Bảy năm sau. Tình cờ trong một buổi Dạ Hội, tôi lại được gặp Hiền. Nàng cho biết nàng đã có chồng và cha mẹ nàng đã khuất núi. Khăn khoản Hiền mời tôi về nhà dùng trà. Chồng nàng đi làm vắng. Thoạt đầu bước vào nhà nàng tôi đã cảm thấy có một cái gì là lạ. Và chỉ vài phút sau thôi, tôi đã hiểu ngay lý do đã làm tôi cảm thấy như thế. Tôi nhìn xung quanh nhà hồi nàng :

— Cô không còn nuôi những con chim xinh xắn nữa sao ?

Buồn buồn, Hiền trả lời :

— Vì chồng em không thích nuôi chim. À nhưng mà sao dạo ấy anh lại ra đi một cách thình lình mà không hề viết thư cho em biết thế ?

Tôi liền kể lại chuyện tôi là, ông Thánh và ông Thánh ấy đã bị bắt gặp như thế nào. Vừa nghe tôi kể, Hiền vừa khóc, những giọt nước mắt lộ vẻ cảm động đua nhau chảy qua hai gò má phơn phớt hồng của nàng

Tôi đoán là trước kia Hiền đã yêu tôi nhưng tôi đã lãnh đạm đối với nàng chỉ coi nàng như người em gái nhỏ. Vì vậy, nàng đã thất vọng và dần lòng đi lấy kẻ khác mà nàng không hề yêu.

Ngày nay, Hiền đã chính thức trở thành con chim nhỏ mà trên lồng đã khoác lên tấm màn phủ, nó không hót nữa. Nàng nhìn tôi run rẩy như con

chim nhỏ đứng trước giông bão. Có lẽ nàng chờ tôi xin nàng để hé một cánh cửa sổ và tôi sẽ vào bỏ tấm màn che đi, để chim lại hót như xưa.

Nhưng, nhưng... tiếc rằng tôi không thể là một ông Thánh nữa...

(Phỏng tác theo truyện

« Les oiseaux et le Dimanche-Anglais » của André Birabeau)



★ BÁC - SĨ CẦN DẶN

Một bà gọi điện thoại hỏi Bác-sĩ :

— Thưa Bác-sĩ, thằng con trai của tôi, nó hót cát và ciment, nó nuốt vô bụng. Phải làm sao bây giờ ?

Bác-sĩ trả lời :

— Không hề gì. Bà nhớ đừng cho nó uống nước là được.

★ NÓI THÁCH

Con gái một bà bán hàng nói thách, một hôm đi học. Cô giáo hỏi :

— Trò Hoa, 8 cộng với 2 là mấy ?

— Dạ, 30 ạ.

— Sao lại 30 ? 8 cộng với 2 là 10 chứ !

— Dạ thưa cô, phải nói thách để họ mặc cả thì vừa ạ.

BA - TÈO

★ DANH NGÔN

Đưa người vào chỗ thất vọng là điều nguy hại, con chuột bị mắc vào rọ có thể trở nên nguy hiểm.

WINSTON CHURCHILL

AN - GIANG

(Long Xuyên)

XƯA và NAY



★ THÁI-VĂN-KIỆM

(Tiếp theo P. T. số 15)

DẤ nói đến Kênh-Vĩnh-Tế, tất phải nói đến KÊNH-VĨNH-AN, nối liền Tiền-giang với Hậu-giang, từ Châu-đốc đến Tân châu. Kênh này dài 17 cây số, rộng từ 15 đến 17 thước, đào trong năm 1846 - 1847; theo chương trình của Tuần-phủ Vĩnh Long là Nguyễn-tri-Phương và Đốc-Bộ Châu-Đốc là Nguyễn-công-Nhàn. Kênh Vĩnh-An, Tiền-giang và Hậu-giang hợp thành Tam-Giang trong câu ca dao :

—————★—————

Tiền Tam-Giang, Hậu Thất-lãnh (Thất-Sơn), ý nói là nơi linh địa của xứ Châu-Đốc vậy.

III. — DANH NHÂN LIỆT NỮ AN-GIANG

Hôm nay, khi nhắc đến công ơn các bậc tiền nhân đã khai phá xứ này, chúng tôi không quên kể lại sự nghiệp danh nhân liệt nữ An-Giang, và đồng thời đề cao những đức tính cõ-truyền của đồng bào An-Giang, thật xứng với lời phê bình chính xác của Đại-Nam Nhất-Thống-Chí : «Sĩ đôn thi thơ, dân cần canh chức. Nữ công duy Vĩnh-An ư sảo ưu, sĩ hạnh tất An-Xuyên ư sảo thắng, nhân đa hào phóng.» Nghĩa là : Kẻ sĩ chuộng thi thơ, dân siêng cấy ruộng, dệt vải. Về nữ công thì huyện Vĩnh-An tinh xảo. Về sĩ hạnh thì huyện An-Xuyên danh

GIANG SƠN VIỆT NAM

tiếng. Lại thêm nhiều người hào phóng.

Chúng ta nhận thấy những đức tính cõ-truyền của đồng bào An-Giang đã được chứng tỏ nhiều phen trong lịch sử. Trong số những danh nhân của xứ này, đáng kể nhất là ông NGUYỄN-V-N-NHÂN, người huyện Vĩnh-An, đã từng phụ tá tướng Nguyễn-văn-Trương, lập nhiều chiến công oanh liệt ở cửa biển An-Dũ và Đại-Cồ lủy (Quảng-Ngãi), sau làm Lưu thủ Gia-Định, mộ binh dề chờ tấn phát, tạo thuyền dề vận-tải quân lương, mở ruộng khuyến nông tang, được thăng *Chưởng chấn vũ quân tước quận công*. Sau được kế thay cho Nguyễn-văn-Trương giữ chức Tổng-trấn Gia-Định, điều lãnh 2 trấn Bình-Thuận, Hà-Tiên.

Người Xiêm xâm lấn Cao-Man, ông Nhân đem binh đến biên cảnh, quân Xiêm run sợ không dám động. Năm 1820, được triệu về kinh sung chức Tổng-Tài Sử-quán, rồi mất vào năm ấy, thọ 70 tuổi, tặng chức Thái-Bào, được tòng tự nơi Thái-miếu, lại được liệt tự vào miếu Trung-Hưng công thần và cấp tự điền. Năm 1831, được truy tặng Kinh môn quận công.

Ngoài ra, chúng ta cũng nên ghi nhớ những danh nhân khác như Tống - Phước - Thiêm gốc huyện Tống - Sơn (Thanh - hóa), lưu ngụ An - Giang, NGUYỄN - VĂN - BẾ, người huyện Vĩnh-An, HOÀNG PHƯỚC - BÙU, người huyện Tân-Thành, NGUYỄN - VĂN - TRỌNG, người huyện An-Xuyên, ĐOÀN - VĂN - TRƯỜNG người huyện Đông-Xuyên, NGUYỄN-VĂN-ĐÌNH và NGUYỄN-VĂN-YẾN cùng huyện An-Xuyên, hầu hết đều có lập nhiều công trạng trong khi theo vua Gia-Long khai phá Nam-Bộ và thống-nhất sơn-hà.

Sau hết là danh nhân NGUYỄN - VĂN - TUYẾN, người huyện Vĩnh-An, khi đầu trung hưng, ông theo Tả quân Lê-văn-Duyệt bình định miền sơn cước Quảng-Ngãi, d c xuất binh dân phụ-lực Thoại-ngọc-Hầu đào sông Vĩnh-Tế. Sau được cử làm Trấn-Thủ Định-Tường và Vĩnh-Thanh, lại được án cứ Châu-Độc deo quốc ấn bảo hộ Cao-Man.

Phàm địa-linh thì nhân kiệt mà liệt nữ cũng nhiều. Trong số các bậc quân thoa còn lưu danh hậu thế, đáng kể nhất là hai bà :

— DƯƠNG-THỊ-Ư, người huyện Đông - Xuyên, vợ của

Nguyễn - văn - hị, nhà nghèo, chồng bị bệnh mà chết. Có tên chủ nợ là Trương-Thời thấy thị có nhan sắc muốn cưỡng hiếp, nhưng bà nhất định cự tuyệt, sau bị tên thời ám hại. Năm Minh-Mạng thứ 10 (1829), được vua sinh thưởng.

— NGUYỄN-THỊ-DUNG, người huyện An-Xuyên nhà giàu, năm Thiệu-Trị nguyên niên (1841) nhơn có quân vụ ở biên giới, bà tự ý xuất lúa quyên trợ cho quân lính ăn uống sung túc, chung lo việc nước với nam nhi, sau được sắc tặng 4 chữ « Lạc quyền nghĩa phụ ».

Liệt nữ An-Giang ngày xưa thật đáng làm gương cho phụ nữ soi chung. Còn phụ-nữ An-Giang ngày nay cũng không kém phần ưu tú, nhất là về hai phương-diện mỹ thuật và thể thao.

Thật vậy, trên toàn cõi thế giới và tự cò chí kim, tôi tưởng rằng chỉ tại An-Giang mới có một ban nhạc phụ nữ chuyên dờn accordéon nghe rất mùi tai ! Và cũng chỉ tại An-Giang mới thấy xuất hiện một đội túc cầu phụ-nữ đã nhiều phen làm dân mộ điệu Saigon khao khát đợi chờ trông ngóng các bạn quần thoa biểu diễn một « match » coi chơi !

IV. — AN - GIANG TRÊN ĐƯỜNG CHIẾN ĐẤU CHỐNG XÂM LĂNG

Những trận túc cầu hằng mơ ước trên kia làm cho tôi liên tưởng đến một trận đấu lịch sử vô cùng oanh liệt đã xảy ra năm 1837, gọi là trận CÙ-HU. Hồi ấy, liên quân Xiêm - Mên xâm chiếm An-giang, đóng binh tại Ông-Chường và Tân - Thành, chiếm cả hữu ngạn Hậu-giang. Quân đội ta do ông CHUÔNG-BINH-LỄ và ông ĐỐC-BÌNH-VÀNG chỉ huy đã giáp chiến dữ dội với quân Xiêm-Mên tại Cù-Hu. Trong trận này, hai vị chỉ huy đã bỏ mình tại trận, nhưng quân xâm lăng đã phải rút lui có trật tự.

Đề tỏ lòng biết ơn, dân chúng An-Giang đã đặt tên hai ông cho hai cái rạch đã làm chiến trường là RẠCH ÔNG-CHUÔNG và RẠCH ĐỐC-VÀNG. (nay thuộc về Phong-thạnh, Kiến phong). Hiện nay còn có đền thờ ông Chuông binh Lễ tại Kiến An và đền thờ ông Đốc Binh Vàng tại Tân Thành.

Tinh thần bất khuất của hai vị anh hùng nói trên đã gây nhiều ảnh hưởng tốt trong đám sĩ phu và quần chúng miền Hậu Gian

Cho nên, ba mươi năm về sau, dưới thời đô hộ Pháp, họ đã hết lòng ủng hộ nhà chiến sĩ cách mạng NGUYỄN - TRUNG - TRỰC, dấy binh chống Pháp tại Tân An, đốt cháy chiếc tàu Espérance tại Nhứt Tào, đem quân về Tân Hội, Rạch giá, đến Núi Sập, Ba Bân (Vĩnh Trạch, Long Xuyên). Khi quân Pháp đem tàu thủy đến vây bắt quân ta thì Nguyễn-trung-Trực sai đồn cây dóng cọc giữa lòng sông ở Tà Kên và Lạc Đức (thuộc làng Định Mỹ), chặn đứng các tàu Pháp, đề có đủ thì giờ rút về Rạch Giá, đánh úp một đồn Pháp trong đêm 16-6-1868. Về sau Nguyễn-trung-Trực bị cô thế phải rút về Hòn Chông. Nơi đây ông được mật chiếu của vua Tự Đức sắc phong cho ông chức Thành Thủ ủy Hà Tiên. Ông dự tính chiếm lại Hà Tiên nhưng vì thế yếu, phải chèo thuyền sang ăn năn ở Cửa Cạn (đảo Phú quốc). Trong khi đó, bà Nguyễn trung-Trực sanh hạ trong rừng sâu một hài nhi, vì thiếu sữa bà âm con vào làng xin bú nhờ, nhưng bị Lãn binh Huỳnh công Tấn truy tìm ráo riết, bà phải tự tử sau khi con bà chết vì thiếu sữa.

Thế cùng tân lực, Nguyễn-Trung-Trực phải quy hàng, đề

cứu lấy tàn binh bị vây khốn trong rừng sâu, không có lối thoát. Ông bị án tử hình và bị xử tại Rạch Giá ngày 27 tháng 10 năm 1868, Được tin đau đớn, vua Tự Đức liền sắc phong ông Thượng đẳng Thần, được phụng tự tại làng Vĩnh Thạnh - Vân, tức là làng sở tại Rạch Giá.

Trong số các dũng sĩ đã nương lã cờ kháng chiến của Nguyễn - Trung - Trực, có quân cơ TRẦN - VĂN - THÀNH, tức TRƯƠNG - THÀNH, tức Thanh văn Bương, rút về Bảy Thưa, tức Cây Bảy Thưa, (nay thuộc làng Tú Tề, quận Tri tôn Châu Đốc) là một vùng bùn lầy lau sậy mọc um tùm, làm phù phép và giảng đạo mới gọi là «Đạo Lành» hấp dẫn một số đông thiện nam tín nữ tấp nập kéo nhau đến xin phù phép thuốc men. Nhưng đó chỉ là một lối che mắt nhà đương cuộc. Sự thật Trương Thành lo chiêu mộ nghĩa binh, đúc súng, mài gươm quyết một phen trả thù cho Nguyễn Trung Trực. Nhưng chẳng may là ngày 19-3-1873, quân đội Pháp do sự hướng dẫn của Đốc Phủ Trần Bá Lộc; thỉnh lĩnh đến bao vây và bắn xả vào Bảy Thưa, giết chết Trương Thành và Cai Tuân Vàng ngay tại chỗ.

AN GIANG TRÊN
DƯƠNG PHỤC HƯNG
KINH TẾ

Đúng với chánh sách « động vi binh, tĩnh vi nông », đồng bào An Giang trong thời loạn thì mài gươm dũa giáo, trong thời bình thì cuốc bằm cày sâu. Nhờ tinh thần và ý chí đó mà An Giang đã trở nên một miền phong phú nhất nhì ở Nam Bộ.

Có thể nói rằng An Giang là miền sản xuất nhiều thứ nếp lúa hơn nơi nào cả trên toàn cõi Việt-Nam. Riêng về nếp, có đến 6 thứ : Nếp dùm, Nếp pontia, Nếp Kramuôn, nếp móng chim, nếp ván, nếp than. Riêng về lúa gạo, lại có đến 21 thứ : Lúa giáng, lúa nàng Mệt, lúa nàng Quốc, lúa nàng Sô, lúa Parith, lúa nàng Phok, lúa ràng Dài, lúa Thơm, lúa vài vai, lúa nha prom, lúa nàng Phước, lúa cánh tể, lúa nàng Kong phluc, lúa phear Krasang, lúa contrey, lúa cà dung, lúa bắt Roté, lúa móng chim, lúa nàng sấp, lúa sậy, lúa tham đưng.

~ Phân biệt được các thứ nếp, các thứ lúa ấy là cả một bài toán tĩnh vi mà chỉ riêng có phụ nữ An Giang mới giải quyết nổi, lẽ

vì có câu ca-dao rằng :

Tôm rần bóc vỏ bỏ đuôi;

*Gạo thơm nàng Quốc em nuột
mẹ già !*

Thật là chí hiếu, chí tình không thua gì cô gái sông Hương Núi Ngự :

*Thương chồng nấu cháo le le,
Nấu canh bóng lí, nấu chè hột
sen.*

Hai cách đối xử của người dân bà miền Nam và người dân bà miền Trung, đều đáng làm cho chúng ta khâm phục cả.

Một dăng thì nhờ có đồng ruộng phì nhiêu, sông ngòi rành rít mà tôm có thừa. Một dăng thì sơn xuyên cằn tú, khí hậu tứ thời, cho nên hoa quả có dư.

Miền Hậu-giang, nam thanh nữ tú (Trai Nhân Ái, gái Long-Xuyên), thường rắp ranh bắn sẻ gieo cầu khi nhìn về Vàm-Nao, Châu-Đốc :

Ngó lên Châu-Đốc.

Ngó xuống Vàm-Nao,

Anh thương em ruột thắt

gan bào,

*Biết em có thương lại chút
nào hay không ?*

Thiếu nữ này chưa chịu dứt khoát tư tưởng, còn đợi chờ tri-kỷ từ Gia-Định về đây, nhưng than ôi chàng công-tử Sài-

Thành không bền gan trì chí, e ngại đường xa, núi sông cách trở, nên vừa đến Vàm - Cống thì đã giống trống trâu bình:

Ngó lên Sờ-Thượng (Tĩnh Biên) mà buồn,

Muốn chắm cội rẽ ngại đường xa xuôi!

Người thiếu-nữ Hậu - giang mới hẳn lại rằng:

Bao phen qua nhẵn vớt điều:

Cù lao Ông-Chường có nhiều cá tôm.

Kể ra thì có đến 93 thứ cá, tôm, cua, còng, đang chen chúc bơi lội dưới sông sâu hồ rộng, xin kể một loạt mà xem có thiếu con nào chẳng: cá bống, cá rô, cá lóc, cá trê, cá dày tho, cá sặc diệp, cá sặc bươm, cá bả trêu, cá vược, cá chẻm, cá sủ, cá duồng, (tức cá bay), cá cóc, cá cày, cá tra sọc, cá chày, cá hô, cá ngựa, cá phèn, cá lòng tong đá, cá lòng tong bay, cá he, cá mè, cá dảnh, cá ét, cá mai, cá lành tanh, cá linh, cá traو, cá rằm, cá thieu, cá hồng vện, cá lìm kìm, cá mang giổ, cá nhái, cá chạch lấu, cá chạnh lá trẹ, cá nóc, cá nanh heo, cá ong, cá com, mồm, cá rô biên, cá tra lóp, cá tra bầu,

cá tra đầu, cá vồ dẻm, cá vồ chố, cá vồ cờ, cá tra hú, cá sọt, cá dứa, cá lăng, cá ngát, cá chốc chuột, cá chốt giầy, cá chốt bông, cá chốc sọc, cá sơn, cá út, cá đuối, cá nhám, cá lười trâu, cá bông tượng, cá bống các, cá bống mọi, cá thu ca leo, cá kết, cá trên bầu, cá ộp, cá mòi, cá rựa, cá hẹ, cá mồng gà, cá giải áo, cá còm, cá nằng hai, cá thất lát. Tôm, tép cũng không thiếu chi: tôm càng, tôm lóng, tôm lúra, tôm đất, tôm châu, tép muối, tép rong.

Ngoài ra, còn vài thứ cá nữa mà tôi không dám kể ra đây vì e ngại đôi chút như là: cá mập, cá đao, cá vược và nhất là cá sấu!

Trong các thứ cá ăn được kể ở trên kia, chúng tôi xin đặt biệt lưu ý các bạn về con cá thất lát. Con cá này ngày xưa chỉ sinh sống ở xứ Đồng - Nai, về sau vua Gia-Long thấy giống cá ăn ngon mà ngoài Trung không có nên mới ra lệnh đem một mớ cá giống từ Gia - Định về Phú - Xuân để rải rắc một nơi, về sau mang tên là CỐNG-PHÁC - LÁC. Giống cá này sinh sản mau lẹ đến nỗi ngày nay tất cả sông ngòi xứ Huế và các miền lân cận đều có cá

thất lát mà ngoài Trung gọi là cá phác lác. Con cá thất lát đã trở nên một con cá lịch sử bởi sự mạng nổi liền giải đất Nam Trung.



Trước hết, cảm tưởng của chúng tôi khi đến Long-Xuyên là được chiêm ngưỡng một thành phố xinh đẹp, được trùng tu kiến-thiết hẳn hoi, đường sá được mở rộng, công viên chạy suốt bờ sông, phô bày nhiều hoa thơm cỏ lạ, làm thành một "phương-thảo-địa", thật xứng đáng là quê hương của Phó Tổng - Thống Nguyễn-Đại-Nhân. Và sở dĩ khách du lịch bốn-phương tấp-nập về đây cũng là vì :

An-Giang cảnh trí mỹ miều,

Ta thương ta nhớ ta liêu ta di !

Thật là, cảnh đã đẹp mà người cũng xinh!

Và, có một điểm đáng chú ý hơn hết là về phương diện *khoa-học*, tỉnh An - Giang là nơi mà các nhà cổ-học đã tìm thấy một thành phố chôn vùi dưới đất từ mười mấy thế-kỷ. Đó là *thành phố Óc - Eo* ở Vọng-Thê, gần núi Ba-Thê, (cao 210m), giáp giới với tỉnh Kiên-Giang. Vọng-Thê có nghĩa là cái thang dựng lên để nhìn xa mà đào sông đắp lộ. Nơi này,

năm 1912 có đào thấy một tượng thần Visnu cao 3th35, được đem vào thờ trong đền làng Vọng-Thê. Qua năm 1943, nhà cổ học Malleret đã tìm thấy cách Vọng Thê 2 cây số, trên gò Óc Eo vết tích một thành xưa vuông vức, mỗi bề dài 1.500 thước, lại thêm nhà cửa xây dựng trên 225 mẫu. Người ta đã đào 22 chỗ và tìm thấy 12 nền móng kiến trúc xưa, rất nhiều đồ kim khí, tiền vàng, tiền đồng và huy chương, trong số đó có một huy chương mang niên hiệu 152 và tên vua La Mã Antonin Le Pieux. Ngoài ra có một số tượng Ấn Độ và bia đá khắc chữ phạn. Các nhà cổ học đoán rằng thành phố Óc Eo ngày xưa là mộ. thị trấn quốc tế của nước Phù Nam, một quốc gia rất thịnh vượng ở miền Nam bán đảo Đông Dương từ đầu kỷ nguyên đến thế kỷ thứ V. Thị trấn này ngày xưa ở cách biên 11 cây số (cũng có người cho rằng nó ở ngay bờ biển) nhưng ngày nay thì nó cách biên đến 22 cây số, vì đất Phù Sa đã bồi lấp dần dần, đến nỗi chôn vùi thành phố ấy trong trí nhớ của loài người.

Những đồ cổ đã tìm thấy tại Óc Eo gồm có 1.300 cổ vật cân nặng 1.120kg, một phần có chung bày

tại Bảo Tàng Viện Quốc Gia Saigon, và một phần lớn trưng bày tại Bảo Tàng Viện Guimet tại Ba Lê ; nhưng vừa rồi đã được chở về Saigon trả lại cho Chính Phủ ta, cả thảy 622 cổ vật. Thật là một kho tàng quý báu mà chúng ta phải bảo vệ cẩn thận vì nó là di tích của một nền văn minh tối cổ, làm cho chúng ta liên tưởng đến ba thành phố xưa cùng chung một số phận là thành Troie ở

Tiền Á Tề Á, thành Pompei và thành Herculaneum ở Ý Đại Lợi.

Thị trấn Ốc Eo cũng là một bài học cho chúng ta suy ngẫm ; nó nhắc nhở chúng ta luôn luôn xây dựng và phảỉ đấu đê khỏi bị vùi lấp hoặc xóa nhòa trên bản đồ Thế giới. Nó khuyến khích và thúc dục chúng ta trong thời bình phảỉ nỗ lực, thì mới mong non nước ấy nghìn thu.

Đã mười giờ rồi khuya mà bé Hồng vẫn chưa ngủ. Nó kêu má và nói :

— Má ơi rót cho con một tách nước.

Ở phòng bên cạnh má nó quở :

— Hồng, con hãy ngủ đi kẻo má vào đánh đòn bảy giờ.

Bé Hồng nín thính, nhưng độ 15 phút sau nó lại nói :

— Má ơi ! chừng nào má vào đánh con, má nhớ đem vô cho con một tách nước, nghe má !

— ???

Một tác giả vô danh trẻ tuổi cho xuất bản một cuốn tiểu thuyết tâm-lý ái-tình tựa «Người đẹp bên bờ suối». Vì thiếu kinh nghiệm, vì lối hành văn không được suông sẻ và bóng bẩy nên trong số 10.000 quyền xuất bản, chỉ bán vồn vẹn được có ba cuốn.

Đề khỏi lổ lỗ, tác giả nẩy ra một ý nghĩ khá hay. Người muốn đăng trên một tờ báo Việt-ngữ : «Một nhà triệu phú muốn cưới một người vợ y như «người đẹp bên bờ suối». Kết quả mỹ mãn, sách bán chạy như tôm tươi, chỉ trong một tuần mà số sách xuất bản đã bán sạch.

Tất nhiên những thơ câu hồn gửi lại đều được bỏ vào giỏ rác !

H. P.

THƠ TỪ - GIÃ VỢ của PHAN-THANH-GIẢN

★ MINH-KHA

Ự PHAN-THANH-GIẢN là một bậc danh nho, thờ vua trải ba triều Minh Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức. Quê cụ ở Định - Tường, nay là tỉnh Bến - tre (Kiến - Hòa). Khi thi đồ Tấn sĩ, sắp về kinh tỵ chức, cụ có làm bài thơ từ giã vợ, đến nay còn nhiều người truyền tụng :

- « Từ thuở vương-mang mỗi chi
hồng,
- « Lòng này ghi tạc có non sông.
- « Đường mây, cười tở ham đong
ruồi,
- « Trưởng liễu, thương ai chịu
lạnh lòng.
- « On nước, nợ trai, đành phải
trả,
- « Cha già, nhà khó, cậy nhau
cùng.
- « Mấy lời dặn bảo cơn ly biệt,
- « Rằng nhớ, rằng quên, lòng hồi
lòng.

Ông PHAN - VĂN - HÙM, một chánh trị gia kiêm học giả lừng danh, thời tiền chiến, quê ở tỉnh Bình dương (trước đây gọi là Thủ dầu một) ông xuất thân theo Tây học, nhưng cũng có tài làm thơ nôm. Khi sắp sang Pháp du học, ông có gởi vợ, bài thơ sau đây, mà hiện nay, nhiều thôn hữu của ông còn chép giữ để làm kỷ niệm :

- « Ra đi chưa hẹn được ngày về,
- « Kinh hoặc quyền, em liệu lấy bề,
- « Trốn tuyết dầu đông, đành phận
nhận,
- « Chờ sương giữa hạ, tội thân ve,
- « Cửa nhà cũng muốn chịu đầm
ấm,
- « Non nước buồn trông cảnh nảo
nê.
- « Đại nghĩa vẫn là trên tiêu liết,
- « Chứng minh đôi trẻ, một lời
thề.

Tuy hai ông Phan cùng lấy chung một đầu đề (từ giã vợ)

và cùng chung một cảm tưởng (tình thương xót vợ khi ra đi) đã biểu lộ trong hai cặp trọng :
« *Trương liễu thương ai chịu lạnh lòng...* (Ph. thanh Giản)

Và :

« *Chờ sương giữa hạ, tội thân ve...* (Ph. v. Hùm)

Nhưng đọc kỹ, ta nhận thấy trong hai bài thơ có hàm súc nhiều ý nghĩ khác nhau về tư tưởng cũng như về quan niệm của tác giả đối với cuộc đời.

Cụ Phan thanh Giản sanh ở thế hệ trước, sống dưới chế độ quân chủ độc tôn, giữa lúc nước nhô còn an lạc, nên tư tưởng có phần bảo thủ, ôn hòa, đứng theo nề nếp nhô phong. Cụ đã muốn « *đền ơn nước* », « *trả nợ trai* » cho xứng đáng là một đấng nam nhi ; cụ lại cũng muốn đặt vợ trong khuôn khổ cũ, sẵn có từ ngàn xưa của nền luân lý Á-đông tức là « *thờ cha già* »

« *lo nhà khó* » bần phộn của một phụ nữ khuôn mẫu. Ông Phan văn Hùm sanh ở thế hệ sau, hấp thụ nền Tây học, thấm nhuần óc dân chủ, nên tư tưởng có phần cấp tiến hơn. Chẳng may lại gặp lúc nước nhà đang quần quại dưới ách thực dân thống trị, ông đã cương quyết « *ra đi không hẹn ngày về* » và đã không ngần ngại cho vợ được « *liệu bề kinh hay quyền* » tùy ý.

Thơ ông đề « *nói lên* » tâm lòng ưu quốc, không thể ngồi nhìn « *non nước trong cảnh náo nê* » nên phải bỏ « *tiêu tiết* », để tìm « *đại nghĩa* ».

Ông không quan niệm cuộc đời như người xưa, không chịu gò mình trong một khuôn khổ chật hẹp, không vì tiết nhô mà bỏ nghĩa lớn, tức là ông đã có đầu óc cách mạng, ngay từ khi còn trẻ tuổi ; như vậy, người ta không lấy làm lạ về sự nghiệp chánh trị của ông, sau này.

Đã mấy năm thi, ịch cái rồi,
Phen này e cũng trượt đi thôi !
Luận đề ba đoạn làm không chạy
Toán học hai bài giải chẳng trôi.
Lý-Hóa lằng nhằng thêm khó nghĩ,
Văn chương rắc rối giảng không xuôi.
A ! ha ! thi cử làm chi vậy
Thi cử mà chơi đề chửi đời !
VÔ - XUÂN - BÌNH

Ba Người Bạn CỦA CHA TÔI

★ *Bút ký*

NGUYỄN THU MINH

A N bè của cha tôi rất nhiều. Trong số ấy có một người thường đến nói chuyện chính trị, một bác bán báo, một ông thầy tướng. Đó là những kẻ mà tôi nhớ mãi mỗi lần tôi nhìn lui lại quãng đời niệp thiếu của mình.

Người thường đến nói chuyện chính trị với cha tôi là ông Thái. Ông ta trạc độ 30 tuổi, về mặt lúc nào cũng không được vui. Về rượu rìa thì ông ta không đề nhưng xem tuồng như có đề bởi vì ông nhát cạo mặt. Còn về gia đình ông thì nghe đâu ông có

một người vợ đi dạy học và một đứa con mới đẻ.

Ấy là vài điều đại cương tôi được biết sơ qua về ông ta.

Răng đó anh ?

Khi nào cũng vậy, ông bước vào nhà tôi là hỏi cha tôi câu đó.

Cha tôi không trả lời mà chỉ la lên, mừng rỡ :

— A ! Anh Thái ! Mấy lúc nì thấy vắng anh. Có chi vui không ?

Ông ta trả lời :

— Chi mà vui !

Thế rồi cả hai ngồi xuống ghế. Cha tôi bảo người nhà nấu

nước và lấy trầu cau. Còn tôi, vì tò mò muốn nghe những chuyện của người lớn nên giả vờ đem vờ ra ngồi học ở gần một bên. Nhưng ác thật, vừa mới ngồi xuống cha tôi đã bảo :

— Đi lấy que lửa.

Tôi chạy vội xuống bếp, lôi chỉ từ một lè củi thật dài, và chạy vụt lên.

Cha tôi trợn mắt mắng tôi :

— Răng lại ngu như ri !
Răng không lấy một cái que nhỏ !

Ông Thái nói :

— Thôi, con nít, anh đừng mắng hẳn luôn, tội.

Thế là cha tôi không trừng mắt với tôi nữa và bảo tôi đem củi xuống bếp sau khi hai người đã thắp thuốc xong. Nếu như gặp một ông khách khác thì thế nào cha tôi cũng còn tiếp tục rầy rà tôi.

Vì vậy tôi nghiệm rằng cha tôi với ông Thái rất thân nhau.

Khi tôi đem lè củi vọt vào bếp rồi, tôi lại lên ngồi chỗ cũ giả vờ xem sách.

Tôi nghe ông Thái nói :

— Thiên hạ kêu rêu nhiều vì thuế má nặng quá. Đã thế mà bọn quan lại mục nát còn đục

khoét của cải dân nữa thì thật là... chớ má.

Rồi cha tôi nói :

— Mùa này bị mất bác ời !

Ông Thái nói :

— Thằng cha tri huyện... dâng con vợ cho lão Khâm-sứ đề, mong lên tri-phủ. Ồ ! thằng cha, ăn hối-lộ số một. Dân huyện... rên trời về hân !

Thế rồi ông Thái thở dài, cha tôi cũng thở dài.

Giữa lúc này, bác bán báo bước vô đặt trên bàn một tờ báo.

Cha tôi mời bác ngồi chơi một chút. Bác bận lắm, nhưng cũng ngồi xuống ghế. Bác bán báo độ 40 tuổi mà tóc đã bạc đến hạ phần ba. Bác ta nghèo, nghèo lắm. Lần đầu mới quen biết, cha tôi có hỏi về đời sống của bác, bác trả lời :

— Chán lắm ! Gia-đình tám miệng ăn nên thiếu trước hụt sau hoài. Tôi có một bà mẹ già hiện đang đau ốm, phải thuốc thang nữa. Vợ tôi buôn bán để kiếm thêm tiền mà tiêu dụng nhưng cũng chẳng ăn thua gì hết. Ba thằng con đầu học được mấy chữ rồi cũng phải thôi nghề học.

Mấy đứa nhỏ sau thì đang còn dại... Cái tình cảnh đó, bây

giờ bác ta cũng đem kể lại cho ông Thái nghe. Ông Thái nghe xong, vẻ mặt ông ta càng thêm buồn, rồi ông lại thở dài.

Câu chuyện của bác bán báo, tôi được nghe nhiều lần lắm rồi, do chính bác ta kể.

Mỗi lần nghe bác kể là tôi bực bội vô cùng. Và tôi muốn khi lớn lên, tôi sẽ có được tài phép gì để làm cho trên đời đừng còn những buồn khổ, đau thương nữa. Tôi đã biết rằng chính vì những buồn khổ đau thương kia mà cha tôi đã thờ dai, mà ông Thái đã thờ dài vậy.

Trên đây, tôi đã nói về hai người quen của cha tôi. Giờ còn một người nữa. Ấy là ông thầy tướng. Tuổi ông ta bằng tuổi bác bán báo. Nhưng tóc ông không bạc đến hai phần ba. Trái với hai ông kia, ông thầy tướng vẻ mặt rất lạc quan. Ông ta cười luôn như một kẻ sung-sướng. Nhất là khi ông uống vào vài chén rượu thuốc thì ông thật là vui tính. Ông ngâm thơ đường, ông hát bội, ông ca trù, chơi thì đủ thứ.

Cứ mỗi lần ông bước vào nhà tôi, việc đầu tiên là hỏi cha tôi về sự làm ăn. Cha tôi sẽ trả

lời : « cũng đỡ » hay là « cũng đủ sống ! »

Ông thầy tướng sẽ cười ha ha, và nói :

— Tôi mừng lắm !

Đại để, ông thầy tướng là như vậy. Đến nhà tôi chơi là đem theo cả một sự vui nhộn đến. Nhiều khi, sự tiếp ông làm cha tôi bỏ mất công việc ăn làm ; mẹ tôi tỏ vẻ khó chịu và có hơi phân nản. Nhưng hễ ông thầy tướng vắng độ hai tháng không ghé chơi thì chính mẹ tôi lại nhắc với cha tôi :

— Bác Niên lâu chẳng thấy. Không biết bây giờ đang ngồi ngâm thơ và cười ở nhà nào ? Có bác cũng vui.

Đại để, người ta có cảm tình với bác Niên như vậy.

Một hôm, không rõ vì sự hứng thú nào đó, bác Niên nhìn vào mặt tôi bằng đôi mắt vừa quan trọng vừa khôi hài, bác ta nói :

— Thăng này tướng tốt lắm ! Sau nhất định giàu sang vô-cùng, làm quan to, lấy ba vợ và có cả thầy mười lăm đứa con.

Cha tôi nghe thế, không tỏ vẻ gì cả, riêng mẹ tôi thì hơi vui vui một chút. Bà cười, mắt hơi sáng lên ánh hy-vọng.

Bác Niên nói về tương-lai của tôi xong thì cười hà-hà. Ông ta thường thế, cười hà-hà luôn bất cứ lúc nào. Cười hà hà xong, ông lại nâng chén rượu thuốc lên môi mà uống, rồi khà ra một cái rõ thật khoái trá.

Trong lúc này, giữa sự bất ngờ của tất cả, tôi nói :

— Những điều bác nói đó là sai hết. Tôi sẽ không như vậy đâu !...

— Dừng hồn ! Cha tôi là tôi.

« Ha ha ! », ông thầy tướng cười với cái điệu cười muôn thuở của ông, rồi nói :

— Răng mi biết được là sai ?
Ha ha !.

Tôi hơi tức mà trả lời :

— Cháu biết !

Trong trí tôi bấy giờ còn nhớ câu chuyện của ông Thái, « câu chuyện thăng cha tri-huyện, hay thăng cha nào đó nữa ! ». Bọn đó là bọn làm quan đã bóc lột dân, ăn hối lộ dân, chửi dân, chuyên môn đánh bạc. Và điều ghê gớm nhất là « dâng vợ mình cho Khâm Sứ đề cầu thăng chức tước ». Ngày sau, tôi sẽ làm quan, theo như lời bác Niên nói : Tôi sẽ như thế ư ? Không, không thể làm như « chúng nó » được.

Cương quyết như vậy cho mà xem !.

Trong tâm hồn niên-thiếu của tôi, tôi ao ước rằng trên cuộc đời đừng có cái bọn bán tiền và dốn mặt sống trên sự giàu sang bằng cách dấn lên trên những con người khác.

Tôi đã nghĩ đến bác bán báo với câu chuyện của bác, buồn như bóng tối, buồn như một vùng nước đọng ở nơi những con đường hẻm. Bảo rằng tôi sau này sẽ giàu sang ư ? Giàu sang bằng cách gì đã chứ ! (ngay cả bây giờ đã làm người lớn). Tôi thấy rằng khó mà làm giàu nếu như không chà đạp những kẻ chung quanh mình, mặc kệ những tiếng than khóc, những sự nghèo đói của thiên-hạ.

Trong tâm hồn niên thiếu của tôi, tôi cũng sợ sệt rằng ngày mai tôi sẽ phải nghèo túng. Rồi tôi sẽ kể chuyện đời tôi, khác nào bác bán báo đã kể về đời bác, âm-u như một chiều mưa gió thê-lương và thảm-dạ.

Tôi sẽ như thế nào đây đề ngày mai, khi lớn lên, tôi chẳng bị nghèo đói ? Tôi sẽ như thế nào đây đề cho trên đời không còn những bác bán báo chân chương, dăng cay vì cuộc sống tối tăm ?

Trí não con nít của tôi nghĩ rằng : cái cực khổ của bác bán báo hình như sẽ dĩ có là vì những tên chuyên môn ăn hại bóc lột dân. Đời bác bán báo có lẽ tươi đẹp khi không còn những tên bóc lột ấy nữa vậy. Cho nên tôi rất ghét những kẻ bóc lột dân. Nhưng, những kẻ bóc lột dân là ai ? Tôi chưa biết lắm. Nghe bác Thái nói về một vài «thằng cha» nào đó, thì tôi chỉ biết chừng ấy là đủ. Tôi cho rằng rồi đây, càng lớn, tôi càng biết thêm nhiều đứa nữa. Chỉ nghe nói về chúng, chưa được thấy mà đôi lần tôi tự nghiệm rằng có lẽ cái mặt chúng e khác với cái mặt của những người mà tôi yêu thương kính-mến. Cái mặt chúng nhứt định là không được hiền lành và nhất định nụ cười của chúng không tầm sao mà đẹp cho được.

Có một lần tôi nhớ rất rõ với bộ mặt ngạc nhiên mà ngấm-nghĩ (và biết đâu lại không sung-sướng) khi tôi đã trả lời, là tôi không cần chi, không ao ước chi những điều bác nói về tương lai của tôi. Bác nhìn kỹ lại khuôn mặt của tôi, lần này chẳng phải với đôi mắt một ông thầy tướng, mà là với đôi mắt của MỘT

NGƯỜI.

Bác nói với cha mẹ tôi :

— Thằng này cũng lạ !

Tôi không đồng ý về cái câu phê-bình của bác Niên về tôi. Tôi cho rằng tôi đâu có «lạ» gì, nhưng lần này tôi sợ cha tôi mắng nên tôi chỉ cãi lại bác Niên.

Bác Niên lại nói :

— Thằng này sau sợ e không được sướng.

Câu này, tôi thấy có lẽ hơi đúng. Nhưng, chỉ đúng một phần nào thôi. Bởi vì nói như bác Niên nghĩa là không tin tưởng gì cả. Không tin tưởng một ngày nào đó dân-tộc sẽ được sung sướng, không còn những kẻ tham quan bóc lột dân, làm tay sai cho bọn vua quan phong kiến và bọn đi chiếm nước ấy nữa. Và cho rằng trên đời này luôn luôn thằng cha nào đó cứ đập đầu thằng cha nào đó, thằng cha nào đó cứ chịu đê cho thằng cha nào đó đập lên đầu mình mãi mãi.

Vâng, tôi sẽ cực khổ, nhưng mà tôi cũng sẽ sung sướng. Sung-sướng khi nào dân-tộc — mọi người quanh mình — được sung sướng. (Điều này lúc nhỏ tôi tưởng là có thể thấy được khi thức dậy vào buổi sáng,

Nhưng, sau này mới biết là chẳng phải như thế — nó không là một điều mà người ta nhắc nhúm chờ đợi trong khi chẳng làm gì cả). Ba người bạn của chúng tôi đã in vào tâm trí tôi ngay từ hồi còn nhỏ, đã thôi cho tôi mau lớn, đã làm cho tôi mau già. Ba người đó đã không được sung sướng qua những cuộc đời của họ. Bác Thái, bác bán báo, người nào cũng có nỗi khổ tâm trong lòng ít có nụ cười trên môi.

Về sau này, khi tôi 13 tuổi, cha tôi mất đi thì bác Thái và bác bán báo cùng bác Niên có đến lạy mấy lạy trước quan tài. Và về sau này nữa, tôi không được gặp lại hai người trên, riêng về bác Niên thì độ mẹ tôi mất, bác có tới cầm tay tôi mà khóc rưng rức :

— Thế là con khổ lắm rồi đó ! Tuổi đang còn nhỏ mà sắp phải ra đời ! Thôi thì cũng gắng đi, Rồi bác tiếp :

— Tao ở Quảng-trị, nghe mấy người quen họ nói từ ngày Tây vào chia súng trước ngực chị, đòi soát nhà thì từ ngày đó chị bị đau tim.

— Dạ.

Bên cái quan tài của mẹ tôi,

tôi nhớ mãi những lời mẹ tôi kể lại :

• Cả thầy năm thầy, đập cửa bước vào, mẹ ngàng đầu lên thì thấy năm khẩu súng chia tiếm đến trước ngực mẹ ...

Tôi thuật chuyện đó cho bác Niên nghe, bác bảo tôi là bác đã biết rồi. Bác lặng yên, lấy hương thắp trên bàn thờ mẹ tôi rồi nhìn vào chiếc ảnh người đã chết mà nói :

— Suốt đời, chị hiền lành lắm..., không làm mếch lòng ai cả. Ai cũng thương, cũng mến.

Rồi lại tiếp, lần này nói với mẹ tôi, tưởng như bà đang ngồi uống nước ở nơi bàn gần đây, đang còn sống, và đang còn cười :

— Tôi đến thăm chị đây !

Đó là lần cuối cùng tôi gặp lại bác Niên.

Vài năm trước đây, trong một buổi mai mùa Xuân, tôi nghe nhiều người quen bác Niên nói :

— Ông thầy Niên chết rồi !

Tôi không buồn làm về chuyện bác Niên chết, vì có ai mà khỏi chết, nhưng tôi buồn mà nghĩ rằng bác Niên, con người thương cười hà hà, thật ra không có gì sung sướng cả.

(Coi lại P.T. từ số 13)

Bên lề lịch-sử



một *người Pháp* *làm Vua* *tại miền núi* **VIỆT-NAM** *(1888-1890)*

★ Nguyễn.Vỹ

Ô T thanh niên,
triều phú ở
Bruxelles (kinh
Đô nước Bỉ)
tên là SOMSY
vì ham danh-
vọng nên tình

nguyện giúp Marie 1er về xứ
Mọi Sédang để mở mang bờ cõi.
Y trả hết nợ cho Vua, mướn
nguyên cả một chiếc tàu để đưa
Vua về Sài Gòn và mua sắm cả
súng ống đạn dược nữa. Marie
1er liền ký sắc lệnh phong cho
nhà triệu phú làm chức Quận
Công SÉDANG. Quận Công còn
mộ thêm năm viên sĩ quan toàn
là người Bỉ, tên là Neef, Orban,
Groetaers, Roeges và Hubin.
« Vua », Marie 1er ký sắc lệnh
phong chức một người làm
Đại tướng và mấy người kia
làm Thiếu tướng và Đại tá. Còn
những « nhân viên » cũ của
chính phủ nhà Vua như
Jupilles, đồng lý văn phòng,
quan thị vệ Mazergue, hoàng thân
Kon jéri và Hoàng hậu Marie-
Rose thì không nghe nói đến
nữa. Nhà vua và « chính phủ
cải tổ » của y xuống tàu ngày 13
tháng giêng 1890. Đó là một
chiếc tàu Đức tên là Sachsen.
Ngày 21 tháng giêng đến Port-
Saïd. Nhà vua cho lệnh tàu cập
bến, và cử ông LUDOVIC-
WERTH làm lãnh-sự vương-quốc
Sédang tại Ai-cập và thết một
bữa yến vương giả mời 23 người
dự toàn là nhân viên Chánh-phủ
Ai-Cập. Tại Port-Saïd vua còn
mộ hai người lính hầu da đen.
Ngày 31-1 nhà vua lại đãi tiệc
ưng ngày Sinh-Nhật của «Ngài».

30-3 lại đăng tin Marie Ier có ba Trung tướng và hai Đại tá sẵn sàng đồ bộ Qui-Nhon.

Viên toàn quyền Pháp ở Saigon nghe tin ấy lập tức phái một chiếc tàu chiến ra đậu tại bến Qui Nhon để sẵn sàng đối phó với tên bịp bợm ấy. Lại có nhiều xalúp và các tàu nhỏ có khi giới canh phòng dọc theo bờ bề từ Cáp đến Qui Nhon. Nhưng Marie de Mayréna bình tĩnh sống cuộc đời đế vương ở Singapore. Y cưới một người vợ Chà-Và tên là AISA, mà y ký sắc lệnh tôn làm Hoàng-hậu, y gởi thư cho vua Xiêm đề nghị cho y mượn đường sang Kountum và y chịu làm nước chư hầu cho vua Xiêm đề chống lại Pháp ở Đông Dương. Nhưng vua Xiêm không trả lời. Ở Singapore được 3 tháng không có kết quả gì lại tiền gần hết, hoàng hậu AISA bỏ trốn đi, người lính hầu da đen cũng bỏ về Ai - Cáp. Các Đại tướng, Đại - tá, Đồng lý vẫn phòng v.v... cũng đều chuẩn đi mỗi người mỗi ngã, kẻ thì buôn đồ lậu, người thì thất nghiệp đi lang thang rồi lần hồi đi làm công trong một vài nhà buôn ở Singapore và ở Xiêm. Nhưng còn một chàng lính thủy hơi điên tên là HAROLD-SCOTT như định ở lại theo hầu vua. Marie Ier phong y làm Tổng-trưởng bộ Hải quân. Y cùng với nhà vua đập tàu ra ở cù lao TIOMAN. Đây là hòn cù lao tí-xiu chỉ có vài trăm cây dừa và vài chòi lá của các thuyền

Ấn của Marie de Mayréna

trên tàu. Ngày 9 tháng 2, đến Colombo, ngày 12 tháng 2 cập bến lên Singapore. Tại đây Marie Ier đòi viên Toàn quyền Anh phải bắn 21 tiếng súng đại bác đề chào y, theo nghi lễ một quốc vương. Nhưng viên toàn quyền Anh không trả lời. Không những thế khi y thui thui một mình xuống bến, dắt theo một con chó, và đoàn tùy tùng theo sau, thì viên giám đốc hải cảng bắt y phải trả tiền thuế con chó. « Vua » và « triều đình » xuống ở khách sạn *Adelphi*. Lãnh sự Pháp lập tức đánh điện cho Toàn quyền Pháp ở Saigon biết. Ngày 19-2, biện lý Saigon ký trac bắt « tên Marie de Mayréna » về tội lừa đảo. Vì một tờ báo Hồng Kông đăng tin rằng Marie Ier có đem qua một đạo quân hùng mạnh do một viên Đại tướng chỉ huy để chiếm lại xứ mọi Sédaug. Báo *Courrier d'Haiphong* ngày



Marie De Mayréna mặc lễ phục Quốc Vương-Sédang

chải Mả Lai. Lại có một người Pháp tên là VILLEROI với một người vợ Nhứt Bồn cả hai đều ghiền thuốc phiện và trú trong một chiếc chòi lá ở cù lao này làm nơi căn cứ cho bọn buôn đồ lậu quốc tế trên đường biển Hồng-kông—Sàigòn—Singapore. MARIE DE MAYRÉNA ở đây đến ngày 11-11-1890 thì hồi 3 giờ chiều y đi vào rừng bần chim, bị một con rắn độc cắn. Y ráng bò về đến chòi thì chết. Tổng trưởng bộ Hải Quân của y là AROL-SCOTT gửi thư về Singapore báo tin ấy, mãi đến ngày 28 tháng 11 báo *Daily Press* ở Singapore mới đăng mảy dòng như sau đây : « A French gentleman named Marie de Mayréna who had taken up his residence on Pulau Tioman, died from the effects of a snake bite in November last » « Một người Pháp có nhà ở cù lao Tioman, tên là MARIE DE MAYRÉNA bị rắn cắn chết trong tháng 11. »



Chuyện này viết theo các tài liệu sau đây :

—Grand Dictionnaire Universel Larousse T. XVII, 2e Supplément (1890) :

— Maurice Soulié : Marie 1er. Roi des Sédangs (Paris 1927).

— Baille : Souvenirs d'Annam 1886-1890.

— J.B Guerlach : Mayréna, roi des Sédangs.

Ấn của « Vua Marie 1er »

— Baron Mars de Villiers du Terrage 1906 — Chap. XX : Rois sans couronne.

— La cochinchine humoristique par Marx. Paris

— Heroes in Exile : The king of the Sédangs (a true story of days that are dead in Southeasten by Clifford Ed. John murray London.

— Au pays Moi : Marquis de Barthélémy. Plon-Paris 1904.

— Un aventurier du XIX^e siècle : Marie 1er. Roi des sédangs : J. Marquet, 1927.

— Essai sur la psychologie de l'aventure de Marie 1er Roi des Sédangs. Marcel Ner Revue Indochine 3-28.



LÀM DÁNG

Sáng nay em đứng trước đài gương,
Son phấn em tô đôi má hường,
Đôi mắt trong-veo, ồ sáng nhũ,
Rồi đây em sẽ làm người thương!

Bên đường tươi thắm, ngắm người đi,
Mím miệng cười duyên, lắm kẻ si!
Tha-thướt lưng ong, đường uyển-chuyền,
Dịu-dàng em bước, giống Tây-Thì!

Em vừa làm dáng mấy hôm thôi,
Mà lắm chàng theo bên gót rồi!
Rộn-rịp bên tai câu tán-lĩnh :
« Người dân đẹp thế, hỡi người ơi! »

Em mặc những lời nói thiết-tha,
Lanh chun em bước, bước đồn xa,
Nực cười chàng ấy theo, theo mãi,
Theo đến khi em khuất tận nhà.

Em càng tran chuốt để thêm xinh,
Cho lắm chàng si phải thất tình!
Bỏ ghét những phường trông thấy gái,
Vội-vàng tán-lĩnh chuyện Ba-sinh!

QUỲNH-HOÀ



THÁI-THÚC-ĐIỀN

MÁY IN — CON SỐ GAMMA — LỰC ĐỘ VẬN HÀNH CỦA PHIM NGƯỢC VÀ TIẾNG CHUYÊN ÂM

(Tiếp theo P. T. số 15)

PHIM ngược rửa xong, bác thợ đưa qua phòng đo phim. Bên ta thường chỉ một người trông coi hai ba việc.

Phim thường không đều, vì đèn được mở sai, hoặc vì nhiều chỗ « trong » và « ngoài » ánh-sáng khác nhau, khi quên đo ánh-sáng. Nhiều lúc có chỗ phải cho ảo-giác đêm, sáng trắng, sương mù v.v.. Và lại cần phải cắt bỏ những đoạn xấu, chọn lọc những đoạn tốt.

Phim chạy qua một máy rọi nhỏ nối tiếp với công - tơ đo chiều dài. Căn-cứ vào công-tơ, người thợ cắt bỏ theo lời chỉ-dẫn của biên-bản do « thư-ký » ghi chép trong khi quay.

Phim lọc còn độ 1/5 hay 1/10

Nhưng cũng còn chỗ sáng chỗ tối không đều nhau. Tất cả cuộn phim phải có một mức độ ánh-sáng trung-bình : một con số. Con số ấy do một chiếc máy đo xác-định.

Nhiều khi người ta chỉ lấy mắt độ chừng theo kinh - nghiệm. Nhưng kết-quả như chúng ta đã trông thấy trên hầu hết các phim làm tại đây. Cho nên căn-cứ vào máy móc chắc ý hơn.

Đây là một chiếc đèn rọi ra một luồng ánh-sáng, ánh sáng này cảm-hứng một tế-bào điện-ảnh chỉ-huy một cây kim xoay trên một mặt tròn có ghi số từ 0 đến 3.

Nếu chúng ta lấy một khúc phim ngược, đặt một hình lên cái lỗ ti-ti của chiếc máy, chúng

ta lấy tay ấn cái cần chứa tế bào xuống sát mặt phim, thì một cây đèn sát lên, xuyên qua lỗ li-ti rơi qua phim đập ngay vào tế-bào. Ánh-sáng xuyên qua phim bị màu sắc của phim cản-trở nên sức cảm-hưởng tỷ-lệ với chất đen tối của mặt phim. Ví dụ phim đen kịt thì con số sẽ là 0, nếu phim trắng ẹt, trong veo, con số sẽ là 3. Các con số khác đi từ 0 đến 3: 0.1 0.2... 0.9...1.2.3.

Phòng thí-nghiệm luôn sẵn có những đoạn phim làm tiêu-chuẩn để so-sánh. Những đoạn phim ấy đã được đo, in từ trước, ví-dụ: với độ số gamma 1, thì phải để đèn in bao nhiêu mới đạt được số 1,7 chẳng hạn... Căn-cứ vào đoạn phim tiêu-chuẩn ấy gồm có nhiều đợt ánh-sáng khác nhau người ta định con số mở cho mỗi đoạn phim sắp đem ra in.

Ví dụ chúng ta quyết-định con số gamma của toàn-thể cuốn phim này là 1,7. Chúng ta bắt đầu đo phim ngược, ghi kỹ các con số gamma đã tìm thấy: 1,—1,5—0,9—1,2—1,8—2,—0,7—1,7 v...v... Bây giờ ta xem trong bảng số của các đoạn phim tiêu-chuẩn muốn 1 trở nên 1,7 thì phải để đèn số 3 hay 4, đoạn phim đo được 1,5 phải để 6 v.v... chúng ta ghi số đèn in phải để cho mỗi đoạn, để khi phim sống khi in xong, rửa, đem đo sẽ đều 1 con số 1,7.

Con số để đèn sẽ đem xử-dụng vào chiếc máy in.

Máy in gồm có nhiều thứ, nhưng nguyên-tắc giống nhau:

in liên-tiếp hay in từng hình một. Thứ in liên-tiếp vừa để xài in hình và tiếng, thứ in từng hình một chỉ để in hình hoặc làm xảo-thuật mà thôi.

Đại khái máy in gồm có một bộ phận chính là ổ đèn rơi mục-dịch rơi ánh sáng xuyên qua phim để cảm-hưởng phim sống (positif). Tùy theo đèn mở sáng hay tối, màu-thuần sẽ ít hay nhiều và con số gamma cuối cùng (sau khi rửa phim sống) sẽ đồng đều cho tất cả cuốn phim.

Sự thay đổi ánh-sang do những chiếc pô-tăng (potentiometre) điều chỉnh. Các chiếc pô-tăng do một bộ phận điều khiển. Bộ phận này đặt ở đầu máy cho phim băng ngang trước khi qua ổ đèn, gồm có một hòn bi được giữ nguyên chỗ bằng một chiếc lò-xo. Phim ngược sau khi đo gamma, được bấm từng khắc bên rìa phim. Mục-dịch các chiếc khắc là như thế này: Nếu rìa phim chạy trơn thì hòn bi vẫn nằm trong ổ, đến chỗ bấm, khắc hòn bi chạy ra vừa làm bật một cái công tắc, cái công tắc đó thay ánh sáng cây đèn rơi. Hòn bi chỉ nhô ra rồi lại bị rìa phim ấn vào như trước cho đến khi có một khắc khác.

Người thợ theo thứ tự của các con số đã ghi kỹ lưỡng, cứ việc vặn các pô-tăng chỉ đúng vào số đã cho, đèn sẽ mở theo con số đó.

Các con số được ghi trên một tờ giấy riêng, luôn luôn phải

định theo mỗi cuộn phim và cắt kỹ, để dùng về sau. Bao nhiêu số thì bao nhiêu khác, theo từ tự.

Vì dụ : các con số : 5..4..8..9..7..2..1..3.. thì rìa phim cũng có bấy nhiêu khác. Người thợ theo băng ghi, xoay mỗi pô-tăng theo các con số kê trên, nghĩa là cây kim của mỗi pô-tăng được xoay chỉ đúng vào số ấy. (Mỗi pô-tăng nằm trên một tấm băng riêng có ghi số từ 0 đến 10 và pô-tăng được đánh số thứ tự từ 1 đến 10. Như vậy người thợ mở pô-tăng 1 đến con số 5, pô-tăng nhì đến con số 4 pô-tăng 3 đến con số 8 v.v.v.. Xong, lắp phim. Phim lắp thuộc ăn với thuốc đi qua các suốt có gai để kéo phim. Xong, bật đèn rọi (cố nhiên các công việc đều làm trong ánh đèn lục vì phim sống không bắt màu lục). Máy chạy kéo phim kêu tót-tót đến chỗ khác vang lên tiếng « cụp » rồi chạy đều qua một cái khác khác... Nên chú ý các khác phải bấm trước chỗ thay đổi ánh sáng chừng 10 hình. Lẽ cố nhiên các con số đèn nếu quá chênh lệch thì phim sẽ bị hoặc quá lợt hoặc quá đậm trong một khoảng ngắn trước khi đèn chạy đúng ánh sáng. Sự kiện này xảy ra trong các máy in chạy liên tiếp. Còn nếu dùng máy in từng hình thì người thợ có thể cho ngưng máy trong 1 vài giây cho đèn lên đúng ánh sáng mới cho chạy lại. Tuy

nhiên trong khi máy đứng th cánh cửa sổ để lọt ánh đèn rọi ra, được đóng kín, nên cái « hình » ấy không bị ăn đen thui như trong máy in liên tiếp (mỗi khi máy bị kẹt hay ngưng bất từ.) Đó là cái lợi của máy in từng hình một).

Cánh cửa sổ cũng do một cái nút chỉ huy đi từ số 0 đến 10 nghĩa là từ nhỏ đến lớn. Càng số nhỏ thì lỗ càng lớn, số càng lớn, thì lỗ càng nhỏ.

In tiếng cũng phải đo gamma như in hình. Tuy nhiên tiếng vô tại phòng thí nghiệm chỉ cần đo 1 chỗ là đủ, mà đo đây cốt là tìm một con « số đèn » in tương đối trung bình cho cả tiếng lẫn hình và tỷ lệ với nhau cho kết quả được hoàn hảo.

In hình trước, tiếng sau. Tiếng luôn đi trước 20 hình.

Nghề in phải học chừng 3 đến 5 năm mới thành. Có những động tác không thể nói rõ ra, có trông thấy mới biết. Hiện nay, chúng ta cũng có chừng 5, 6 người thợ rửa và in khá giỏi đang phục vụ trong các hãng phim nước nhà. « Nghề dạy nghề » là phương châm của các tay thợ ấy !

Phim rửa và in xong, lại đưa qua phòng ráp nối để dọn vén cho cuộn phim thành hình. Và đây là công việc của một « Đạo diễn » âm thầm say mê xây dựng bằng những đoạn phim đã chụp xong, nối ráp làm sao cho khán giả say mê, hồi hộp, cảm

thông hay chán nản... khó chịu... và bỏ ra về vì cuộn phim không mạch lạc...

Tiếng khi quay được ghi vào băng điện từ, hay vào ngay phim sống (tốn kém hơn). Phim điện từ được cắt xén theo phim ngược (lấy những đoạn tốt, tiếng rõ v.v...)

Băng điện-từ được nối lại so với phim bản sao, trên máy Synchroniseur, xong đem vô tiếng qua phim sống bằng máy ghi tiếng lên phim. Băng tiếng ngược này được đem đi rửa và đo gamma.

Một mặt phim hình ngược sau khi cắt xén xong, so với phim tiếng ngược. Người ta có thể dùng hai bản chính này để in thành phim đem ra chiếu, xong làm như vậy rất nguy hiểm vì một lần in đến hai ba trăm cuộn gởi đi khắp nơi, thì các phim ngược chính bị chột, vệt, đứt v.v... không ít.

Nên thường ta dùng giải pháp sau : Các phim chính (bản ngược) được đem sao lại thành pho bản (contretypes). Các pho bản là một thứ phim riêng khi phim ngược in qua vẫn giữ nguyên trạng « NGƯỢC », nghĩa là cũng một thứ phim ngược như chính bản.

Người ta đem cắt kỹ các bản chính, chỉ dùng các pho bản để in thành phim khai thác thương-mại nghĩa là đem ra chiếu. Làm như vậy nếu lỡ các pho bản có hư hao đi thì lại lấy

bản chính ra sao lại pho bản ngược khác để in...

Và lại khi đem ra sao, thường các chỗ đậm nhạt đều đo kỹ càng và sửa chữa thành ra một số đều (MỘT CON SỐ GAMMA CHUNG cho cả cuộn). Khi đem pho bản ngược ra in thành phim đem chiếu khỏi cần có vắn pò-tăng nữa, chỉ cho nó chạy có một số mà thôi, đã mau mà tiện lợi...

Đề các bạn có một ý-niệm tổng-quát về buồng tối, tôi xin phác ra dưới đây bằng lược đồ đường đi nước bước của « phim » từ khi chụp xong cho đến khi đem ra chiếu lên màn bạc :

MÁY QUAY PHIM, PHIM-NGƯỢC, RỬA, CHỌN LỰA (RUSH).

MÁY VÔ TIẾNG, PHIM ĐIỆN TỪ (magnetic), CHỌN LỰA-ĐO GAMMA, IN QUA PHIM SỐNG, RÁP NỐI : SỐ, VÔ PHIM RÁP NỐI

SỐNG, ĐO GAMMA, IN CONTRE TYPES (PHÓ - BẢN NGƯỢC).

IN CONTRE TYPES (PHÓ-BẢN NGƯỢC) - - - IN CHUNG RA PHIM ĐEM CHIẾU.

Đặc biệt là khi ráp nối, phim tiếng có thể làm thành nhiều thứ tiếng bằng cách chuyển âm. Muốn chuyển âm người ta làm thế này. Lấy từng đoạn phim ngắn (30m) mắc vào máy chiếu đi chiếu lại nhiều lần lên,

màn ảnh. Các chuyên viên sau khi đã học thuộc lòng từng câu văn đập vào ngời trong một căn phòng kín tiếng nhìn lên màn bạc và lặp theo miệng của tài tử. Lễ cổ nhiên là máy chiếu được đặt ở ngoài cho tiếng khỏi vang vào phòng. Trong phòng chỉ đặt một chiếc máy vi-âm, các chuyên-viên phải im-lặng, nói cho đúng giọng không những phải ăn khớp với miệng của tài-tử mà còn phải ăn khớp với tình cảm của tài tử vào lúc đó. Tiếng được ghi vào băng điện tử. Cứ thâu xong lại phát ra đồng thời với phim, cho đến khi thấy ăn rập với nhau là được.

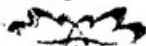
Dùng chuyên-âm không những đề phiên ra tiếng nước khác, lại còn đề vô tiếng cho những đoạn phim không thể lấy tiếng trực tiếp được (như quay ở chợ, chỗ đông ồn ào v.v...). Phương-pháp này lại còn dùng đề khuếch-trương thị-trường. Ví-dụ phim Việt-Nam làm thêm một bản tiếng

Lào hay Cao-Miền (versions) đề cuốn phim có thể đem lên Lào hay Cao-Miền chiếu.

Lễ dĩ-nhiên là khi dịch người dịch-viên phải đề ý đến động-tác của môi miệng của tài-tử, ví-dụ : Ngộ tả nị có thể « dịch » là Ông đã mầy... Maman : Má ơi Má !... Je t'aime. Này, em. Đây là những ví-dụ tạm đề các bạn có một ý-niệm thể-thời thực ra động tác phát-âm rất rắc-rối mỗi nước phát-âm mỗi khác tuy nhiên có những chữ mà đồng-tác môi miệng gần như nhau. Dịch đề chuyên-âm không phải dịch không mà còn phải dịch thế nào đề cho khi nói ăn-khớp với miệng tài-tử.

Ngoài vấn-đề ăn khớp miệng, lại còn vấn-đề tiếng nói, lựa chọn sao cho đúng, hợp vai tuồng, con nít, ông già, bà cụ, cô nương... Trong các chuyên-viên chuyên-âm nước nhà tôi công nhận có cô L.C. rất đáng tán - thưởng, và chỉ có phim N.V.D.S.D. khả-dĩ xem được !

(Còn-nữa)



* CỤ NGUYÊN-DU NÓI TIẾNG PHÁP *

— Anh ạ, tác-giả truyện Kiều tinh-thông Hán-học đã đành, nhưng điều lạ, là cụ lại nói được cả tiếng Pháp nữa.

— Anh nói thế có gì àm bằng chứng không ?

— Sao lạ không ? Tôi luôn luôn « nói có sách, mách có chứng » này, anh nghe đây :

« *Sông Tương một gái nông-sờ...*

và « *Tuyết in sắc ngựa cu-dòn...*

« Nông sờ » (Non, m onsieur) và « cu dòn » (Cochon) không phải là tiếng Pháp hay sao ?

TRUYỆN-NGẮN



★ TUYẾT-HƯƠNG

CÓ? không! Có? Không!...
Mỗi tiếng bước chân lại vang trong trí óc tôi một dấu hỏi. Tôi có cảm tưởng mình là người lính lên đường ra mặt trận. Mỗi bước tiến gần chiến trường lại tự hỏi mình sẽ sống hay chết?

Mình có đến chỗ hẹn chăng? Tôi bằng lòng đổi mớ tóc óng à của tôi để được biết điều đó. Một Phút thấp thỏm giữa chữ có và

không sao ghê gớm thế! Tôi bị dẫn ra pháp trường còn dễ chịu hơn. Bởi vì tôi được biết mình sẽ chết.

Chưa bao giờ Minh sai hẹn. Bao giờ chàng cũng đến sớm hơn. Có khi sớm hơn cả một giờ đề mà... trách tôi sai hẹn, đề mà bảo tôi là đàn-bà. Minh tin rằng đàn bà nào cũng chậm chạp rề-rề. Nhưng lần này thì khác. Minh đã bảo sẽ không gặp tôi nữa. Liệu chàng có giữ lời chăng? Có thể lắm. Minh có nhiều tính tốt cũng như tính xấu. Chàng nhiều tự ái cũng như lòng vị tha.

Ai biết được chàng sẽ đề lý trí hay cảm tình chăng?

Mình hay giận dỗi cái kinh. Tôi bảo chàng xấu tính, chàng lại bảo tại tôi lùng khùng, không chịu trả lời dứt khoát, cứ đề chàng khổ sở giữa hy vọng và thất vọng.

Giữa hy vọng và thất vọng thì làm sao mà khổ sở? Lúc này tôi mới cảm thấy nỗi khổ tâm của Minh có lẽ giống như tôi thấp thỏm giữa chữ có và không. Vậy mà chàng phải chịu sống trong tình trạng ấy gần ba năm trời! Tôi chỉ làm

khô chàng vì hoàn cảnh, liệu chàng còn cố chấp chăng ?

Trả lời dứt khoát làm sao ? Tôi chỉ có thể hứa lấy Minh nếu gia đình thỏa thuận. Điều đó cần phải thông thả, từ từ. Khi mọi người đã có quan niệm gia đình chồng của tôi phải tương đương với gia đình tôi. Nhưng Minh không có gia đình, vì chàng mồ côi. Và lẽ tự nhiên chàng nghèo. Bởi vì bây giờ mới là lúc chàng bắt đầu làm việc.

Minh nghĩ khác. Chàng bảo không cần sự thỏa thuận của ai hết. Chúng tôi cùng quá tuổi trưởng thành rồi. Cốt tôi và chàng yêu nhau là đủ. Cứ lấy nhau, nếu sợ làm phiền lòng người khác và sợ bị công kích thì đi chỗ khác sống. Minh quả quyết khi có con cái mọi người sẽ vui lòng tha thứ. (Chàng bảo bà mẹ nào chả thích có cháu đẻ bế ẵm và chiều chuộng,

Lẽ dĩ nhiên tôi phản đối lý luận ấy. Tôi là con gái. Tôi yêu Minh, song tôi cũng yêu cả mẹ nữa. Tôi chỉ xây hạnh phúc hoàn toàn. Sung sướng trên sự đau khổ của người thân thì không đời nào lương tâm được yên ổn.

Ài cũng giữ lập trường của mình. Lẽ dĩ nhiên là chúng tôi

cãi nhau luôn. Minh bảo tôi chưa hết lòng yêu chàng. Tôi trách Minh ích kỷ và tàn nhẫn. Chúng tôi đều có lý. Nhưng vì cùng yêu nhau, nên lần nào cũng vui lòng giảng hòa. Không chàng thì lại tôi chịu khó làm lành trước.

Lần nào cãi nhau cũng chỉ vì tôi không chịu trả lời chàng dứt khoát. Chàng bảo :

— Em là chúa lừng khờng. Chỉ tìm cách hoãn binh là giỏi.

— Đợi em ít lâu nữa thôi.

— Ừ thì đợi. Nhưng em có nhất định không ?

— Có, nếu mẹ bằng lòng.

Chao ôi, cứ loanh quanh với câu truyện ấy mãi thật là đau khổ ! Nhưng nếu đã tin ở tình của tôi, Minh phải kiên nhẫn một chút chứ. Chúng tôi chỉ đề giờ cãi nhau, hờn giận và làm lành.

Thế rồi Minh bỏ đi, và nói sẽ không gặp tôi nữa.

Tôi tin chàng nói câu ấy trong lúc nóng giận. Bởi vì lúc nào tôi cũng linh cảm rồi tôi sẽ thay đổi được ý của mẹ, tôi tin rằng tình yêu của chúng tôi sẽ thắng.

Tôi đã thắng thật. Buổi chiều hôm ấy mẹ tôi đã làm tôi thành một thiếu nữ sung sướng nhất thế giới. Bỗng nhiên tôi cảm thấy mình

Giữa có vô cùng. Ánh sáng mặt trời thành những đồ trang sức đẹp và quý vô giá. Tất cả màu sắc trong đất trời làm áo của tôi.

Đời thật đáng yêu ! Mẹ tôi thật đáng quý ! Đã cho phép tôi lấy Minh. Người đã bằng lòng nhận người yêu của tôi làm con rề. Tôi có chàng là có tất cả.

Điên rồ vì sung sướng, tôi viết vội mấy chữ gửi cho Minh. Chỉ mấy giòng thôi. Xong chắc Minh sẽ hiểu theo lối nói truyện của tôi. Mỗi thói quen, mỗi cử chỉ, từ lời nói, cái nhìn, sự thay đổi trên nét mặt của Minh tôi đều nhớ như in mà.

Tôi đã viết giấy gọi Minh. Viết bằng một giọng nồng nàn tha thiết nhất. Mấy giòng nguỵch ngoạc vào mảnh giấy tôi vẫn thuộc lòng. Bởi vì nó thoát tự đáy lòng, nó là sự sống của tôi.

Tôi chỉ viết : « Đúng chín rưỡi sáng thứ hai em đợi anh ở bãi hàng Dừa. Em sẽ ngồi chiếc ghế sơn xanh, trên hè. Đừng để em chờ nhé. »

Có thể thôi. Xong tôi biết Minh sẽ tưởng tượng thấy tôi nhay nhót chạy lại, dơ hay tay đón chàng. Minh vẫn bảo tôi chạy như con sáo mỏ vàng. Tôi hỏi con sáo mỏ

vàng chạy thế nào ? Chàng nói nó chạy như tôi vậy. Lối nói truyện của chúng tôi hình như không bao giờ hết. Minh sẽ vừa cười vừa nghe tôi nói tíu tít :

— « Anh nhớ nhé ? Đúng chín rưỡi đấy nghe không ? Em sẽ ngồi trên chiếc ghế dài. À, mà ghế sơn xanh đấy. Em chỉ ưa màu xanh thôi mà. Anh sẽ tìm em ở bãi Hàng Dừa, giấy ghế trên hè ấy mà. Nhớ chưa ? Chín rưỡi đúng đấy. Đừng quên nhé ! . . . »

Tôi có thói quen kể Minh đến là chạy lại, hai tay ôm lấy cánh tay chàng, cười cả bằng mồm, cười cả bằng mắt, và nói huyền thuyên không đề chàng có thì giờ trả lời nữa. Minh bảo cứ trông thấy đôi mắt tôi là chàng không thể giận ghét tôi, là chàng sẵn sàng tha thứ tất cả.

Lần này tôi chỉ còn hy vọng nếu Minh nhớ đến đôi mắt của tôi. Hôm qua chàng vừa viết thư, nói rằng không chắc có đúng hẹn, còn đề xem có xoay được tiền không đã. Chàng còn viết :

— « Gặp làm gì nữa ? Vô ích ! Tôi biết tính cô lắm. Tôi không thể chờ suốt đời được. »

Thật quả chàng nhẫn tâm. Thế mà bảo rằng yêu tôi !

Lời thư như thế thì hy vọng gì? Tuy vậy tôi cứ đi. Nếu Minh không tới thì sao? Đối với trước là truyện khác. Bây giờ lời lẽ trong thư tỏ ra chàng vô tình, tàn nhẫn, không cần tôi nữa. Tôi sẽ xử trí ra sao? Có lẽ tôi không đuổi theo chàng. Tình yêu không phải là thứ xin xỏ.

Sáng nay tôi đã trốn nhà, lên đi gặp Minh. Tôi không muốn ai biết mình đang bị rầy và bời hy vọng, tuyệt vọng, sung sướng và tất có thể sẽ đau khổ.

Đứng nép bên hè, tôi đợi cho những con chim sẽ quay đầu ngó sang vườn nhà hàng xóm, và chờ lúc cô trong vườn nói chuyện với gió thật say sưa mê mải, mới nhẹ nhàng nhón gót ra cổng. Tôi không muốn cảnh vật lấy tôi làm đầu đề cho các câu truyện của chúng. Nếu tôi sung sướng, chúng sẽ ghen tị. Và chẳng may truyện gì xảy ra, chắc sao chúng cũng bàn tán nhiều về hành động của tôi. Thế nào chúng chẳng bảo tại tôi thế nọ, tại tôi thế kia. Người ngoại cuộc hay bình phẩm lắm. Tôi không sợ bị chỉ trích, nhưng tôi không muốn ai thì thầm sau lưng. Lũ lá cây vẫn có tiếng hay bép xép.

Lát nữa gặp Minh, tôi sẽ ôm lấy cánh tay chàng, kéo ngồi

xuống ghế cạnh tôi và nói thật khẽ:

— «Mẹ bằng lòng rồi!»

Chắc Minh sẽ nhẩy lên vì ngạc nhiên. Tôi sẽ nhắc lại lần nữa cho chàng tin là tai mình nghe đúng. Có lẽ Minh sẽ ôm tôi vào lòng, (nhưng không được, vì ở ngoài đường). Tôi sẽ hỏi:

— «Anh định bao giờ cưới em?»

Minh sẽ nắm lấy tay tôi, nói nhỏ tí như nói thăm. Chúng tôi nói chuyện với nhau toàn nói thật khẽ. Lúc nào cũng chỉ sợ người nào hay cảnh vật Chuàng quanh nghe lỏm.

— «Ngay bây giờ!»

Thật là điên nhĩ. Tôi sẽ cười ghê lắm. Còn phải về nhà, ra mắt mẹ xem người bảo sao đã chứ. Lúc Minh về, chắc mẹ sẽ nói:

— «Cậu ấy trông hiền lành nhĩ. Vừa đi làm vừa đi học, người thật có chí.»

Tôi sẽ lấy tay che miệng mà cười. Lúc trước mẹ cứ chê người ta nghèo, không có cha mẹ.

Tôi cảm thấy rất bông một bên má và một bên cánh tay. Bây giờ tôi mới chợt nhớ ra mình quên không đem nón. Nắng miền biển như những cái kim hơi nóng, châm vào má, vào tay tôi. Lát

nữa, lúc về tôi sẽ đi nép vào Minh để nhờ cái bóng chàng che đỡ nắng. Có một người yêu dong dỏng cao cũng lợi lắm chứ.

Chưa chi tôi đã tưởng tượng đến lúc mình mặc chiếc áo màu hồng, ôm bó hoa trắng tươi thắm như nụ cười của cô dâu, đứng bên cạnh Minh để chụp ảnh. Rồi cái ảnh ấy sẽ phóng to lồng khung treo giữa nhà, và một cái xinh xinh để trên bàn viết của Minh.

Sống bên nhau. Chỉ có hai đứa với nhau chắc là vui thích lắm. Tôi sẽ cười suốt ngày. Cười cả bằng miệng, cười cả bằng mắt để không bao giờ Minh hờn giận được. À, có lẽ tôi sẽ trêu cho chàng dỗi để cười. Bộ mặt ấy mà đang cau có lại cười ngay chắc có hiệu quả hay lắm. Tôi sẽ đem cái gương ra cho Minh soi. Nhưng lúc cả hai đứa cùng dỗi thì làm thế nào nhỉ? Bấy giờ tôi nhất định sẽ không làm lành trước. Vậy thì dỗi đến bao giờ? Minh rất nhiều tự ái!

A, hay lắm! Tôi vừa nhớ một câu truyện nghe lỏm của mấy bà có chồng đã lâu ngày. Một bà nói:

— ‘Không bao giờ nhà tôi dám giận tôi.’

Các bà kia cùng nhao nhao lên.
— ‘Sao mà giỏi thế? Chắc chỉ khéo chịu ông ấy lắm.’

— ‘Tôi có bí quyết. Hễ làm gì trái ý, tôi chẳng cần nói đi nói lại, chỉ việc khóa trái cửa buồng ngủ một đêm là đầu vào đấy.’

Tôi sẽ thực hành bí quyết ấy với ông chồng của mình. Nhưng phải cần thận, kéo lại đề ông ấy vào buồng rồi mới khóa thì hồng kiêu. Tôi tự hỏi không biết cái bà phát minh ra bí quyết bắt nạt chồng này có bao giờ vô ý đề ông ấy vào rồi mới khóa cửa buồng? Hay khóa cửa buồng rồi lại ném chìa khóa ra cửa sỏ?

Có tiếng con chim gì kêu ghê quá! Tôi ngừng đầu nhìn lên, thấy con quạ đen đang lượn ngay trước mặt. Tự nhiên tôi lạnh cả người. Lạnh vì sợ hãi một đêm chẳng lành, chứ không phải vì rét đâu. Bây giờ tôi mới tự hỏi:

— ‘Minh có đến không?’

Cứ thế mà tôi hỏi thăm mãi. Bao nhiêu mộng đẹp của tôi tan biến đi đâu mất cả trong một giây.

Mỗi bước chân lại vang lên một dấu hỏi. Tôi có cảm tưởng mình là người lính lên đường ra mặt trận. Mỗi bước tiến gần chiến

trường lại tự hỏi mình sẽ sống hay chết ? Thật là rùng rợn ghê gớm. Bởi vì không thể biết trước mình sẽ sống hay chết.

Tôi phải bước độ khoảng một trăm hai mươi bước mới tới một gốc cây. Một trăm hai mươi dấu hỏi liên tiếp trong tâm trí Từ đây đến bãi hàng Dừa còn bao nhiêu gốc cây nữa.

Tiếng sóng vỗ dưới bờ biển rào rạt như những tiếng thở dài của người chinh phụ. Mặt trời chiếu xuống mặt nước, ánh sáng làm lòa cả mắt tôi. Chiếc ghế đầu tiên đã hiện ra dưới gốc cây bàng. Không, tôi tìm cái ghế màu xanh cơ.

— « Minh đã đến chưa ? »

Xưa nay bao giờ chàng cũng tới trước, chẳng bao giờ để tôi phải chờ đợi.

Tôi vẫn nhớ kiểu chờ đợi của Minh. Nếu đứng, chàng sẽ bỏ tay vào túi quần, đi bước một theo một cái hình học tưởng tượng. Nếu ngồi, chàng chỉ nhìn thẳng trước mặt, bắt chéo chân, hai tay ôm đầu gối. Kiểu ấy có thể ngồi hàng giờ. Chắc Minh đã nghiên cứu kỹ lưỡng để mà có sức đợi tôi.

Ghế sơn xanh đây rồi. Chưa

thấy Minh đâu. Đứng đây tôi còn nhìn thấy suốt giây ghế ở trên hè, có tất cả ba chiếc ghế sơn xanh. Sáng thứ hai bãi biển thật là vắng vẻ. Có lẽ chàng đến muộn. Tôi ngồi xuống ghế, đầu luôn quay nhìn hai bên đường như thăm sẽ ngoạn ngoạn đợi như Minh vẫn đợi.

Nhưng chàng ngoạn ngoạn đợi vì biết chắc sao tôi cũng đến. Còn tôi. Liệu chàng có đến ? ý nghĩ đó làm tôi điên cuồng cả người lên. Những quán bán giải khát ở dưới bãi tôi chỉ thấy như những con quay màu rực rỡ. Có những hàng quà gánh lại gần mời, tôi chỉ lắc đầu. Đối với tôi lúc này, lắc đầu cũng là một cái tội. Rồi dần cứ thoáng thấy bóng ai tới gần là tôi lắc đầu. Hình như mấy bà già ngồi ở góc cây kia nhìn tôi và nói gì. Cần chi ! Dù người ta có bảo tôi cầm cũng chẳng cần. Điều tôi muốn biết bây giờ là Minh có đến hay không mà thôi.

Chưa bao giờ tôi tin rằng thời gian chờ đợi đi nhanh thế này. Tôi muốn cứ quanh quẩn quăng chín, mười giờ mãi để được đợi với sự thấp thòm, phập phồng, để được tin chàng tới muộn và hy vọng.

Nhưng kim đồng hồ quay nhanh quá. Chưa chi đã gần mười một giờ, rồi mười một giờ rưỡi. Có những tiếng sấm vang rền đầu đây. Gió thổi mạnh. Những tàu lá dừa và cành bàng cúi nghiêng hẳn đầu xuống như để đón gió tới. Những giọt mưa đầu tiên bắt

vào mặt tôi, lạnh buốt và tê dại. Mọi người chạy biến đầu hết cả. Còn có mình tôi đứng trước biển động, xào-xạt, bao-la...

Nhưng tôi mỉm cười, đón lấy ngừng giòng nước mưa không ngừng... À, Ái-tình ! Ái-tình là như thế đấy !



* BỊ XE LỬA CÁN MÀ MIỆNG VẪN CƯỜI !

Hôm nay là chiều thứ bảy, anh Tâm Mèo mời vài người bạn lại nhà nhậu nhẹt chơi. Để chấm dứt cuộc vui, anh Tâm thuật cho các bạn nghe một câu chuyện khá sôi nổi. Anh mở lời : « Hôm chúa nhật tuần rồi, tôi đạp xe lửa về Phan Thiết thăm cha vợ tôi. Ra khỏi Dĩ An độ hai cây số, xe lửa cán phải một bà lão. Xe lửa ngừng lại. Tôi bước xuống xe thì thấy một bà lão bị xe lửa cắt tiện hẳn một chân mà miệng vẫn cười. » Anh Tâm chưa dứt lời thì những bạn hô to :

— Dốc, dốc quá tõ sư ơi !

Thấy vậy anh Tâm liền đứng lên giải thích :

— Mà bà lão cười thật các anh à, vì cái chân của bà bị xe lửa cán là cái cẳng cây của bà !

* CẢM

Một thanh niên vào một hiệu thuốc tây. Người bán hàng là một thiếu nữ trẻ xinh đến án cần tiếp :

— Thưa ông mua thuốc gì ạ ?

— Cô cho tôi một gói thuốc cảm.

Thiếu nữ thơ ngây hỏi :

— Dạ ông cảm bao lâu ?

Thanh-niên lém lỉnh :

— Thưa cô, tôi bắt đầu cảm khi một bước chân vào đây.

Thiếu nữ : !!!

THIỆN-SINH



Bà THƯỜNG-LẠC

★ BÁNH MIẾNG NGÔI VẬT LIỆU :

- 5 Hột gà lấy trứng trắng không.
- 3 Lượng đậu phộng, rang cho vàng.
- 5 Muỗng ăn canh đường cát trắng nhuyễn.
- 2 Muỗng beurre mận.
- 4 Lượng bột mì rây sạch.
- Nửa muỗng café muối.

CÁCH LÀM :

Đậu phộng rang vàng rồi để nguội, lấy từng hột xắt, dao phải bén mới không bẽ vụn, 5 trứng trắng hột gà, (để trứng đỏ riêng ra) đổ 5 muỗng đường vô khuấy nhẹ, chớ đừng đánh mạnh, khuấy nhẹ chừng nào tan đường là được.

(Sau khi ấy, lo đề lửa vô

thùng nướng cho đều, đừng để quá nhiều nóng lắm sẽ hư bánh, còn ít lắm thì bánh không nổi, phải cho nhẹ khi vừa thấy vàng lấy ra lập tức mới được.

Đường và hột gà quậy tan, đổ bột vào rồi trộn từ từ mà thôi đừng đánh mạnh, đổ đậu phộng xắt vào và muối trộn cho thật đều.

Đề vi vào thùng cho nóng. lấy vĩ ra lấy beurre thoa vi vừa thấm ước, chừng ấy lấy muỗng múc độ nửa muỗng bột thôi, đổ xuống vĩ, lấy muỗng banh ra cho đều; mong-mông đề nhẹ vào thùng nướng; xin nhớ rằng bánh này chín nhẹ lắm, làm lâu thôi sẽ cháy.

Lấy dao xủi ra, lấy muỗng đề giữa bánh nhẹ tay uốn cong lại như miếng ngói.

Đề ngoài vừa đi hơi sẽ đề vô thùng hoặc hộp, chớ còn nóng đề vô dầy kín nó sẽ dai.

Bánh này không dùng trứng đỏ.

★ BÁNH CON NHỘNG VẬT-LIỆU :

- 5 trứng đỏ hột gà :
- 10 lượng đường cát trắng.
- 1 trái dừa khô.
- 10 lượng bột năng.

CÁCH LÀM :

(Trứng đỏ hột gà làm bánh miếng ngói nói trên còn dư lại, vì bánh miếng ngói làm trứng trắng không). Đánh trứng đỏ cho thiệt nổi; dừa nạo kỹ, đừng nạo đến lớp đen (vắt nước cốt).

đừng chế nước lã vào nó loãng đi ; đổ độ chừng 3 muỗng ăn canh nước cốt vào hột gà đánh cho nổi đoạn rây bột đổ từ từ vào nhồi cho đều nếu vừa thì thôi còn như khô thì thêm nước dừa vào ; khô hơn bột bánh ít là được. Bỏ lửa vào lò nướng trên dưới cho đều ; đây nắp lò cho ẩm, lửa vừa thôi, đừng nóng lắm bánh sẽ vàng quá không được, bánh phải

nướng trắng như bánh men.

Lấy lược chải đầu, rửa bằng bàn chải với xà-bông cho thật sạch, ngắt cục bột bằng trang ngón tay trở ấn mạnh vào lược lã ra giống như con nhộng sắp vào vỉ mà nướng, bột nổi lên hơi vàng dưới; trên mặt còn trắng là được, vì đừng thoa mỡ, bánh cũng trắng như thường.



★ CÔ CÓ EM KHÔNG ?

Một buổi sáng nọ, một cô nữ y tá ở một bệnh viện lớn tại Saigon đang khi lau mặt cho một nữ bệnh nhân thì người này hỏi :

— Cô có một người em phải không ?

— Dạ có, làm sao cô biết được ?

— Tôi nghĩ như vậy, vì cô lau mặt cho tôi y như là cô lau mặt cho em cô vậy.

★ NỮ SINH GIỎI HƠN NAM SINH.

Ba ngày sau khi công bố kết quả thi về kỳ thi Trung học đệ nhất cấp vừa qua tại Saigon. Hùng và Tuấn, hai bạn học gặp nhau tại một tiệm giải khát. Tuấn hỏi bạn :

— Sao Hùng, năm nay lớp mấy đậu được bao nhiêu phần trăm ?

Hùng đáp :

— Lớp tao, nam sinh đậu 25%/o còn nữ sinh thì đậu 100%/o.

Tuấn ngạc nhiên hỏi bạn :

— Mấy giờ chơi hoài Hùng, ở đời sao có chuyện lạ vậy. Mấy nữ sinh thì đậu 100%/o còn nam sinh chúng mình chỉ đậu có 25%/o thôi à ? Tao nhứt định không tin.

Đề bạn khỏi thắc mắc, Tuấn giải thích :

— Lớp tao có 40 nam sinh và một nữ sinh. Trong đám nam sinh có 10 đứa thi đậu, vậy tỷ lệ đậu là 25%/o. Chị nữ sinh thi đậu, vậy tỷ lệ số đậu về phần nữ sinh (ở lớp tao) là 100%/o có phải không ?

HẢI-PHƯƠNG



XÃ GIAO

★ CÔ BÌNH MINH

TRONG RẠP CINÉ

★ NÓI CHUYỆN

THƯA các bạn, chắc các bạn cũng nhận thấy rằng trong các rạp hát cũng như trong các rạp chiếu bóng của ta, có một số đồng bào không chú trọng đến các phép lịch sự, và họ thường có những hành động và cử chỉ mà ai cũng cho là khiếm nhã. Có lẽ các đồng bào ấy vô tình chăng?

Thí dụ như có một số khán giả hay ưa nói chuyện trong lúc đang chớp bóng. Không có gì bực mình cho những người ngồi chung quanh bằng nghe hai ba người cười nói ở dãy ghế trước hoặc dãy ghế sau, nhứt là ngay bên cạnh mình. Họ cười nói rất tự nhiên như là ngồi ở nhà vậy.

Ai cũng thấy rằng thái độ đó

là kém xã giao. Đáng rằng không lẽ ngồi ngậm miệng hoài sao, nhiều khi đôi vợ chồng, hay cặp bạn hữu cũng muốn hỏi han hoặc trao đổi một vài ý nghĩ của mình về những chuyện xảy ra trên màn bạc, hoặc trên sân khấu, nhưng trong trường hợp đó, người lịch sự bao giờ cũng nói khẽ thôi. Càng nói khẽ bao nhiêu, càng lịch sự bấy nhiêu. Nói rất khẽ như thế, để tỏ rằng ta biết tôn trọng sự yên tĩnh cần thiết cho khán giả, vì khán giả đến đây là để coi và nghe, thì ta không có quyền làm ồn ào bằng tiếng nói tiếng cười. Trừ khi nào tuồng hát gây ra trận cười chung cho cả rạp, thì đó là việc khác.

LỄ CON KHÓC, VÀ CHỜ CON BÚ

Có một số ít khán giả đi coi hát lại ẵm các em bé theo, nhứt là các em bé hãy còn bú, hoặc

hai ba tuổi. Thường thường, các em hay khóc, vì thấy đông người, hoặc vì trên màn ảnh có nhiều cảnh làm cho các em sợ. Cha mẹ dù cố gắng dỗ em, em vẫn không nín, và còn khóc to lên nữa. Tôi đã nhiều lần chứng kiến cảnh tượng này. Nhiều bà mẹ không dỗ được con, lại mắng con hoặc đánh con, tưởng làm như thế để cho con sợ mà ngậm miệng, hoặc vì tức giận mà la chửi con, nhưng thường thường hễ một khi em khóc trong rạp thì nó cứ khóc hoài, không sao dỗ được. Có bà lại vạch vú ra cho con bú để con im đi, nhưng cử chỉ đó thật là khó coi đối với chị em chúng ta. Cho nên, tốt hơn là đi coi hát đừng ăn con theo.

Nếu ở nhà không có ai coi em, thì thà đừng đi coi hát còn hơn.

ĐẶT MỘT ĐÀN CON, VÀ ĐỀ CÁC EM LÀM ỒN

Lại có một số khán giả mỗi lần đi coi hát, thường dắt theo 4, 5 em bé và đề cho các em làm ồn ào, hoặc chạy qua chạy lại, hoặc đứng trên ghế, hoặc cười la chuyện trò ầm-ĩ, làm cho những người ngồi chung quanh phải bực mình. Tuy không ai nói gì, nhưng người cha mẹ không tập cho con em gìn giữ trật tự chung và lễ phép trong rạp hát, tức là

chính cha mẹ kém lịch sự đối với khán giả.

Nhiều người đi coi hát, đã bị cái trường hợp khó chịu ấy. Một ông đi với một bà, dắt theo ba em bé từ 3 đến 6 tuổi. Hai ông bà mua 2 vé, còn 3 em dĩ nhiên là được coi khỏi tốn tiền. Nhưng các em đâu chịu đứng yên một chỗ, hoặc ngồi chung ghế với Ba Má. Chúng chạy ra, chạy vào, đi qua đi lại trước mặt các khán giả ngồi cùng dãy, và cười nói huênh thuyên.

Cha mẹ vẫn không rầy con, cứ để các con tự do, không chút ngăn ngừa những người ngồi cạnh. Một vị khán giả nào ngồi ghế sau, lấy giọng tử tế bảo các em đừng la ồn, thì bà mẹ quay lại nguyền vạ một nguyền dài, với vẻ mặt khinh khỉnh.

Làm bậc cha mẹ mà còn kém lịch sự như vậy, thì biếu sao các con em không vô phép !

XIN LỜI

Thưa các bạn, tục ngữ ta có câu rất đẹp : « *Lời nói không mất tiền mua* ». Đẹp hơn nữa là lời nói Xã-giao lại còn đem lại cho ta những cảm tình quý báu của mọi người. Thí dụ như chúng ta mua vé vào xem hát, lúc người nhơn viên rạp hát chỉ chỗ

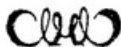
cho ta, mà ta phải đi ngang qua trước mặt những người ngồi cùng dãy ghế, thì chúng ta phải biết rằng đi như thế cũng làm phiền những người ngồi đó. Vậy trong lúc bước qua, chúng ta nên nói một lời rất giản dị : « *Xin lỗi* ». Dạ, tôi biết rằng ta không phạm « lỗi » gì cả, nhưng nói câu « *xin lỗi* », hoặc với người ngoại quốc thì nói « *Pardon* », tức là tỏ rằng khiêm nhường và tôn trọng phép xã-giao. Không cần nói « Xin lỗi ông » hay « bà », hay « cô », chỉ một câu trong-không « *xin lỗi* » là đủ gây được một chút cảm tình của những người lịch thiệp, có nền nếp giáo dục.

Thường thường, người phụ nữ không cần nói câu « *Xin lỗi* ». Nhưng khi người ngồi đó phải rụt chân vô, ngồi né một chút ra sau để chỗ cho mình đi, thì mình

nên nói một tiếng « cảm ơn », hoặc với người ngoại quốc thì « *merci* », hay « *thank you* », để đáp lại sự nhã nhặn của họ. « Lời nói không mất tiền mua » mà, các bạn ! Người ta tử tế với mình là Phụ nữ (tôi không muốn dùng danh từ : phái đẹp, hay phái yếu), thì mình cũng có cách đáp lại cử chỉ tử tế của người ta chớ. Lẽ nào người ta nhường bước cho mình, hoặc chịu khó ngồi né lại một bên để cho mình đi qua, mà mình cứ thản nhiên bước đi hay sao ?

Chị em bạn gái chúng ta cần tập tánh dạn dĩ trong các trường hợp ấy. Dạn dĩ, nghĩa là lanh lợi và trang nhã, mà vẫn rất đứng đắn, rất nghiêm nghị, để không ai có thể hiểu lầm một cử chỉ hay một lời nói xã-giao của chúng ta.

B.M.



★ TÓM TẮT CHUYỆN KIỀU

— Tôi đó anh, làm sao dùng nội hai câu đề tóm tắt hết cả truyện Kiều ?

— Tôi xin chịu, nhưng nếu anh làm được, tôi sẽ thết anh một chén « *La-de* »

— Đề ợt, tôi dùng câu đầu và câu chót là gồm tất cả truyện Kiều ở trong :

« *Trăm năm trong cõi người ta,*

« *Mua vui cũng được một vài trống canh,*

M. K.

7 — NGUYỄN-TUÂN

★ NGUYỄN-VỸ

HỒI tôi chưa gặp Nguyễn Tuân, tôi đã biết vài ba người bạn chơi thân với anh đều có cảm tưởng chung về anh như thế này :

— Nguyễn-Tuân gần lắm !

Cho đến Lưu-trọng-Lưu, là anh chàng mơ-mộng nhất trong làng Thơ làng Văn lúc bấy giờ, — mơ-mộng cũng gần như là gần rồi còn gì ! — mà cũng phê-bình Nguyễn-Tuân :

— Thằng ấy gần thật !

Một buổi tối, Lưu hỏi tôi :

— Toa muốn gặp Nguyễn-Tuân không ? Đi đến nhà nó chơi đi !

Tôi hỏi Lưu :

— Có phải nó gần lắm không ?

Lưu cười ranh-mạnh :

— Nó bảo nó không gần. Nó bảo toa gần.

— Nếu thế thì đến xem đùa nào gần.

Lưu đi với tôi. Hai người đi

tàu-diện từ Chợ - Hôm lên đến giữa phố hàng Bông, xuống ngay đầu phố Nhà-Thờ.

Lưu bảo :

— Nó ở nhà thằng Nguyễn-Đàm là em ruột của nó, ở con đường này đây.

— Đàm là ai ?

— Đã bảo Nguyễn-Đàm là em ruột Nguyễn-Tuân, mà còn hỏi ! Thế là đích thị cậu mày gần rồi !

— Nhưng Nguyễn-Đàm làm nghề gì chứ ?

— Nó là con rể của Vũ-dinh-Long, chủ nhiệm *Tiểu - thuyết Thứ Bảy*. Nếu không phải là con rề thì là em rề. Nếu không phải em rề thì là cháu rề... Nếu không phải cháu rề nữa thì thôi, tao chịu !

— Chính chú mày mới thật là gần đấy ! Làm rề ông Vũ-dinh-Long mà cũng là một cái nghề à ?

Lưu cười sặc-sụa, chỉ ngón tay ốm-teo vào mặt tôi :

— Mi gần mà mi bảo tao gần !
Làm rề ông Vũ-dinh-Long thì mới được làm quản-lý nhà-in và nhà báo của Vũ-dinh-Long chứ !

Hai đứa tôi vừa đi vừa cãi đùa chưa hết câu chuyện thì đã đến trước một căn nhà thấp dẹt « manchon » chiếu một màu sáng xanh-xanh.

Lư vào trước, nắm tay một chàng đang đứng trong nhà, và cười ngó ra tôi. Tôi vừa bước vào. Lư nắm cả tay tôi, bảo chàng kia :

— Nó bảo mày gần, mày bảo nó gần, thế là đứa nào gần ?

Tôi chưa biết chàng ấy là ai, chỉ nhận thấy một điều ngay trước mắt, là chàng có một đầu tóc bồm-xồm kinh-khủng. Giống hệt cái đầu của Jean Cocteau, Thi-sĩ Pháp. Chàng mập-mập, coi bộ to lớn rền-rang hơn tôi nhiều, và chắc chắn là nhiều tuổi hơn tôi. Chàng có một nét cười chúm-chím rất hóm - hình, và đôi mắt ranh-mành lạ thường, nhưng nụ cười và đôi mắt đều vô-cùng khả-ái. Tôi có cảm tình ngay khi chàng nhìn tôi :

— Cho mình biết tên, thì mình sẽ biết ngay là đứa nào gần !

Tôi cười :

— Tụi mình chơi với nhau mà

không cần biết tên, có được không ?

— Được lắm chứ. Mình cũng thích như thế đấy.

Lư-Trọng-Lư cười hả-hả :

— Đích thị hai đứa bay đều gần bát-sách cả hai !

Thế là Nguyễn-Tuân và tôi quen nhau và mến nhau từ tối hôm ấy trong một trận cười rền-rang, mà chưa đứa nào chính-thức biết tên đứa nào.



Nửa giờ sau, Nguyễn Tuân mặc áo, đeo cà-vạt, đi chơi với chúng tôi, lang thang trên phố Hàng-Gai rồi rẽ ra Hồ Hoàn-Kiểm. Chúng tôi ngồi chung quanh bàn nhỏ ăn kem, bên một mảnh liễu từ trên cung trăng buông xuống. Chàng kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện kỳ thú hồi đời xưa đời xưa... Câu chuyện tình-duyên trắc-trở giữa một nghệ-sĩ mù và một nàng Công-Chúa. Tiếng nói trầm-trầm như mặt nước hồ thu, thỉnh-thoảng nổi dậy một đợt cười xao-xát như làn sóng đập-chòn khế tạt vào bờ.

Khuya rồi, khách thừa-lương đã tàn-mác, ba đứa tôi còn ngồi dưới gốc liễu dưới chân trên cỏ, nhìn xuống mặt hồ. Nguyễn-Tuân bảo :

— Tiếc rằng tớ không biết làm thơ như hai cậu. Nhưng cần gì

biết làm thơ nhỉ? Mình cho rằng trường-thức được trọn vẹn những ý thơ của gió trăng, hòa mình vào với hồn thơ của cây cỏ ấy là biết làm thơ rồi... Người đời xưa, đã mấy ai làm thơ, nhưng họ toàn sống trong cảnh thơ và cảnh mộng. Mình tiếc không làm được người nghệ-sĩ mù. Mình tiếc không gặp được nàng Công - Chúa, nhưng mình biết chuyện họ, mình sống lại với họ, thế là mình tạo ra chàng nghệ-sĩ cho mình và nàng Công-chúa cho mình... Hai anh chắc đã có hai nàng công-chúa, hay là hai chục nàng công-chúa, còn tôi, tôi chỉ sống trong vang bóng một thời... Tôi chỉ yêu những nàng công-chúa ở tận đời xưa đời xưa...

Lưu-trọng-Lưu bỗng phá tan giấc mộng của anh chàng có đầu tóc bờm-xờm :

— Đi lên Khâm-Thiên ăn thịt chó chơi, tụi bay !

Nguyễn-Tuân cười chúm-chím (nụ cười quen của chàng) :

— Ủ, đi.

Tôi bảo :

— Hai anh đi, tôi về.

— Không ăn được chó à ?

— Tôi không có duyên với thịt chó.

Tuân bảo :

— Khỏi lo. Gắp một miếng chả chó bỏ vào miệng, nhai thông-thả dễ thường - thức cho hết mùi thơm của nó, rồi hớp một ngụm rượu, nuốt cái ực vào là có duyên ngay.

— Nhưng tớ cũng không uống được rượu.

Lưu ngó tôi :

— Cứ đi, rồi mình bày cho cách uống rượu.

— Thì... đi !

Đêm ấy, ở quán bán hủ cây nơi góc Ô-chợ-Dừa, Lưu-Trọng-Lưu và Nguyễn-Tuân ra về say khướt. Mặc dầu Nguyễn-Tuân bảo "mùi thịt chó rất nên thơ", tôi cũng không làm sao chịu nổi mùi thơ ấy.



Sau đó, tôi có gặp Nguyễn-Tuân bốn năm lần. Nguyễn-Tuân uống rượu thật nhiều, nhưng tôi chưa thấy Nguyễn-Tuân nói bậy-bà như Lưu-Trọng-Lưu lúc say mèm. Tuân người Thanh-Hoá, tính-nết hay nghiêm nghị, và làm gì cũng đắn-do nhưng rút cuộc không làm được theo ý mình. Chất nghệ-sĩ của Nguyễn Tuân là mơ, nhưng không phải cái mơ huyền-ảo bông lông, mà chỉ là cái mơ-ước thực-tế, giản-dị, gần-gũi nhưng vẫn ít khi thực-hiện được. Mơ một cuộc du-lịch,

mà không có tiền, rồi xách va-li raga xe lửa để tưởng-tượng là đi du-lich, mơ có một nàng công-chúa để yêu, nhưng không có nàng công-chúa, rồi lấy bút vẽ ra một mỹ-nhân để tưởng-tượng đó là nàng công-chúa. Những quyển tùy bút của Nguyễn-Tuân hầu như là những trang giấy ghi chép các giấc mơ không thành của con người văn nghệ ưa phiêu lưu ấy. Trong quyển « Chiếc Lư đồng mắt cua » loại giấy tốt của anh gửi tặng tôi, anh có đề một câu sau đây, mà tôi vẫn chưa quên được :

« Chúng ta là những con người ta của người ta.

Chỉ có giấc mơ của mình là của mình.

Phải không, anh Nguyễn-Vỹ ?

Phải lắm, anh Tuân ạ.

Cho nên ngày nay, tôi biết anh còn sống ở đất Bắc nhưng tôi biết anh đã chết rồi. Vì cái « con người ta » của anh, anh đã biết là không phải của anh, cũng như « giấc mơ của mình » đâu còn « là của mình » nữa ?

Than ôi, Nguyễn-Tuân ! Tôi thương Lư-trọng-Lư ít, mà tôi thương anh nhiều. Vì Lư vẫn không bao giờ tin-tưởng nơi cái gì cả và cả nơi Lư, chứ Nguyễn-Tuân... Xưa kia... Chàng còn tin-tưởng nơi giấc mơ xinh-đẹp của con người Văn-ngệ.

Có gì thâm-thăm bằng sự tan-rã của giấc mơ duyên ? N.V



* CHUYỆN VUI VỀ TRUYỆN KIỀU :

KIM-TRỌNG LÀ NGƯỜI NHỰT-BỒN

— Anh là người đọc rành truyện Kiều, vậy tôi xin đố anh. Kim-Trọng là người nước nào ?

— Còn phải đố, Kim-Trọng là người nước Tàu, chứ người nước nào.

— Thật lắt, Kim-Trọng là người Nhựt-bồn

— Anh nầy láo thật, ai bảo vớ anh như thế ?

— Chính cụ Nguyễn-Du đã nói. Đây, anh nghe nhé :

« Từ ngày muôn dặm phù-lang... »

Nếu không phải là người Nhựt, thì đi về phù-lang tam-đảo để làm gì ?

M. K.

Thuyết

« Thiên-Mệnh »

trong VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM

ƯA nay, nho gia ta có hai quan-niệm về thuyết « Thiên-mệnh tuần-hoàn » : một quan-niệm bắt nguồn từ triết - thuyết uyên - nguyên của nho-giáo, một quan-niệm dựa vào nho-giáo để biến thành một tín - ngưỡng thần-quyền.

Theo quan-niệm trên, điển-hình có các thi-nhân : Nguyễn-công-Trứ, Cao-bá-Quát.

Theo quan-niệm dưới, điển-hình có các thi-ĩ : Nguyễn-Du, Ôn-như-Hầu.

TƯ-TƯỚNG THIÊN-MỆNH TRONG VĂN - CHƯƠNG CỦA NGUYỄN-CÔNG-TRỨ và CAO-BÁ-QUÁT

1) Văn - chương của Nguyễn-

công-Trứ một phần lớn thẩm-nhuần tư-tưởng « Thiên-mệnh tuần-hoàn » của nho-giáo. Là một nho-sinh thuở thiếu thời sống trong cảnh hàn-vi, Nguyễn-công-Trứ vẫn yêu đời và tin-tưởng ở tương-lai, nhờ ông đã biết đặt lòng tin vào Thiên-mệnh.

Trời dẫu riêng khó cho ta
mãi,
Vinh, nhục dù ai cũng một
lần.

(VỊNH CẢNH NGHÈO)

Hơn nữa, ông đặc-biệt tin ở luật tuần-hoàn của Trời đất, và sống trong cơn bĩ-cực, ông nhìn xa đến lúc thái lai, nỗ-lực phấn-đấu để đạt đến mục-phiêu ấy :

Cơ tạo có đi thời có lại.

Vạch vôi lấy đó mãi ru mà !
(Thế tình đối với cảnh nghèo)

★ THẨM-THỆ-HÀ

Nhiều khi ông còn vin vào Thiên-mệnh tuần-hoàn để mà tự an ủi mình và an ủi người :

*Đi lại chẳng qua thời vận mệnh,
Cũng đừng thắc mắc, chớ lo lường.*

(Khuyến người đời)

Trong lúc hàn vi cũng như trong lúc xuất chinh, trong hoàn cảnh nào Nguyễn Công-Trứ cũng dùng thuyết Thiên-mệnh làm lợi-khi phấn đấu và luôn luôn nhìn đời bằng cặp mắt triết-nhân.

2) Cùng chịu một hệ-thống triết lý với Nguyễn Công-Trứ, Cao Bá Quát bền lòng chịu đựng cái mệnh, tu-dưỡng bản thân trong cái mệnh để đạt được cái chí quân-tử trong đạo nho :

*Hăng bền lòng chờ có oán-virtu,
Thời chỉ hĩ, ngư-long biến-hóa.*

(Cuộc phong trần)

Thông hiểu cái lẽ « cùng, bĩ, biến, thông » của vạn vật và loài người, Cao Chu-Thần cũng đặc biệt tin-tưởng vào luật tuần-hoàn và tìm ở đó một nguồn an-ủi vô cùng những khi chí lớn không thành, tranh-đấu thất bại:

*« Thôi đã biết cùng thông là mệnh cả,
Cũng đừng đem hình dịch lại cầu chi,*

Hơn nhau cũng một chữ thì... »

(Cuộc phong trần)

Tóm lại, quan-niệm về Thiên-mệnh tuần-hoàn của Nguyễn Công-Trứ và Cao Bá Quát có những điểm đại-đồng tiêu-dị. Đại đồng ở chỗ cả hai cùng vin vào thuyết ấy để tu-thân, hành-đạo. Tiêu-dị ở chỗ Nguyễn Công-Trứ

dùng nó làm nguồn an-ủi để phấn-đấu khi thất bại, trái lại Cao Bá Quát dùng nó làm nguồn an-ủi để trở nên tiêu-cực bi-quan.

TU TƯỞNG THIÊN
MỆNH TUẦN HOÀN
CÁI MỆNH VÀ CÁI CHÍ
DU VÀ ÔN CHU THẦN

1) Trong số các văn-phẩm của Nguyễn Du, quyển Đoạn Trường Tân Thanh là tác-phẩm thể-hiện tư-tưởng Thiên-Mệnh một cách sáng tỏ nhất. Bằng bạc khắp quyển thơ, thi-sĩ Tố-Như khéo sắp xếp cho các nhân-vật biểu lộ tư-tưởng trên qua hành-động và ngôn-ngữ, và lắm khi tác-giả còn tự nhân-danh mình mà tỏ vài điều cảm, nghĩ.

Kim-Trọng khi hội-diễn với Thủy-Kiều đã ngỏ lời an-ủi người yêu :

*« Xưa nay nhân định thắng thiên
cũng nhiều ».*

Sư Tam-Hợp trả lời cho Giác-Duyên cũng bàn về thuyết Thiên-mệnh :

*« Có trời mà cũng tại ta
Tu là cội phúc, tình là giây oan ».*

Và Nguyễn Du đã hiện-diện trong tác-phẩm ở nhiều đoạn đề giải tỏ quan-điểm của mình trước những sự-kiện thương-tâm :

*« Hóa-nhi thật có nữ lòng,
Làm chi dày tía, vô hồng lắm nan... »*

Hoặc :

« Ngâm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có
thần.

Bắt phong-trần, phải phong-
trần

Cho thanh-cao mới được phần
thanh-cao ».

Ở Đoạn-Trường Tàn-Thanh,
thuyết Thiên-Mệnh tuần-hoàn
không còn giữ được bản
chất uyên-nguyên của nó nữa
mà đã biến thành một tin-
ngưỡng thần quyền.

THIÊN ở đây
tức là TRỜI tức
là THƯỢNG-ĐẾ,
một đấng tối đại,
tối thiêng có
quyền tuyệt - đối
ban phúc hoặc
giáng họa cho

loài người. Sự thưởng, phạt của
Trời làm cho nàng Kiều sống
hết cơn « dĩ cực » mới đến hồi
« thái lai ».

Tuy Nguyễn Du là một nhà
nho bác học nhưng ông không
chịu sống cực-đoan trong tinh-
thần nho giáo, do đó ông đã
hòa-đồng với nhân-dân để biến
triết-thuyết Thiên-mệnh tuần-
hoàn của nho giáo thành một
tin-ngưỡng thần-quyền phổ-biến
của bình-dân.

2) Cùng một quan-niệm với
Nguyễn-Du, Ôn-Như Hầu coi
Trời như một vị chúa tể oai
quyền và độc-đoán, chế-ngự cả
vũ-trụ và loài người. Con người
bị ép vào khuôn khổ Thiên-
mệnh, không thể nào cưỡng lại

được số trời. Trong quyền Cung
Oán Ngâm-Khúc, Ôn-Như tiên-
sinh đã bộc-lộ quan-niệm ấy
dưới hình-thức một triết-thuyết
bi-quan :

« Quyền họa phúc trời tranh mất
củ,

Chút tiện-nghi chẳng trả phần
ai.

Cái quay búng sẵn trên trời,
Mờ-mờ nhân ảnh như người đi
đêm. »

Theo Ôn-Như-Hầu, con người

sống ở thế-gian
phải chịu mệnh
trời, quay cuồng
theo luật tuần-
hoàn của trời
định, chẳng khác
gì một « cái quay
búng sẵn », có

muốn ngừng lại cũng không thể
nào ngừng được. Vị chúa tể oai
quyền đó nhiều khi còn trên
người một cách tàn-nhân :

« Trễ tạo - hóa dành-hạnh quá
ngân,

Chết đuổi người trên cạn mà
chơi.

Lò cừ nung nấu sự đời,

Bức tranh ván-cầu vẽ người
tang-thương ».

Trước cái quyền-uy độc-đoán
ấy con người đành bất lực và
phải ngảnh mặt làm thính buồng
liều theo số mệnh :

« Thôi thôi ngảnh mặt làm
thính,

Thử xem con Tạo gieo mình
nơi nao ? ».



Tóm lại, quan-niệm về Thiên-mệnh của Nguyễn-Du và Ôn-như Hầu cũng có những điểm đại-dồng-tiêu-dị. Đại đồng ở chỗ cả hai đều tin ở quyền-lực vô-biên của Trời. Tiêu-dị ở chỗ Nguyễn-Du chủ-trương có thể cải được mệnh-trời bằng cách minh tâm, hướng thiện ; trái lại Ôn như Hầu chủ trương đầu hàng số mệnh, phó mặc thân thể cho luật tuần-hoàn.



Xét tư-tưởng « Thiên - mệnh tuần hoàn » qua những áng văn-chương trên, ta thấy nho - gia ngày xưa chng những bất đồng nhau về quan-niệm mà trong công việc ứng-dụng tư-tưởng về phương-diện nhân-sinh cũng có nhiều điểm khác biệt nhau. Lấy những văn-phẩm và các thi-nhan ấy làm điển-hình, ta có thể biệt

phân làm hai phái :

1) *Phái quan-niệm tư-tưởng Thiên-mệnh theo triết-thuyết nguyên-nguyên*, chủ-trương Thiên-mệnh là một cái Lý đương nhiên (cũng gọi là Thái-cực) theo luật trung-hòa mà sinh-sinh, hóa-hóa, chứng cả vũ-trụ và giúp cho vạn vật nảy-nở, phát-triển.

2) *Phái quan-niệm tư - tưởng Thiên-mệnh theo triết-thuyết bình dân*, chủ trương mọi người đều có số mệnh do một đấng chí-tôn — mà họ gọi là Trời hoặc Thượng-Đế — đã an-bài trước cuộc đời của họ.

Vậy khi nhận-xét tư-tưởng Thiên-mệnh trong một văn phẩm cổ hay kim, ta cần phải tìm hiểu tác-giả thuộc về phái nào, có như thế lời phê-bình của ta mới khỏi lệch-lạc và khỏi vô-tình xuyên-tạc chủ-đích của tác-giả.



Diễn giả : « Thừa các ngài »
Đề kết luận...



Duyên « tiền » định.

CÔ GÁI

DIỄN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

III



NG ta nói thêm :

— Tôi muốn mua
mấy chiếc áo quần,
cho trẻ con.

— Ông mua áo quần trẻ con
làm gì ?

— Tiên-sinh còn trẻ quá, tiên
sinh không thể nào hiểu thấu
được tấm lòng của một người
già cả... Thằng con tôi, hôm qua,
nó mới nuôi được một đứa con
nuôi, tôi đã trở thành một vị

tô phụ rồi... Ha ! Ha ! Tiên-sinh
coi, tôi chẳng đã là ông nội rồi
mà, bởi vậy, tôi thấy cần phải
mua một ít áo quần cho đứa
cháu của tôi, chứ !

Tôi bảo với ông ta, tôi sẽ đi
mua giùm ông ta, nhưng, tôi
không thấy ông ta đưa tiền cho
tôi; tôi tự nghĩ, có lẽ, nên
đánh điện thoại cho thân nhân
của ông ta. Nhưng viên khán
hộ nói cho tôi rõ, việc đó không
hợp quy tắc. Và lại, một khi

người nhà của bệnh nhân đưa họ tới y viện, là để ở đây, y-sinh dùng đủ thuốc men và thủ thuật để trị liệu cho họ, có thể thôi; chứ nếu mỗi thứ, bệnh nhân đòi hỏi, đều phải làm cho họ vừa ý, thì không thể được. Không bao giờ thân nhân họ ưng thuận trả các dụng phí khác.

Còn như cái ông già bệnh nhân kia, ông ta chỉ có một người con gái. Độc nhất. Người đó đã có chồng, thành thử ra, ông già này phải sống nhờ vào người con rể. Nghe đâu, bố vợ và chàng rể chẳng được tương-đắc với nhau, nên sự bất-hòa đó làm cho ông già nhớ tới người con trai đã quá cố, mà đâm ra loạn óc. Để ông bố bệnh-hoạn ở nhà, có nhiều nỗi bất-tiện, và phiền-khổ, nên con và rể phải đem ông ta gửi vào y-viện, để liệu-dưỡng. Với một cảnh-tình như thế ấy, mà bảo với cho gia-dinh ông ta, mua thêm cái này, cái khác thì thiệt là vô ích.

Về phần tôi, tôi đã hứa, nên tôi cố làm cho ông lão mãn-túc. Tôi quyết-định đi mua cho ông ta mấy thứ ông ta muốn có.

Nhưng có một điều, là cái kỹ-huấn-luyện của tôi tại y-viện này, cũng lại đã mãn, và y-sư Xa-lạp-Mỹ bảo cho tôi rõ nay mai tôi sẽ phải bắt tay vào công việc chính của tôi. Vậy, sáng ngày kia, tôi sẽ phải dời bỏ nơi đây. Tôi liền với hỏi :

— Thưa y-sư, tôi sẽ phải dời đi nơi nào, kia ạ ?

— Ông sẽ đến ở, ở một gia-dinh của một bệnh-nhân...

Tôi hết sức kinh-ngạc. Vì từ hôm, đến làm việc tại đây, tôi tự tìm ra cái lý-tưởng để trị-liệu bệnh-nhân loạn-óc, nên tôi cứ ngang-nhiên coi tôi, như đã trở thành một y-sư và tôi quên khuấy hẳn đi rằng, ở y-viện này, tôi chỉ làm cái công việc hoàn bị sự huấn-luyện, để có đủ năng-lực để làm một viên trợ thủ của y-sư chuyên trị bệnh tinh thần. Tôi khần-khoan nói :

— Thưa y-sư, tôi xin thú thật với y-sư, công việc ở bệnh viện này, đã đem lại cho tôi, cả một sự hứng thú. Tôi tự nhận thấy, nó sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều về phần học hỏi, bởi vậy, tôi yêu cầu y-sư gia-ân, cho tôi được ở lại nơi đây, để làm việc.

— Không thể được đâu, tiên-sinh à !

— Thưa y-sư, tại sao thế ạ ?

Y-sư giơ tay xoa xoa cằm râu quăn ở cằm, đáp :

— Vì một lẽ rất giản dị : người tuyển dụng tiên sinh tuy là tôi, nhưng người cần đến sự trợ thủ của tiên sinh lại không phải là chính tôi...

— Thưa, như thế là thế nào, kia ạ ?

— Nguyên do thế này : tôi đã đoán định rằng, một bệnh nhân của tôi, cần phải có một chuyên

viên ở luôn luôn bên cạnh, không dời nửa bước, nên gia đình người ấy yêu cầu tôi chiêu thỉnh giùm cho họ, có thể thôi.

— Thưa y-sư, giá vì thử, tôi xin ở lại đây, đề giúp y-sư, với điều kiện là, tôi chỉ xin lĩnh một số tiền lương tối thiểu ; y-sư sẽ vì bệnh nhân của y-sư, chiêu-khảo một viên trợ-thủ khác, thay thế cho tôi ; tôi thiên-nghĩ như vậy, là ổn-thỏa cả, thưa y-sư ?

Y-sư Xa-lap-Mỹ vừa tủm-tủm cười, vừa đáp :

— Tám nhiệt-tình của tiên-sinh đòi với y-viện này thiệt là đáng quý, nhưng, tiên-sinh nên biết, nếu bây giờ, lại đi chiêu-khảo một người khác, thì chỉ cho khỏi không mất thì-giờ, mất thêm sở-phí ; thế rồi, lại còn phải huấn-luyện người đó trong ít ra, là hai tháng ; ấy thế mà, thân-chủ của tôi lại cần có người giúp đỡ ngay tức-khắc. Với ngần ấy trở ngại, dầu hết sức quý, nể, tiên-sinh, tôi không thể nào chiêu lòng tiên-sinh được.

Tôi chẳng còn dám nói gì hơn nữa, nhưng trên nét mặt tôi, hình như có lộ vẻ không được hoan-hỉ cho lắm. Thấy vậy, y-sư liền vỗ vai tôi, mà an-ủy tôi, bằng một giọng rất ôn-tồn, hòa-cát :

— Tiên-sinh cứ phóng tâm, tôi tin chắc rằng, ở nơi đó, tiên-sinh cũng sẽ tìm thấy một sự hưng-thú khác thường... Thôi nhá, đừng

sầu giờ, tôi sẽ mời tiên-sinh cùng đi dùng bữa văn-san với tôi, và nhân đó, tôi còn có nhiều điều cần phải dặn-dò tiên-sinh về cái công-tác mới của tiên-sinh.

Nói rút lời, y-sư quay quắt đi. Tôi theo gót y-sư, nói thêm :

— Vâng, tôi xin y-mệnh của y-sư, nhưng nếu có thể được, tôi xin phép y-sư nán-lại đây hai hôm nữa, vì tôi cần có thì giờ đề cáo từ một bệnh nhân, mà bấy nay, tôi hằng đặc biệt lưu tâm tới...

— Được, hai hôm, thì có thể được lắm.

Y-sư vội vã đi ra, vì, bây giờ, vừa vắn tới giờ chẩn bệnh của y-sư.



IV

Tối hôm ấy, y-sư Xa-lap-Mỹ đưa tôi tới một nhà hàng cực kỳ hoa lệ, đề dùng văn-san, đúng với lời ước hẹn, lúc cần chiêu. Đến bây giờ, tôi mới biết rõ cái chức vụ mới của tôi.

Nguyên lai, có một nhà giàu có lớn, chỉ sinh hạ được vốn vẹn có một cô con gái ; ông ta vốn là chủ nhân ông một xưởng chế tạo giày da, rất phát đạt. Nay ông muốn mở một chi xưởng ở Mỹ, mà người hùn vốn với ông, là một thanh niên quý tộc Anh - cát-lợi. Người này nhận lời bỏ ra một số tiền khá lớn, đề thiết lập cái xưởng mới đó.

Nhân sự giao - dịch về việc doanh-công kế-lợi đó, mà người thanh-niên quý-tộc làm quen với cô con gái kia. Quen nhau, rồi biết nhau ; biết nhau, rồi hiểu nhau, và yêu nhau. Ấy thế rồi, khi hoa nở, lúc trăng lên, không ngày nào, họ không cùng nhau, trung-khúc ân-cần. Chỉ một tháng sau, bỗng, người thanh-niên đó ngỏ lời cầu hôn với thân-phụ cô gái. Vừa được một người rề vào hàng thế-gia lệnh-tộc, lại được luôn cả một người hùn-vốn đắc-lực, lẽ cố nhiên là người cha vui vẻ nhận lời ngay tức khắc, trước khi hỏi lại cô con. Ông cứ yên-trì rằng, họ đã thâm yêu, trộm nhớ nhau từ lâu rồi. Ông có ngờ đâu, khi đem việc cầu-hôn đó hỏi lại con, cô con sững-sốt trả lời, cô không thể nào gả nghĩa trăm năm với chàng ta được, vì cô không yêu chàng ta. Thân phụ cô trách cô :

— Quái thật ! Con bảo con không yêu người ta, thế sao, hàng tháng nay, con luôn-luôn tiếp-đãi người ta một cách niềm-nở như vậy ? Cha nói thật cho con rõ, nếu con từ-khước việc hôn-nhân này, con sẽ làm trở-ngại cho công việc kinh-doanh của cha. Vả lại, cha xem người đó chẳng có một điểm gì đáng chê-trách ; cha có gả con cho người ta, cũng là xứng đôi, vừa lứa, môn - đăng, hộ - đối. Cha không hiểu tại sao, con lại từ chối ?

— Thưa cha, cái cơ chính

đáng của con, là con tự nhận thấy, con không yêu người đó, nên con không thể lấy người ta được.

— Thế sao, bao nhiêu ngày nay, con thân cận với người ta như vậy ?

Cô con gái lặng yên không đáp. Mỗi một lúc sau, cô mới miễn cưỡng nói :

— Thưa cha, đó chỉ hoàn toàn vì sự kinh doanh của cha mà con phải niềm nở tiếp đãi người ta.

— Ô, nếu con đã nghĩ tới sự kinh doanh của cha, sao con lại từ hôn ?

— Hôn nhân là việc khác, thưa cha... con không thể làm một việc trái với lòng con, vả, hiện nay, con chẳng nghĩ tới việc chồng con.

Ông chủ xưởng giày này, vốn là một thương gia cận đại, ông làm việc một cách độc đoán. Bất cứ một lời nào ông đã thốt ra, là ông làm cho kỳ được, chứ không bao giờ chịu lùi bước. Ấy thế mà, đối với việc hôn nhân đó, ông đành chịu thúc thủ, và cô con ương ngạnh nhất định trái lời cha. Cố nhiên, việc hôn nhân đó không thành.

Thế rồi, không rõ tại sao, một ít lâu sau, cô ta bỗng nhiên, vượt ra khỏi khuôn phép của gia-đình và bắt đầu sống một cuộc đời vô - cùng phóng-đăng. Ngày ngày, cô ta đi ra ngoài, giao-du với đủ các

hàng người và đàn-đúm với toàn những gã thanh-niên dăng-diếm, ăn chơi. Rồi, một hôm nọ, một gã bạn trai của cô, dựa vào hơi men, đã có một cử-chỉ vô-lễ đối với cô ta, cô ta liền rút súng bắn chết gã đó !

Cha mẹ cô đã phải thuê không biết bao nhiêu luật-sư có danh-tiếng để bào chữa cho cô. Từ đó cô ta mắc phải bệnh tinh-thần, cô hút thuốc, uống rượu, đánh bạc, và luôn luôn đi gây sự đánh nhau, cãi nhau, ở những nơi trà-dinh, tru-diếm. Lúc thì cô ăn bận một cách vô-cùng lộng lẫy; lúc thì áo quần cô lôi-thối, lốc-thốc. Có dạo, cô ta suốt ngày

giám mình trong phòng, khóa trái cửa ; có dạo, ngày đêm cô ở ngoài, không bước chân về nhà ; có hôm, trong đêm khuya cô đánh xe hơi, bỏ nhà, đi lung tung, vô sở định ; thế rồi, cũng có đêm, cô ở sòng bạc, thâu đêm, suốt sáng, miệt-mải trong cuộc đổ đên.

Cha mẹ cô ta vẫn một niềm thương con, nhưng không còn biết làm thế nào, nên mỗi đêm cô ta đến y-sư Xa-lap-Mỹ, để nhờ y-sư cứu chữa. Khốn một nỗi, cô ta có một lòng tự-tin rất mạnh, cô ta quả-quyết không chịu thừa nhận rằng mình là một bệnh-nhân.

(Còn nữa)



* TÔI ĐAU TRÁI RA MÀ !

Trò Mèo, 6 tuổi xách cặp tới rạp xi-nê, xin người gác cửa cho vào coi rạp. Người gác cửa hỏi :

— Giờ này trò không đi học, sao trò đi coi chớp bóng ?

Trò Mèo cãi lại :

— Tôi đã xin phép cô giáo cho nghỉ một tuần tại vì tôi đau trái rạp mà !

KHANH
(Trường Âu-Lạc)

* XIN HÌNH

Em Ngọc-Liê, 4 tuổi, quỳ trước bàn thờ Phật và cầu nguyện :

— Lạy Phật, con xin dâng cả trái tim của con cho Phật. Nhưng con xin Phật cho con một tấm hình của Phật để con dán an-bum.

* VỢ TÔI CÙNG VẬY

Một ông nghị-sĩ Quốc-Hội Pháp vừa rồi giới thiệu vợ ông với Đại-tướng De Gaulle (Đờ-Gôn) :

— Thưa Đại-tướng, đây là vợ tôi, một người theo phe Đờ-Gôn,

Đại-tướng Đờ-Gôn đáp :

— Vợ tôi cũng theo phe Đờ-Gôn.

B. T. \

TRIỆU PHÚ!

★ VƯƠNG - HỒNG - SÈN

XE chạy đang ngon trốn, bỗng nghe một tiếng nổ hết hồn. Tiếng nổ Cuối trong rừng vang trả lại nghe càng thêm rùng rợn. Nhờ chạy xe lâu năm nên có chút kinh nghiệm, tôi cố kềm tay lái thật vững vì nó lắc-lư đảo đảo như lên đồng. Lơ-dềnh lúc này, rủi xe hơi xuống hố thì có nước bỏ mạng giữa rừng già. Xe ngừng, tôi bước xuống coi kỹ thì vô sau phía trái đã lồi phèo. Sướng chưa? Thế là má bù trê nói không sai, lúc khởi hành tôi không chọn ngày. Bây giờ buộc lòng phải tuân theo số mạng và rán chịu lấy vận thời. Ai dè bây giờ mình phải ở lại trên con đường cô-quạnh Đà Lạt, một mình trơ trọi trong khoảng vắng giờ trưa, không một ai bầu bạn, dưới ánh nắng hăm hăm như báo tin sẽ chiều mưa tối lạnh. Đã không phương chạy chữa duy còn nước còi áo, ra tay vá, bơm và tự làm bánh làm vô lấy mình. Tôi vừa kê con

đội, vừa nhắc-nhắc lên được mấy cái, thì nghe một tiếng « rắc », coi lại cò con đội đã gãy lợi không còn dùng được nữa. Còn gì vui hơn?

Trong lòng trước đã không vui, nay mới thiệt là đứt ruột. Nhớ năm nào đây cũng khoảng đường này voi bày ra nhờ cột dây thép, phá phách đường xe lửa, và lựa phải nói chuyện năm xưa, cách đây không lâu mấy, ít có xe nào dám chạy lêu-lêu một mình vì sợ nạn mấy ông kẹ có súng thì hành kẻ kinh-tế mạo hiểm, rachận đường, đã tịch-thu tiền bạc, lột y-phục vòng vàng mà chớ, có khi còn mời luôn bộ hành vào rừng sâu cầm chơn chơi vài bữa chợ quen với cơm nắm, muối mòng, đĩa vắt. Bóng càng xế, gió chiều càng tăng thêm cảnh cô-tịch. Tôi lấy thuốc lá ra đốt phì-phà cho qua thời giờ, mình rợn rợn nổi ốc, vì tiết trời lạnh cũng có mà nhiều hơn là vì sợ chuyện không may xảy đến vô chừng. . .

Bỗng từ đằng xa thấy như có một chiếc xe lù-lù leo dốc, . . Mừng quá, tôi ra hiệu xin cấp cứu. Xe ngừng, một người ú-na ú-năn cạp giò ốm nhom, loi-choi từ trên xe tuột xuống.

— Ông muốn gì ? người ấy vừa hỏi vừa chào.

Tôi chưa kịp trả lời, thoát y vỗ mạnh vai tôi, la lớn :

— Ủa ! Cốt-Đột đây mà ! Đi đâu vậy ? Mày còn nhớ tao không, Cốt-Đột ?

— Nhớ chứ ! Tôi vội đáp. Sao lại không nhớ. Tôi vừa nói vừa suy-nghĩ.

— May phước cho mày. Nếu tao nhìn được mày mà mày không nhớ tao thì buồn lắm da, phải hay không, Cốt-Đột ?

Kỳ thật, mặt xừ này tôi nhớ lắm. Quên làm sao được cái mặt mâm-thịt là thịt đã từng cùng nhau chạy giặc năm 1945-46 tại Đồng Chắc-Đốt; giáp ranh hai hạt Sốc-trắng — Bạc-liêu ? Mặt mâm đã từng ăn cực uống khổ với tôi ngót hai tháng trời giữa cảnh trời nước mênh-mông trên hai ghe tàn cư bình-bồng không lia nhau nửa tấc. Những chuyện lắt-nhất như vậy tôi đều nhớ rõ không sót một mảy, duy cái mà mình muốn nhớ và cần nhớ hơn hết

lúc này thì không sao đào ra nổi : tôi muốn nói cái tên cúng cơm của thằng đã mắng tôi là Cốt-Đột. Lẽ đáng mình phải biết tên sò lòng của nó để khi tiếp chuyện, xưng hô cho thêm thân mật, cũng y như nó đã ban tặng mình : khi S... này, S... nọ, Cốt-Đột ơi, Cốt-Đột hỡi ; nhưng đang cảnh ngộ éo-le như mình, giữa lúc này mà hỏi danh tánh nó, thì thiếu tâm-lý quá, huống hồ mình định nhờ nhờ nó để vá ruột ráp vỏ xe cho... ♪ hăm tướng thằng mập này tuy dài-bôi ngoài miệng chớ bề trong cũng có bọm ưà hờn mát như mình ! Đang nghĩ-ngợi, nó lại vồn-vã : « Cốt-Đột ơi ! Tụi mình không gặp nhau đã có tới mười lăm-năm rồi phải không ? Mười-lăm chìm nổi như nằng Kiêu, ha ha ! Mày có nhớ miếng thịt bò Chắc-Đốt một đồng rưỡi một ký-lô ?

Bao nhiêu câu hỏi dồn-dập tới tấp, tôi chưa trả lời được câu nào, kể nó bắt qua chuyện khác ; ở làm gì đây ? Con đội hư hã ? Dễ ợt ! Hơi đâu mà rầu buồn với những thứ đồ nghề đó.

Miệng nó nói liên liên không lảnh da non, nhưng tay nó cũng gọn đến. Nó vừa đội vừa vá ruột, vô vô cấp kỳ, và chỉ trong giây lát mọi việc đều xong xuôi.

— Bây giờ mầy đi đâu đây ?

— Đi Đà-lạt.

— Quên nữa ! Tao cũng lên đố. Lên sao cho kịp buổi cơm chiều này.

— Còn tao, tôi nói sau một tiếng thờ dài, tao phải chờ đến sáng đến chiều mai mới tới trên nấc chiếc xe tê-lê này cho phép !

— Có khó gì ! Mầy khỏi lo cái nạn đó. Bây giờ nếu bỏ xe mầy lại đây thì cũng hơi bất tiện đó chút. Vậy thì mầy hãy rán lái xe cho nó lết tới Blao. Tối đó có hằng sửa xe quen với tao. Mầy bỏ đó cho nó o-bế lại. Mầy thì qua xe tao, tao chở mầy lên trên thì dễ ợt. Chừng mai một xe mầy sửa chữa xong, chừng ấy tao sai trẻ xuống kéo lên cho mầy. Thằng mập nói câu chót rồi cười cái miệng chẳng hoạt xé gần giáp tới lỗ tai. Thằng làm sao, bề ngoài coi ô-dề, thô-lỗ, mà bề trong nhơn nhơn quá chừng. Cái cách nó mời lịch-sự đến thế, làm sao mà từ chối với nó cho được.

Ngó lên xe, tôi cố ý kiểm tẩm bằng địa chỉ chủ xe nhưng không gặp. Tôi giả dò chừng hững : « Ừa lạ ! Sao xe này không có tẩm lặc ? »

— Chưa có ngày giờ gần vô !
Xe này tuy cũ nhưng tao mới
sắm chỉ vài hôm thôi. Xe còn

chạy thử. Lắc với léo làm gì.
Mà ai dám hỏi lắc tao ?

Đó rồi mạnh ai nấy leo lên xe mình và chạy nối đuôi nhau, nó trước tôi sau, hết cây số này đến cây số khác, trong bụng tôi thầm vái sao cho có một tai nạn xảy ra, không gặp ông cò ông cầm ông hiến binh, cũng đừng đâu ông kẹ rừng xanh, không nữa bọn tàn quân Bình-Xuyên, vì tôi chỉ mong có người chặn khám xét giấy tờ để nhờ đó biết tên thằng mập đang lái xe chạy trước mặt. Nhưng dọc đường vẫn bình an vô sự.

Đến Blao, anh chủ hãng xe
niệm nở với mặt và xem bộ ki-
nê nó lăm. Lật đặt đem xe tới
vô hãng... Rồi từ đó tôi leo qua
xe mặt, hai đứa tôi trực chỉ Đà-
Lạt. Dọc đường nó nói đồ bọ
dãi nhưng tôi vẫn chưa nhớ
được cái tên của thằng trời đánh
này là gì. Tôi đề ý lúc đàm đạo
với chủ hãng xe Blao, và cố ý
lóng tai nghe thì bọn nó xưng hô
với nhau, hai đứa gọi nhau cũng
bằng hai tiếng Cốt-Đột mà nó đã
ban cho tôi từ sớm giờ, thành
thử Cốt-Đột này với Cốt-Đột nọ
và Cốt-Đột kia, chỉ vồn-vẹn ba
thằng Cốt-Đột !

Đến Di-linh, mậ cho tôi ăn
một bữa cơm vī-vèo. Sản bung

đổi, tôi ních ngon lành, trong khi nó nói miệng không lành. đa nơn : đủ đều, đủ chuyện, nào từ khi tàn cư về, vất vả làm sao, làm nghề chụp ảnh dạo bữa đôi bữa no làm sao, rồi qua nghề bán xe hơi nửa xạc, đến bây giờ nhờ làm quen được một thương gia Huê-kỳ nó giao cho làm đại-lý xe ô-tô hiệu Mỹ-quốc, bán cho đến ngày nay không nhớ là mấy ngàn chiếc, rồi trở nên triệu phú, nay lên Đà-lạt là do lệnh nó dạy lên điều-dinh đề lập một chi nhánh trên đó, việc trước việc sau nó kể lại không sót một mảy may, duy cái tên trời đánh thánh vật của nó, nó vẫn kiêng cử như tên húy ông tam-dại. Còn tôi, thì nghĩ mãi mà vẫn không sao nhớ ra.

— Hăng của mày, tôi hỏi khéo, ở Sài-gòn, lấy hiệu là gì ?

— Hiệu « Sao băng ».

— À ! tên của mày, viết ra làm sao, tao đã quên lửng.

— Khó khiết gì ! Đọc sao viết vậy. Cốt-đột, khéo hỏi chuyện vu-vơ !

Thế là tôi lại cầm miệng hến. Nói chí miêng, lúc ấy tôi vừa giận thầm vừa khó chịu, giận vì trí óc dờ mờ, khó chịu vì người ta biết tên thiệt của mình, người ta thân mật tử-tế, đủ điều, ban cho mình tên « Cốt-Đột » thế mà

đến tên họ người ta, tại sao mình lơ-mơ lẫn-thần đến nước này cho được.

Còn năm cây số ngàn nữa là tới chợ Đà-lạt, hai tôi ghé quán-cà-có uống la-ve. Tình càng ngày càng đậm. Tôi nảy ra một ý-kiến mới.

— Ê Cốt-Đột. Nãy giờ tao quên nói với mày một chuyện. Tao chuyển này đem tiền theo ít quá. Chớ chi mày có sẵn tập ngân-phiếu, mày ký cho tao một tấm. Bận về, tới Sài-gòn, tao sẽ huồn lại không sai.

— Được ! Được ! Không hề gì chuyện gì. Mà mày cần dùng bao nhiêu ?

— Chừng vài ghim được không ?

— Tưởng là nhiều cà ! Bấy nhiêu đó thì tao có sẵn, không cần đến sét. Cốt-Đột khéo giả ngộ. Lấy tiền mặt mà xài cho dễ, lại đòi sét cho thất công người ta !

Đoạn anh ta móc ví đưa cho tôi ba xấp giấy xăn, thế là cái kế của tôi hỏng nữa. Nhưng tôi còn cầu may chưa chịu thôi.

— Đây này, viết máy của tao đây. Viết giống gì thì viết dạng tao « hạ tờ » trót thề.

Nhưng anh ta xua tay mà rằng : Cốt-Đột khéo giả ngộ hoài,

Tao với mày mà giấy má làm chi cho rộn !

Tôi "khựng" một chỗ như thằng cầm ăn ớt, không còn biết phương-thế gì khựi cho ra tên thằng bạn "mắc dịch" này. Hà huống mình mới thò tay thọ lãnh của người ta ba nghìn bạc cắt chỉ, không giấy tờ không biên lai thu nhận. Minh dại quá, tôi nghĩ thầm, lát nữa đến phòng ngủ thì nó phải trình giấy căn-cước là mình biết tên nó ngay. Nhưng chuyện không phải dễ như ý muốn, vì đến khách sạn bạn tôi đậu xe cho tôi xuống mà rằng :

— Tao chưa tiện ở lại đây chơi với mày. Vậy mày cứ nói với công-táp tự giới-thiệu mày là khách quý của tao. Rồi mai này hai đứa mình sẽ gặp nhau nữa. Từ đây đến đó như mày có cần dùng đến tao thì hãy gọi điện-thoại, số : . . . , ấy là nhà của người bạn chỗ tao năng lui tới, cũng một Cốt-Đột như hai đứa mình !

Nó vừa nói vừa hô to số đây nói cho tôi ghi vào sổ tay, đoạn nó rõ xăn chạy tuốt. Đêm ấy tôi không sao ngủ được, trông cho mau sáng đặt gọi số điện thoại của nó. Mãi đến tám giờ sáng, bắt đầu làm việc, mới có trả lời.

— Phải số... đó không ? Anh

là điện thoại viên đó hả ? Ở đây tôi là một khách ngụ tại nhà hàng... Tôi nhờ anh gọi giùm cái ông vừa ghé nhà ông chiều hôm qua.

— Thưa ông, chiều hôm qua, nhà chủ tôi tiếp đến hai ông khách: một ông có vợ và một ông đi mình-ên, chẳng hay ông muốn gọi ông nào ?

— Phải rồi ! Xin gọi giùm cái ông đi mình-ên đó.

— Dạ được ! Nhưng xin ông làm ơn cho tôi biết tên, kéo tôi, gọi làm sẽ bị quở.

— Xin rón chịu khó giùm tôi. Nếu bị quở, tôi sẵn lòng xin lỗi thế. Người tôi muốn tiếp chuyện là ai thằng mập ú hôm qua đó mà !

Tôi vừa chờ cũng vừa sốt dạ. Kể nghe trong máy có tiếng người rõ thêm nữa, quả là lời nói của thằng đồng hành hôm qua.

— S... đó hả ? Mày không bành với tao chút nào. Sức bực con chó nó còn có tên, huống hồ gì tao, tại sao bạn này mày lại sai đi gọi tao mà mày bảo kêu giùm "thằng mập". Thôi được. Nói thì nói vậy, chứ tao không chấp mày đâu. Đứng mười giờ sẽ có tao ghé chơi với mày.

Tôi buông máy nói, ôm đầu

nào óc rần nhớ cái tên cứng còm của thằng suôn - dịch mà không sao nhớ nổi. Bỗng tôi hội ý, làm gì trong khách sạn lại không có một nhân-viên biết mặt biết tên những người quen lui tới chốn này.

Chưa mười giờ, tôi đã cùng người quản-gia ra đón khách trước thềm nhà. Từ đằng xa, X... vừa ló mặt, tôi day qua quản-gia :

— Đó, người tôi muốn biết tên là đó.

Quản-gia chưa kịp trả lời, X... tiến tới trước mặt tôi, gọi « S.. » một cách thân mật và siết tay thật mạnh. Quản-gia nguyền tôi một cái muốn sập trời và bỏ vô trong một nước.

X... nắm chặt tay tôi, tôi chưa kịp nói câu nào, thì X... hỏi hã : Tao không ở lâu với mày được. Còn cần phải giáp mặt kiến-trúc-sư về vụ ga-ra. Tôi mời nó trở lại mười hai giờ dùng bữa, nó không nhận nhưng hứa có thể buổi cơm tối nó sẽ trở lại. Nó đi rồi trọn ngày tôi như người mất hồn, trông cho trời mau tối. Đồng-hồ gõ bảy giờ rưỡi, theo mững cũ, tôi chực với viên quản-lý phiên gác tối, ra đón khách vì ông ta vỗ ngực khoe biết khắp những nhân vật hữu danh trên

này. Chừng X. đến, tôi liếc anh quản-lý, té ra va ầu quá, tôi tỏ vẻ không bằng lòng và day qua X. chào niềm-nở. Ngó lại thấy quản lý đã bỏ đi xa nhưng không quên tặng tôi một cái lườm không thua cái hờn trách của quản-gia buổi sáng. Nếu tôi cứ dè này mà hỏi thăm mãi thì có lẽ châu-thành Đà-lạt sẽ cho tôi là lập-dị nếu không phải thằng điên. Tôi ngồi ăn cơm với X. nơi bàn danh-dự, khi thì X. ngoắc tay chào bạn tự bàn xa, khi thì X. cúi đầu đáp lễ một mỹ-nhân nơi tiệc giữa. Tôi có cảm-giác thẳng đối diện với mình phải có một địa-vị lớn trong xã-hội. Thế mà tôi vẫn không biết tên y mới khò cho chưa ? Ghephen tôi này ý muốn bóp tay làm nhục nó, đề có dịp trao đổi danh thiếp, rồi mặc muốn đánh lộn hay đưa nhau ra tòa đều được. May sao, mãi dụ-dự rồi tôi không thực hành cái kế điên rồ này. Cơm rồi bắt qua hút xi-gà, hút đã rồi sang qua uống cà-phê, rượu mạnh. Ở phòng ăn bước ra, tôi mời X. sang phòng giải-trí, trông mong tên gác cửa sẽ chặn lại bắt ký sớ khai danh tánh. Nhưng tên gác cửa vái chào kính cần không tra gạn đứa nào. Nhập sông, X. vẫn đeo kính bên

tôi, đánh dấu được đó, nó mừng rỡ lộ ra mặt khen tôi nào có « thiên-linh cái » phù-hộ, nào có bùa li h giúp đỡ, nào có « nhau mèo » yếm thân. Tan rống, X. mời cụng ly sâm-banh. Có chấm-chút lấy có, riêng tôi phần tức giận phần muốn làm cho lại gan nên tôi nốc hết ly này qua ly khác, đến ly thứ tư thứ năm gì đó thì tôi thấm rượu bắt định tâm-thần. Tôi nằm bâu áo nó mà vừa giục-giật vừa la lên mấy tiếng nhớ mai-mại như là : « Tức lắm ! Tức lắm ! Mày có chịu nói thiệt tên mày cho tao biết hay không ?

X. tỉnh khô, cười lạt, gỡ tay tôi, nhờ nhẹ : « Cốt-Đột say rồi ! »

Trong nhà xô-xát, đồ ra can thiệp và đưa hai tôi ra ngoài cửa...

Tôi hồ thẹn quá, bỏ X. đứng đó, chạy tuốt một hơi ra bến, vừa gặp xe hàng rồ máy, tôi leo lên, xe chạy một mạch trực chỉ Sài gòn. Đi ngang Blao thì ông chủ ga-ra vắng mặt... Tôi không

buồn lấy xe, trong bụng định ắt bị thư phù, ếm quái gì hay sao mới xúi quẩy đến thế. Tới Sài-gòn tôi tắm rồi đánh một giấc ngon lành. Sáng ngày tôi làm một bụng no nê rồi lật sồ điện thoại kiếm ga-ra « Sao băng ». Sồ không đề tên chủ hãng. Tôi nhảy lên xe xích lô chạy lại địa-chỉ « Sao-băng ». Còn sớm quá, tôi chỉ gặp anh thợ-ký.

— Ông làm ơn, tôi hỏi, cho tôi gặp mặt ông chủ hãng này,

— Dạ, chủ tôi còn ở trên Đà-lạt. Ông có thể nói chuyện với ông Phó của chúng tôi được chăng ?

— Ông Phó của ông tên chi ?

— Dạ, tên TRIỆU.

Tôi mừng quýnh lên các bạn ơi ! mừng còn hơn trúng số độc đắc một triệu nữa đó ! Vì bây giờ nghe nhắc đến « TRIỆU » bỗng dưng tôi sực nhớ ngay ra thằng Cốt-Đột gặp trên đường Đà-lạt, chủ hãng « Sao băng », và anh em tỵ nạn vớ tôi năm xưa, tên là PHÚ !



★ MÊ VÀ YÊU

Văn-sĩ Marcel Aymé nói :

— Say mê một người đàn-bà thì dễ. Yêu một người đàn-bà thì hơi khó hơn. (On peut toujours adorer une femme. Il est moins facile de l'aimer).

Đêm sâu về ———

Ta muốn điếc những tiếng êm-thắm
Ru hồn ta như đứa trẻ trong nôi,
Một quán-trọ trong lòng ai êm-ấm,
Khi lạc loài trên nẻo vắng xa-xôi!

Quét phiêu-lãng còn vương thê muộn muộn,
Tĩnh Núi-Nghê chưa cạn hết ly-bôi.
Sao Bắc-Đẩu titik mù xa thẳm-thẳm,
Kiếp tài-hoa còn hận mãi chưa thôi!

Sao nhiên đêm khuya bên-bờ, cô-quạnh,
Ta âm-thầm ồm khóc áng sao rơi.
Nếu ta biết mặt Khu trời Vạn-Hàng,
Trắng khê tàn mà hoa cũng nhẽ trôi!

Ôi Giếng Thâm, biết bao giờ 'S' 'o' tạnh?
Nắng muốn chiều đã chết lịm trên mây,
Gim Đông-Tuyết, rã-rời tan nhằng nhặng,
Đêm sâu về tê-lạnh-lạnh, Đêm ôi!

thứ sáu. 6.59

Ng. 100



Những người Độc Mực

L. T. G. — Các nhân vật trong truyện này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.

Mong quý độc giả hiểu cho.

★ NGUYỄN - THU - MINH ★

(Tiếp theo P. T. số 15)

Không đợi tôi nói dứt câu, Hoàng, Thành cùng các bạn đã cười lên ha-ha, nghe rất đều già, di điểm, càng làm cho tôi bức tức thêm; chỉ muốn lánh xa các bạn mà ra về. Nhưng không nổi, vì tình-bạn lẫn cuộc vui không cho phép, đành ngồi im lặng như một kẻ chịu trận, trước những lời tấn công trắng-trợn về những « pha » khiêu dâm đáng liệt vào loại bất hủ !

Trống, kèn, giọng ca thánh mót của một nữ ca sĩ vẫn không làm sao lấn áp, đem lại cho tôi một ít vui, quên những lời nói đùa

của chúng bạn.

Bên tai tôi vẫn nghe đều đều lời của Hoàng và Thái :

— Thăng M. nó buồn rồi đấy cậu, không khéo nó cất phần nhảy tối nay thì nguy.

— Ô, đời nào nó làm thế, nó còn hứa sẽ đưa chúng mình đi ăn « chả » nữa đấy chứ !

— Này, M. ! cậu giữ lời, chứ đừng để anh em thất vọng nhé ! ... Thôi mà, uống với anh em cốc martell nữa rồi hãy đi.

— Mày chỉ khéo nịnh, đầu sao nó cũng cho tao hươu trước rồi mới đến mày mà !

— Nói vậy chờ tao đếch cần, miễn đề tao ngồi xem chúng mày chiếu xi-nê là đủ...

Thôi thì nhiều, nhiều... Càng uống rượu, các cậu càng hưng chí nói bừa, không những đối với tôi mà còn châm chọc lẫn nhau không chừa một ai!

Nghe mãi một hồi, tôi cũng dăm ra chai sạn hết cả dề dặt giữ ý-tử của những kẻ bảo hoa phong nhã trước mắt người đẹp ở nơi này. Nhưng, nói là nói vậy thôi, chứ càng sỗ sàng, dĩ điểm, xài phí bao nhiêu, các con người đẹp ở đây càng chú ý, lẫn xả đến bấy nhiêu, họ càng thích và muốn trao thản gửi phận ngay tối này không điều kiện, miễn là chúng tôi «mời»... và đếm hộ cho em năm bảy voi gọi là đền công trả nợ đầu kê tay áp sau một tối nhà tranh vẫn tưởng nhà ngói!

Mà thật, Nga, Thùy vừa đến đã chạy bỏ đến chúng tôi đề la cà tán gẫu chuyện trên trời dưới nước!... Đến ngay cả Dung cũng vậy. Càng lợi dụng chỗ quen biết với tôi đề tìm « sự nghiệp » khi những bóng đèn màu lịm tắt, vẫn cuộc kẻ vai, đấu vẻ. Nghĩ mà rùng mình cho cuộc đời. Những lúc này tôi muốn cười lên thật lớn, cần vào má bất cứ một cô gái nào cho hả-hê. Chửi đồng vai câu cho đã miệng với chúng bạn. Hoặc gục đầu xuống bàn mà khóc, mà la cho voi lòng sâu khổ vì bạn vì tình!

Đang quay cuồng với bao ý nghĩ ngấm ngấm về cuộc đời, bỗng Thành lay nhẹ vai tôi:

— Chúng mình đi ra ngoài chơi, ăn gì cho vui rồi trở lại nhảy hay sao?

Tôi đáp:

— Tùy các cậu, chứ mình sao cũng được, mà khổ chủ là ai? Cậu hay xù Hoàng?

Thái liền xen vào giải hòa chuyện « khổ chủ »:

— Mình đề nghị thế này: Bảy giờ lục túi tất cả rồi góp lại là hay nhất.

Nghe nói thế, Hoàng vội bác bỏ lời đề nghị và vờ đứng dậy như muốn tách riêng:

— Tớ nhất định không tán thành điều này, mình xin chia tay thôi...

Giữa sự ngạc nhiên của chúng tôi, Dung nhướn miệng cười đùa:

— Anh Hoàng thì luôn luôn đùa đề kiếm cách « ăn lẻ », đừng ai cho anh Hoàng đi riêng cả. Mà thôi, bây giờ anh Hoàng đi chầu này đi, có thiếu đã có Nga đấy.

Hoàng nghiêng đầu nhìn ngay vào Dung trả lời:

— Hết ai, Dung lại đi « hạ » anh thế? Vợ chồng gì mà chẳng thương nhau tí nào cả.

Thành cười đùa:

— Cậu ăn nói gì mà lao vạy, không nể nan gì tớ cả. Vợ cậu đấy à? Nếu muốn bảo là vợ, thì tớ đổ cậu điều này, nếu cậu biết được...

— Đố quái gì, mày thì biết gì mà đổ.

Chúng tôi đồng cười rộ lên một cách hừng thú về những câu đùa lẫn nhau giữa Hoàng và Thành đến nỗi quên cả nghe nhạc, cùng chiêm ngưỡng dung nhan các nương ca sĩ.

Nga, Thùy nãy giờ vẫn ngồi chịu khó nghe chứ không tỏ bày, góp ý gì trong câu chuyện nên tôi đành nhìn hai nàng sờ dĩ như vậy, cố ý làm vui lòng chúng tôi mà thôi. Nhưng, vô tình xâu chìa khóa của tôi cầm tay rớt xuống đất, tôi cúi xuống để nhặt khi ấy mới hỡi ôi ! Thì ra hai nàng cũng đang say sưa hơn chúng tôi gấp bội, vì là say sưa của sự khoái cảm mạch máu căng phồng lên tận bắp vế, bàn tay...

Qua phút bắt chợp ấy, tôi càng vờ kéo dài sự tìm kiếm chìa khóa cùng đề đồi mắt quan sát kỹ càng hơn tí nữa mà không ai lưu ý.

Tôi say mê một cách lạ kỳ, hơn cả cái thú kẻ chăn xích gối với nàng « thơ » như một chiều nào ít mưa và ít gió ! Và cũng chính nhờ sự bất gặp ấy, tôi mới nhớ rằng, Dung con người có thừa điều kiện ấy, đang ngồi sát bên tôi

chẳng thua gì cảnh Nga, Thùy với Thái và Thành.

Và, lẽ cố nhiên khi nghĩ đến thì sự cuồng nhiệt của khoái cảm trong người tôi phải trôi

dậy đề làm một cái việc rất Người của nó !

Lại rồi thay ! Không hiểu vì quá vội vàng hay vô ý khi tay tôi và Dung giao nhau, thoa nhẹ trên đôi vế nàng, làm cho nàng xoay lăn người qua lại trên mặt ghế đến độ giật nảy cả người lên tôi mới hoảng hồn,

Đến khi trở lại bàn, vừa đứng lúc phần tân nhạc vẫn cuộc, nhường thì giờ cho phần khiêu vũ.

Nhìn một số người ra về với dáng điệu uể-oải, mà lòng cảm thấy nao nao, thương hại cho ngày mai về cuộc đời trang lứa chúng tôi vô cùng... Nhiều lúc chính tôi cũng không hiểu nổi cả tôi đã và đang hoặc sẽ làm gì cho cuộc đời mình vui tươi.

Có tiếng Hoàng hỏi :

— Các cậu tỉnh sao, bây giờ đi ra ngoài ăn, uống, chơi một vòng rồi trở lại hay ở luôn đây ?

— Nên đi một vòng rồi trở lại.

Tôi liền đề nghị thêm :

— Minh nghĩ, chúng mình nên về có lẽ hơn.

Thái nhìn tôi với vẻ mặt ngạc nhiên :

— Cậu nói sao ? Điên mà về cái giờ này à ?

Hoàng tiếp :

— Nó đang sốt ruột vì em tôi;

ăn chè ở nhà-bé mà ! Bọn mình nên chia buồn với nó chứ ! Mà thôi, đi kiếm phở hay gì ăn đã các cậu, tớ hơi đói bụng rồi đấy. Xong, quay sang Dung, Thùy, Nga :

— Cả Dung, Thùy, Nga đi dùng gì với các anh cho vui luôn, chốc nữa trở lại, thì giờ còn sớm mà.

Thấy Dung, Thùy có vẻ ngần ngại, tôi vội đưa mắt mời thăm và nói :

— Dung, Nga,... đi đi. Anh mời mà định từ chối sao ?..

Cuối cùng rồi cũng đi tất cả, không sót một ai. Chúng tôi chia thành hai xe : Thái, Thành, Nga, Thùy một chiếc. Tôi, Dung, Hoàng một chiếc, nối đuôi nhau về hướng Chợ Cũ. Lẽ dĩ nhiên, Dung phải ngồi giữa cho được cân phân. Nhưng, bao nhiêu cảm tình của Dung đều dồn về tôi nhiều hơn.

Xe chạy được một trăm thước, thì một nguồn cảm hứng từ đâu trời dấy, tôi đưa tay ra ôm ngang hông nàng kéo mạnh vào lòng cân nhẹ lên má, tưởng chừng như không có Hoàng ngồi bên cạnh vậy.

Những bàn tay lại giao nhau, siết chặt qua từng hơi thở,

Thỉnh thoảng những chiếc xe ngược chiều, chiếu đèn lóe vào húng tôi, gây nên những luồng lạnh, ghê người, khi tôi nhìn

ngay vào mặt nàng, một màu tái-tái, loang lổ của các đường phấn, môi son. Tuy vậy, vẫn không làm sao chìm lắng nổi ở lòng tôi sự cuồng nhiệt ấy đang.

Bỗng Dung giật nảy cả người ra khỏi lòng tôi kêu lên như thất thanh :

— Ô ... ôi !..

Rồi tiếp theo, khi xoay sang Hoàng :

— Cái anh Hoàng này..., làm em đau cả người.

Thì ra, Hoàng cũng hơi bị kích thích nên đưa tay véo ngay vào hông nàng ở chỗ hờ của kẻ áo bị xóc lên.

Biết vậy, tôi và Hoàng chỉ nhìn nhau cười thầm biếu đồng tình chia nhau bốc hít. Và thú thật rằng lần gặp gỡ này, tôi đã không còn xem Dung như buổi đầu... tình bạn cũ của chồng nàng nữa. Mà là đúng nghĩa một cô gái làng chơi trá hình người vũ nữ, không hơn không kém gì những con người mà tôi đã bắt gặp ở những nơi khác như Chợ Hàng, Hànội, Champagne, Cầu Hàng v. v. ...

Tôi thần nhiên ngồi nhìn đi nơi khác, cốt ý để cho Hoàng được tự nhiên hủ hỉ với Dung cho thỏa tình mây mưa một phần nào trước khi vào cuộc giao đầu tria cà.

(Còn nữa)

Mình ơi!

★ DIỆU HUYỀN

Em muốn ra ứng-cử Dân biểu !

ÔNG Tú nằm vống đưa qua đưa lại, cặp mắt đã lim-dim. Bà Tú đến gần, nắm vống ngưng lại và ngồi ké vào, vừa gọi :

— Mình ơi !

Ông Tú buồn ngủ quá nhưng cũng mỉm cười :

— Coi chừng đứt vống té huịch cả hai đứa đấy !.

— Vống tờ chắc, đứt thế nào được.

Bà Tú gác luôn hai chân lên vống, nằm song-song cạnh chồng :

— Mình ơi !

— Ơi cái gì ?

— Hôm nọ em đi xem nhà in về, rồi mấy đêm nay ngủ mê cứ thấy máy in chạy rầm-rầm cả đêm và mực in dính đầy cả giấc mơ của em, mình à. Đủ thứ màu mực : xanh, đỏ, tím, vàng, như những cánh bướm đẹp thật là đẹp !

Ông Tú đã nhắm mắt mà cũng gắng gượng nói :

— Vậy thì mình đi năm chỗ khác, kéo dính mực in vào giấc ngủ của anh.

— Dính thì em giặt, mình khỏi

chẳng lẽ đồng bào lúc này đang muốn vươn mình lên Tự-do Dân-Chủ, có hàng vạn chuyện muốn thảo-luận với chính-phủ, có hàng muôn ý-nguyện muốn thực-hiện cho hạnh-phúc nhân - dân, mà chúng ta cứ khoanh tay ngồi ngó sao ? Riêng em, em muốn ra ứng cử vào Quốc-Hội, không phải vì danh lợi tiền tài, mà chỉ vì quyền lợi tự-do dân-chủ và hạnh-phúc của toàn Dân.

— Thôi, mình đừng bắt chước dùng những danh từ kêu rỗng tuếch như cái thùng thiếc, nhứt tại anh lắm rồi, Minh ơi !

— Em không cần danh từ rỗng tuếch, nếu em trúng cử làm dân-biểu, trước hết là em trích một nửa số lương dân-biểu mỗi tháng hai ba chục ngàn để làm nhà cho dân nghèo ở, mua gạo cho dân nghèo ăn, may áo quần cho dân nghèo mặc. Em mà nói sai lời thì trời sấm sét đánh em chết nhăn răng ra ! Không thì em đi ngoài đường bị xe cán em chết bẽ sở !

— Thôi ! Thôi ! Anh khuyên mình đừng có hy vọng làm dân biểu. Đàn bà lo việc nội trợ cho rồi. Chừng nào vú của mình dài xuống ba thước, lòng thông như vú bà Triệu-Âu, thì tha hồ mình cỡi voi múa kiếm, anh không ngăn

cản mình đâu. Còn như bây giờ,

— Sao mình khinh em thế ? Chớ sao hôm nọ mình dạy em bài thơ của bà Trịnh-dục-Tú, nữ Trạng sư Trung-Hoa, hay là là gì đó, nói :

Chàng như mây mùa thu,

Thiếp như khói trong lò,

Cao thấp tuy có khác,

Một thả cùng tuyết vượt !

Tại sao có những kẻ không tài giỏi gì hơn em cũng ra làm dân biểu quốc hội, mà em thì không làm được ? Em còn ghi nhớ rõ mồn một trong trí óc của em những tài liệu lịch sử của cuộc phụ nữ tranh đấu nữ quyền, mà Minh đã giảng dạy cho em nê hôm đi Long Hải, chứ không ư ? Này nhé, mình bảo : Từ đầu thế kỷ XVIII ở Pháp, do các nhà Triết học như Diderot, Montesquieu, và các nữ sĩ cách mạng Pháp khởi xướng, phong trào Nữ quyền được nhóm dậy đầu tiên trong cuộc cách mạng Pháp năm 1789. Năm 1791, bà Olympe de Gouges soạn ra bản "Tuyên ngôn Nữ quyền và Nữ công dân quyền" *Déclaration des Droits de la Femme et de la Citoyenne*, rất sôi nổi lúc bấy giờ. Năm 1848, một nhóm phụ-nữ cách mạng mưu đồ thực hiện chủ trương ấy. Câu

Đặc-bộ phụ-nữ xuất hiện ở Paris và các tỉnh. Năm 1849, một phụ nữ Pháp, lần đầu tiên trong thế giới, ra ứng cử dân biểu quốc hội. 1862, Phụ nữ nước Thụy-Điền (Suède) được quyền ứng-cử. 1869, Phụ nữ Anh được làm dân biểu, mặc dầu Anh-quốc là một nước Quân-chủ bảo thủ. Ở Mỹ, năm 1920, phụ nữ cũng được bầu vào Quốc hội, bên Úc năm 1908, ở Phần-Lan (Finlande) năm 1907, ở Na-Uy (Norvège) 1908, ở Đức, Tiệp-khắc, Áo (Autriche) 1919, ở Nga 1917 ở Hòa Lan 1919, ở Bỉ 1920, ở Đan-mạch (Danemark) 1915, ở Nhật 1947, v.v..

Như thế là Việt-Nam mình thuộc vào chuyển tàu bát của Nữ quyền mà tại sao mình còn ngăn cản em ?

— Anh đâu có ngăn cản mình? Mình cứ việc ra ứng cử Dân-biểu Quốc-hội. Anh hoan nghênh cả hai tay hai chân.

— Thiệt không, hã mình? Mình bằng lòng cho em ra ứng cử nhé ?

— Rất bằng lòng. Không phải là anh bằng lòng suông đâu nhé, mà ngày mai anh sẽ năn nỉ với ông Nguyễn-Vỹ cho anh hai trang báo *Phổ-Thông* mỗi kỳ, từ nay cho đến hôm bầu cử, đề anh viết

bài cò - động cho 15.000 độc-giả *Phổ - Thông* ở Saigon — Chợt lớn sẽ bỏ phiếu cho mình. — Thiệt không mình ? Ồ ! thế thì em sung sướng quá ! Em mừng quá. Em yêu mình quá.

Bà Tú xoắn-xuyết đề mỗi lên mỗi ông Tú, hôn lấy hôn dề, nụ hôn sau cùng nở một tiếng "chút" thật kêu, làm chiếc vòng tơ lắc qua lắc lại xuyết một chút nữa thì ông Tú bà Tú té lăn cù xuống đất.

Ông Tú bảo :

— Nhưng ...

Bà Tú trở mặt, hỏi :

— Ủa ! Còn «nhưng» gì nữa đó, hã mình ?

— Nhưng ... anh đưa ra mình một điều kiện ... Một điều kiện ... duy-nhất, độc nhất, ... một điều-kiện mà tiếng La-tinh gọi là : *Sine qua non*.

— Nghĩa là sao ?

— Mà chữ nho có thể dịch là *bất khả vô*.

— Nghĩa là sao chứ ?

— Mà chữ Anh gọi là : *to be or not to be...* và chữ Pháp gọi là : *une condition indispensable, impérative*, là... là...

— Là điều kiện gì, Mình nói lẹ cho em nghe ?

— Là nếu mình muốn ra làm

Dân biểu Quốc-Hội, thì mình phải cưới cho anh một cô vợ nữa để nàng ở nhà nấu cơm cho anh ăn. Chớ mình ra Quốc - Hội lo việc chính trị rồi bỏ anh ở nhà nhịn đói à ?

Bà Tú rồi rít lên :

— Em không chịu đâu ! Em không chịu đâu...!

Rồi bà thò tay vào cù-lét trong nách và trong cò ông Tú. Ông tú cười sặc-sụa, rồi bảo :

— Nếu mình không chịu cái điều kiện bắt đi bắt dịch ấy, thì việc mình đòi ra ứng cử Dân-biểu Quốc-Hội không thành vấn đề.

— Thôi, em không thèm ra ứng cử Dân-biểu nữa đâu. Mình khôn

thấy mờ ! Thà em ở nhà nấu cơm cho mình ăn, em còn thích hơn.

— Tùy ý mình. Chớ nếu mình nhất-dịnh đòi ra Quốc-Hội, thì mình phải cưới thêm người vợ nữa cho anh để lo việc nội trợ.

Bà Tú âu yếm ôm chặt lấy ông Tú, và rừ-rừ bên tai :

— Em nói đùa thế chứ, em biết chồng em lắm. Nếu em mà làm dân biểu Quốc-hội thiệt sự, thì thế nào mình ở nhà cũng có mèo.

— Thế bây giờ mình còn nói chuyện nữ-quyền nữa thôi ?

— Thôi. Em hồng đại đâu !



★ L'AUBERGE CON CỐC

Trong kỳ thi Trung-học đệ nhất cấp vừa rồi, có bài luận Pháp-văn, mà đầu đề có chữ «L'auberge». (cái quán). Đại đa số thí-sinh vì kém Pháp-văn nên không biết nghĩa chữ l'auberge là gì. Có người hiểu là «bờ sông» (berge), người cho là «trái cà dái-dẻ» (aubergine), có người cho là «con chó béc-dẻ», có người cho là «vườn bông». Một giám-khảo thấy một Nữ-sinh cũng ngồi bần-khoãn lo nghĩ, liền khẽ nhắc dùm cho có là « cái quán cóc ». Nhưng giám khảo nói khê quá, cô nữ-sinh và hầu hết các thí-sinh ngồi mấy dãy bàn kế cận đều nghe là «con cóc». Thế là bài luận Pháp-văn-biểu tả cái quán cóc trong làng mà tất cả đều tả con cóc.

BA-TÈO

ĐÍNH CHÍNH

Vì có sự sơ sót của ấn công nên bài «Ván chương Thái Lan» ở trang 28, dòng chú thích bức ảnh, xin đọc lại là : « Dân chúng Xiêm đem hoa quả đến dâng Vua ».

Thành thật cáo lỗi cùng quý bạn đọc.

P.T.



BÓNG THỜI-GIAN

Hỡi cô gái mơ màng trong cửa sò
Nhìn trời Xuân nắng đẹp đồ vườn cây.
Cô nghĩ gì khi đôi má đỏ hây hây
Cùng phô sắc với đôi mày lá liễu,
Khi năm tháng chưa bao giờ báo hiệu
Chút suy tàn trên nhan-sắc, say sưa ?

Khi tuổi Xuân nguyên vẹn một làn thơ,
Trời xanh thắm, ông tơ còn bâng-tuyệt,
Bóng xuân đi trên màu da diễm-tuyệt,
Trên má hồng, trên mắt biếc huyền mơ,
Trên màu xanh hàng tóc liễu buông tơ...

Môi em thơm mùa hoa vườn Thượng-uyển,
Miệng em cười rung chuyền cả lòng anh !

Hỡi giai-nhân, hỡi sắc đẹp khuynh thành,
Bao ánh t-nh-hoa, trăng rằm đứng độ,
Mỗi khi thấy bóng chiều qua cửa sò,
Một ngày vui tắt hết về huy-hoàng,
Không hiểu sao ta cảm thấy mang mang !
Hỡi cô gái mơ màng đôi mắt biếc.

NGÔ-HỮU-BẰNG
Huế

Bi thơ của TÔN-VĂN là một người VIỆT-NAM : NG.-THAI-BẠ

★ THIÊN.SIN

Người sinh-viên xuất dương du - học thứ nhất là Lương-ngọc-Quyến (Lập-Nham) đặt chân lên đất Hoành-Tân vào mùa thu năm Ất-Tý (1905). Từ đó trở đi, phong trào Đông-du phát khởi ở nước ta mỗi ngày một mạnh-mẽ. Từ nước ngoài, cụ Phan-bội-Châu soạn bài «Khuyến thanh-niên du-học» in ra mấy ngàn tập giao cho cụ Tăng-Bạt-Hồ mang về phổ biến trong các tầng lớp dân chúng. Trong nước các cụ hô-hào thúc đẩy, thanh niên lục - tục xuất ngoại không ít. Em ruột Lương ngọc Quyến là Nghị Khanh đã thi đỗ tú-tài lập tức lên đường. Tiếp theo là số môn-đồ cụ cử Nhị-Kê (Lương-văn-Can) (1) cũng lật-đật ra đi như: Võ-mẫn-Kiến, Nguyễn - xuân - Mai, Bùi-như - Uyên, Nguyễn - Cầm-Giang (tức Nguyễn - hải - Thần) Nguyễn-Điền. Trong số có cả Nguyễn-Thái-Bạt.

Lúc bấy giờ, cụ Phan từ Hoành Tân qua Hương-Cảng để gặp mặt vài chí sĩ từ nước nhà mới qua và cũng đề xếp đặt chỗ ăn

nơi ở cho anh em du học-sinh. Muốn thử chí khí những thanh niên này cụ bèn đặt ra lời nói « Hiện giờ học sinh ra đời học tất phải có học - ph nhưng nhờ đảng chịu chi đủ học phí tất không khó. Vậy trong anh em, những ai can đảm như Ngũ Tử Tư thì sáo dọc chỢ hoặc đội củi lên Châu Mãi Thần chẳng ? »

Nguyễn Thái - Bạt đứng ứng mộ ngay. Ông đổi tên là Lý phục Hán hầu tránh sự dòm ngó của mật thám Pháp. Những ngày lưu tại Trung Quốc Nguyễn Thái Bạt đã đi làm mướn gánh thuê để độ sinh học.

Sau ông được cụ Phan cử tiên cho đi đáp tàu qua Nhật nhập học ở Chấn-Võ học hi cùng với Lương Ngọc-Quyến Nguyễn Điền, Nguyễn Thu Canh...

Thời gian sau, vì đường ngoại giao Pháp, Nhật, chính quyền bảo hộ yêu cầu Nhật trục xuất tức khắc các n Cách mạng Việt-Nam, trong

có cả Kỳ ngoại hầu Cường Để
và giải tán học sinh đoàn.

Cùng với các bạn đồng học
như Trần hữu Lực, Nguyễn
Tiểu Đầu (Bá Trắc) Nguyễn
Thái Bạt chạy qua Tàu và được
cụ Phan vận động cho vào học
tại quân hiệu Quảng Tây lục
quân cán bộ học đường.

Suốt thời gian sống trên đất
Trung Quốc, nhờ có tài văn
chương Nguyễn Thái Bạt được
cất nhắc lần lần làm Thiếu Ủy
rồi làm bí thư cho Tôn Văn,
lấy người con gái nuôi của
Tôn. Sau về nước Ông bị Pháp
bắt. Lúc dau-diu với thiếu-nữ
đó, ông làm hai câu thơ :

Thiên vị anh hùng tiền muộn
khả

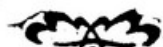
Có giao hồng phần bạn giốn
công

(Trời muốn cho người an
hùng đỡ sầu muộn, nên ch
người mặt phần làm bạn với an
làm muộn) (2).

T. S.

(1) Cụ là thân sinh của Lương
Lập-Nham và Nghị-Khanh, và
một yếu nhân của trường Đông
Kinh Nghĩa-Thục.

(2) Theo tài-liệu của Nguyễn
Hiển-Lê trong cuốn Đông-Kinh
Nghĩa-Thục.



★ QUẢNG CÁO CƯỚI VỢ

Trong tờ báo Pháp « Le Chasseur français » có đăng nơi mục rao v
máy giồng sau đây :

« Người cha 79 tuổi, công chức hưu-trí, và người con 58 tuổi đơ
làm việc công-sở, muốn cưới một lượt hai mẹ con góa chồng. »

★ CON MÈO KHÔNG SAY

Bà Tèo bà Bú Bú nói trong tiệm rượu. Bà Bú bảo :
— Anh Ba Tèo à, anh say quá xá say rồi đó Thôi, đư
uống nữa.

Bà Tèo :

— Tôi chưa say mà, anh ! Kìa, con mèo đang ở ngoài c
đi vô, nê: tôi say thì tôi thấy nó có bốn con mắt. Nhưng tôi ch
say cho nên tôi thấy nó có hai con mắt thôi.

Bà Bú cười hà hà :

— Anh Ba Tèo say rồi ! Con mèo đi ra chứ không ph
đi vô !

Bí thư của TÔN-VĂN là một người VIỆT-NAM : NG.-THAI-BẠT

★ THIÊN-SINH

Người sinh-viên xuất dương du - học thứ nhất là Lương-ngọc-Quyến (Lập-Nham) đặt chân lên đất Hoàn-Tân vào mùa thu năm Ất-Tý (1905). Từ đó trở đi, phong trào Đông-du phát khởi ở nước ta mỗi ngày một mạnh-mẽ. Từ nước ngoài, cụ Phan-bội-Châu soạn bài «Khuyến thanh-niên du-học» in ra mấy ngàn tập giao cho cụ Tăng-Bạt-Hồ mang về phổ biến trong các tầng lớp dân chúng. Trong nước các cụ hô-hào thúc dấy, thanh niên lục - tục xuất ngoại không ít. Em ruột Lương ngọc Quyến là Nghị Khanh đã thi đỗ tú-tài lập tức lên đường. Tiếp theo là số môn-đồ cụ cử Nhị-Khê (Lương-văn-Can) (1) cũng lặt-đặt ra đi như: Võ-mẫn-Kiến, Nguyễn - xuân - Mai, Bùi-như - Uyên, Nguyễn - Cầm-Giang (tức Nguyễn - hải - Thần) Nguyễn-Điền. Trong số có cả Nguyễn-Thái-Bạt.

Lúc bấy giờ, cụ Phan từ Hoàn-Tân qua Hương-Cảng để gặp mặt vài chí sĩ từ nước nhà mới qua và cũng để xếp đặt chỗ ăn

nơi ở cho anh em du học-sinh. Muốn thử chí khí những thanh-niên này cụ bèn đặt ra lời nói : « Hiện giờ học sinh ra đông, học tất phải có học - phí, nhưng nhờ đảng chịu cho đủ học phí tất không kham. Vậy trong anh em, những ai có can đảm như Ngủ Tử Tư thối sáo dọc chợ hoặc đội củi như Châu Mãi Thần chẳng ? »

Nguyễn Thái -Bạt đứng ra ứng mộ ngay. Ông đổi tên lại là Lý phục Hán hầu tránh sự dòm ngó của mật thám Pháp. Những ngày lưu tại Trung Quốc, Nguyễn Thái Bạt đã đi làm mướn gánh thuê để độ sinh ăn học.

Sau ông được cụ Phan cấp tiền cho đi đáp tàu qua Nhật nhập học ở Chấn-Võ học hiệu cùng với Lương Ngọc-Quyến, Nguyễn Điền, Nguyễn Thúc Canh...

Thời gian sau, vì đường lối ngoại giao Pháp, Nhật, chính quyền bảo hộ yêu cầu Nhật trục xuất tức khắc các nhà Cách mạng Việt-Nam, trong số

có cả Kỳ ngoại hầu Cường Để và giải tán học sinh đoàn.

Cùng với các bạn đồng học như Trần hữu Lực, Nguyễn Tiểu Đầu (Bá Trắc) Nguyễn Thái Bạt chạy qua Tàu và được cụ Phan vận động cho vào học tại quân hiệu Quảng Tây lục quân cán bộ học đường.

Suốt thời gian sống trên đất Trung Quốc, nhờ có tài văn chương Nguyễn Thái Bạt được cất nhắc lần lần làm Thiếu Ủy rồi làm bí thư cho Tôn Văn, lấy người con gái nuôi của Tôn. Sau về nước Ông bị Pháp bắt. Lúc đàng-diu với thiếu-nữ đó, ông làm hai câu thơ :

*Thiên vị anh hùng tiếu muốn
khải,*

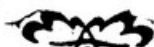
*Có giao hồng phấn bạn giồng
cổng*

(Trời muốn cho người anh hùng đở sầu muộn, nên cho người mặt phấn làm bạn với anh làm mướn) (2).

T. S.

(1) Cụ là thân sinh của Lương-Lập-Nham và Nghị-Khánh, và là một yếu nhân của trường Đông-Kinh Nghĩa-Thục.

(2) Theo tài-liệu của Nguyễn-Hiến-Lê trong cuốn Đông-Kinh Nghĩa-Thục.



★ QUẢNG-CẠO CƯỚI VỢ

Trong tờ báo Pháp « Le Chasseur français » có đăng nơi mục rao vặt máy giồng sau đây :

« Người cha 79 tuổi, công chức hưu-trí, và người con 58 tuổi đang làm việc công-sở, muốn cưới một lượt hai mẹ con góa chồng.»

★ CON MÈO KHÔNG SAY

Bà Tèo bà Ba đưa họ trong tiệm rượu. Bà Búa bảo :

— Anh Ba Tèo à, anh say quá xá say rồi đó Thôi, đừng uống nữa.

Ba Tèo :

— Tôi chưa say mà, anh ! Kìa, con mèo đang ở ngoài cửa đi vô, nếu tôi say thì tôi thấy nó có bốn con mắt. Nhưng tôi chưa say cho nên tôi thấy nó có hai con mắt thôi.

Bà Búa cười hà hà :

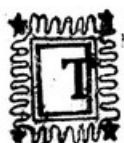
— Anh Ba Tèo say rồi ! Con mèo đi ra chỗ không phải đi vô !

NHÂN VẬT XUẤT SẮC THỜI
NAM — BẮC PHÂN TRANH

ĐÀO - DUY - TỪ

Không - Minh của Việt - Nam

★ PHONG-CẨM



R O N G khi
Trịnh - Nguyễn
tranh hùng,
nước Việt-Nam
bị chia cắt thành
hai khu vực

Nam-Bắc đối chọi nhau, suốt 45 năm hai bên đánh nhau 7 lần. Quân chúa Trịnh luôn-luôn tìm cách xâm nhập miền Nam, nhưng trước sau đều phải dừng lại dưới Lũy Trường-dục rồi rút quân về nhiên hậu không tiến phạm Thuận hóa được.

Lũy Trường-dục trong thời-kỳ đó nghiêm nhiên trở thành tường đồng, vách sắt của miền Nam.

Ai đã xây nên Lũy Trường-dục ? Và Lũy Trường-dục xây vào năm nào ?

Ngày nay có ai qua làng Cự-tài, tổng An-sơn, phủ Hoài-nhơn, tỉnh Bình-bình (Qui nhơn) tất sẽ thấy lăng thờ ông Đào

Duy-Từ, chính ông xây nên Lũy Trường-dục (1) và là một nhân-vật xuất-sắc giữa thời Trịnh Nguyễn phân-tranh.

ĐÀO DUY-TỪ KHÔNG-MINH VIỆT-NAM

Trong những trang sử Việt, khi chép tới « *Tình thế họ Nguyễn ở miền Nam* » các sử gia đều nhắc tới Đào Duy-Từ, một nhân-vật có công lớn trong việc giữ gìn cương giới trên hai mặt quân sự và ngoại giao.

Ông nổi tiếng là một Không-Minh Gia-Cát Việt-Nam nhờ làm bài văn « *Ngọa Long Cương* », tự ví mình với Gia-Các-Lượng, nhưng chính là nhờ tài thao-lược xuất-chúng của ông.

(1) Còn có tên gọi là « *Lũy Thầy* »

Giữa lúc chúa Trịnh có trọng
tay một quân lực hùng hậu luôn
luôn tìm cách chiếm - cứ miền
Nam, nếu không có những nhân-vật
đổi lạc như Đào Duy-Từ đoán biết
trước các âm mưu của chúa Trịnh
để kịp thời đối phó thì cục-diện
hồi ấy biến chuyển đến đâu ?
Chắc hẳn tình thế miền Nam
không được tươi sáng như trong
sử ghi chép.

Cho nên vì kính phục cái tài
đoán đầu trúng đó và bấy lần
đẩy lui quân Trịnh mà người
đương thời đều coi Đào Duy-Từ
là một Khổng-Minh Gia-Cát Việt
Nam.

NGƯỜI CHÂN TRAU ANH HÙNG

Đào Duy-Từ quả có công lớn
trong việc gìn-giữ nền độc-lập
của miền Nam, nhưng tổ-tiên
và nơi chôn nhau cắt rún của ông
không phải ở miền Nam. Xuất
thân, là một thư sinh nơi đất
Bắc, người làng Hoà-trai, phủ
Gia-tĩnh, tỉnh Thanh-hóa, sanh
năm 1571 trong một gia đình
sống về nghề hát Chèo.

Là một thư-sinh nghèo, song
Đào Duy-Từ rất thông-minh,
học thuộc lòng cả Cửu-lưu, Tam-
giáo. Năm 21 tuổi cha mẹ mất cả
ông vui đầu vào các pho Kinh-

Sử đề chờ dịp thi. Dịp thi đến,
ông bị loại vì là con nhà xướng
ca, luật lệ thời bấy giờ khắc
nghiệt thế ấy. Ông đành ôm oán-
hận trở về.

Nghiem thấy đất Bắc khó tìm
được chỗ dung - thân nên ông
quyết chí đi vào miền Nam. Vì
nghèo khổ lại lạ người, lạ cảnh,
dầu có tài cũng chẳng được ai
tin dùng, bắt buộc dĩ ông phải đi
ăn xin từ làng này qua làng khác,
lần hồi đến được Bình-dịnh.

Nghेe đến có ông Lê-Phú ở
làng Tài-lương là tay cự phú,
trong nhà nuôi hàng ngàn con
trâu đang cần người chăn. Ông
liền tới nơi xin làm. Từ đó ngày
ngày ông đuổi trâu ra đồng, để
trâu tha hồ kiếm ăn, còn ông
ngồi một chỗ ôn-nhuần Kinh-Sử.
Đêm đêm về nhà rúc vào bồ lúa
mà ngủ như đũa mực-phu, tuyệt
nhiên không ai biết ông là bực
hiền tài.

Ông Lê-Phú tánh tình hào-hiệp
chiêu-hiến đãi-sĩ không ai bằng,
thỉnh-thoảng ông mời các nho-sĩ
trong làng đến hội họp tại nhà bàn
luận văn-chương thi-phú, xem xét
việc đời xưa, đời nay rất là tâm-
đắc.

Hôm ấy, nhà ông Lê-Phú có
cuộc hội-hợp nho-sĩ, giữa lúc
ai nấy nhao-nhao bàn luận thì

ông lừa trâu về tới, mình trần, quần cụt, tay cầm roi, ông đến bên cửa nghiêng mặt nhìn vào. Các nho sĩ có vẻ không bằng lòng xua đuôi đi. Ông Lê-Phú bực mình quát mắng :

— Mi là kẻ chăn trâu thuộc hạng tiểu-nhân biết gì đến đạo Không-Mạnh mà vác mặt vào đây? Các nho-sĩ đang đàm luận trong nhà này toàn là bậc trượng-phu quân - tử tại sao mi chưa biết hổ thẹn mà cút đi !

Ông Đào Duy-Từ cười đáp :

— Chăn trâu không phải là xấu, cũng có kẻ chăn trâu anh hùng mà cũng có dứa nô bộc, nhà nho cũng có nhà nho quân-tử, cũng có nhà nho tiểu-nhơn, cao thấp không đồng, hiền ngu phân-biệt.

Các nho-sĩ ngạc-nhiên hỏi :

— Theo mi thì ai là nho quân-tử, ai là nho tiểu-nhơn ?

Ông đáp ,

— Nhà nho quân-tử, ngó lên trời thì rõ thiên-văn, nhìn xuống đất thì thông địa-lý, trong gia đình thì trọn đạo luân thường, ngoài xã-hội thì đủ tài kinh tế, hiểu rõ việc nước, thông suốt nhân-tâm, lập sự nghiệp trên đời lưu tiếng thơm muôn-thuở. Thí dụ ông Y-Doãn nhà Thương, ông Thái-Công nhà Chu, ông Võ-Hầu nhà Hán.

Còn nho tiểu-nhân là lấy cái lạc làm mỗi câu danh lợi, bán

ré lương tâm, suốt đời chỉ chuyên lòn cúi mưu-cầu phú-quý, vô sự thì khoe-khoan khoác-lác, hữu sự thì co đầu rút cổ than-khóc ti-tê, lúc nào cũng mưu sự có lợi cho mình như gã Ân-Hạo, Vương-Diển đời Tấn, An-Thạch đời Tống bịa miệng hây còn, gấm thật đáng chê.

Các nho sĩ hỏi dồn :

— Đó là nho quân-tử, nho tiểu-nhân, còn thế nào là chăn trâu anh hùng chăn trâu nô-bộc ?

Đào Duy-Từ đáp :

— Chăn trâu anh hùng có rất nhiều kẻ như Ninh-Thích gây dựng được nước Lê, Trung Lúa ở đất Điền đang chăn trâu mà khôi - phục được thành Yên, Hứa Do chăn trâu trên núi mà biến-bạch được đời trị, loạn, nước mất hay còn, Bá-Lý Hề chăn trâu nơi Tần già mà biết được lúc thịnh lúc suy ai là hôn quân ai là chơn chúa.

Trái lại kẻ chăn trâu nô bộc thì tâm-trí ngu ngờ, đói ăn, khát uống, đêm ngủ quên dậy, ngày thả rong trên đồng ngêu-ngao năm ba câu hát, việc đời việc nước tịt mù còn nói mà chi.

Các nho sĩ nghe xong thầy đều kinh ngạc, bái phục làm thầy rước ngồi lên ván. Lê-Phú cũng không khỏi ngạc-nhiên

hỏi Đào Duy-Từ về Bá-gia, Chu-Từ, Tam-giáo, Cửu-lưu ông đều trả lời xuôi rọt. Bây giờ Lê-Phú mới rõ ông là kẻ hiền tài, liền cấp cho quần áo làm thầy dạy học.

NGỌ - LONG CƯƠNG VÂN

Quận công Khâm lý — Trần-Đức-Hòa coi việc thu thuế vận lương cho chúa Sãi Nguyễn-Phúc-Nguyên là chỗ suôi gia với Lê-Phú, nhưn dịp về Bình-định nghe đồn nhà Lê-Phú có kẻ chặn trâu kỳ tài liền giả tiếng tới thăm.

Gặp Đào Duy-Từ bàn luận việc nhà việc nước, việc nào ông cũng trình bày thông suốt. Bước sang địa hạt văn-chương, thi-phú ông càng thao-thao bất-tuyệt khiến Quận-công Trần mến phục vô cùng. Quận công mới xin với Lê-Phú đề ông về giúp việc cho mình.

Một hôm Quận công Trần nói với Đào Duy-Từ :

— Ta xem nhà ngươi là tay văn-chương lỗi-lạc, thừa sức làm những bài ca trù, hát nói đề cho kẻ chèo thuyền ban đêm ca hát lên cho lòng phấn khởi, đỡ sự nhọc nhằn, vậy nhà ngươi hãy làm ta sẽ trọng thưởng.

Được dịp trở tài, Đào Duy-Từ vui vẻ nhận lời. Ông mới làm ra bài văn quốc âm lấy tên « *Ngọ-Long Cương* » tự ví mình với ông Gia-Cát Khổng-Minh.

Đêm hôm thanh vắng, lính tải lương và kẻ chèo thuyền mà ngâm bài này lên thì người buồn sẽ thấy vui, kẻ ngủ sẽ thấy thức dậy đề lòng mình hòa nhịp với tiếng ngâm vừa ưu-ái vừa lưu-lệ.

Một đêm vào hạ tuần tháng giêng năm Ất sửu (1624) thuyền tải lương của Quận công Trần về đến sông Bao-vinh gần Huế, đậu lại sửa soạn sổ sách đề nạp cho vương phủ. Tình cờ đêm đó chúa Sãi ngự trên long thuyền nhàn du. Đến bến đò Bao-vinh chúa Sãi chợt nghe kẻ chèo thuyền ngâm bài « *Ngọ-Long Cương* » thì lấy làm thích lắm. Lúc về vương phủ chúa Sãi cho vời Quận-công Trần tới hỏi ai là tác giả bài « *Ngọ-Long Cương* ». Quận-công Trần đáp là Đào Duy-Từ. Chúa truyền dẫn Đào Duy-Từ đến.

Chúa Sãi rất phục tài nên phong ông làm chức Gián-nghị Vinh-lộc Đại-phu.

Kỳ sau : nguyên văn bài « *Ngọ-Long Cương* »

KIÊN TRINH

Truyện dài của cô VĂN-NGA

Kính thưa bạn,

Bạn đừng vội thắc mắc chuyện này có thật hay không. Vì nó do sự tưởng tượng của tác giả. Những nhân vật trong chuyện nếu bởi, một tình cờ nào đó có trùng tên với ai, đấy chỉ là một sự ngẫu nhiên ngoài ý muốn của người viết. Nhưng hoặc giả bạn nhận thấy có gì phảng phất sự thật, thì thưa bạn, tiểu thuyết là phản ánh cuộc đời và quặng chuyện nhỏ bé này nồng đượm ít nhiều hơi hướm của một tuổi trẻ vừa qua, của mọi người, của quý bạn...

(Tiếp theo P.T. số 15)

— Con Tư được vào làm dâu gia đình đó thật là có phước.

— Tôi cũng nghĩ vậy. Tôi nghiệp! Ông không được thấy ngày tốt đẹp của con gái cưng của ông!...

Mà tôi nhắc đến ba tôi, mũi lòng rơi nước mắt. Di Tư nói đã rồi:

— Thôi, năm nay chị lo cho xong hai đám, cũng đỡ lắm rồi. Tôi thấy sắp nhỏ còn thơ dại quá, tôi lo dùm cho chị không biết mới được thành thoi.

Trong khi mà tôi và di tôi nói chuyện, tôi đứng trong bếp nghe rõ ràng. Tôi hiểu ngay lời anh Ca-vang trả lời với má tôi là không thật. Anh Thanh không có nhờ anh Ca-vang ướm lời hỏi má tôi bao giờ cả, vì căn cứ

vào câu chuyện sắp đặt của cả anh, mà chị Thành và tôi đã nghe lóm được đạo nọ, thì chính anh Thanh vẫn hoàn toàn chưa hay biết về việc này.

Đầu tiên bởi anh Ca-vang hay về chuyện, muốn thực hiện chủ trương tốt đẹp của anh, cố thành toàn cho Thanh và tôi đề khích lệ những đôi lứa khác trong vòng bạn bè nương đỡ lẫn nhau. Việc anh trù tính là vậy, nhưng kết quả sẽ là sao? Anh Thanh có đồng ý chẳng? Gia đình anh có cùng quan niệm ấy không?

Đêm hôm ấy, lần đầu tiên trong đời, tôi suy nghĩ đến hình bóng một người trai... Người thanh niên hiền ngang nọ sắp bước vào cuộc đời tôi... và tôi sẽ cùng chung lưng đấu cật, che vai sát cánh với chàng.

trong suốt kiếp người đề chia
sốt nhau những sung sướng hay
là khổ cực và sáng tạo cho
đời những hạt giống tốt lành...

Thế mà hiện nay tôi chưa biết
một mây may về chàng cả...
Và đến chàng, chàng cũng chưa
hề đề ý đến tôi... Hai con người
hãy còn xa lạ với nhau quá, có
thể thích mãi mãi với nhau trên
con đường đời đầy những bất
trắc khó dò hay không?... Ồ,
mà tôi cũng lạ, việc chưa chắc
chấn tới gì phải băn khoăn
ngâm nghĩ? Tôi muốn quên đi
đề chợp mắt, nhưng đã lỡ
dại nghe lóm được câu
chuyện can hệ cả cuộc đời mình,
thì dầu người trinh nữ nào bình
thản cách mấy cũng thấy lòng
rung cảm xôn-xao khi nghĩ đến
ngày mai, thuyền tình sẽ tách bến
sang ngang...

Khi tôi chợp mắt, tôi mơ thấy
một giấc mơ êm đềm...

Hai hôm sau, vào độ tám giờ
tối, trong khi cả xóm đều im
lìm trong đêm tối tịch mịch của
những bóng cây vườn, và bên hè
nhà tôi ngâm nga rền rĩ điệu
nhạc côn trùng buồn tênh như
đay dứt tâm sự của người khó
ngủ, tôi chợt nghe dưới bến
nước có tiếng chèo khua động
cùng với nhiều giọng cười nói
lao xao.

Khách nào lại đến nhà khuya
như thế này? Tôi đang tự hỏi
như vậy, bỗng nghe có tiếng anh
Ba tôi kêu cửa. Tôi mừng rỡ chạy
ra trước hơn ai cả. Anh tôi cùng
về với các anh Nguyên, Thức,

Hôn và Ca - vang. Chà, anh ấy
khéo viện trợ các tay ăn nói dữ!

Tôi bảo với anh Ba:

— Anh có đọc thơ của tôi?
Phải nói thật khéo, má mới chịu
đá.

— Tao về không chỉ vì chuyện
ấy... mà còn một chuyện khác
nữa... À, đây tôi xin giới thiệu.
Và, em gái tôi, còn đây là
anh Thanh...

Tôi giật mình quay lại, một
bóng người vừa rời chỗ tôi
bước ra...

Đấy là Thanh. Tôi không ngờ
sự có mặt của anh, liền luống
cuống lủi ngay vào trong nhà.
Tôi không nhận thức kịp tâm
lý tôi lúc ấy ra sao, nhưng cảm
thấy trong lòng mừng vui vô
hạn như cái buổi anh Ba tôi
mời về...

Các anh vào nhà, ngồi trên
ghế trường kỷ. Má tôi bước ra,
anh Ba giới thiệu anh Thanh
cho má tôi biết. Má tôi niềm
nở hỏi:

— Các cậu đi từ Rạch giá vào
đây bằng gì, mãi bây giờ mới
tới?

— Thưa bằng xe máy đến Giồng
Riêng rồi thuê dò vào đây.

— Chắc các cậu chưa cơm nước
gì hết?

— Thưa đã dùng ở Giồng
Riêng hồi xế chiều.

— Vậy bây giờ cũng đói rồi,
đề em nó nấu cháo gà cho ăn.

Má tôi liền gọi vào trong:

— Năm à, mày kêu chị Tư

mày bắt gà nấu cháo cho mấy anh ăn.

Di Tư đứng gần bên tôi liền nói :

— Thôi, Vân đi lo thức ăn cho họ đi, để di nghe rồi di thuật lại cho biết.

Tôi vội xuống bếp lo phận sự. Nửa giờ sau, nồi cháo đã chín và thịt gà chọn gói hấp chuối hột cũng vừa ăn thì câu chuyện trên nhà đến đoạn kết thúc. Các anh kéo nhau đi xuống nhà dưới, coi bộ người nào cũng hân hoan vui vẻ. Tôi biết các anh đã thuyết phục được má tôi rồi. Gia đình rồi sẽ được thêm một người nữa cùng tôi chia sẻ trách nhiệm mà bao nhiêu năm rồi tôi đã cố gắng mãi chưa xong...

Tôi bất giác nghĩ đến sự có mặt của chị Ba sẽ đỡ bao nhiêu thắc mắc nơi lòng tôi khi tôi phải xa cảnh gia đình, tách thuyền sang bến mới. Nhưng ngày ấy còn đến bao giờ nữa !...

Tôi bung chén nước mắm chấm ra bàn. Các anh chăm chú hưởng mặt về tôi khiến tôi cứ nhìn vào chén nước mắm chỉ sợ đánh đổ đi. Tôi không ngờ tôi lại tiến về phía Thanh đang ngồi.

Thanh đỡ lấy chén nước mắm và bảo cùng tôi :

— Em mời má xuống dùng cháo

Đôi má tôi nóng gắt như áp vào lửa. Tim tôi nhảy rộn ràng và hơi thở tôi như ngưng đọng lại. Đành rằng Thanh coi tôi như một

người em gái, nhưng tôi vẫn thấy ở chàng có một cái gì cách biệt hơn các bạn của anh tôi. Các anh khác vẫn gọi tôi bằng em, thế mà cái tiếng « em » không làm cho lòng tôi xao động thồn thức như lời nói vừa rồi hàm ẩn bao nhiêu ngọt ngào và âu yếm !...

Tôi cúi gằm mặt, quay gót trở vào, chân cóng lại chỉ sợ vấp bước. Tôi ngạc nhiên và cho mình vô lý hết sức. Tại sao từ khi có mặt anh Thanh, tôi bỗng dưng ra mất cả tự nhiên ? Tôi có cái cảm giác tự thấy mình yếu đuối lắm, bé nhỏ lắm và đang cần phải dựa vào một sức mạnh của người khác phải đề bảo bọc, bao gồm cho... Mà người khác phải ấy sẽ là chàng thanh niên vừa thốt những lời ngọt dịu làm mãnh tim của tôi phải rung động chưa từng có...

Tôi nhớ lại từng tiếng nói chậm rãi của chàng, tưởng rằng chàng chưa hề bao giờ nói với một người con gái nào hết những lời âu yếm ấy, và mãi mãi đời chàng, chàng cũng chỉ có nói với tôi mà thôi.

Kỳ lạ quá ! Con người ấy tôi gặp có ba lần, nhưng tôi vụt khám phá ra là chàng hình như đã chiếm trọn tâm tình tôi. Tuy hiểu chàng rất ít, mà ảnh hưởng của chàng đã ăn sâu vào tâm hồn tôi, làm cho tôi sẵn sàng khuất phục và hòa hợp với chàng... Chưa có người đàn ông nào gieo vào trong tôi những

cảm nghĩ như vậy, ngoài trừ chàng nói rất ít mà những lời nói vẫn vắng vắng mãi bên tai tôi...

Tôi chợt giật mình nhớ lại chàng bảo tôi lên mời má tôi ăn cháo, và chàng cũng dùng tiếng má trống không đề lờ các bạn! Tôi vội bước theo cửa ngạch lên nhà trên, mà tôi vừa cho em Năm tôi xuống bảo các anh cứ ăn cháo đi, má tôi hãy còn no nên xin khurót từ.

Tôi tìm ngay đi Tư và hỏi:

— Má chịu cưới chị đó cho anh Ba không đi?

Đi Tư nhìn vào tôi, chum chim cười:

— Má chịu hết!

— Chịu làm sao mà là chịu hết?

— Nghĩa là... nghĩa là... về việc đám cưới thằng Khanh thì xong rồi... má sẽ qua bên Hà-tiên coi mặt cô dâu và bàn đến việc cưới hỏi một lần cho gọn... còn việc nữa..., cũng vậy...

— Việc nữa là việc gì chứ?

Đi Tư vỗ vai tôi:

— Việc... gã cháu chứ việc gì!

— Hả ???

Tôi như ngạt thở và mặt nóng bừng lên. Thật không đi! Té ra sự có mặt của Thanh là đề giải quyết dứt khoát hai vấn đề một lúc. Tôi lại tưởng khác. Nhưng ở vào thời loạn lạc, mọi việc thấy đều bất ngờ...

Đi tư liền kê cho tôi nghe:

— Sau khi Thanh đứng lên nói dùm cho việc hôn nhân của thằng Khanh được má ưng thuận rồi, Ca-vang liền đứng lên nói đến việc của Thanh xin cưới cháu. Nó cũng trình bày với má cháu là vì gia-đình Thanh phải quân thù xa xôi lắm, nên chúng nó mới đánh bạo ngỏ lời thăm dò ý kiến của má cháu trước xem má cháu có ưng, thì Thanh sẽ về thưa lại ông bà bác sĩ cho người thay mặt gia đình đến sắp đặt hôn sự. Má cháu cũng trả lời rằng việc tác thành cho cháu và Thanh thì má cháu không thấy có gì trở ngại, nếu có người thay mặt gia đình của Thanh đến.

Tôi ngồi nghe đi Tư nói, lòng sung - sướng bồi hồi. Do hoàn cảnh gia đình, chưa bao giờ tôi tưởng tượng đến cái ngày tôi phải xa nơi chốn nhao cất rún, lia bỏ mái nhà thân yêu đã chứng kiến bao nhiêu ngọt bùi cay đắng của thuở thiếu thời bịn rịn xa lìa hẳn mẹ và các em bao năm đùm bọc lẫn nhau tinh thần thiết không gì bằng đề ra đi về phương trời lạ với chàng trai trẻ mới ngày nào hãy còn là xa lạ có biết nhau gì đâu!...

Mấy anh ăn cháo xong, cùng đi lên nhà trên. Tôi vội lón xuống bếp lo thu dọn chén đĩa. Tôi nom thấy anh Ba tôi, miệng cười chum chim, đứng ngoài cửa đưa tay ngoắc tôi và nói:

— Bày ra tao biếu coi.

Cái tiếng «bây» là tiếng anh tôi khi có người lạ đề thay vào

tiếng mầy nghe không được thanh tao. Trong một gia đình con cháu khách, sự xưng hô bằng mầy tao vẫn lưu truyền từ xưa đến giờ, nhiều khi cũng cảm thấy khó nghe, nhưng không ai nghĩ đến thay đổi những danh từ khác cho êm tai hơn,

Tôi nghe anh tôi gọi, vội bước ra hỏi:

— Gì vậy anh? Đã được vợ rồi, còn tính gì nữa đây...

Bỗng tôi giật mình ngưng tiếng lại khi vừa chợt thấy Thanh đứng gần một bên anh tôi. Tôi mới đi đến gần anh tôi, thì có tiếng của Thúc và Cà-vang kêu to lên từ bên hè nhà lớn:

— Khánh à, lại đây có cái này ngộ lắm nhè.

Anh Ba tôi vội bảo tôi:

— Bây đứng đây, chút xíu tao trở lại...

Nói xong, anh đi tuốt về phía các bạn. Đứng trơ trọi một mình bên cạnh người con trai đi nói mình, tôi thấy ngượng ngịu cùng cả người. Bỗng tôi cây vườn bao bọc chúng tôi, càng làm cho tôi phập phồng lo sợ y như sắp phạm vào một việc gì tội lỗi. Sao mà giống trai gái hẹn hò quá, mặc dù người đang đứng trước mặt tôi sẽ là chồng tôi mai sau...

Tôi bất giác ngược mặt lên nhìn Thanh. Đôi mắt sáng của chàng cũng hướng về tôi, dịu dàng. Chàng không còn nghiêm nghị và oai vệ như tôi đã thấy

và trong ánh mắt của chàng có nhiều tình tứ của một con người đa cảm và thơ mộng.

Thẹn đỏ mặt tôi cúi gằm đầu xuống, và bước chân đi về nhà trên theo nét con gái thục đầy. Tôi nữa như lo sợ, nửa như mong muốn một tiếng kêu lại của Thanh. Nhưng Thanh không gọi tôi, chàng chỉ đứng nhìn theo bóng tôi khuất dần trong tối...

Một cái gì trống rỗng khơi nhẹ trong lòng tôi... Tôi cũng biết các anh đã sắp đặt cho anh Thanh nói chuyện với tôi, nhưng sự sắp đặt lại quá vụng về...

Đêm hôm ấy, tôi trắng trọc mãi. Kể từ nay, đời tôi sắp bước sang một giai đoạn mới lạ. Tương lai nào đang chờ tôi? Ly loạn rồi có chấm dứt cho hai tuổi trẻ cùng hòa hợp với nhau, chng xây đắp một hạnh phúc bền?

Tôi biết sơ qua tánh tình Thanh đậm thắm, thành thật và hay nghĩ đến người nhiều hơn mình. Như thế cũng hợp ý với tôi rồi. Chàng không như nhiều cậu thanh niên khác tinh nghịch và lì lắc đến nỗi bày trò ghẹo phá nhà gái ngay trong buổi đi coi mắt cô dâu.

Trong vùng tôi ở có một vụ phỉnh cô dâu khá tức cười mà các bà lắm mồm vẫn thường hay lấy làm đề tài trong những khi xum họp đông người:

Có một thầy thông ngôn tòa án nọ vừa được đổi xuống tỉnh, vốn là dân Saigon, hãy còn trẻ

tuổi và chưa có vợ nên các ông nhà giàu ở nhà quê ham gã con gái cho thầy làm, sẵn đón làm quen và cho mỗi lái ga găm hỏi ý... Sau cùng, thầy nọ chịu đi cưới một cô con gái của một Cả nọ ở làng kia, giàu có tiếng trong vùng, và thầy mời cha mẹ thầy xuống tỉnh lo vợ cho thầy. Bữa coi mắt, cô gái nhà nọ bưng nước ra mời, bỗng cô ngoáy ngoáy đi vào trong và cắn nhảu với mẹ: «Con hồng chịu đâu. Má gã tôi cho thầy, tôi nhảy dưới sông chết thì má chịu đó». Bà mẹ gan hồi mãi, cô mới nói: «Thầy mất mày sáng sủa mà hiem vì... cắt mất một ngón tay! Bạn bè tôi chúng cười tôi chết.» Bà mẹ nghe nói kỳ, ra ngồi bên ván bên, chú ý nhìn kỹ vào hai bàn tay của thầy thông, sao mà như mị như con gái» ngồi khép nép nghe người lớn nói chuyện, và bà thấy rõ ràng hai bàn tay thầy còn đủ ràng ràng mười ngón. Bà trở vô nói với con việc ấy. Cô gái quả quyết là khi liếc mắt nhìn xuống tay cậu, cô thấy rõ cậu có tật, quyết không làm. Bà mẹ lại bày cho cô trở ra bưng quả trầu ra đề trên bàn, và căn

dẫn: «Con nhớ dùm kỹ nha, không có cắt ngón gì đâu.» Nhưng cô gái trở ra một lúc trở vào, mặt buồn so: «Cắt thiệt mà. Tôi dùm kỹ lắm rồi. Tôi hồng thêm chịu đâu. Mẹ ra coi thì lại thấy khác.»

Té ra thầy ấy rần mắt, mỗi khi cô gái ra thì khép dấu ngón tay cái mắt đi... Sau cùng, ông Cả phải to nhỏ với ông thân của thầy, bắt thầy phải giơ hai bàn tay lên tuyên bố là chủ rề không có tật gì hết! Báo hại cô gái nọ mắc ở bằng chết!

Cũng may mà anh Thanh không vào hạng người rần mắt như vậy.

Sáng hôm sau, má tôi cùng các anh đi qua bên bác Ba tôi để trình cho bà nội tôi biết. Anh Thuận, con của bác Ba, vốn là bạn học cũ của Thanh, tay bắt mặt mừng và nhanh nhẹn mở rộng cửa giữa ra mời các bạn. Bác Ba tôi ra nói chuyện với các anh, cảm ơn các anh đã bảo đảm cho bác nên anh em thanh niên trong xã không còn làm khó dễ đến bác nữa.

(Còn nữa)

★ CỰU HOÀNG-HẬU NARRIMAN

Cựu Hoàng-hậu Narriman, nguyên là vợ của Vua Farouk phế-đế, sau khi mở phòng uốn tóc không có khách hàng, vừa rời tuyên bố với các báo là bà bỏ nghề uốn tóc để sang Huê-kỳ cấp sách đi học lại.

VIỆT-NAM



4.000 năm

CA-DAO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

★ NGUYỄN-ĐỨC-MẾN VỸ DẠ-HUỆ

Công anh đắp đất ngăn
rào vườn hoa
Ai làm gió táp mưa sa
Cho cây anh đổ, cho
hoa anh tàn.

2708.— Nào nghề bánh trái
những là
Đến khi kỹ chạp trong
nhà càng hay.
Bán buôn canh củi kia
thay
Sáng mai phải giữ trong
tay một nghề
Bây giờ chẳng liệu thì
quê,
Mai sau cùng-lũng, không
nghề làm ăn

2709.— Nón cụ quai tơ, có tổ
giấy đỏ,

Anh ở khác tông xa làng
sao rõ bên em ?

2710.— Nói nên dạ ở không nên
Giống rơm gánh đá biết
có bền dặng không

2711.— Nực cười thầy bói soi
gương.
Thầy tu chài chỉ, cá
mươn hóa rồng.

2712.— Nực cười còm nguội
lên hơi,
Cánh bướm kẻ hở áo tơ,
viền lải

2713.— Nước trong mà giếng hôi
phèn.

Tuy nhà người lịch mà
hèn mẹ cha.

2714.— Nước non là nước non
trời

Ai xui dặng nước ai dời
dặng non.

- 2715.— Nước giữa giòng cũng có
 khi trong khi đục.
Cây bông hoa hương cũng
 có khi đục khi vinh.
Anh thấy em ít nói cứ
 làm thinh,
Anh mừng thầm trông đợi
 muốn chung tình với em,
- 2716.— Nước trong khe chảy về
 hội vịnh,
Óng trời trên đã định,
 nước chảy vòng cung
Nào ai thương khó với
 cùng,
Giã như gái thuyền-quyển
 lỡ lừa, trai anh hùng
 lỡ dối,
- 2717.— Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
 Làm thân con nhện mầy
 lần vương tơ
Biết dáu trong đục mà
 chờ
Hương thơm hết tuyệt
 nuơng nhờ vào ai ?
- 2718.— Ngọt canh là bi đao giòng,
 Đánh chơi một trận coi
 chồng về ai ?
- 2719.— Ngồi buồn vọc nước dũn
 trắng,
Nước xao trắng lặng buồn
 chẳng hời buồn.
- 2720.— Ngồi buồn đọc sách xem
 thơ,
Trưởng là chữ rõ ai ngờ
 chữ lu.
- 2721.— Người ta chơn dép ; chơn
 giày,
Em đây làm lụng cả ngày
 lấm chân.
- 2722.— Người ta đi cấy lấy công,
 Em đây đi cấy còn trông
 nhiều bề,
Trông trời trông nước
 trông mây
Trông mưa trông gió,
 trông ngày trông đêm
Trông cho châu cứng đá
 mềm,
Trời yên bề làng, mới
 yên tâm lòng:
- 2723.— Nhà vườn mà lợp tranh
 mấy,
Thân anh hai vợ như giầy
 buộc mình.
- 2724.— Nhon sanh nhon hà nhon
 vô lộc,
Địa sanh thảo hà thảo
 vô căn
Một mình em ngồi giữa
 lòng thuyền dưới nước
 trên trăng
Biết ai trao duyên gởi nợ
 cho bằng sá-gian
- 2725.— Nhớ ai em những khóc
 thầm
Hai hàng nước mắt đầm
 đầm như mưa
Nhớ ai ra ngăn vào ngõ
 Nhớ ai, ai nhớ, bấy giờ
 nhớ ai ?
Nhớ ai bồi hồi bồi hồi,
 Như đứng đồng lửa như
 ngồi đồng than
- 2726.— Những người con mắt lá
 răm,

- Lông mày lá liễu đáng
trăm quan tiền.
- 2727.— Những người thất đày
lưng ong
Vừa khéo chịu chồng vừa
khéo nuôi con.
- 2728.— Những người phình-phình
mặt mề,
Chán đi chữ bát thì cho
không thêm.
- 2729.— Ôn trời mưa nắng phảⁱ
thị.
Nơi thì bừa cạn, nơi thì
cày sâu
Công lên chẳng quản lâu
lâu
Ngày nay nước bạc ngày
sau cơm vàng^y
Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang^y
Bao nhiêu tấc đất, tấc
vàng bấy nhiêu.
- 2730.— Ôn tình dạ những ái hoài
Nhận nam ong bắc lạc
loài hai phương.
- 2731.— Phú quý là nhơn hồ-dục
Em thấy anh cơ nghèo
khổ cực,
Nên chi em lánh đục tìm
trong.
- 2732.— Qua truông em đạp lấy gai
Em ngồi em lẽ trách ai
không chờ.
- 2733.— Qua cầu lật ván tháo đình,
Đó đà ở bạc với mình thì
thôi.
- 2734.— Qua đình ngựa nón trông
đình,
Đình bao nhiêu ngói dạ
em thương mình bấy
nhiều.
- 2735.— Qua truông cát nóng,
thiếp phải công chàng,
Dầu cho đói khổ cơ hàn
thiếp vẫn cứ theo.
- 2736.— Qua kêu nam đáo nữ phòng.
Nam tắc tử nữ đáo, nam
phòng, là nữ tắc dâm
Con le le mấy thuở chết
chìm,
Người ăn nhơn ở bạc
kiếm tìm làm chi.
- 2737.— Ra đi mấy nước muôn
trùng.
Ngó sông, sông rộng, ngó
rừng, rừng cao,
- 2738.— Ra về không lẽ về luôn,
Đề khăn xéo lại, lệ tuông
hai hàng.
(còn nữa)

Chia buồn

Chúng tôi rất đau-đớn được tin Cụ LÊ-VĂN-PHÚC, thân-sinh của ông Lê-văn-Bình, Giám-đốc Hàng-Không Việt-nam Đà-lạt, đã tạ-thế tại Đà-lạt ngày 13-7-59. Chúng tôi xin gửi lời chia buồn cùng bạn Lê-văn-Bình và quý Phu-nhân, và thành kính cầu-nguyện Phật cho Vong-Linh của Cụ được tiêu-diêu nơi cõi Thọ.

NGUYỄN-VỸ

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG



★ **Một bạn đọc ở Huế**

Trong mục xã-giao chúng tôi chỉ có ý đề cập đến các trường hợp giao thiệp hằng ngày, mà có một số người không đề ý đến. Chúng tôi không hề có ý khinh miệt một ai cả. Mong bạn thông cảm cho.

B. M.

★ **Bạn Vĩnh-Thắng — đường Ôn như Hầu — Nha-trang**
Rất cảm ơn những ý kiến xây-dựng của bạn.

★ **Em Tôn-thất-Nghệ — học sinh — N.T.P.**
Chúng tôi không biết « nữ thần đồng » Phương-Lan là ai, nên rất tiếc không giúp em được.

★ **Bạn Hoàng Vũ — Nha-trang**
Lá cờ trong bài « Một người Pháp làm vua tại miền núi Việt-Nam » cho lộn màu vì có sự sơ xuất trong khi ấn loát.

★ **Bạn Vy-vân-Lệ — Phan-thiết**
Chuyện « Vết son trên má tiêu thư » là một chuyện có thật, xảy ra dưới thời phong kiến xưa, ở Quảng-Ngãi.

★ **Bạn Hoàng-Mạnh — Ty thủy Nông — Cái sắn**
Thạc-sĩ (Agrégé) ; Tiến-sĩ (docteur). Cấp bằng Thạc-sĩ lớn hơn Tiến-sĩ. Nước ta đã có nhiều người học đến đó. Riêng về Bác-học thì có giáo sư Bửu-Hội, ông Nguyễn-đạt-Xương v...

★ **Bạn Thế-Minh**
Ông N. V. rất cảm ơn bài thơ của bạn tặng.

★ **Bạn Nguyễn-vân-Thắng — Nông trường Jadrang I — Pleiku**

Rất tiếc, chúng tôi không thể bán báo dài hạn cho các bạn ở xa, vì bị thất lạc luôn. Xin bạn vui lòng mua báo nơi địa phương bạn đang ở. Thân mến.

★ Ông Nguyễn-cao-Kiểu — đường Hồng-thập-Tự — Sài-gòn.

Ông Nguyễn-đức-Nhuận, Giám-đốc báo « Phụ Nữ Tân Văn » hồi trước, không phải là chồng của bà Bút-Trà, báo Sài-gòn-Mới.

★ Em Văn-Cù — học sinh — Huế.

1) Ông N.V. không biết Ô. Lê-cương-Phụng, biệt hiệu Tùng-Lâm, mà em đã hỏi.

2) Em có thể gửi thư xin báo T.G.T.D. theo địa chỉ số 39 đường Hàm Nghi — Sài-gòn.

3) Rất tiếc P.T. chỉ hoạt động trong phạm vi văn hóa, nên không thể bàn rộng về thuyết « Tàn dân chủ » thuộc về chính-trị.

★ Cô Trần-huyền-Chi — Vĩnh-Điện.

1) Chúng tôi đã cho đăng những bài nói về các họa sĩ và thi sĩ ngoại quốc, đó tức là danh nhân thế giới, trong phạm-vi Văn-học.

2) Những chuyện cô kể về cá nhân của tôi và Ông N.V., chúng tôi xin miễn trả lời.

★ Bạn Trần-tôn-Đồng — Điện bần.

Bạn thường hay gắt gỏng với em có lẽ vì bạn là người nóng tính ? hay vì sức khỏe không được dồi dào hoặc lý do tình cảm, sinh ra bức dọc. Dù sao bạn nên tập tính hòa-nhã, dịu-dàng là hơn. Nhưng sau khi đánh em bạn biết hối-hận, thế là tốt lắm rồi.

★ Bạn Tiến-Linh — Hội An.

Bạn cố gắng sẽ thành công. Mong đời sẽ mang lại cho bạn nhiều lạc quan hơn.

★ Cô Dương-thị-Hường — Phan-thiết.

1) Chúng tôi cũng đồng một quan-niệm như cô, sống các báo ấy phần nhiều in hình phụ nữ có lẽ vì tôn-chỉ của họ như thế.

2) Bài thơ của ông N.V. có chỗ bị xóa bỏ rồi sửa lại, vì ông muốn đề tự nhiên.

3) Rất tiếc chúng tôi không có hình của các thi sĩ ấy.

★ Bạn Hoàng-hữu-Hân — trường Pellerin — Huế.

1) Những tài liệu trong loạt bài « Minh ơi ! » là do tác giả sưu tập trong các sách báo ngoại quốc.

2) Cuốn « Grandeurs et Servitudes » của ông Nguyễn Vỹ đã hết từ lâu.

★ **Bạn Đức Huy — đường Nguyễn-thiện-Thuật — Sài Gòn.**

Ông N.V. không ra ứng cử quốc-hội. Thành thực cảm ơn thư bạn.

★ **Cô Hồ-thị-Yên-Chi — đường Bạch-Đặng — Huế.**

Cô cứ gửi các câu ca dao ấy cho chúng tôi xem miễn là đừng có những câu đã đăng rồi.

★ **Em Trần-mậu-Tý Chi-Lăng — Huế.**

1) Em cứ gửi bài đến tòa soạn để chúng tôi xem, nếu được sẽ cho đăng. Về tiền sở phí trong các kỳ thi, em nên hỏi ở Nha Học-Chanh địa phương.

2) Ngoài những quyển tiểu-thuyết đã xuất-bản mà em đã có, ông N.V. còn viết nhiều tiểu-thuyết khác, sẽ lần lượt xuất bản trong một ngày gần đây. Thản mến.

★ **Cô Dương-thị.Nhứt — Quận Tam-Kỳ — Quảng Nam.**

Chúng tôi đã chuyển thư cô đến bác-sĩ Hoàng-mộng-Lương. Chờ bác sĩ trả lời. Chúng tôi sẽ tin cô biết.

★ **Bạn Phạm-huy-Vũ — K.B.C. 4324.**

Ông Trương - Tửu và ông Nguyễn-bách-Khoa là một hay hai người, chúng tôi cũng không hiểu rõ.

★ **Bạn Trần-Ngọc-Cầm Phổ — Hội An.**

1) Tim bị yếu có thể tập thể dục được, nhưng không nên tập những cử động mạnh như tập bằng tạ, chạy xa v...v.

2) Dân chúng mỗi tỉnh nói khác giọng vì nguyên do thủy thổ mỗi nơi mỗi khác, không riêng gì ở Huế và Quảng-Nam.

3) *Nhu thắng can, nhược thắng cường*, nghĩa là mềm yếu thắng được cứng mạnh. Tùy theo trường hợp người yếu nhưng có trí khôn có thể thắng được người có sức mạnh mà kém thông minh.

★ **Bạn Văn-Thúy-Minh — học sinh — Hội An.**

1) Những nước sau này trên thế giới hiện còn có vua, Á Đông : Nhật, Thái Lan, Cao Miên, Lào, Ba Tư, Arabie Séoudite. Âu Châu : Hy-lạp, Hòa Lan, Bỉ, Đan-Mạch, Thụy-Điễn, Na-Uy, Anh. Phi Châu : Ma-Rốc, Ethiopie v.v...

2) Trên thế giới nước Mỹ hưởng chế độ dân chủ đầu tiên, từ thời Tổng Thống Lincoln.

★ **Bạn Lệ-Mai — Huế**

Chúng tôi đồng ý về nhiều điểm trong thư bạn. Nhứt là về chánh tả, chúng tôi vẫn cố gắng luôn luôn sửa các lỗi chánh tả.

cho đúng, nhưng bạn cũng hiểu giúp cho rằng vấn đề dấu hỏi dấu ngã rất phức tạp trong các nhà in mà phần đông anh em ấn công đều là người Nam. Một đôi nhận xét khác của bạn cũng rất đúng, chúng tôi sẽ chú ý về những điểm đó. Riêng về quan niệm Thơ và niêm, điệu, của thơ Đường, chúng tôi không đồng ý với bạn. Thành thực cảm ơn những lời « mổ xẻ » xây dựng. Bạn cứ gửi bài đến. Thân mến.

★ Ông Huyền-Giang — Hà-tiên

Xin ông cho biết rõ tên và địa chỉ, (số nhà, đường v.v...) Thành thật cảm ơn ông.

BACH-YẾN



TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

★ Ông Lê-minh-Điều — k.b.c. 3.310

Ngày mùng 7 tháng 10 âm lịch năm Ất Hợi tức là ngày Thứ bảy 2-11-1935 dương lịch.

★ Ông Thái-công-Nhiều — hiệu trưởng trường Lạc nghiệp — Ninh-Thuận.

Ngày 15 tháng 5 năm Nhâm Thân tức là ngày Thứ bảy 18 tháng 6 năm 1933.

★ Ông Nguyễn-văn-Quý — đường Nguyễn-Thông — Saigon.

1) Ngày 11-10 là ngày Ất Hợi, tháng Tân Hợi, năm Nhâm Ngọ (D. L. 1932)

2) Ngày 27-2 là ngày Mậu Thân, tháng Kỷ Mão. năm Ất Dậu (năm 1945 D. L.).

3) Ngày 22-9-1921 D. L. nhằm ngày Mậu Tý tháng Đinh Dậu.

4) Quyển lịch của chúng tôi sẽ cho in vào năm 1960.

★ Ông Vũ-công-Tiến — Phụng Hiệp (Phong-Dinh)

Ngày 8-8-1922 D.L. tức là ngày Mậu Thân, tháng Đinh Vị năm. Nhâm Tuất, ngày 16 tháng 6 âm lịch. Năm Bình Thân (1956) ông 34 tuổi là đúng.

★ Em Vô-tâm-Lạc — học sinh Huế.

1) Ngày 3 tháng 6 năm Tân Tị tức là ngày Thứ sáu 26-7-41 D.L.

2) Ngày 9 tháng 5 năm Bình Tý nhằm ngày Thứ tư 27-6-1936 D.L.

3) Ngày 1-2-1940 D. L. nhằm ngày Giáp Tuất, tháng Đinh Sửu, năm Kỷ Mão, ngày 21 tháng chạp năm ấy.

★ Ông Phan-văn-Thơ — Binh-Phú

Ngày 15 tháng 10 năm Mậu Ngọ tức ngày Thứ hai 18-10-1918 D.L.

Ngày 16 tháng 2 năm Tân Tị = Thứ năm 13 Mars 1941.

Ngày 25 tháng 9 năm Nhâm Ngọ = Thứ ba 3 Novembre 1942.

Ngày 23 tháng 7 năm Canh Dần = Thứ ba 5 Septembre 1950

★ Ông Nguyễn-văn-Minh — Việt kiều — Ai Lao

Dương lịch ngày 11-12-1929 = 11-11 năm Kỷ Ty, ngày Canh Dần, tháng Bình Tý âm lịch

« « « 1-5-1948 = 23-3 âm lịch năm Mậu Tý, tháng Bình Thìn, ngày Bình Tuất.

« « « 20-6-1951 = 16-5 năm Tân Mão, tháng Giáp Ngọ, ngày Tân Mão.

« « « 27-12-1953 = 22-11 năm Quý Ty, tháng Giáp Tý, ngày Nhâm Tý.

« « « 12-4-1957 = 13-3 năm Đinh Dậu, tháng Giáp Thìn, ngày Giáp Dần.

★ Ông Nguyễn-văn-Thọ — Phan-thiết

Ngày 17 tháng 6 năm Kỷ Mùi tức là ngày Thứ hai 14-7-1919 D. L.

★ Ông Đăng-Sơn — 19, Võ-trường-Toản — Cholon

Ngày 16-6-1936 D. L. là ngày 27-7 năm Bình Tý, tháng Quý Ty, ngày Kỷ Ty.

Ngày 9-9-1938 D.L. là ngày 16-7 nhuận năm Mậu Dần tháng Canh Thân, ngày Giáp Thìn.

NGUYỄN-TRIỆU

NHỮNG DANH-TỪ « TÂN-KỲ ».

★ Của ông K.C.N.P. — Xóm Mã-khai — Huế.

... 1) Tại sao trong báo PHỒ-THÔNG ông nêu mục « Văn nghệ sĩ tiền chiến », ông nêu tất cả các Văn nhân thi sĩ từ 1930-1940 sao lại không có Nguyễn-Vỹ tức là tên ông ? Theo ý tôi và phần nhiều độc giả khác thì chúng tôi muốn hiểu chính ông trước rồi mới đến các bạn làng văn cùng thế hệ với ông. Vậy yêu cầu ông trong số tới hãy nói đến Nguyễn-Vỹ.

2) Hiện tại trên phương diện văn học có nhiều người dung chữ mới ở trong các bài « thơ » của họ. Vậy ông có thể cho biết tại sao không ? Và xin ông giải nghĩa giúp tôi những danh từ mà tôi đã lượm lặt sau đây để một là bắt chước, hai là xóa bỏ, chữ hiện giờ tôi là người Việt mà không hiểu tiếng Việt thì buồn lắm !

Đây là những tiếng mà, tôi (và phần nhiều người Việt Nam, kể cả hạng tri thức) đều không hiểu :

Biểu-quán, ly-văn, írang-huyền, nguyên-diễm, triều-dương, huyền trang, trang-diễm, trang dài, diễm lữ, kiều mạng v.v... (Còn nhiều, nhưng thôi !...)

Tôi thành thực mong ông trả lời trên mặt báo. Nếu có thể xin ông cho đăng hết cả bức thư của tôi.

TÒA SOẠN ĐÁP : 1) ông N.V. không biết gì nhiều về ông, nên ông không nói đến ông được.

2) Những chữ bạn kê ở trên, Việt không phải Việt, Tàu không phải Tàu, Tây không phải Tây, và người tri thức Việt đọc cũng không biết là cái gì, thì bạn cứ hỏi người nào viết đó. Trong Tạp-chí Phê-Thông không bao giờ dùng đến các danh-từ vô nghĩa ấy.

XIN DẶNG HÌNH

★ **Bạn Ngô-dinh-Cường — 18 Nguyễn-tường-Tộ — Phan thiết.**

«... Tôi thấy có nhiều bạn hỏi xin hình ông, đó có lẽ là ý muốn chung của đọc giả Phê Thông thì phải. Vì tôi cũng có ý đó nhưng tôi không xin, vì tôi biết ông làm sao thỏa-mãn được hết. Nhưng có một điều tôi thấy có thể làm được sao không thấy ông làm là có lần ông giới thiệu vài « Văn nghệ sĩ thanh niên » ông có in hình vào bài đó. Thế sao ông không cho làm lấy một bản kẽm nhỏ cỡ 4x6 hình ông in vào chỗ bài ông viết. Chỉ in một số thôi cũng được. Như thế có phải tất cả đọc giả thỏa mãn mà ông lại không tốn kém nhiều .. »

TÒA SOẠN ĐÁP : Ông N.V. thành thực cảm ơn thư ông, nhưng ông N. V. không thích đăng hình của mình.

ANH RUỘT CỦA THỊSĨ LƯU-TRỌNG-LƯ

★ **Của ông Lưu-kỳ-Linh, 212/92, xóm chùa Tân-định.**

..Tôi, người viết mấy hàng này đối với ông vốn là người xa lạ. Nhưng thưa ông, « tình không ai lạ với ai quen ». Quả thực, tình, tôi với ông, ông với tôi không còn lạ nữa : tôi là Lưu-kỳ-Linh, anh ruột của Lưu-trọng-Lư, bạn « bố-y » của ông.

Nhân đọc bài ông nói về Lư đăng trong quý báo, số II, tôi thấy lòng tôi vô hạn xốn xang nhớ tới đứa em « ngày đại » hồi mười mấy năm về trước, mà bây giờ chẳng biết làm cái chi ở bên kia phương trời. Bài đó, tuy có đôi chi tiết về đời tư sai lầm, nhưng đại thể thì bộc lộ được những gì chơn phác nhất, kỳ bí nhất ở tận trong xương, trong máu, trong hồn của Lư thi sĩ.

Tôi thành thật mến thương ông như mến thương Lư, trong lúc tâm tư tôi liệu vào những câu văn của ông, vừa ấm áp, vừa thơm thanh,

Đề tỏ chút tình, tôi xin gởi tặng ông mấy vần thơ của tôi, mà năm kia tôi đã luống công tìm cách cho thấu tới em tôi. Mong ông hoan hỉ thu nhận...



★ **NỮ-SĨ FRANÇOISE SAGAN** vừa nói một câu rất lý thú về đàn ông :

— Đàn ông có nhiều vấn-đề đề giải quyết hơn là đàn bà, mà trước nhất là những vấn đề giải quyết với đàn bà !

(*Les hommes ont plus de problèmes à résoudre que les femmes, d'abord ils ont à se débrouiller avec elles.*) L. M.

★ **KHÔNG HAM TIỀN**

Cu Tèo 5 tuổi đi học về, vui vẻ khoe với mẹ :

— Má ơi Má, con đi ngang cửa nhà-thờ, có một ông già rách rưới mà đuôi mắt, ngài chia cái nón rách ra, trong nón có năm sáu đồng bạc. Nhưng con không lấy, con bảo : « Cảm ơn ông, Má cháu dặn ai cho tiền thì đừng lấy ». Rồi con chào ông con đi. Chớ con không lấy tiền của ông,

X. T. K.

(Đệ II Nguyễn-văn-Khuê)

★ **MƯƠN BÁO**

Ông Chủ nhiệm một tờ báo hàng ngày ở Saigon thấy báo mình cứ bị độc giả mượn coi ở sập báo chớ không chịu mua đọc, bèn viết một loạt bài công kích những người mượn báo. Một hôm, ông nhận được bức thư sau đây của một bạn đọc :

« Thừa ông, nếu ông còn viết bài công kích hoát những người mượn báo, thì từ nay tôi không mượn báo của ông nữa. »

LÂN-TINH (Xóm Chiếu)